XUẤT Ê-DÍP-TÔ KÝ

Warren W. Wiersbe

MỤC LỤC

01. CẦN CÓ: MỘT NGƯỜI GIẢI CỨU
02. CHIẾN TRANH ĐƯỢC TUYÊN BỐ
03. ĐỨC-GIÊ-HÔ-VA, ĐẤNG MẠNH MẼ TRONG CHIẾN TRẬN
04. MỘT TAI VẠ NỮA
05. ĐƯỢC CỨU CHUỘC VÀ VUI MỪNG
06. TRƯỜNG ĐỜI
07. "ĐỨC GIÊ-HÔ-VA VẠN QUÂN Ở CÙNG CHÚNG TA"
08. HÃY LẮNG NGHE TIẾNG PHÁN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI
09. QUYỂN SÁCH GIAO ƯỚC
10. NƠI ĐỨC CHÚA TRỜI NGỰ VÀO. PHẦNI
11. NƠI ĐỨC CHÚA TRỜI NGỰ VÀO. PHẦNII
12. CHỨC TẾ LỄ THÁNH
13. MỘT TẤM LÒNG TAN VỠ VÀ MỘT GƯƠNG MẶT RẠNG NGỜI
14. LỜI BẠT

1. CẦN CÓ: MỘT NGƯỜI GIẢI CỨU (Xu 1:1-4:31)

Có một bé gái định nghĩa "radio" như là "tivi không hình có hình ảnh"; cô bé nói như thế tôi không đồng ý. Tôi đã lớn lên trong thời đại hoàng kim của radio, và tôi có thể đoan chắc với các bạn rằng khi tôi lắng nghe radio, tôi đã nhìn thấy được nhiều hình ảnh sinh động và thú vị – ngay trong trí tưởng tượng của tôi. Tivi không cho bạn điều này. Và những câu chuyện trên radio cứ tiếp tục, ngày này sang ngày kia, luôn khiến chúng ta phải thắc mắc, "Điều gì sẽ xảy ra tiếp sau đó ?".

Cựu Ước là "một câu chuyện liên tục" của Đức Chúa Trời về chương trình cứu rỗi vĩ đại mà Ngài đã báo trước cho A-đam và Ê-va (Sa 3:15) rồi cho Áp-ra-ham (12:1-3). Điều này giải thích vì sao bản văn Hê-bơ-rơ của sách Xuất Ê Díp Tô Ký bắt đầu bằng từ "và", vì Đức Chúa Trời đang tiếp tục câu chuyện Ngài đã bắt đầu ở Sáng Thế ký. [1] Câu chuyện kỳ diệu của Đức Chúa Trời đưa dẫn tới cuối cùng là sự Giáng Sinhcủa Chúa Giê-xu trên đất và sự chết của Ngài trên thập tự giá, và câu chuyện này sẽ không kết thúc cho đến khi dân sự của Đức Chúa Trời được lên Thiên Đàng và được nhìn thấy Chúa Giê-xu đang ngồi trên ngôi. Thật là một câu chuyện tuyệt diệu !

Chủ đề của Xuất Ai Cập ký là *sự giải cứu,* và bạn không thể có được sự giải cứu mà không cần đến một người giải cứu. Môi-se bước vào chức vụ từ đây, ông là người giải cứu, người lập pháp và là người cầu thay vĩ đại.

1. Người giải cứu (Xu 1:1-22)

Các ra-bi Do Thái gọi Xuất Ê Díp Tô Ký là "Sách của các Tên gọi" (hoặc "Đây là các Tên") vì nó mở đầu bằng một danh sách tên của các con trai Gia-cốp (Y-sơ-ra-ên), họ đã đem gia đình đến xứ Ai Cập để chạy trốn nạn đói ở Ca-na-an (Sa 46:1-34) [2] Đức Chúa Trời đã dùng những kinh nghiệm của dân Y-sơ-ra-ên tại xứ Ai Cập để chuẩn bị dân này cho những nhiệm vụ đặc biệt Ngài giao cho họ thực hiện trên đất: làm chứng về Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, viết nên bản Kinh Thánh, và đem Chúa Cứu Thế vào trong thế gian.

Sự chúc phước (Xu 1:1-7). Suốt những năm Giô-sép làm quan tể tướng tại xứ Ai Cập, gia đình ông rất được trọng vọng; thậm chí sau khi Giô-sép qua đời, ký ức về ông vẫn luôn được tôn trọng thể hiện qua cách đối xử của dân Ai Cập với dân Hê-bơ-rơ. Đức Chúa Trời đã giữ lời hứa về giao ước của Ngài với Áp-ra-ham qua việc chúc phước cho dòng dõi của ông và khiến họ gia tăng thêm bội phần (Sa 12:1-3 15:5 17:2,6 22:17). Vào thời điểm diễn ra cuộc hành trình rời khỏi xứ Ai Cập, có hơn 600.000 người nam từ 20 tuổi trở lên (Xu 12:37 38:26) và khi bạn thêm vào đó con số của phụ nữ và trẻ em thì tổng số có thể lên tới gần ba triệu người, tất cả đều là con cháu trong gia đình của Gia-cốp: Đức Chúa Trời chắc chắn đã giữ lời hứa của Ngài !

Nhưng một Pha-ra-ôn của thế hệ mới thì lo lắng với sự gia tăng nhanh chóng của dân Do Thái, vì vậy ông ta đã đưa ra những biện pháp nhằm kiềm hãm lại sự gia tăng này.

Bước 1*: Đày đọa những người Do Thái đã trưởng thành* (1:8-14). *Đức Chúa Trời* đã cho Áp-ra-ham biết rằng con cháu ông sẽ đi đến một xứ lạ và ở đó họ sẽ bị bắt làm nô lệ và bị ngược đãi, nhưng Ngài hứa rằng vào đúng thời điểm, Ngài sẽ giải phóng họ bởi quyền năng của Ngài (Sa 15:12-14). Đức Chúa Trời so sánh xứ Ai Cập với một lò lửa bốc khói (c.17 Phu 4:20), đây là nơi dân sự Ngài sẽ phải chịu khổ,

nhưng kinh nghiệm sống trong lò lửa như thế này sẽ biến đổi Y-sơ-ra-ên trở nên một dân tộc mạnh mẽ (Sa 46:3).

Trải qua nhiều thế kỷ dân Do Thái ở trong xứ Ai Cập (15:13 Xu 12:40-41), họ đã chứng kiến nhiều triều đại của Ai Cập đến rồi qua đi, nhưng ai là vị vua mới không biết đến Giô-sép cùng gia đình ông và đã tìm cách hủy diệt "dân sự của con cái Y-sơ-ra-ên" ? [3] Triều đại thứ 17, triều đại Hyksos [4] là những người ngoại quốc và "khách lạ" giống như dân Do Thái, nên có lẽ họ cảm thông với dân Y-sơ-ra-ên, nhưng triều đại thứ 18 là người Ai Cập và các nhà cai trị của họ đã trục xuất những người ngoại quốc ra khỏi xứ. Đây có thể là triều đại đã khởi đầu sự bắt bớ trên dân Y-sơ-ra-ên.

> Vì sao những người Ai Cập muốn làm cho cuộc sống của dân Do Thái trở nên khốn khổ ? Y-sơ-ra-ên là một nguồn phước trong xứ như trước đó Giô-sép cũng đã từng là một nguồn phước cho Ai Cập (Sa 39:1-6), và họ không hề gây nên những rắc rối. Lý do được Pha-ra-ôn đưa ra là sự hiện diện của quá nhiều người Do Thái sẽ làm ảnh hưởng đến sự an nguy của xứ ấy vì người Do Thái là những người ngoại bang, nếu có một sự xâm lược nào xảy ra trong xứ thì chắc chắn họ sẽ liên minh với kẻ thù. Tuy nhiên, dù Pha-ra-ôn có thực hiện điều này hay không thì nguyên nhân thật sự vẫn là sự mâu thuẫn đã được công bố trong (3:15), đó là sự thù địch giữa dân sự của Đức Chúa Trời và con cái của Sa-tan, và mâu thuẫn này vẫn còn tiếp diễn trong thế giới ngày nay.

Trong sử sách được ghi chép lại thì không một dân tộc nào phải chịu cảnh khốn cùng như dân Hê-bơ-rơ đã gánh chịu, tuy nhiên, mọi quốc gia hay vị cầm quyền nào từng bắt bớ dân Do Thái cũng đã bị trừng phạt. Sau hết thì lời hứa của Đức Chúa Trời đối cùng Áp-ra-ham vẫn là: "Ta sẽ ban phước cho người nào chúc phước ngươi, và ta sẽ rủa sả người nào rủa sả ngươi" (12:3 NKJV). Đức Chúa Trời đã giữ lời hứa này qua cách Ngài hành xử với người Ai Cập và Ba-by-lôn trong thời xưa, cũng như với những nhà độc tài trong thời nay. Đức Chúa Trời đã rất nhẫn nại khi trông thấy các dân tộc bắt bớ tuyển dân của Ngài, nhưng cuối cùng thì sự trừng phạt của Đức Chúa Trời cũng đã giáng xuống những kẻ áp bức.

Các đốc công Ai Cập "bắt họ làm việc một cách nhẫn tâm" (Xu 1:13 NIV), buộc các nô lệ người Do Thái xây thành và làm việc trong những cánh đồng. Nhưng Đức Chúa Trời đã chúc phước khiến dân Y-sơ-ra-ên càng thêm lên nhiều hơn, và điều này khiến những kẻ bắt bớ họ càng thêm sợ hãi và tức giận. Cần phải thực hiện biện pháp khác để kiềm giữ dân Y-sơ-ra-ên.

- Bước 2*: Giết hại các bé trai Do Thái mới chào đời* (1:15-21). Nếu kế hoạch này thành công, Pha-ra-ôn sẽ triệt hạ được toàn bộ dân Hê-bơ-rơ. Thế hệ những người nam sau này sẽ chết và những người nữ cuối cùng rồi sẽ lấy những tôi tớ Ai Cập và trở nên dòng giống của người Ai Cập. Thế nhưng (Sa 3:15 12:1-4) cho biết rằng Đức Chúa Trời sẽ không cho phép một việc như thế xảy ra, và Ngài đã dùng hai bà đỡ người Do Thái để đánh lừa Pha-ra-ôn [5].

Đây là trường hợp đầu tiên trong Kinh Thánh cho biết về điều mà ngày nay chúng ta gọi là "sự không vâng phục của một công dân", nghĩa là từ chối tuân theo một luật lệ không tốt để thực hiện được một điều tốt hơn. Lời Kinh Thánh trong (Mat 20:21-25 Ro 13:1-14 IPhi 2:11) khuyên Cơ Đốc Nhân phải vâng phục nhà cầm quyền của mình; nhưng (Ro 13:5) nhắc nhở chúng ta rằng sự vâng phục của chúng ta không

được đi ngược lại với lương tâm của chúng ta. Khi các luật lệ của Đức Chúa Trời trái với luật lệ của con người thì chúng ta "phải vâng lời Đức Chúa Trời hơn là vâng lời người ta" (Cong 5:29). Bạn sẽ thấy rằng điều này không những được minh hoạ qua các bà đỡ, mà còn qua Đa-ni-ên cùng các bạn của ông (Da 1:1-21 3:1-30 6:1-28), cũng như qua các sứ đồ (Cong 4:1-5:42) [6]

Các bà mụ đã nói dối Pha-ra-ôn chăng? Có lẽ là không [7] .Các em bé đã ra đời trước khi các bà mụ đến vì Siếp-ra và Phu-a đã bảo những người giúp đỡ họ đến trễ! Đức Chúa Trời đã chúc phước cho hai bà mụ vì đã đặt mạng sống của họ trên đường tơ kẽ tóc để cứu dân tộc Do Thái khỏi nạn diệt chủng. Tuy nhiên, Ngài đã ban vinh dự cho hai người đàn bà này một cách kỳ lạ: Ngài ban cho họ con cái vào thời điểm khi mà việc có con là nguy hiểm ! Có lẽ những đứa con của họ đều là con gái, hoặc có thể Đức Chúa Trời đã bảo vệ các con trai của họ như Ngài đã bảo vệ Môi-se. Tuy nhiên, sự chúc phước này từ Đức Chúa Trời cho chúng ta thấy con cái quý là dường nào đối với Chúa: Ngài muốn ban cho hai người đàn bà này phần thưởng tốt nhất của Ngài, vì vậy Ngài đã ban cho họ con cái (Thi 127:3).

- *Bước3: Nhận chìm các bé trai* (Xu 1:22). Khi Pha-ra-ôn phát hiện ra mình bị lừa, ông ta thay đổi kế hoạch và truyền lệnh cho cả dân sự phải bảo đảm rằng các bé trai Do Thái phải bị nhận chìm dưới sông Nile linh thiêng. Người của Pha-ra-ôn không thể kiểm soát được tất cả các bà mụ người Do Thái nhưng người dân Ai Cập có thể để ý theo dõi các nô lệ người Do Thái và báo lại khi có một bé trai ra đời. Tuy nhiên, vẫn có một bé trai đã chào đời mà Pha-ra-ôn không thể giết chết được.

2. Người giải cứu đã ra đời (Xu 2:1-10)

[8] Am-ram và Giô-kê-bết là cha mẹ của Môi-Se (6:20), và trong khi Xuất Ê Díp Tô Ký nhấn mạnh đến đức tin của người mẹ, thì He 11:23 khen ngợi cả hai bậc cha mẹ vì đã tin cậy Đức Chúa Trời. Chắc chắn họ phải có đức tin để có những mối quan hệ bình thường trong hôn nhân trong suốt thời kỳ nguy hiểm khi mà các trẻ sơ sinh Do Thái phải bị giết. Môi-se đã trở nên một người có đức tin mạnh mẽ, và ông đã học được điều này trước hết từ hai bậc cha mẹ tin kính của mình. Am-ram và Giô-kê-bết đã có hai con: Mi-ri-am, đứa con cả và A-rôn, lớn hơn Môi-se 3 tuổi (Xu 7:7).

Ngay từ đầu, Môi-se đã được nhận ra là "đứa trẻ khác thường" (Cong 7:20 NIV He 11:23) [9] và rõ ràng là Đức Chúa Trời đã có một mục đích đặc biệt dành cho ông. Tin rằng điều này sẽ trở thành sự thật, cha mẹ của Môi-se đã bất chấp sắc lệnh của Pha-ra-ôn và vẫn giữ cho con trai của họ còn sống. Điều này không dễ thực hiện vì mọi người Ai Cập giờ đây đều là thám tử của Pha-ra-ôn, và đang giám sát việc nhận chìm các con trẻ (Xu 1:22).

Giô-kê-bết đã vâng theo sắc luật này khi bà đặt Môi-se trên dòng sông Nile, nhưng dĩ nhiên là bà đang bất chấp những mệnh lệnh của Pha-ra-ôn qua việc làm của mình. Bà đang tin cậy vào sự định liệu của Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời đã không làm bà phải thất vọng. Khi công chúa đến sông Nile để tham gia lễ tắm gội theo nghi thức tôn giáo, nàng nhìn thấy cái rương, phát hiện ra đứa bé, và nghe tiếng nó khóc; bản năng của người mẹ bảo nàng phải cứu đứa trẻ và chăm sóc cho nó.

Đức Chúa Trời đã dùng nước mắt của một em bé để điều khiển tấm lòng của một vị công chúa quyền thế, và Ngài đã sử dụng lời nói của Mi-ri-am để sắp xếp cho người mẹ của đứa bé nuôi dưỡng đứa con trai và được trả công cho việc ấy! Nhóm từ "yếu đuối như một em bé" không được áp dụng trong nước Đức Chúa Trời; vì khi Chúa

muốn thực hiện một công việc vĩ đại, Ngài thường bắt đầu bằng cách ban cho một đứa bé. Sự thật này được thể hiện qua Y-sác, Giô-sép, Sa-mu-ên, Giăng Báp-tít và đặc biệt là Chúa Giê-xu. Đức Chúa Trời có thể sử dụng những điều yếu đuối nhất để đánh bại những kẻ thù mạnh mẽ nhất (ICo 1:25-29), nước mắt của một em bé là vũ khí trước nhất của Đức Chúa Trời trong cuộc chiến của Ngài chống lại Ai Cập.

Công chúa đã nhận Môi-se làm con của nàng, điều này có nghĩa là Môi-se sẽ có được một địa vị cao trọng trong xứ và một nền học vấn đặc biệt để phục vụ trong bộ máy cai trị (Cong 7:22). Theo ngôn ngữ của Ai Cập thì Môi-se nghĩa là "được sinh ra" hoặc là "con trai" và nghe giống như một từ Hê-bơ-rơ có nghĩa là "kéo ra" (khỏi nước). Những năm sau này, tên của Môi-se sẽ nhắc nhở ông về Đức Chúa Trời là Đấng đã cứu vớt ông và làm những việc lớn cho ông tại xứ Ai Cập. Môi-se đã nhiều lần cứu dân sự của ông vì ông tin cậy nơi Đức Chúa Trời.

3. Người giải cứu được chuẩn bị (Xu 2:11-25)

Môi-se trải qua 40 năm đầu tiên của ông (Cong 7:23) phục vụ trong triều chính của Ai Cập (một số học giả nghĩ rằng ông đang được chuẩn bị để kế vị Pha-ra-ôn). Ai Cập dường như là một nơi ít có khả năng nhất để Đức Chúa Trời khởi đầu việc huấn luyện cho một người lãnh đạo, nhưng đường lối của Đức Chúa Trời không phải là đường lối của chúng ta. Để trang bị về sự hầu việc cho Môi-se, Đức Chúa Trời đã dùng đến nhiều phương cách.

Học vấn. "Và Môi-se đã được học mọi sự khôn ngoan của người Ai Cập, mạnh mẽ trong lời nói và việc làm" (Cong 7:22 NKJV). Điều này có liên quan đến việc gì? Vào thời bấy giờ, Ai Cập đã có một nền văn minh rất phát triển, đặc biệt là trong lãnh vực xây dựng, toán học và thiên văn học. Nhờ vào kiến thức về thiên văn học, họ đã phát triển một hệ thống lịch có tính chính xác đáng kinh ngạc, và các kỹ sư của họ đã vẽ sơ đồ và giám sát việc xây dựng các dinh thự hiện vẫn đang đứng vững. Các thầy tế lễ và các bác sĩ của họ là những người tinh thông về nghệ thuật ướp xác, còn các quan trưởng của họ rất có tài về mặt tổ chức và hành chính. Ngày nay khách tham quan Ai Cập không khỏi bị gây ấn tượng bởi những công trình của một dân tộc vào thời cổ đại này. Tôi tớ của Đức Chúa Trời phải học biết tất cả những gì ông có thể học được, cống hiến sự học của mình cho Đức Chúa Trời, và hầu việc Ngài cách trung tín.

Sự thất bại (Xu 2:11-14). Dù vẫn có một số người chưa biết rõ về nguồn gốc của ông (c.19) nhưng Môi-se biết rằng ông là một người Hê-bơ-rơ chớ không phải người Ai Cập, và ông không thể ngăn được sự cảm thương trước cảnh ngộ khốn khổ của dân tộc mình. Một ngày nọ, ông đã có một quyết định can đảm để giúp người dân của mình, ngay cả khi việc này có nghĩa là đánh mất địa vị cao quý của ông với tư cách là con nuôi của công chúa (He 11:24-26). Những lạc thú [10] và châu báu của xứ Ai Cập mờ nhạt trước mắt khi ông thấy chính mình đang giải cứu cho tuyển dân của Đức Chúa Trời.

Có thể vị quan người Ai Cập này không phải chỉ đang phạt người nô lệ Do Thái, mà đang đánh người ấy đến chết, vì từ ngữ Hê-bơ-rơ có thể mang ý nghĩa đó, vì vậy khi Môi-se can thiệp vào thì có lẽ ông đang cứu mạng sống của một con người. Và nếu vị quan Ai Cập quay sang chống lại Môi-se, việc này rất có thể xảy ra, thì khi ấy Môi-se cũng đang tự vệ cho mạng sống của mình.

Nhưng nếu Môi-se dự định sẽ giải phóng những người Hê-bơ-rơ bằng cách giết những người Ai Cập từng người một thì ông sẽ rất thất vọng. Ngày hôm sau ông khám

phá ra rằng những người Ai Cập chỉ là một phần của vấn đề, *vì dân Do Thái thậm chí đã không thể hòa hợp được với nhau!* Khi ông tìm cách hòa giải hai người Do Thái, họ đã từ chối sự giúp đỡ của ông ! Còn hơn thế nữa, ông biết rằng bí mật của ông đã bị bại lộ và Pha-ra-ôn đang tìm giết ông, Môi-se chỉ còn một việc có thể làm được và đó là chạy trốn.

Hai sự kiện này đã cho thấy Môi-se là một người có đầy lòng thương xót, có động cơ ngay thật, nhưng hành động lại nóng nảy. Khi biết được điều này có thể bạn sẽ không tin được rằng sau đó ông sẽ được gọi là "người nhu mì nhất trên đất" (Dan 12:3). Thất bại của Môi-se trong việc giải cứu những người Do Thái chắc hẳn đã khiến ông bị suy sụp. Đó cũng là lý do mà Đức Chúa Trời đã đem ông vào xứ Ma-đi-an và cho ông trở nên một người chăn chiên trong suốt 40 năm. Môi-se phải học biết rằng sự giải cứu sẽ đến từ cánh tay của Đức Chúa Trời, không phải đến từ chính ông (Cong 7:25 Xu 13:3).

Nơi vắng vẻ và sự phục vụ khiêm nhường (Xu 2:15-25). Môi-se đã trở thành một kẻ bỏ trốn và lánh đến xứ của dân Ma-đi-an là những người bà con của dân Do Thái (Sa 25:2). Với bản tính can đảm vốn có, ông đã giúp các con gái của Rê-u-ên, thầy tế lễ của xứ Ma-đi-an (Xu 2:18), bởi điều này gia đình họ đã tiếp đón ông, gả cho ông một trong những người con gái là Si-phô-ra, và bà đã sanh cho ông một đứa con trai [11]. Sau đó, bà sanh một con trai nữa, là Ê-li-sê (18:1-4 ISu 23:15). Rê-u-ên ("bạn của Đức Chúa Trời") còn được biết đến dưới tên gọi là Giê-trô (Xu 3:1 18:12,27), nhưng Giê-trô ("sự xuất sắc") có thể là danh hiệu thầy tế lễ hơn là tên gọi của ông Trong (Dan 10:29), [12]

Người "mạnh mẽ trong lời nói và việc làm" giờ đây phải ở trong đồng cỏ vắng vẻ để chăn bầy chiên bướng bỉnh, nhưng đây chính là sự chuẩn bị cần thiết cho ông để lãnh đạo một dân tộc bướng bỉnh. Y-sơ-ra-ên là bầy chiên đặc biệt của Đức Chúa Trời (Thi 100:3) và Môi-se là người chăn chiên được chọn của Ngài. Giống như 13 năm làm tôi mọi tại xứ Ai Cập của Giô-sép và khoảng thời gian gần 3 năm của Phao-lô sau khi ông quy đạo (Ga 1:16-17), bốn mươi năm chờ đợi và làm việc của Môi-se đã chuẩn bị cho ông một cuộc đời chức vụ trung tín. Đức Chúa Trời không vội vã đặt tay trên các tôi tớ của Ngài rồi sai phái ngay nhưng vẫn dành thời gian để trang bị họ cho chức vụ.

Sự trì hoãn của Đức Chúa Trời không phải là chứng cứ của sự không quan tâm, vì Ngài vẫn đang nghe những tiếng thở than của chúng ta, nhìn thấy nghịch cảnh của chúng ta, cảm nhận nỗi buồn rầu của chúng ta, và vẫn nhớ giao ước Ngài. Điều Ngài đã hứa Ngài sẽ thực hiện, vì Ngài không bao giờ phá vỡ giao ước của Ngài với dân Ngài. Khi đến thời điểm thích hợp, Đức Chúa Trời sẽ lập tức hành động.

4. Người giải cứu được kêu gọi (Xu 2 :11-25) (Xu 3:1-4:17)

Xu 2 :11-25.Môi-se đã trải qua 40 năm làm một người chăn chiên ở xứ Ma-đi-an (Cong 7:23 Xu 7:7) và trong suốt nhiều ngày và đêm ở trong đồng vắng, chắc chắn ông đã suy ngẫm về những việc thuộc về Đức Chúa Trời và cầu nguyện cho dân tộc của ông đang chịu sự hoạn nạn tại xứ Ai Cập. Việc Đức Chúa Trời kêu gọi những người đang bận rộn thật là có ý nghĩa: Ghê-đê-ôn đang đập lúa (Cac 6:1-40), Sa-mu-ên đang hầu việc trong đền tạm (ISa 3:1-21), Đa-vít đang chăm sóc bầy chiên (17:20), Ê-li-sê đang cày ruộng (IVua 19:19-21), bốn sứ đồ đang lo nghề đánh cá của họ (Mac

1:16-20) và Ma-thi-ơ đang thâu thuế (Mat 9:9). Đức Chúa Trời không có điều gì hay đẹp để nói về sự lười biếng (Ch 24 :30-34 Mat 25:26-27 IITe 3:10-12).

-*Điều Môi-se đã được thấy* (Xu 3:1-4). Đức Chúa Trời có thể sử dụng một bụi gai vô tri, đốt cháy nó lên, và biến nó thành một phép lạ; và đây cũng là điều Ngài muốn thực hiện đối với Môi-se. Một số người nhìn thấy nơi bụi gai cháy hình ảnh về dân tộc Y-sơ-ra-ên: họ là ánh sáng của Đức Chúa Trời giữa thế gian, họ bị bắt bớ nhưng không bị hao mòn đi. Nhưng bụi gai cháy cũng là hình ảnh về điều Đức Chúa Trời đã hoạch định cho Môi-se: ông là bụi gai yếu ớt nhưng Đức Chúa Trời là ngọn lửa ban cho quyền năng (19:18 24:17 Phu 4:24 Cac 13:20 He 12:29); và với sự vùa giúp của Đức Chúa Trời, Môi-se có thể hoàn thành được bất cứ công việc gì.

-*Điều Môi-se đã được nghe* (Xu 3:5-10). Đức Chúa Trời phán cùng Môi-se và cho ông lòng tin quyết rằng Ngài là Đức Chúa Trời của tổ phụ ông và Ngài cảm biết được sự khốn cùng của dân Do Thái tại xứ Ai Cập. Giờ đây Ngài đã sẵn lòng giải cứu họ ra khỏi xứ Ai Cập và dẫn họ vào vùng Đất Hứa, và Môi-se sẽ là người lãnh đạo được Ngài chọn lựa [13] . Lời phán của Đức Chúa Trời "Này, ta sẽ sai ngươi" chắc hẳn đã khiến Môi-se kinh ngạc. Vì sao Đức Chúa Trời lại chọn một người thất bại ?

-*Điều Môi-se đã làm* (3:1-4:17), Môi-se lẽ ra phải vui mừng vì Đức Chúa Trời cuối cùng đã đáp lời cầu nguyện, và lẽ ra ông phải đầu phục ý muốn Đức Chúa Trời mà thưa rằng "Có tôi đây, xin hãy sai tôi!". Nhưng trái lại, ông đã lý luận với Chúa và cố tìm cách để trốn tránh sự kêu gọi thiêng liêng phải giải cứu Y-sơ-ra-ên ra khỏi ách nô lệ. 40 năm trước đó tại xứ Ai Cập, Môi-se đã từng hành động như một con ngựa hung hăng và vượt lao lên trước Đức Chúa Trời, nhưng giờ đây ông phản ứng như một con la bướng bỉnh và kháng cự lại với Đức Chúa Trời (Thi 32:9). Môi-se đã đưa ra 5 lý do ông không thể chấp nhận sự kêu gọi của Đức Chúa Trời.

(1) *"Tôi là một kẻ bất tài"* (Xu 3:11-12). Điều Môi-se hay người khác nghĩ về ông thật sự không quan trọng. Đức Chúa Trời đã phán, và đó là tất cả những gì bảo đảm cho Môi-se rằng ông là người thích hợp cho công tác này. Phải chăng 40 năm chăn chiên đã dập tắt ngọn lửa trong tâm hồn ông, vì thế ông có ý nghĩ rằng ông không thể hầu việc Chúa ? Tại sao ông chỉ nhìn vào chính mình thay vì phải hướng về Chúa bởi đức tin ? "Ta sẽ ở cùng ngươi" là tất cả sự bảo đảm mà các tôi tớ của Đức Chúa Trời cần đến để được thành công (Gios 1:5 Es 41:10 43:5).

(2) *"Tôi không biết danh Ngài"* (Xu 3:13-22). Với tư cách là người đại diện của Đức Chúa Trời, Môi-se phải giúp dân Do Thái biết rõ về đặc tính của Ngài. Dĩ nhiên, danh của Đức Chúa Trời là "Giê-hô-va" đã được biết đến từ những thế kỷ trước (Sa 4:26) và rất quen thuộc đối với các tộc trưởng (14:22 15:1 25:21-22 28:13 49:18). Điều Môi-se muốn hỏi là "Danh Ngài có nghĩa là gì ? Ngài là một Đức Chúa Trời như thế nào?" Đức Chúa Trời giải thích rằng Giê-hô-va là một danh xưng năng động, dựa trên động từ "là" hoặc "trở nên" của tiếng Hê-bơ-rơ. Ngài là Đấng tự hữu , là Đấng đã, đang và sẽ luôn là Đức Chúa Trời thành tín và đáng tin cậy, là Đấng tự xưng: "TA LÀ" [14]. Nhiều thế kỷ sau, Chúa Giê-xu sẽ sử dụng danh xưng "TA LÀ" và hoàn thiện nó: "Ta là bánh của sự sống" (Gi 6:35), "Ta là sự sáng của thế gian" (8:12), "Ta là gốc nho thật" (15:1) và vân vân.

Đức Chúa Trời hằng hữu biết được sự kết cuộc ngay từ lúc khởi đầu, vì vậy Ngài có thể cho Môi-se biết chính xác điều gì sẽ xảy ra khi ông trở lại Ai Cập (Xu 3:16-22). Các trưởng lão Y-sơ-ra-ên sẽ chấp nhận Môi-se làm người lãnh đạo của họ và sẽ tin

rằng Đức Chúa Trời sắp giải cứu họ. Hoàng đế của Ai Cập sẽ chống nghịch lại sứ điệp của Đức Chúa Trời và phải chịu những hình phạt khủng khiếp từ Đức Chúa Trời. Dân Y-sơ-ra-ên sẽ được giải cứu khỏi xứ và sẽ tước đoạt của cải của dân Ai Cập, và nhờ đó họ nhận lãnh được tiền công mà họ đã không được trả trong suốt những tháng năm làm nô lệ.

(3) *"Các trưởng lão sẽ không tin tôi"* (Xu 4:1-9). "Họ sẽ không tin" cũng có nghĩa là "Tôi không tin". Môi-se lo lắng về sự được ủy nhiệm của ông trước các trưởng lão Do Thái, vì thế Đức Chúa Trời ban cho ông ba dấu hiệu để thuyết phục các trưởng lão rằng ông thật sự là tôi tớ được chọn của Đức Chúa Trời. "Người Do Thái đòi một dấu hiệu" (ICo 1:22). Từ đây, Môi-se sẽ kinh nghiệm được quyền năng của Đức Chúa Trời và làm những phép lạ.

(4) *"Tôi không phải là một người nói lưu loát"* (Xu 4:10-12). Môi-se hoàn toàn không hiểu sứ điệp về danh của Đức Chúa Trời và quyền năng mầu nhiệm của Ngài. Danh xưng 'TA LÀ" là tất cả những gì chúng ta cần đến trong mọi hoàn cảnh của đời sống, và thật dại dột để chúng ta lý luận rằng "Tôi không phải là". Nếu Đức Chúa Trời có thể biến gậy thành rắn và rắn thành gậy, nếu Ngài có thể gây ra và chữa trị bệnh phung, và nếu Ngài có thể biến nước thành huyết, thì Ngài cũng có thể giúp Môi-se rao ra Lời Ngài một cách năng quyền [15] Môi-se đang phạm sai lầm là chỉ nhìn vào chính mình thay vì phải hướng nhìn Đức Chúa Trời (Xu 6:12). Đức Chúa Trời là Đấng dựng nên chúng ta, vì thế Ngài có thể sử dụng những tài năng và năng lực Ngài ban cho chúng ta để hoàn thành những nhiệm vụ mà Ngài đã giao phó cho chúng ta.

Môi-se đang bày tỏ một thái độ kiêu ngạo hay sự khiêm nhường thật ? Bốn mươi năm trước, ông cảm thấy mình hoàn toàn có thể đương đầu với kẻ thù và hành động thay cho dân tộc của ông, nhưng giờ đây ông đang thối lui và tự nhận mình là một kẻ thất bại vô dụng. Sự khiêm nhường không phải là tự đánh giá thấp mình; khiêm nhường là chúng ta không được nghĩ về chính mình nhưng phải để Đức Chúa Trời trở nên mọi sự. Tôi tớ khiêm nhường chỉ nghĩ về ý muốn và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, chớ không phải về sự bất xứng, sự thành công hay thất bại của chính người ấy. Môi-se đã che dấu sự kiêu ngạo và vô tín qua một lời thú nhận hời hợt về sự yếu đuối của mình.

(5) *"Ai khác có thể làm việc ấy tốt hơn"* (Xu 4:13-17). "Ôi lạy Chúa, xin hãy sai ai khác làm việc ấy" (c.13 NIV). Môi-se gọi Ngài là "Chúa" nhưng từ chối vâng theo những mệnh lệnh của Ngài (Lu 6:46 Cong 10:14). Đa số trong chúng ta có thể hiểu được thái độ này vì chúng ta cũng đã phạm sai lầm giống như vậy. Nếu Đức Chúa Trời không phải là Chúa trên tất cả, thì Ngài chẳng phải là Cứu Chúa. Trong cơn giận dữ của Ngài, Đức Chúa Trời đã chỉ định A-rôn làm người phát ngôn cho Môi-se, nhưng A-rôn không luôn là một người giúp đỡ cho em của mình. Chính A-rôn đã hiệp cùng dân sự trong việc làm ra con bò vàng (Xu 32:35), và A-rôn cùng chị gái là Mi-ri-am đã chỉ trích Môi-se và vợ của người và đã đem sự rắc rối đến cho trại quân (Dan 12:1-16). Có một gợi ý trong (Xu 4:14) cho rằng khi tiếp nhận A-rôn, Môi-se đang làm lẫn lộn các chức vụ trong thời Cựu Ước, vì A-rôn phải là thầy tế lễ và Môi-se là tiên tri. Trong cơn giận của Ngài ĐCT ban cho chúng ta điều chúng ta đã đòi hỏi một cách ích kỷ thì sự ban cho ấy hiếm khi trở nên một phước hạnh (Dan 11:33 Os 13:11). Một trong những hình phạt đau đớn nhất Đức Chúa Trời có thể cho xảy ra là để mặc cho dân Ngài đi theo ý riêng của họ.

Các sự kiện diễn ra sau đó chứng tỏ rằng Môi-se hoàn toàn có khả năng rao ra Lời Đức Chúa Trời bằng quyền năng mạnh mẽ, cả với dân sự của ông và với vua Ai Cập. Như lịch sử của Y-sơ-ra-ên bày tỏ, bạn sẽ thấy rằng Môi-se đã rao ra một vài sứ điệp hùng hồn trong quyền năng của Chúa. Sách Phục Truyền luật lệ ký đã ghi lại lời chúc tạm biệt đầy ý nghĩa của ông.

Bài học ở đây thật rõ ràng: Đức chúa Trời biết chúng ta rõ hơn chúng ta biết về bản thân mình, vì thế chúng ta phải tin cậy Ngài và vâng theo điều Ngài bảo chúng ta làm. Khi chúng ta nói cùng Đức Chúa Trời về những sự yếu đuối của mình, không phải chúng ta đang chia sẻ với Ngài điều gì mà Ngài chưa biết (Cac 15:1-20 ISa 9:21 Gie 1:6). Ý muốn của Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ đưa bạn đến nơi mà quyền năng Đức Chúa Trời không thể giúp bạn, vì vậy hãy bước đi bởi đức tin nơi những lời hứa của Ngài.

Xu 3:1-22; xem giải nghĩa Xu 2:11-25

Xu 4:1-17; xem giải nghĩa Xu 2:12-25

5. Người giải cứu được sai đi (Xu 4:18-31)

Khi bạn đã sống ở một nơi trong suốt 40 năm, làm sao bạn có thể từ bỏ nơi đó để đi đến một nơi nào khác, đặc biệt là khi bạn sắp đi đến một nơi đầy nguy hiểm ? Đoạn Kinh Thánh đã mô tả 5 điều Đức Chúa Trời ban cho Môi-se để khích lệ ông khi ông biết tìm kiếm và vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời.

Lời chúc phước của cha vợ ông (4:18). Môi-se không thể đi mà không trước hết thông báo cho cha vợ mình để được ông cho phép và chúc phước cho. Tuy nhiên, không có sự ghi chép nào cho thấy Môi-se đã kể cho Giê-trô về cuộc gặp gỡ của ông với Đức Giê-hô-va và sự kêu gọi của Ngài để giải cứu cho dân Y-sơ-ra-ên khỏi vòng nô lệ. Tất cả những gì ông cho Giê-trô biết, đó là ông muốn đi đến xứ Ai Cậpđể thấy gia đình ông có còn sống sót hay không.

Những lời hứa của Đức Chúa Trời (4:19-23). Khi Môi-se bước ra bởi đức tin, Đức Chúa Trời đã phán cùng ông và khích lệ ông. Đức Chúa Trời bảo Môi-se đừng sợ phải trở lại xứ Ai Cập vì những kẻ thù của ông đã chết. Sau đó Ngài đảm bảo cho Môi-se rằng Ngài sẽ giúp cho ông làm được những dấu lạ nhưng Pha-ra-ôn sẽ cứng lòng và bởi đó ông ta càng chuốc lấy sự trừng phạt từ nơi Chúa. Thậm chí trước khi Môi-se đến xứ Ai Cập, ông đã biết mình sẽ phải chiến trận. Sẽ không dễ dàng để thuyết phục được Pha-ra-ôn cho những người nô lệ Do Thái ra đi một cách tự do.

Đức Chúa Trời cũng bảo đảm với Môi-se về tình yêu đặc biệt của Ngài dành cho dân Y-sơ-ra-ên, là con đầu lòng của Ngài (Gie 31:9 Os 11:1). Trong thế giới cổ đại, con đầu lòng trong mỗi gia đình có những quyền hạn cùng những đặc quyền đặc biệt, và Đức Chúa Trời sẽ bảo đảm rằng Y-sơ-ra-ên, con đầu lòng của Ngài sẽ được giải cứu và được ban thưởng, trong khi con đầu lòng của Ai Cập sẽ bị giết. Đức Chúa Trời nhắc nhở Môi-se rằng ông là tôi tớ của một Đức Chúa Trời vĩ đại, là Đấng biết rõ những gì Ngài sẽ làm. Bí quyết cho sự chiến thắng là đức tin nơi Chúa.

Sự vâng lời của Sê-phô-ra (Xu 4:24-26). Môi-se đã không chú trọng đến việc làm phép cắt bì cho Ê-li-sê, người con trai thứ hai của ông và Đức Chúa Trời quật ngã Môi-se bằng một căn bệnh gần như cất đi mạng sống của ông. Chúng ta có cảm tưởng rằng khi Môi-se làm phép cắt bì cho Ghẹt-sôn, con đầu lòng của ông, Sê-phô-ra đã bị kinh hoàng bởi nghi thức này và do đó không cho Ê-li-sê chịu phép cắt bì. Môi-se đã

để cho bà làm theo ý riêng của bà, và điều này không làm đẹp lòng Chúa. Xét cho cùng, Môi-se không thể lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên nếu ông bất tuân một trong những mạng lệnh chủ yếu của Chúa (Sa 17:10-14). Thậm chí nếu dân Do Thái không biết được điều này thì Đức Chúa Trời vẫn biết về sự bất tuân của ông, và Ngài đã rất tức giận về ông.

Tôi tớ của Chúa phải cẩn thận để "khéo quản lý gia đình riêng của mình" (ITi 3:4 NIV) nếu người đó muốn hưởng những phước hạnh của Chúa, vì "nếu có ai không biết quản lý gia đình riêng của mình người ấy làm sao có thể chăm sóc Hội Thánh của Đức Chúa Trời ?" (c.5, NIV).

Sự đến của A- rôn (Xu 4:27-28). Tại Hô-rếp (tên khác của núi Si-nai 19:10-11 Phu 4:10) Môi-se đã gặp A-rôn anh của ông, người sẽ là bạn đồng hành và là người cộng tác của ông trong 40 năm kế tiếp. Khi nói đến sự hầu việc Chúa thì "hai người hơn một" (Tr 4:9). Chúa Giê-xu đã sai những môn đồ của Ngài đi ra theo từng cặp (Mac 6:7) và Đức Chúa Trời đã kêu gọi Phao-lô với Ba-na-ba cùng đem Tin Lành đến cho dân ngoại (Cong 13:2). Dù vẫn phạm nhiều sai lầm, như tất cả chúng ta đều phạm phải, nhưng A-rôn đã trung tín thi hành chức vụ cùng với Môi-se và đã trở nên người sáng lập chức tế lễ tại Y-sơ-ra-ên.

Đức tin của một dân tộc (Xu 4:29-31). Môi-se đã bày tỏ nỗi lo sợ rằng các trưởng lão Do Thái sẽ không tin sứ điệp của ông hoặc sẽ không chấp nhận chức vụ lãnh đạo của ông, nhưng họ đã tin, và những người còn lại trong dân sự cũng tin khi thấy quyền năng Đức Chúa Trời được bày tỏ qua những dấu hiệu. Khi nghe rằng Đức Chúa Trời quan tâm đến họ và sắp giải cứu cho họ, họ đã cúi đầu thờ lạy với lòng biết ơn Ngài. Thờ phượng là sự đáp ứng hợp lẽ của dân sự Đức Chúa Trời đối với ân điển và sự nhân từ của Ngài.

Đây là thời gian tạm lắng trước thời kỳ sóng gió sắp xảy ra. Đức Chúa Trời sẽ tuyên chiến cùng Ai Cập và Pha-ra-ôn, và cuộc sống của người dân Do Thái sẽ trở nên khó khăn hơn, trước khi nó có thể trở nên tốt đẹp hơn.

2. CHIẾN TRANH ĐƯỢC TUYÊN BỐ (Xu 5:1-8:19)

Nếu A-rôn và Môi-se có vinh dự được nghe Jonathan Edwards giảng bài giảng nổi tiếng của ông "Tội nhân trong tay của một Đức Chúa Trời giận dữ" (Sinners in the Hands of an angry God) có lẽ họ sẽ la lên rằng "A-men !" khi Edwards nói :

"Mọi vua trên đất, trước mặt Đức Chúa Trời, chỉ như cào cào; họ chẳng là gì cả, và còn thua con số không: tình yêu và sự thù ghét của họ thật đáng khinh. Cơn thạnh nộ của Vua muôn vua vĩ đại, còn kinh khiếp hơn cả cơn giận của họ vì sự uy nghi của Ngài vĩ đại hơn của họ" [16]

Khi nghe được những lời này, Môi-se và A-rôn hẳn sẽ nhớ lại cái ngày mà họ đứng trước vị vua của một trong những vương quốc lớn nhất của thế giới cổ đại [17] . Họ được Đức Chúa Trời sai đi để thông báo cho Pha-ra-ôn rằng nếu ông ta không giải phóng cho dân Do Thái thì Đức Giê-hô-va sẽ tuyên chiến với ông ta cùng các thần của ông ta, và Ngài sẽ không ngừng tấn công xứ Ai Cập cho đến khi dân Y-sơ-ra-ên được tự do. Hai sứ giả của Đức Chúa Trời có một sứ điệp từ Chúa: "Hãy để cho dân ta đi, nếu không... ." [18] . Chúng ta có thể đoán được sự đáp ứng của Pha-ra-ôn đối cùng Môi-se và A-rôn: ông ta khước từ mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, khinh thường những phép lạ Môi-se và A-rôn đã làm, và cứng lòng cố tình chống lại Chúa.

1. Pha-ra-ôn chối bỏ Lời Đức Chúa Trời (Xu 5 :1-23) (Xu 5:1-6:27)

Yêu cầu của họ là một yêu cầu đơn giản: Môi-se và A-rôn muốn được phép đưa dân Do Thái vào đồng vắng khoảng ba ngày đường để đến một nơi mà họ có thể thờ phượng Chúa [19] . Sáu ngày đi về và một ngày dành để thờ phượng sẽ là một tuần dân sự không làm việc của mình, nhưng Môi-se không nói gì về việc họ sẽ đi trong bao lâu hay khi nào sẽ trở về. Sự thiếu sót này khiến Pha-ra-ôn nghi ngờ, và ông ta không biết mục đích chuyến đi của họ có phải là trốn thoát, thay vì là thờ phượng hay không. Có ba câu hỏi liên quan đến tình tiết này.

Pha-ra-ôn: "Tại sao ta phải vâng lời Chúa?" (Xu 5:1-3). Đây là một câu hỏi hợp lý vì dân Ai Cập xem Pha-ra-ôn là một vị thần, và tại sao thần của họ phải vâng theo một vị thần xa lạ mà cả Pha-ra-ôn và dân chúng đều không biết ? Hơn nữa, vị thần mới này có quyền gì để gọi dân Y-sơ-ra-ên là "dân Ta" khi dân Do Thái đang là nô lệ của Pha-ra-ôn ? Nếu Pha-ra-ôn vâng theo sắc lệnh này, ông ta sẽ nhận biết một vị thần còn vĩ đại hơn chính ông, và ông ta không có ý định sẽ làm điều đó. Trong sự kiêu ngạo và sự an toàn sai lầm, Pha-ra-ôn sẽ không nghe theo lời của Đức Chúa Trời hằng sống.

Môi-se nói đến việc dân Y-sơ-ra-ên có thể ở trong hiểm họa bị tiêu diệt nếu họ không vâng lời Chúa. Tại sao ông phải nêu lên điều đó ? Có lẽ Môi-se ngụ ý rằng sự bướng bỉnh của Pha-ra-ôn có thể khiến ông ta mất đi những nô lệ của mình, và rằng ông ta nên cho dân Do Thái nghỉ việc một tuần, như thế, sẽ bảo vệ được nguồn lao động rẻ mạt của mình. Tuy nhiên, điều này còn có liên quan đến một yếu tố khác: Môi-se đang cho Pha-ra-ôn biết rằng Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ là một Đức Chúa Trời năng quyền, Ngài có thể giết chết dân Ai Cập cũng như dân Do Thái. Pha-ra-ôn phải hiểu rằng ông ta không được xem nhẹ những yêu cầu mà Môi-se và A-rôn đã đưa ra vì đây là một vấn đề có liên quan đến sự sống và cái chết.

Pha-ra-ôn: "Tại sao phải ngưng công việc?" (Xu 5:4-21). Sự nô dịch của dân Y-sơ-ra-ên đã đẩy mạnh sự tăng trưởng cho nền kinh tế của Ai Cập, và Pha-ra-ôn sẽ không từ bỏ một điều gì có lợi. Như những nhà độc tài đã thi hành hằng bao thế kỷ, Pha-ra-ôn đã bóc lột một dân tộc bị cầm hãm và không quan tâm gì đến phúc lợi của họ. Dù Pha-ra-ôn không hề nhận biết Ngài, Đức Chúa Trời vẫn thực hiện kế hoạch trọn vẹn của Ngài để giải phóng cho dân Ngài và làm vinh hiển danh cao quý của Ngài, và không một điều gì Pha-ra-ôn có thể làm lại ngăn trở được sự thành công trong kế hoạch của Đức Chúa Trời.

Thay vì giảm bớt sự vất vả trong công việc cho dân Do Thái, Pha-ra-ôn lại khiến họ phải lao động thậm chí càng cực nhọc hơn. Ông ta không cho họ rơm cần thiết để làm ra gạch, nhưng vẫn ra lệnh rằng họ phải đạt đến chỉ tiêu hằng ngày như đã định. Ông ta lý luận rằng: "Nếu họ có quá nhiều thời gian đến nỗi họ có thể nghỉ được một tuần thì hãy để họ tự đi tìm rơm cho mình. Công việc làm thêm này sẽ cất khỏi tâm trí họ những tư tưởng như thế". Sứ điệp của Đức Chúa Trời qua Môi-se và A-rôn chỉ là "những lời vô ích" đối với vua (c.9, "những lời giả dối" NIV).

Khi công việc của họ trở nên không thể chịu đựng nổi vì những luật lệ mới, dân Hê-bơ-rơ phái những đốc công đến phản đối Pha-ra-ôn . Các nô lệ được quyền đến gần vua là điều bất thường, nhưng Pha-ra-ôn biết rõ điều ông ta đang làm. Ông bảo với họ rằng Môi-se và A-rôn đã yêu cầu ông, và điều này khiến các đốc công Do Thái trở nghịch với những người lãnh đạo mà Đức Chúa Trời đã ban cho họ. Các đốc công

cho Môi-se và A-rôn biết điều họ nghĩ về hai người và nói xấu hai người giữa vòng dân Do Thái. Đây không phải là lần cuối cùng Môi-se bị dân sự của mình chống đối vì họ không hiểu được điều Chúa đang làm cho họ.

Thay vì đi đến Pha-ra-ôn để phàn nàn, các đốc công lẽ ra nên đến cùng Môi-se và A-rôn để đề nghị họ mời các trưởng lão đến và có một buổi nhóm cầu nguyện. Họ lẽ ra phải nhắc nhở chính mình về những lời hứa Đức Chúa Trời đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên và bởi đức tin mà cầu xin để nhận được những lời hứa này. Quả là một sự khác biệt lẽ ra phải được thực hiện cho chính họ và những người lãnh đạo của họ. Than ôi, suốt 40 năm kế tiếp, việc phàn nàn về ý muốn của Đức Chúa Trời và chỉ trích những người lãnh đạo của Đức Chúa Trời là đặc tính của dân Y-sơ-ra-ên; nhưng liệu dân sự của Đức Chúa Trời vào ngày nay có khác biệt gì nhiều chăng.

Môi-se: "Tại sao Ngài sai tôi đi?" (Xu5:22-6:27). Môi-se đã làm điều mà những nhà lãnh đạo thuộc linh cần phải làm khi sự ra đi là rất khó khăn: ông đem gánh nặng của mình đến với Chúa và thành thật nói với Ngài về hoàn cảnh này. Thật dễ thấy rằng Môi-se đã thất vọng và lo âu. Ông đổ lỗi cho Đức Chúa Trời về cách Pha-ra-ôn đã ngược đãi dân Do Thái, và ông lên án Ngài đã chẳng làm gì cả. Ông hỏi: "Có phải đây là lý do Ngài sai tôi ?" (5:22 NIV). Nói cách khác, "có phải Ngài sẽ giữ những lời hứa của Ngài với tôi hay không ?".

> Những tôi tớ được chọn của Đức Chúa Trời phải chuẩn bị cho sự chống đối và hiểu lầm, vì đó là một phần của ý nghĩa về việc làm một người lãnh đạo: và các lãnh đạo phải biết làm thế nào để ở riêng với Đức Chúa Trời, tuôn đổ lòng mình ra, và tìm kiếm năng lực cùng sự khôn ngoan của Ngài. Những người lãnh đạo thuộc linh phải can đảm trước mặt con người, nhưng tan vỡ trước Đức Chúa Trời (Gie 1:19) và phải cầu xin để được nhận lãnh những lời hứa của Đức Chúa Trời và làm theo ý muốn của Ngài thậm chí khi mọi việc dường như chống nghịch lại với mình.
>
> Chúa đã khích lệ tôi tớ của Ngài trong cơn khốn khó như thế nào ? Trước hết, *Đức Chúa Trời phán với ông và ban cho ông những lời hứa thật tuyệt vời* (Xu 6:1-8). Ngày nay chúng ta có Lời Đức Chúa Trời đã được viết ra, nhưng Môi-se đã nghe rõ tiếng Đức Chúa Trời phán cùng ông (33:11 Phu 34:10). Bốn lần trong lời phán này, Đức Chúa Trời nhắc nhở Môi-se "Ta là Đức Giê-hô-va" (Xu 6:2,6,7,8) [20] và sử dụng danh xưng trong giao ước của Ngài là "Giê-hô-va"; và bảy lần Đức Chúa Trời phán "Ta sẽ". Khi chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời đang nắm quyền tể trị, và chúng ta cầu hỏi những lời hứa của Ngài, thì chúng ta có thể kinh nghiệm được sự bình an và can đảm trong những cuộc chiến của đời sống. Đức Chúa Trời đã hứa đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, giải phóng họ khỏi ách nô lệ, và đem họ vào Vùng Đất Hứa. Điều quan trọng nhất trong bảy lời hứa "Ta sẽ" đó là: "Và ta sẽ nhận các ngươi làm dân ta" (c.7), đây là nền tảng cho tất cả những gì Đức Chúa Trời đã làm cho dân Do Thái.

Đức Chúa Trời cũng nhắc Môi-se về *danh giao ước của Ngài là "Giê-hô-va"* (6:3). Một phương cách để biết về Đức Chúa Trời nhiều hơn là chú ý đến những danh xưng của Ngài. Các tộc trưởng biết Đức Chúa Trời là "Đức Chúa Trời Toàn Năng" [21] mà theo tiếng Hê-bơ-rơ là "El Shaddai- Đức Chúa Trời toàn năng, toàn quyền", và họ biết rằng danh Đức Chúa Trời là "Giê-hô-va" (Yahwel); nhưng họ đã không hiểu được một cách trọn vẹn ngụ ý của danh xưng này. Đức Chúa Trời đã giải thích danh "Giê-

hô-va" cho Môi-se khi Ngài kêu gọi ông ở Ma-đi-an (Xu 3:13-14), nhưng giờ đây Ngài kết hợp danh Ngài với giao ước mà Ngài sẽ lập với dân sự của Ngài (6:4). Giê-hô-va là danh đặc biệt của Đức Chúa Trời, liên kết Ngài với Y-sơ-ra-ên và những giao ước của Ngài, và danh này rất thiêng liêng đối với dân Do Thái, ngay cả ngày nay cũng vậy, đến nỗi họ sẽ không nói đến danh ấy khi đọc Kinh Thánh trong nhà hội. Thay vào đó, họ thay bằng danh "Adonai" (Chúa hay Thầy), hoặc chỉ nói là "Danh".

Thứ ba, Chúa bảo đảm với Môi-se rằng *Ngài cảm nhận được những gánh nặng của dân Ngài và sẽ hành động thay họ* (Xu 6:5 2:24). Đức Chúa Trời không phải không biết về những nhu cầu của họ hay không quan tâm đến sự hoạn nạn của họ, Ngài cũng không thêm vào những vấn đề khó khăn của họ bằng cách trì hoãn việc giải cứu cho họ. Mọi sự đang tiến hành theo kế hoạch của Ngài và không điều gì Đức Chúa Trời đã hoạch định phải thất bại. Bất cứ khi nào chúng ta cảm thấy Chúa đã từ bỏ chúng ta và thật sự không quan tâm đến chúng ta, hãy nhớ những lời hứa bảo đảm của Ngài, "Hãy trao mọi điều lo lắng mình cho Ngài, vì Ngài hay chăm sóc anh em" (IPhi 5:7).

Thứ tư, *Chúa ra lệnh cho Môi-se đến nói với Pha-ra-ôn một lần nữa* (Xu 6:9-13). Môi-se đã đi đến sự nản lòng cùng cực khi các trưởng lão Do Thái thậm chí không muốn nghe ông. Họ đã quên đi những dấu lạ và những lời hứa mà Môi-se và A-rôn đã bày tỏ cho họ (4:29-31), và trong nỗi thống khổ của mình họ bị thuyết phục rằng hoàn cảnh này hoàn toàn vô vọng. Môi-se và các trưởng lão đã bỏ cuộc nhưng Đức Chúa Trời đã không bỏ cuộc đối với Môi-se. Môi-se vẫn là tôi tớ của Đức Chúa Trời, và Ngài giao cho ông nhiệm vụ trở lại cung điện và đối diện với Pha-ra-ôn một lần nữa. Trong những lúc nản lòng, điều tốt nhất cần làm là bỏ qua những cảm xúc của mình và chỉ làm điều gì Đức Chúa Trời bảo chúng ta làm, để lại những hậu quả cho Ngài lo liệu.

Không phải ngẫu nhiên mà có bản phả hệ ở đây (Xu 6:14-27), vì đây là cách thức của Chúa nhắc nhở chúng ta, là những độc giả, rằng *Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho Môi-se và A-rôn chức vụ của họ tại xứ Ai Cập.* Việc họ đến từ dòng dõi của Gia-cốp cũng nằm trong sự định liệu của Đức Chúa Trời. Ru-bên là con đầu lòng của Gia-cốp, đến Si-mê-ôn, rồi Lê-vi, tổ phụ của Môi-se và A-rôn. "Trước khi tạo nên ngươi trong lòng mẹ, ta đã biết ngươi, trước khi ngươi được sinh ra ta đã thánh hóa ngươi, và ta lập ngươi làm tiên tri cho các nước" (Gie 1:5 NKJV). Sự kêu gọi của Đức Chúa Trời nghĩa là sự ban cho năng lực của Đức Chúa Trời, và điều gì Đức Chúa Trời đã bắt đầu thì Ngài luôn hoàn tất (Eph 2:10 Phi 1:6)

2. Pha-ra-ôn xem thường những phép lạ của Đức Chúa Trời (Xu 5 :1-23) (Xu 6 :28-8:7)

Trong cuộc chạm trán với Pha-ra-ôn cho đến thời điểm này, Môi-se và A-rôn chỉ mới gởi đến tối hậu thư của Đức Chúa Trời. Giờ đây đã đến lúc họ bày tỏ quyền năng của Đức Chúa Trời và làm những dấu lạ để cho thấy rằng họ thật sự được Đức Chúa Trời sai phái. Vẫn còn điều gì đó chưa sẵn lòng, Môi-se nhất định rằng ông không phải là một người ăn nói giỏi; vì thế Đức Chúa Trời nhắc cho Môi-se nhớ rằng có thể A-rôn sẽ là người phát ngôn cho ông (6:26-7:2 4:15-16). Tuy nhiên, Chúa cho Môi-se và A-rôn biết rằng cần phải có hơn hai phép lạ để thực hiện mục đích của Ngài, vì Ngài sẽ thêm lên các dấu lạ và sự lạ trong xứ Ai Cập.

Trước khi chúng ta nghiên cứu một loạt các phép lạ đáng chú ý này, chúng ta phải tập trung vào những lý do mà Chúa đã dùng phương cách này trong việc đối phó với Pha-ra-ôn và giáng sự trừng phạt qua các dấu lạ trên xứ Ai Cập. Dĩ nhiên, mục đích cuối cùng là khiến Pha-ra-ôn và dân Ai Cập phải nhượng bộ và sẵn sàng để cho dân Do Thái rời khỏi xứ. Nhưng đồng thời, Chúa đang bày tỏ chính Ngài cho dân Y-sơ-ra-ên và cả dân Ai Cập, và chứng minh rằng chỉ một mình Ngài là Đức Chúa Trời (7:5)

Những phép lạ và dịch lệ cũng là cách thức mà Đức Chúa Trời dùng để xét đoán các thần của Ai Cập và cho thấy rằng các thần này là giả dối và hư không. "Ta sẽ xét đoán các thần của xứ Ai Cập, ta là Đức Giê-hô-va" (12:12 18:11 Dan 33:4). Có hơn 80 thần khác nhau được thờ phượng tại Ai Cập, nhưng các thần này không thể làm được gì để giải cứu xứ này và dân sự của nó khỏi những sự trừng phạt khủng khiếp do Đức Giê-hô-va giáng xuống. Nếu không còn điều gì khác nữa, dân Ai Cập sẽ biết rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống.

Nhưng dân Y-sơ-ra-ên cũng cần được học bài học này. Theo (Xu 20:1-9), một số người Do Thái đã bắt đầu thờ phượng các thần của Ai Cập, và khi họ được giải cứu khỏi nơi này, họ đã mang theo các thần của mình ! Phải chăng họ đã đi đến sự thỏa hiệp trong niềm tin của họ với hy vọng có thể làm hài lòng những người giam giữ họ và sẽ nhận được sự đối xử tốt hơn ? Nhưng làm sao họ có thể từ bỏ Đức Giê-hô-va sau khi đã được chứng kiến tất cả những sự bày tỏ về quyền năng của Ngài ? "Tại Ai Cập tổ phụ chúng tôi đã không hiểu những phép lạ của Chúa; họ cũng chẳng nhớ lại sự nhân từ dư dật của Chúa"(Thi 106:7 NKJV).

(1) Dấu hiệu về con rắn (Xu 7:8-13). Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se dấu hiệu này khi Ngài gọi ông ở Ma-đi-an (4:1-5), nhưng giờ đây chính A-rôn đang làm dấu đó trong cung điện của Pha-ra-ôn. Rắn là một trong những sinh vật đặc biệt trong tôn giáo của dân Ai Cập, đặc biệt là rắn hổ mang, nó là một biểu tượng của sự bất diệt. Cây gậy của A-rôn đã nuốt hết những con rắn do các thuật sĩ làm ra.

Ba dấu lạ mà chúng ta đang xem xét – cây gậy biến thành rắn, nước biến thành huyết và sự xâm lấn của loài ếch – có chung một thực tế là tất cả các dấu lạ đều được các thuật sĩ trong hoàng cung của Pha-ra-ôn bắt chước lại. Có lẽ "giả mạo" là từ dùng chính xác hơn, vì điều họ làm có vẻ giống như một trò ma thuật lừa dối. Tuy nhiên, Sa-tan có thể ban cho người của hắn quyền phép để thực hiện những "phép lạ giả dối" (IITe 2:9-10 Mat 24:24 Kh 13:11-15), và có thể đây là nguồn quyền phép của họ.

Sứ đồ Phao-lô đã dùng những thuật sĩ Ai Cập này để giảng dạy về một lẽ thật quan trọng: trong những ngày sau rốt, Sa-tan sẽ tấn công vào lẽ thật của Đức Chúa Trời và dân sự của Đức Chúa Trời *bằng cách bắt chước những công việc của Ngài,* Phao-lô thậm chí đã kể tên hai trong số những thuật sĩ hoàng cung: "Xưa kia Gian-nét với Giam-be đã chống trả Môi-se thể nào, thì những kẻ này cũng chống trả lẽ thật thể ấy" (IITi 3:8 NIV). Như Chúa Giê-xu đã dạy trong ví dụ về những hạt giống (Mat 13:24-30,36-43), Sa-tan là một kẻ giả mạo, và hắn đã "gieo" những Cơ Đốc nhân giả dối vào giữa thế gian này. Phao-lô gọi họ là "anh em giả dối" (IICo 11:26). Sa-tan có một phúc âm giả mạo (Ga 1:6-9), một sự công bình giả mạo (Ro 10:1-3), và thậm chí có cả những người thi hành chức vụ giả mạo để rao ra những lời giả dối của hắn (IICo 11:13-15). Một ngày nào đó Sa-tan sẽ tạo ra một Christ giả là kẻ sẽ lừa dối cả thế giới (IITe 2:1-12).

Các thuật sĩ của Pha-ra-ôn đã biến những cây gậy thành những con rắn và nước thành huyết, và cũng có thể làm ra những con ếch ở trong xứ. Sa-tan chống đối công việc của Đức Chúa Trời bằng cách bắt chước những việc ấy, và qua cách này nó xem thường quyền năng và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Thái độ của Pha-ra-ôn là: "Bất cứ việc gì Giê-hô-va có thể làm thì chúng ta có thể làm tốt hơn !" Dĩ nhiên, ông ta không thể thực hiện được điều này, nhưng điều đó đủ để bênh vực cho sự kiêu ngạo của ông ta và khiến ông ta không muốn đầu phục nơi Chúa.

(2) *Dấu hiệu nước biến thành huyết* (Xu 7:14-25). Phép lạ này là tai vạ đầu tiên trong 10 "tai vạ" Đức Chúa Trời giáng xuống Ai Cập, và tai vạ cuối cùng (sự chết của con đầu lòng tại lễ Vượt qua) đã đưa đến việc rời khỏi xứ Ai Cập của dân Do Thái [22] . Từ "tai vạ" (9:14 11:1 12:13) có nghĩa là "một cú đánh, một đòn đánh" chỉ ra rằng bàn tay của Chúa đang trừng phạt dân Ai Cập.

Pha-ra-ôn càng chống cự với Đức Chúa Trời thì những hình phạt càng trở nên nghiêm trọng hơn, ba tai vạ đầu rất khốn khổ (nước thành huyết, ếch nhái, và muỗi); ba tai vạ kế tiếp thật đau đớn và gây nhiều tổn hại (ruồi mòng, sự chết của súc vật, và ghẻ chốc), và bốn tai vạ cuối rất nguy hiểm và gây tàn hại (mưa đá, cào cào, sự tối tăm, và sự chết của con đầu lòng). Kẻ phạm tội càng chống lại ý muốn của Đức Chúa Trời và từ chối nghe Lời Ngài lâu bao nhiêu thì Ngài cần phải phán với họ "càng lớn" bấy nhiêu qua những hình phạt của Ngài.

Không chỉ nước của sông Nile đã biến thành huyết, mà những nguồn nước khác trong xứ, và thậm chí là nước được trữ trong những bình gỗ và đá cũng trở nên như thế. Đây là một hình phạt trên chính sông Nile, là con sông được xem như một vị thần, và trên Hapi, thần của sông Nile, và Isis, nữ thần của sông Nile. Sông Nile là nguồn nước chính của xứ này, đem lại sự sống cho con người và mùa màng của họ, vì vậy việc cất đi nguồn nước của họ là một hình phạt mang tính tàn phá. Dân chúng đã đào những giếng nước gần sông này để lấy nước sạch, nhưng cá dưới sông đã chết và thối rữa bốc lên một mùi hôi thối khủng khiếp. Tai vạ này và những hậu quả của nó đã kéo dài trong suốt một tuần lễ (9:25) [23] .

Các thuật sĩ sử dụng một ít nước giếng còn tinh khiết và bắt chước lại phép lạ này. Nhưng nếu họ thật sự có phép thuật, tại sao họ không đảo ngược lại phép lạ ? Điều này sẽ chứng tỏ họ có năng quyền hơn Giê-hô-va và sẽ khiến Pha-ra-ôn cùng dân sự mến chuộng họ. Dĩ nhiên, câu trả lời là họ không có quyền năng để đảo ngược việc Môi-se và A-rôn đã làm; các thuật sĩ đạt được kết quả như trên là bởi trò lừa phỉnh của họ, chớ không phải bởi quyền năng siêu nhiên nào.

(3) Dấu về sự xâm lấn của loài ếch nhái (Xu 8:1-7). Một lần nữa Môi-se và A-rôn ra lệnh cho Pha-ra-ôn "Hãy để dân ta đi!" và cảnh cáo ông ta rằng một tai vạ khác sẽ đến "Đất chúng nó sanh ếch nhái nhiều lúc nhúc, trong cung thất của các vua chúng" (Thi 105:30). Ở Ai Cập, ếch nhái là một biểu tượng của sự màu mỡ, và Heqet, nữ thần của sự hồi sinh, sự màu mỡ và sự sinh sản, có cái đầu của một con ếch.

Sự cảnh cáo của Chúa rất cụ thể. Ngài cho Pha-ra-ôn biết rằng ếch nhái sẽ vào nhà cửa, giường ngủ, lò bếp và các dụng cụ nấu ăn, và thậm chí sẽ bám vào thân thể của con người. Dĩ nhiên, các thuật sĩ một lần nữa đã giả mạo phép lạ này, vì nếu họ thật sự khôn ngoan và tài giỏi thì họ đã có thể làm vô hiệu hóa nó.

Xu 6:1-29; xem giải nghĩa Xu 5:1-23

Xu 7:1-24; xem giải nghĩa Xu 5:1-23

Xu 8:1-7; xem giải nghĩa Xu 5:1-23

3. Pha-ra-ôn cứng lòng nghịch với Đức Chúa Trời (Xu 8:8-19)

Pha-ra-ôn bắt đầu cứng lòng khi Môi-se và A-rôn làm dấu lạ đầu tiên trước mặt ông ta như lời Đức Chúa Trời đã phán (7:3,13-14). Pha-ra-ôn còn cứng lòng hơn nữa khi các thuật sĩ của ông ta giả mạo được các dấu lạ này (c.22), và ngay cả khi họ không thể bắt chước lại việc Môi-se và A-rôn đã làm (8:19), khi Môi-se ngưng việc dừng tai vạ về ếch nhái, lòng Pha-ra-ôn lại trở nên cứng cỏi (c.15). Sự cứng lòng này cứ tiếp diễn trong suốt toàn bộ chuỗi tai vạ (8:32 9:7,34-38 13:15).

Cứng lòng nghĩa là gì ? Điều đó nghĩa là đã thấy rõ bằng chứng về bàn tay Đức Chúa Trời đang hành động mà vẫn từ chối tiếp nhận Lời Ngài và đầu phục ý muốn Ngài. Điều đó có nghĩa là chống đối Đức Chúa Trời bằng cách bày tỏ sự vô ơn và sự bất tuân mà không hề có sự kính sợ Chúa hay sự xét đoán của Ngài. Những người cứng lòng cùng đồng thanh với Pha-ra-ôn "Giê-hô-va là ai mà ta phải vâng lời người ?" (5:2).

Nhưng câu chuyện được ghi chép lại ở đây cũng cho thấy rõ là bằng cách giáng xuống những hình phạt khác nhau, Đức Chúa Trời đang làm cứng lòng của Pha-ra-ôn (4:21 7:3 9:12 10:1,20,27 11:10 14:4,8,17). Phải chăng điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời bất công và Pha-ra-ôn không phải chịu trách nhiệm về những gì ông ta đã làm ? Không phải như thế, vì cùng một mặt trời làm tan chảy băng đá cũng có thể làm cứng đất sét. Tất cả tùy thuộc vào bản chất của vật chất.

Cho đến lúc cuối cùng của cuộc tranh cãi (14:5), Pha-ra-ôn vẫn là một tội nhân kiêu ngạo mà không ăn năn, ông ta đã từ chối nghe Lời Đức Chúa Trời, không làm theo ý muốn của Ngài, hay thậm chí là không giữ lời hứa của mình với dân Do Thái. Chúa đã tỏ ra các chứng cớ quá đủ để thuyết phục ông ta tin rằng các thần của Ai Cập là giả dối và Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ là Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống. Pha-ra-ôn đã phạm tội nghịch với sự sáng; và dù Đức Chúa Trời đã sử dụng ông ta để thực hiện cho những mục đích của Ngài, Pha-ra-ôn đã tự mình quyết định và tự mình trở nên cứng lòng nghịch với Đức Chúa Trời [24]

Ông ta cứng lòng trước sự thương xót của Đức Chúa Trời (Xu 8:8-15). Đời sống của dân Ai Cập thật là khốn khổ vì sự xâm lấn của ếch nhái, sự xâm lấn này nhiều đến nỗi Pha-ra-ôn phải yêu cầu Môi-se và A-rôn chấm dứt tai họa này. Ông ta thậm chí thừa nhận rằng loài ếch nhái là do Chúa giáng xuống. Pha-ra-ôn quá nôn nóng được giải thoát khỏi loài ếch nhái đến nỗi ông ta có ý muốn cho dân Do Thái tiến hành cuộc hành trình thờ phượng của họ nếu Môi-se và A-rôn làm theo yêu cầu của ông ta. Đây chỉ là một mưu mẹo để cất bỏ tai vạ này, dầu vậy Môi-se và A-rôn vẫn chìu theo ý ông ta.

Tại sao Môi-se để Pha-ra-ôn lựa chọn thời gian cho ếch nhái bỏ đi ? Để chứng minh với ông ta và dân ở đây rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời hằng sống, là Đấng nghe được lời của họ và đáp ứng những lời cầu nguyện của các tôi tớ Ngài. Tai vạ này không phải là một tai nạn quái đản; Đức Chúa Trời đang tể trị mọi sự. Nhưng tại sao Pha-ra-ôn không yêu cầu sự giải cứu *tức thời* khỏi loài ếch nhái ? Tại sao phải trì hoãn việc giải cứu cho đến ngày hôm sau ? Có lẽ ông đang đánh liều để may ra có thể ếch nhái tự chúng sẽ bỏ đi, và sau đó ông ta sẽ không phải giữ sự thỏa thuận của mình để

dân sự ra đi trong cuộc hành trình của họ. Hoặc có thể là Pha-ra-ôn muốn tin này lan ra rằng sự giải cứu sắp đến hầu cho sự ngóng trông của dân sự càng gia tăng. Ngày hôm sau đám đông sẽ chờ đợi và theo dõi, và nếu Môi-se thất bại, Pha-ra-ôn là người chiến thắng, và Giê-hô-va cùng các tôi tớ của Ngài sẽ chẳng còn được dân sự tin tưởng nữa.

Nhưng Môi-se sẽ không phải thất bại, vì ông và A-rôn đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời để tai vạ này sẽ chấm dứt. Đức Chúa Trời đã đáp lời, không phải bằng cách khiến cho ếch nhái trở về với sông hồ, nhưng bằng cách giết chết ếch nhái và do đó buộc dân sự phải đem vứt bỏ các xác chết và khử chúng đi. Nhưng làm sao bạn có thể tống khứ đi hằng đống ếch nhái đã chết ? Điều này không dễ dàng, và mùi hôi thối càng nhắc nhở dân Ai Cập về sự chống nghịch của vua họ đối với Đức Chúa Trời.

Môi-se và A-rôn đã giữ lời hứa của họ và Chúa cũng vậy; nhưng Pha-ra-ôn không giữ lời của ông ta để cho dân Do Thái ra đi. Ông ta thật sự không quan tâm đến việc giúp đỡ dân Y-sơ-ra-ên mà chỉ muốn được giải thoát khỏi tai vạ khủng khiếp về ếch nhái. Nhiều tội nhân không quan tâm đến việc ăn năn và tiếp nhận ân điển của Đức Chúa Trời. Họ chỉ muốn được giải cứu khỏi sự xét đoán của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, đây chỉ là một thời gian trì hoãn tạm thời; những sự xét đoán kinh khiếp nhất rồi sẽ đến.

Trong chức vụ mục sư của tôi, tôi đã gặp những người gặp hoạn nạn cách này hay cách khác, họ nài nỉ tôi cầu nguyện để Chúa sẽ giải cứu họ. Họ hứa đủ điều với tôi và với Chúa, cho biết điều họ sẽ làm nếu Ngài giúp họ. Nhưng khi Ngài nhân từ giúp đỡ họ, họ lại quên đi những lời hứa của mình và thậm chí quên cả Chúa. Tôi chưa bao giờ gặp lại họ. Họ hoàn toàn không giống với tác giả Thi Thiên là người đã viết: “Tôi sẽ đến đền thờ của Chúa với những của lễ thiêu và thực hiện những hứa nguyện của tôi với Chúa – những hứa nguyện mà môi tôi đã hứa và miệng tôi đã nói khi tôi ở trong sự gian truân” (Thi 66:13-14 NIV).

Ông ta cứng lòng trước quyền năng của Đức Chúa Trời (Xu 8:16-19). Trong việc cho dừng lại tai vạ về ếch nhái, Đức Chúa Trời đã nhân từ đối với Pha-ra-ôn, nhưng thay vì đầu phục sự thương xót của Đức Chúa Trời, vua càng cứng lòng hơn. Vì vậy Chúa đã giáng xuống tai vạ thứ ba và khiến bụi đất trở thành muỗi mòng [25] . Các thuật sĩ hoàng cung của Pha-ra-ôn không thể bắt chước phép lạ này và phải thừa nhận đây là “ngón tay của Đức Chúa Trời”. Nhưng ngay cả khi đối mặt với chứng cớ này, Pha-ra-ôn cũng không chịu đầu phục Chúa và chỉ càng cứng lòng hơn nữa. Sự thương xót của Đức Chúa Trời hay quyền năng của Ngài đều không khiến ông ăn năn và vâng lời Chúa.

Việc bụi sa mạc biến thành muỗi là một sự xét đoán đối với Sết, thần sa mạc của dân Ai Cập. Đức Giê-hô-va vĩ đại đến nỗi Ngài có thể ban sự sống cho bụi đất vô tri và sử dụng sự sống đó để trừng phạt những kẻ tôn sùng Sết. Tuy nhiên còn có một điều gì khác có liên quan đến ở đây. Dân Ai Cập nói chung, và các thầy tế lễ nói riêng đều rất cuồng tín trong sự sạch sẽ, các thầy tế lễ thường xuyên tắm rửa thân thể và cạo râu tóc để được các thần của họ chấp nhận. Hãy hình dung sự thất vọng và khó chịu của các thầy tế lễ khi thân thể họ bị xâm phạm bởi muỗi mòng ô uế khiến cho cuộc sống họ trở nên thật khốn khổ ! Và các thần của họ chẳng thể làm được gì để giải cứu cho họ !

Các thuật sĩ thất bại nhìn "ngón tay của Đức Chúa Trời" trong phép lạ này khi đó thật sự là "bàn tay mạnh mẽ (6:1) và "cánh tay duỗi thẳng" (6:6) của Đức Chúa Trời. Trong Kinh Thánh, "ngón tay của Đức Chúa Trời" cũng liên quan đến việc ban luật pháp (31:18 Phu 9:10), đến sự sáng tạo các từng trời (Thi 8:3), và việc đuổi tà ma (Lu 11:20). Tất cả những sự việc này đều bày tỏ về quyền lực và năng quyền của Đức Chúa Trời.

Nhưng Đức Chúa Trời không dừng lại với việc phán cùng Pha-ra-ôn hay xét đoán các thần của Ai Cập, Ngài còn 7 tai vạ nữa để giáng xuống trên họ, và khi các tai vạ này được thực hiện xong, cả dân Ai Cập sẽ sụp đổ.

"Sa vào tay Đức Chúa Trời hằng sống là sự đáng kinh khiếp thay" (He 10:31).

3. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, ĐẤNG MẠNH MẼ TRONG CHIẾN TRẬN (Xu 8:20-10:29)

Đức Chúa Trời nhân từ và nhẫn nại, nhưng sẽ đến một thời kỳ khi Ngài sẽ không còn khoan dung sự bất tuân và sự kiêu ngạo của tội nhân ngang ngạnh nữa. "Đối cùng kẻ trung tín Ngài tỏ mình thành tín, đối cùng kẻ trọn vẹn Ngài tỏ mình trọn vẹn, đối cùng kẻ thanh sạch Ngài tỏ mình thanh sạch, nhưng đối cùng kẻ trái nghịch Ngài tỏ mình nhặt nhiệm" (Thi 18:25-26 NIV). Nếu chúng ta bước đi đối nghịch cùng Ngài, Ngài sẽ nghịch lại với chúng ta (Le 26:23-24).

Charles Spurgeon đã viết "Đức Chúa Trời bày tỏ Ngài cho mỗi người tùy theo đặc tính của người ấy", và không một cá nhân nào trong Kinh Thánh minh họa cho lẽ thật này rõ hơn vị vua xứ Ai Cập. Trong suốt nhiều tháng, Môi-se và A-rôn đã đối phó cùng Pha-ra-ôn nhưng vua không muốn tuân theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời hoặc thậm chí không muốn thừa nhận uy quyền của Ngài. Các nguồn nước ở Ai Cập đã biến thành huyết, loài ếch nhái nhầy nhụa đã tấn công xứ, những bầy muỗi rất khó chịu đã châm chích dân sự, nhưng Pha-ra-ôn vẫn không chịu đầu phục.

Đức Chúa Trời đã làm gì ? Ngài tuyên bố cuộc chiến toàn lực trên vua Ai Cập và trên cả các thần của xứ này. Chúa đã giáng 6 tai vạ đau đớn và gây tàn hại cho xứ, và sau đó tai vạ thứ 7 đã đem đến sự chết của mọi con trai đầu lòng. Khi bạn nghiên cứu những phản ứng của Pha-ra-ôn đối với những tai vạ này, bạn sẽ thấy được tình trạng suy đồi về đạo đức và thuộc linh của một người không muốn đầu phục Đức Chúa Trời và phải trả một cái giá khủng khiếp cho sự chống nghịch của mình.

Chúng ta hãy xem xét những phản ứng của Pha-ra-ôn trước những sự xét đoán của Đức Chúa Trời, nhưng đồng thời, chúng ta cũng hãy xét lòng mình để biết xem chúng ta có đang đáp ứng một cách tích cực với ý muốn của Đức Chúa Trời hay không.

1. Mặc cả (Xu 8:20-32)

Vào những thời điểm nào đó trong năm, Pha-ra-ôn sẽ đi đến sông Nile linh thiêng để tham dự những nghi lễ tôn giáo đặc biệt, và chắc hẳn ông ta rất tức giận khi mà vào dịp lễ thánh đặc biệt đó lại thấy Môi-se và A-rôn đang chờ ông ta. Trong mắt Pha-ra-ôn, hai người là sự phiền toái của cả xứ này. Thật ra, Pha-ra-ôn mới là nguyên nhân gây ra những sự hoạn nạn trong xứ, nhưng ông ta hẳn sẽ không thừa nhận điều đó. Đức Chúa Trời đang đối đãi với Pha-ra-ôn trong sự thương xót, Ngài muốn đem ông ta đến chỗ thuận phục; vì chỉ khi chúng ta vâng lời Đức Chúa Trời thì chúng ta mới có thể thật sự hưởng được những phước hạnh từ nơi Ngài. Chỉ với một tai vạ,

Đức Chúa Trời đã có thể tiêu diệt Pha-ra-ôn và cả xứ của ông ta (9:15) nhưng Ngài đã chọn ban cho họ cơ hội để ăn năn.

Sự cảnh cáo của Đức Chúa Trời (8:20-21). Chúng ta đã lưu ý rằng trước khi giáng xuống 7 trong số 10 tai vạ, Đức Chúa Trời đã cảnh cáo Pha-ra-ôn điều gì sẽ xảy ra, nhưng dĩ nhiên là ông ta đã không chịu tin Lời Đức Chúa Trời và cứ ghì mài trong sự bất tuân của mình. Việc mỗi tai vạ đều đã xảy ra như Đức Chúa Trời mô tả, vào thời gian đã được báo trước, lẽ ra phải khiến Pha-ra-ôn và quần thần của ông ta tin rằng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đang tể trị những sự kiện kỳ lạ này. Các sự kiện này không phải bởi các thuật sĩ của Pha-ra-ôn làm nên, họ đã không thể ngăn chận hay đảo ngược chúng được, và các sự kiện này cũng không phải chỉ là những sự trùng hợp. Bàn tay của Đức Chúa Trời đã chống nghịch cùng xứ Ai Cập.

Ân điển của Đức Chúa Trời (8:22). Chúa thêm một đặc điểm mới cho tai vạ này bằng cách báo trước rằng dân Do Thái trong xứ Gô-sen [26] sẽ hoàn toàn thoát khỏi tai vạ này. Chỉ có Đức Chúa Trời vĩ đại của Y-sơ-ra-ên mới có thể điều khiển đường bay của những con ruồi bé nhỏ và ngăn cho chúng không vào xứ Gô-sen. Nhưng sự chăm sóc định liệu của Đức Chúa Trời đối với Y-sơ-ra-ên thật quá rõ ràng trong cả 7 tai vạ cuối cùng này bởi vì dân Do Thái đã thoát khỏi được từng tai vạ (c.22-23 Xu 9:4-11) "mọi dân Ai Cập " (c.26 10:6) "mọi dân Ai Cập" (c.23 11:7).

Thông thường trong Kinh Thánh, xứ Ai Cập tượng trưng cho thế gian với sự kiêu ngạo và ách nô lệ của nó, và cuộc hành trình của dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ai Cập đặc tả sự giải cứu cho dân sự của Đức Chúa Trời nhờ huyết chiên con (Gi 1:29 Ga 1:4 IPhi 1:18-19). Trong suốt khoảng thời gian Giô-sép ở tại Ai Cập, Pha-ra-ôn đã ban xứ Gô-sen cho dân Do Thái, và giờ đây Đức Chúa Trời biệt riêng nó cho dân sự Ngài. Bằng cách này Đức Chúa Trời đã tạo ra một "sự phân rẽ" giữa dân Ngài và dân Ai Cập. Từ đã được dịch là "sự phân rẽ" trong (Xu 8:23) có nghĩa là "một sự cứu chuộc, một sự giải cứu". Vì họ thuộc về Đức Chúa Trời một cách đặc biệt, dân Do Thái "khác" với dân Ai Cập nhưng Pha-ra-ôn không nhìn biết được điều này [27]

Sự phẫn nộ của Đức Chúa Trời (Xu 8:24). Sự việc đã xảy ra y như lời Đức Chúa Trời đã hứa, vào ngày hôm sau, hàng đàn ruồi mòng đã xâm chiếm đất, xông vào nhà cửa của dân chúng và ngay cả vào cung điện của vua. Nhưng ruồi mòng còn hơn cả sự phiền toái tức thời đối với dân sự vì sự xuất hiện của chúng cũng gây ra những vấn nạn về lâu về dài. Những đàn côn trùng này nhất định sẽ mang mầm bệnh đến cho dân sự, và rất có thể sẽ đẻ trứng trên cây cỏ, các ấu trùng sau đó sẽ cắn phá hoa màu và tàn hại đất. Một số học giả nghĩ rằng ruồi là vật linh thiêng tượng trưng cho thần Uatchit của dân Ai Cập, vì thế tai vạ này cũng là một phương cách Đức Chúa Trời đã dùng để hạ thấp một vị thần giả dối khác của Ai Cập.

Những đề nghị của Pha-ra-ôn (Xu 8:25-32). Trong suốt khoảng thời gian xảy ra những tai vạ này, Pha-ra-ôn đã bốn lần thương lượng cùng Môi-se và A-rôn. Hai lần thương lượng đầu được ghi lại ở đây khi xảy ra tai vạ về ruồi (c.25,28). Lần thương lượng thứ ba diễn ra trong lúc có tai vạ về cào cào (10:7-11), và lần thứ tư trong ba ngày có sự tối tăm (c.24-26). Việc Pha-ra-ôn thậm chí nghĩ rằng ông ta có thể mặc cả với Đức Chúa Trời là một bằng chứng khác về sự kiêu ngạo của ông ta. Loài người hay chết là chi, ngay cả ông ta là vua của một dân tộc hùng mạnh, lại dám mặc cả với ý muốn của Đức Chúa Trời ? Những đề nghị này đều nằm trong mưu đồ giả trá của Pha-ra-ôn nhằm để đánh lừa Môi-se và A-rôn vì lòng ông ta vẫn cứng cỏi và ương

bướng. Ông ta không quan tâm đến ý muốn của Đức Chúa Trời hay lợi ích của dân Do Thái. Tất cả những gì ông muốn là những tai vạ phải được dừng lại.

Dân sự của Đức Chúa Trời ngày nay phải đối diện với "những thỏa hiệp Ai Cập" như thế khi chúng ta mong muốn được hầu việc Chúa. Kẻ thù nói với chúng ta rằng không cần phải phân cách với tội lỗi, vì chúng ta có thể hầu việc Đức Chúa Trời ngay "trong xứ". Câu trả lời của Đức Chúa Trời được chép trong (IICo 6:14-18). Kẻ thù thì thầm: "Đừng đi quá xa, nếu không thì người ta sẽ gọi ngươi là một kẻ cuồng tín". Nhưng (Gia 1:27) và (Gia 4:4) đánh đổ lời đề nghị đó. Sự hầu việc thật trước mặt Đức Chúa Trời nghĩa là để cho Ngài có toàn quyền trên những gì thuộc về chúng ta và trên tất cả những người trong gia đình chúng ta mà chúng ta phải có trách nhiệm. Không thực hiện điều này là không làm theo (Mac 10:13-16 Eph 6:4 Phu 6:6-13). Một khi chúng ta bắt đầu thương lượng với ý muốn của Đức Chúa Trời và thấy rằng chúng ta càng gần với thế gian có nghĩa là trong lòng chúng ta đã không muốn vâng phục Ngài.

Trong lời đề nghị đầu tiên của mình, Pha-ra-ôn muốn cho dân Do Thái giữ lễ thờ phượng của họ trong xứ Ai Cập (Xu 8:25), Môi-se và A-rôn đã khước từ lời đề nghị này. Họ biết rằng dân Do Thái sẽ dâng tế lễ một số thú vật được xem là linh thiêng đối với dân Ai Cập [28] , và buổi nhóm thờ phượng trang nghiêm sẽ nhanh chóng biến thành một cuộc bạo loạn. Dân Do Thái là một dân sống tách biệt, họ ở vùng Gô-sen là nơi đã được Đức Chúa Trời biệt riêng ra, và họ phải biệt mình trong một cuộc hành hình ba ngày ra khỏi xứ Ai Cập để làm hài lòng Chúa.

Đề nghị thứ hai của Pha-ra-ôn là Y-sơ-ra-ên rời xứ nhưng đừng đi quá xa (c.28). Phụ lục về lời đề nghị của ông ta ("Nào, hãy cầu nguyện cho ta!" NIV) cho thấy rằng điều ông ta thật sự quan tâm là dứt ra khỏi những đàn ruồi. Bề ngoài, có vẻ như Môi-se và A-rôn đã chấp nhận đề nghị thứ hai này, vì Môi-se đã hứa sẽ đuổi khỏi những đàn ruồi. Có lẽ họ nghĩ họ có thể đi xa hơn một khi họ đã ra khỏi xứ, nhưng chắc chắn là họ đều biết rằng Pha-ra-ôn sẽ không giữ lời của mình. Pha-ra-ôn có thói quen hay nài xin sự giúp đỡ khi ông ta cần đến (c.8 9:28 10:16-17) và sau đó đổi ý khi tai vạ đã được cất đi (8:15,32 9:34-35 10:20). Đức Chúa Trời đã đáp lời cầu nguyện của Môi-se và cất những đàn ruồi đi, nhưng Pha-ra-ôn chỉ càng cứng lòng nhiều hơn.

2. Chống đối (Xu 9:1-12)

Khi bạn nghiên cứu về những ghi chép về các tai vạ của Ai Cập, hãy luôn nhớ đến những mục đích mà Đức Chúa Trời đang làm thành qua những sự kiện quan trọng này. Trước hết, Ngài đang bày tỏ quyền năng Ngài trước Pha-ra-ôn cùng quần thần của ông ta và chứng minh với họ rằng chỉ một mình Ngài là Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống. Đồng thời, Chúa đang phơi trần tính phù phiếm trong tôn giáo của Ai Cập và sự hư không của nhiều vị thần mà họ thờ lạy, kể cả chính Pha-ra-ôn. Tất cả những gì Đức Chúa Trời đã làm trên xứ Ai Cập là một sự nhắc nhở đối với dân sự Ngài rằng Đức Chúa Trời của họ đang chiến đấu cho họ và họ không phải lo lắng hay sợ hãi.

Tai vạ thứ năm (9:1-7). Môi-se thông báo với Pha-ra-ôn rằng nếu ông ta không để cho dân Y-sơ-ra-ên ra đi trong vòng 24 giờ thì mọi súc vật trong đồng ruộng của Ai Cập sẽ là mục tiêu kế tiếp cho sự bày tỏ quyền năng của Đức Giê-hô-va. Đức Chúa Trời sẽ giáng một dịch bệnh khủng khiếp trên ngựa, lừa, lạc đà, gia súc, chiên và dê trong các đồng ruộng, và chúng sẽ chết hết. Chúng ta không biết dịch bệnh này là gì và việc suy đoán cũng không đem lại kết quả gì. Có một điều chắc chắn là: Đức Chúa

Trời đã giáng tai vạ này và gia súc trong những đồng ruộng đã chết [29] Vì một số thần của Ai Cập được đồng nhất hóa với bò đực, bò cái, chiên và một số gia súc khác nên sự xét đoán này là một đòn công kích hữu hiệu đối với tín ngưỡng của dân Ai Cập.

Nhưng Đức Chúa Trời cũng giữ lời hứa của Ngài và bảo vệ cho đàn gia súc của dân Do Thái sống trong xứ Gô-sen. Khi Gia-cốp và gia đình ông đến Ai Cập trong khoảng thời gian đương quyền của Giô-sép, họ đã đem bầy chiên và bầy gia súc theo họ (Sa 45:10 47:1 50:8). Trong thời kỳ làm nô lệ, dân Do Thái được phép giữ lại gia súc, vì ở cuộc hành trình rời khỏi Ai Cập, họ đã đem theo bầy chiên và bầy gia súc của mình (Xu 12:37-38).

Pha-ra-ôn đã đáp ứng ra sao với tai vạ khủng khiếp này ? Ông ta cứng lòng và chống lại quyền lực của Chúa. "Người nào hằng kính sợ luôn luôn lấy làm có phước thay; còn ai cứng lòng mình sẽ sa vào tai nạn" (Ch 28:4). Ngược lại với một tấm lòng cứng cỏi là một tấm lòng kính sợ Đức Chúa Trời, và sự kính sợ này sẽ thúc đẩy chúng ta vâng theo những mệnh lệnh của Chúa. "Kính sợ Đức Giê-hô-va ấy là khởi đầu sự khôn ngoan" (Ch 9:10), nhưng người cứng lòng không biết Đức Chúa Trời và lẽ thật của Ngài (Eph 4:18).

Tai vạ thứ sáu (Xu 9:8-12). Không có sự cảnh cáo nào được bày tỏ trong khoảng thời gian này. Môi-se và A-rôn chỉ đi đến một trong các lò tro, đổ tro đầy bàn tay, rải ra trong không khí, và giao phó cho Đức Chúa Trời phần việc còn lại. Đức Chúa Trời đã giữ lời hứa của Ngài vì bất cứ nơi nào tro rơi trên dân Ai Cập và gia súc của họ đều sinh ra những mụt nhọt mưng mủ đau đớn. Một lần nữa, dân Do Thái ở xứ Gô-sen lại được bảo vệ (c.11) [30]

Pha-ra-ôn cho mời các thuật sĩ hoàng cung của ông ta đến, nhưng họ không thể đi đến cung điện. Những mụn nhọt cứ bám vào họ, và họ đã không thể làm gì được về điều đó ! Kinh nghiệm này không chỉ đau đớn mà còn bẽ bàng vì dân Ai Cập hay bị ám ảnh bởi sự tinh sạch về thuộc thể. Họ tắm rửa thường xuyên nhưng vết mưng mủ khiến cho việc tắm rửa rất khó khăn.

Xứ Ai Cập đang bị tàn phá và dân sự đang ở trong sự đau đớn cùng cực, nhưng Pha-ra-ôn vẫn không muốn khuất phục. Ông ta tiếp tục chống lại Chúa cùng các tôi tớ Ngài, và mỗi hành động của sự bất tuân chỉ càng làm ông ta cứng lòng hơn. "Người nào bị quở trách thường, lại cứng cổ mình, sẽ bị bại hoại thình lình, không phương cứu chữa" (Ch 29:1). Vì Pha-ra-ôn đã cứng lòng, điều tồi tệ nhất sẽ phải xảy ra.

3. Lừa dối (Xu 9:13-35)

Có vẻ như Môi-se đã không đạt được mục đích của mình, vì mỗi tai vạ mới chỉ làm cho tình thế trở nên tồi tệ hơn. Nhưng Đức Chúa Trời đang nắm quyền tể trị và Ngài biết điều Ngài đang làm. Chúa luôn có một lời hứa cho các tôi tớ Ngài. Tất cả những gì họ phải làm là lắng nghe, tin cậy và vâng lời.

Lời cảnh cáo thứ năm (Xu 9:13-21). Cho đến bây giờ, đây là lời cảnh cáo dài nhất, có lẽ vì nó báo cho biết về tai vạ gây sự tàn hại nặng nề nhất mà Đức Chúa Trời đã từng giáng xuống. Một lần nữa Môi-se rao ra mạng lệnh của Đức Chúa Trời rằng Pha-ra-ôn phải để cho dân Do Thái rời khỏi xứ này để có một cuộc nhóm họp biệt riêng ra cho Chúa, nhưng lần này Chúa thêm vào một lời cảnh cáo đặc biệt: Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ sắp dốc "toàn lực" về những tai vạ của Ngài trên Pha-ra-ôn, trên

dân sự và xứ này (c.14, NIV). Lòng Pha-ra-ôn trở nên cứng cỏi hơn, vì vậy sự trừng phạt của Đức Chúa Trời phải trở nên khắc nghiệt hơn.

Môi-se đã nhắc nhở vua về *lòng thương xót của Chúa*: "Vì nếu bây giờ ta giơ tay ra hành hại ngươi với dân sự ngươi bằng bệnh dịch, thì các ngươi đã bị diệt khỏi đất rồi" (c.15, NASB). Chỉ bởi lời phán ra, Đức Chúa Trời có thể diệt sạch toàn bộ xứ Ai Cập, nhưng trong sự thương xót của Ngài, Đức Chúa Trời đã không giáng cho tội nhân tất cả những gì họ đáng phải nhận lãnh. Lẽ ra Pha-ra-ôn phải biết ơn Ngài, nhưng ông ta cứ tiếp tục chống đối Chúa.

Môi-se cũng nhắc nhở Pha-ra-ôn về *ân điển của Đức Chúa Trời* (c.16), một bài học mà nhiều nhà độc tài đã phải học một cách khó khăn (Da 4:28-33 Cong 12:20-24). Nếu không nằm trong ý muốn tối cao của Đức Chúa Trời thì Pha-ra-ôn đã không thể làm vua Ai Cập. Mỗi lần Pha-ra-ôn chống nghịch cùng Đức Chúa Trời, Chúa đã dùng chính hoàn cảnh đó để bày tỏ quyền năng Ngài và làm vinh hiển danh Ngài. Nếu Pha-ra-ôn tự nhắc mình lên nghịch với Đức Chúa Trời thì Đức Chúa Trời sẽ tôn cao chính Ngài qua Pha-ra-ôn (Xu 9:16). Phao-lô đã trích dẫn c.16 trong (Ro 9:17) như một lời giải thích của ông về sự công bình và thương xót của Đức Chúa Trời có liên quan đến Y-sơ-ra-ên [31]

Ngày hôm sau, Đức Chúa Trời giáng "cơn mưa đá lớn nhất chưa từng rơi trên Ai Cập" (9:18 NIV), vì vậy Môi-se khuyên dân sự tập trung tại một nơi an toàn cùng tất cả gia súc không ở trong đồng ruộng và còn sống sót qua tai vạ thứ năm. Ngay cả một số tôi tớ của Pha-ra-ôn giờ đây cũng tin Lời Đức Chúa Trời và làm theo lời ấy, nhưng vua của họ vẫn tiếp tục cứng lòng.

Tai vạ thứ bảy (9:22-26). Ngày kế tiếp, Môi-se giơ cây gậy của ông lên trời, và Đức Chúa Trời giáng sấm động [32], mưa (c.33), đá và sét chạy trên đất. Bất cứ người hay thú vật vật nào không ở dưới mái che bị giết chết, còn thực vật và cây cối trong đồng ruộng đều bị hủy hoại. Vì cây gai và lúa mạch đã sẵn sàng cho mùa gặt (c.31) nên tai vạ này chắc đã xảy đến trong tháng 1 hoặc tháng 2. Một lần nữa, Chúa bảo vệ dân Ngài trong xứ Gô-sen và tai vạ đã không chạm đến họ.

Lời nói dối khác của vua (Xu 9:27-35). Nhìn thấy sự tàn phá trong xứ mình, Pha-ra-ôn nhanh chóng cho mời Môi-se và A-rôn đến, là việc mà ông ta cũng đã làm trước đó (8:8) và sẽ làm lần nữa (10:16). Tuy nhiên, lần này vị vua kiêu ngạo đã nhận biết sự công bình của Đức Chúa Trời và thừa nhận rằng ông phạm tội ! (ông ta lại sẽ thừa nhận điều này. Xem 10:17). Tuy nhiên, sự xưng tội của ông ta không thành thật vì nó không dẫn đến sự vâng lời [33] . Môi-se biết rằng vua này thật sự không kính sợ Chúa. Tất cả những gì Pha-ra-ôn và quần thần của ông ta muốn là dừng lại cơn mưa đá khủng khiếp này.

Đức Chúa Trời trong ân điển Ngài đã nhậm lời cầu nguyện của Môi-se và cho dừng lại tai vạ. Pha-ra-ôn trong sự lừa dối của mình đã thất hứa và không để dân Y-sơ-ra-ên ra đi. Cho đến khi nào ông ta mới hiểu được rằng không thể chống lại Đức Chúa Trời và chiến thắng Ngài ?

4. Nài xin (Xu 10:1-20)

Khi Đức Chúa Trời đưa ra những chỉ dẫn cho Môi-se trong lần gặp mặt kế tiếp của ông với Pha-ra-ôn, Ngài thêm vào một lý do nữa cho sự bày tỏ kỳ diệu về những việc

lạ lùng Ngài đã làm qua các tai vạ: là để dân Do Thái có thể nói cho những thế hệ nối tiếp về quyền năng kinh khiếp của Đức Chúa Trời vĩ đại của họ.

Mục đích này cũng đã được ghi lại trong kỳ lễ Vượt qua (Xu 12:26-27 13:8,14-15). Dù ở tại gia đình hay trong Hội Thánh địa phương, việc giúp cho mỗi thế hệ mới được biết và trân trọng cách thức mà Đức Chúa Trời đã hành động thay cho các thế hệ đi trước là cần thiết. Nhớ lại và cảm tạ về những công việc kỳ diệu của Đức Chúa Trời là một trong những chủ đề cơ bản của sách Phục Truyền luật lệ ký, kể cả về điều những mà Chúa đã làm cho Pha-ra-ôn (Phu 4:34 7:18-19 26:5-8 29:1-3).

Sự chất vấn (Xu 10:3-11). Có 3 câu hỏi tóm tắt cho cuộc chạm trán này với Pha-ra-ôn. Thứ nhất, Môi-se và A-rôn hỏi Pha-ra-ôn ông ta sẽ chống cự trong sự kiêu ngạo và không chịu hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời cho đến chừng nào. Cần có nhiều can đảm để nói cho bất cứ vị vua nào vào thời xưa biết rằng ông ta kiêu ngạo, đặc biệt đối với vua Ai Cập là người được tôn sùng như một vị thần. Tuy nhiên, Môi-se và A-rôn biết rằng Chúa sẽ bảo vệ họ và đã làm theo Lời Ngài. Họ cảnh cáo Pha-ra-ôn rằng nếu ông ta không vâng lời, những đàn cào cào lúc nhúc sẽ vào trong xứ hủy hoại mọi vật gì chưa bị hủy hoại bởi mưa đá. Môi-se và A-rôn không chờ đợi một câu trả lời hay một lời hứa giả dối khác; họ rao ra sứ điệp và rời khỏi cung điện.

Câu hỏi thứ hai đến từ các quần thần của Pha-ra-ôn "Người này sẽ là một cái bẫy cho chúng ta đến chừng nào ?" (c.7). Họ gợi ý rằng Pha-ra-ôn đã sai lầm trong việc không để cho dân Do Thái đi, và thậm chí họ còn dám nhắc nhở ông ta rằng chính sách bài Do Thái của ông đã tàn diệt xứ Ai Cập. Các quần thần chắc chắn đã rất can đảm để nói về điều này cách dạn dĩ với Pha-ra-ôn, nhưng dân tộc họ đang ở trong tình cảnh tuyệt vọng và cần có ai đứng ra để làm một điều gì đó. Việc dân Do Thái tạm thời rời bỏ công việc của họ để ra đi thì sẽ có thể gây ra những tổn hại gì ?

Pha-ra-ôn đã cho gọi Môi-se và A-rôn trở lại cung điện và đưa ra câu hỏi thứ ba: "Ai là những người sẽ đi ?" (c.8 NASB). Môi-se cho biết rõ rằng Đức Chúa Trời muốn mọi người đều phải đi trong cuộc hành trình kéo dài 3 ngày này. Điều này nghĩa là phải có cả đàn ông, đàn bà, trẻ em, người trẻ tuổi và người già cả, cũng như cả bầy chiên và bầy gia súc sẽ được dùng để làm của lễ dâng lên cho Chúa. Pha-ra-ôn yêu cầu chỉ để những người nam thực hiện cuộc hành trình này vì biết rằng ông ta có thể giữ lại gia đình của họ để làm con tin, và có sự bảo đảm rằng họ sẽ trở lại Ai Cập, nhưng đó là một đề nghị mà Môi-se và A-rôn đã khước từ.

Trong phản ứng giận dữ của mình (c.10-11), Pha-ra-ôn đã nói phạm đến danh Đức Chúa Trời. Theo nguyên văn, ông đã nói: "Nguyện Chúa ở cùng các ngươi nếu ta để cho ngươi và con cái các ngươi đi !". The Living Bible đã chú giải lại câu đó rằng, "Trong danh Đức Chúa Trời ta sẽ không để cho các ngươi đem theo con cái của các ngươi đi !" Pha-ra-ôn hiểu lời yêu cầu của Môi-se và A-rôn như một âm mưu xấu xa để bảo đảm cho sự thoát khỏi ách nô lệ của họ tại xứ Ai Cập. Nếu mọi người đàn ông Do Thái đều ra đi đem theo gia đình cùng với gia súc của họ thì họ sẽ không bao giờ phải quay trở lại !

Đó là phần kết thúc của cuộc thẩm vấn, và Pha-ra-ôn lệnh cho quần thần của ông ta đuổi Môi-se và A-rôn ra khỏi cung điện. Về phần mình, Pha-ra-ôn đã xong việc với Môi-se và A-rôn, và sẽ không bao giờ phải nghe những sứ điệp của họ đến từ Chúa. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã có những kế hoạch khác, và chẳng bao lâu, Pha-ra-ôn sẽ lại nài xin sự giải cứu và sự giảm nhẹ khỏi hình phạt.

Sự xâm lấn (10:12-15). Đức Chúa Trời đã nhìn thấy và nghe được toàn bộ cuộc đối đáp giữa Môi-se và Pha-ra-ôn , và Ngài đã sẵn sàng để đáp lại sự lộng ngôn và sự bất tuân của Pha-ra-ôn. Khi Môi-se giơ cây gậy của ông lên trời, Đức Chúa Trời sai một ngọn gió đông thổi vào buổi chiều và cả đêm hôm đó. Ngọn gió đã đem vô số đàn cào cào vào trong xứ, chúng bắt đầu cắn phá tất cả các loại hoa màu còn sót lại sau tai vạ trước (9:32). Vì các sinh vật này tấn công "mọi người dân Ai Cập" (10:6) nên có thể đưa đến kết luận rằng dân Y-sơ-ra-ên đã thoát khỏi tai vạ tàn hại này.

Nếu từ vựng có thể bày tỏ được ý nghĩa thì cào cào là một sinh vật có ý nghĩa trong thế giới thời Cựu Ước, vì có ít nhất 7 từ Hê-bơ-rơ khác nhau trong Kinh Thánh đề cập đến nó. Dân Do Thái được phép ăn những loại cào cào nào đó (Le 11:20-23 Phu 14:19-20 Mat 3:1-4), nhưng đa phần, họ ghét các sinh vật này vì chúng có thể cắn phá toàn bộ hoa màu từ một khu vực nào đó với tốc độ thật kinh khiếp. Dân Y-sơ-ra-ên dùng hình ảnh đàn cào cào để mô tả bất cứ điều gì nhanh chóng xâm nhập và tàn phá xứ sở của họ (Cac 6:5 7:12 Es 33:4 Gie 46:23 51:14,27) và tiên tri Giô-ên đã ví sánh những con cào cào với một đội quân xâm lược (Gio 1:1-2:32 Am 7:1-3).

Sự cầu thay (Xu 10:16-19). Nếu quần thần của Pha-ra-ôn nghĩ rằng Ai Cập đã bị sụp đổ (c.7), vậy ý kiến của họ về tình cảnh sau khi cào cào đến là gì ? Trong một thời gian ngắn, không một thứ cây cỏ nào còn lại bất cứ nơi nào trong xứ, và các sinh vật này đã xâm lấn nhà cửa cũng như các cánh đồng (c.6). Đó là thiên tai gây tàn phá nhất đã giáng xuống xứ Ai Cập trong lịch sử của xứ này. Qua việc hủy phá hoa màu, Đức Chúa Trời không chỉ làm cho xứ phá sản, Ngài còn đắc thắng trên Osiris, thần của sự màu mỡ và mùa màng tại Ai Cập. Ngài cũng cho thấy rằng Ngài có quyền tể trị trên gió.

Một lần nữa Pha-ra-ôn lại tìm đến sự giải vây mà không muốn ăn năn, và Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót đã chấp nhận lời yêu cầu của ông ta. Đức Chúa Trời đã chứng minh sự vĩ đại của Ngài bằng cách đảo ngược những cơn gió và đem tất cả cào cào xuống Biển Đỏ. Trong một thời gian ngắn, Ngài sẽ làm cho quân đội của Pha-ra-ôn chìm dưới Biển Đỏ, và sau đó dân Y-sơ-ra-ên sẽ được tự do để tiến vào Vùng Đất Hứa của họ.

5. Đe dọa (Xu 10:21-29)

Chúng ta không biết bao lâu sau khi cào cào rời khỏi Ai Cập thì Đức Chúa Trời giáng xuống tai vạ thứ 9, nhưng sự tối tăm khắp xứ trong ba ngày đã chứng minh rằng Đức Giê-hô-va vĩ đại hơn Ra (hoặc Re) và Horus, cả hai đều được dân Ai Cập tôn sùng như thần mặt trời. Sự tối tăm không phải là kết quả tự nhiên của một cơn bão cát nhưng là một phép lạ từ bàn tay Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ. Dân Y-sơ-ra-ên vẫn có ánh sáng trong xứ Gô-sen, như họ vẫn sẽ có ánh sáng khi ra khỏi Ai Cập (14:19-20). Dân của thế gian (dân Ai Cập) bước đi trong sự tối tăm nhưng dân của Đức Chúa Trời bước đi trong sự sáng (Gi 3:19-21 IGi 1:5-10).

Luôn cầu cứu ngay khi gặp hoạn nạn, Pha-ra-ôn đã cho gọi Môi-se và A-rôn đến và đưa ra một lời đề nghị nữa. Dân Do Thái có thể tiến hành cuộc hành trình của họ để thờ phượng Chúa, nhưng họ không được đem theo bầy chiên và bầy gia súc của họ. Ý định của Pha-ra-ôn là tịch thu toàn bộ gia súc của họ để thế vào những gì ông ta đã mất đi trong những tai vạ, và sau đó phái quân đội đem dân Do Thái trở lại với kiếp nô lệ cho Ai Cập. Môi-se và A-rôn đã bác bỏ đề nghị này, không chỉ vì họ nhìn

thấy rõ bản chất của kế hoạch gian xảo của ông ta, mà còn vì họ biết rằng dân Y-sơ-ra-ên phải vâng theo mọi ý muốn của Đức Chúa Trời.

Pha-ra-ôn là một người kiêu ngạo, và những người kiêu ngạo không thích bị đánh lừa bởi những người mà họ xem là thấp kém hơn họ. Môi-se và A-rôn đã từ chối bốn lời đề nghị của ông ta và họ cứ khăng khăng rằng ông ta phải để cho dân Y-sơ-ra-ên đi. Hai người Do Thái khiêm nhường này đã tỏ mình mạnh mẽ hơn cả Pha-ra-ôn cao quý của Ai Cập - con trai của các thần. Bằng những sự đoán phạt đầy quyền năng của Ngài, Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ đã bắt dân tộc Ai Cập hùng mạnh phải khuất phục, và Môi-se đã được quần thần của Pha-ra-ôn cùng dân chúng trong xứ rất trọng vọng (Xu 11:3).

Pha-ra-ôn là một người chiến bại, nhưng ông ta sẽ không thừa nhận điều đó. Trái lại, ông ta dùng quyền hành của mình để tìm cách đe dọa Môi-se. Ông ta cảnh cáo Môi-se rằng nếu ông trở lại cung điện để gặp Pha-ra-ôn thì ông sẽ bị giết chết. Sẽ không có một cuộc tiếp kiến chính thức nào nữa trước mặt Pha-ra-ôn.

Nhưng trước khi Môi-se rời cung điện, ông đã rao ra lời cảnh báo sau cùng của Đức Chúa Trời về tai vạ cuối, đó là tai vạ về sự chết của con đầu lòng (c.4). Ở đây dường như đã có sự phân đoạn không thích hợp vì giữa (10:28) và (10:29), có lẽ Môi-se đã rao ra lời cảnh báo cuối cùng của ông, và sau đó ông đã rời cung điện trong sự phẫn nộ [34] Pha-ra-ôn đe dọa giết Môi-se, nhưng Đức Chúa Trời sẽ giết hết mọi con trai đầu lòng trong xứ Ai Cập và nhận chìm những toán quân thiện chiến của Ai Cập. Mặc cho điều Pha-ra-ôn nói về việc sẽ không gặp lại Môi-se, vào đêm lễ Vượt Qua, Pha-ra-ôn sẽ một lần nữa cho gọi Môi-se và cầu xin sự giúp đỡ của ông (12:31).

Sự cứng lòng của Pha-ra-ôn là một lời cảnh cáo cho tất cả chúng ta. Nếu tấm lòng của tội nhân không đáp ứng với Lời Đức Chúa Trời bởi đức tin thì không thể được biến đổi bởi ân điển Đức Chúa Trời(Exe 36:26-27 He 8:7-13). Thay vào đó, nếu tấm lòng nào càng chống nghịch với lẽ thật của Đức Chúa Trời thì nó sẽ càng trở nên cứng cỏi hơn. Dù Đức Chúa Trời có thể giáng tai họa bao nhiêu lần chăng nữa thì điều này cũng chỉ làm thêm lên sự bất tuân. Vào những ngày sau rốt, khi Đức Chúa Trời giáng những sự xét đoán kinh khiếp của Ngài trên thế gian (Kh 6:1-16:21) [35] , người ta sẽ rủa sả Đức Chúa Trời và cứ ghì mài trong tội lỗi của họ, nhưng họ sẽ không ăn năn (Xu 6:15-17 9:20-21 16:9,11). Sẽ có cả một thế giới đầy dẫy những người nam người nữ giống như Pha-ra-ôn sẽ nhìn thấy những sự xét đoán của Đức Chúa Trời mà vẫn không ăn năn.

“Ngày nay, nếu các ngươi nghe tiếng Ngài, thì chớ cứng lòng” (He 8:7 NKJV).

“Sa vào tay Đức Chúa Trời hằng sống là sự đáng kinh khiếp thay” (10:31)

4. MỘT TAI VẠ NỮA (Xu 11:1-13:16)

Phân đoạn này tập trung vào một chủ đề không ai thích nghe, đó là sự chết. Vua Giê-hô-va (Thi 95:3) sẽ đặt vua Pha-ra-ôn đối mặt với một vị vua khác – thần chết, là “vua của sự kinh khiếp” (Giop 18:14). Kẻ thù cuối cùng, sự chết (ICo 15:26), sẽ hoành hành Ai Cập qua tai vạ cuối cùng, và giáng một đòn cuối trên vị vua kiêu ngạo của Ai Cập. Trong một đêm buồn bã, tất cả các con trai đầu lòng cùng mọi súc vật đầu lòng ở Ai Cập sẽ chết, và sẽ có một tiếng kêu khóc lớn trong cả xứ (Xu 11:6 12:30). Chỉ đến khi đó Pha-ra-ôn mới để cho dân của Đức Chúa Trời ra đi.

Tuy nhiên, sự chết sẽ không đến trên dân Do Thái và bầy gia súc của họ trong xứ Gô-sen vì dân Y-sơ-ra-ên thuộc về Chúa, và là một dân được biệt riêng cho Ngài. Trong cả xứ Gô-sen, chỉ những chiên con một tuổi vô tội mới là những con vật sẽ chịu chết, một con cho mỗi gia đình Do Thái. Đêm này sẽ đánh dấu sự mở đầu của lễ Vượt Qua, đây là quốc lễ đầu tiên của Y-sơ-ra-ên. Trong chương này, chúng ta cần xét đến năm khía cạnh khác nhau của lễ Vượt Qua.

1.Lễ Vượt Qua và dân Ai Cập (Xu 11:1-10)

Dân Ai Cập đã rất tức giận bởi 6 tai vạ đầu tiên, sau đó, xứ họ cùng những của cải của họ cũng đã bị tàn hại bởi hai tai vạ kế tiếp. Tai vạ thứ chín, ba ngày tối tăm, đã chuẩn bị cho tai vạ kinh khiếp nhất sẽ xảy ra, là lúc mà các sứ giả của thần chết sẽ đến trên xứ. "Ngài thả nghịch chúng nó với cơn giận dữ của Ngài, sự thạnh nộ, sự căm phẫn và sự thù địch – tức là một đoàn thiên sứ đem đến sự hủy diệt" (Thi 78:49 NIV).

Môi-se nghe Lời Đức Chúa Trời (Xu 11:1-3). Những câu này mô tả điều đã xảy ra trước khi Môi-se được mời đến cung điện để nghe lời đề nghị cuối cùng của Pha-ra-ôn (10:24-29). Lời rao báo của Môi-se (11:4-8) được rao ra giữa các câu 26 và 27 của đoạn 10 và kết thúc với hành động Môi-se rời khỏi cung điện trong sự giận dữ tột độ (10:29 11:8).

Đức Chúa Trời cho Môi-se biết Ngài sẽ giáng một tai vạ nữa cho Ai Cập, một tai vạ khủng khiếp đến nỗi Pha-ra-ôn không chỉ sẽ cho dân Y-sơ-ra-ên ra đi mà còn sẽ *hạ lệnh* cho họ phải đi. Pha-ra-ôn sẽ duổi họ ra khỏi xứ, và vì thế làm ứng nghiệm lời hứa Đức Chúa Trời đã lập trước cả khi những tai vạ bắt đầu (6:1 12:31-32,39).

Môi-se cho dân Do Thái biết rằng đã đến lúc họ sẽ nhận lấy tiền công chưa được trả cho tất cả các công việc mà họ và tổ tiên họ đã làm khi còn là nô lệ tại Ai Cập. Trong Kinh Thánh Authorized Version, từ dịch là "mượn" thì trong tiếng Hê-bơ-rơ chỉ có nghĩa là "đòi hỏi hay yêu cầu". Dân Do Thái không có ý định trả lại những gì dân Ai Cập đã cho họ, vì của cải đó là khoản phải trả cho một món nợ còn tồn đọng mà Ai Cập đã nợ Y-sơ-ra-ên. Đức Chúa Trời đã hứa với Ap-ra-ham rằng con cháu ông sẽ rời Ai Cập "với nhiều của cải" (Sa 15:14). Và Ngài đã nhắc lại lời hứa đó với Môi-se (Xu 3:21-22). Đức Chúa Trời đã ban cho tôi tớ Ngài là Môi-se sự tôn trọng rất lớn giữa vòng dân Ai Cập, và giờ đây Ngài sẽ ban cho dân Do Thái đặc ân lớn với dân Ai Cập, họ sẽ cho dân Do Thái của cải của họ một cách rời rộng (12:36-37).

Môi-se cảnh cáo Pha-ra-ôn (11:4-10). Đây là những lời cuối cùng của Môi-se trước Pha-ra-ôn, và ông ta đã chối bỏ điều đó như ông ta đã từng chối bỏ những lời cảnh báo khác. Pha-ra-ôn không có sự kính sợ Đức Chúa Trời trong lòng, do đó ông không xem trọng những lời của Môi-se. Nhưng qua sự chối bỏ Lời Đức Chúa Trời, Pha-ra-ôn đã khiến cho những người nam trẻ tuổi, tuấn tú trong xứ phải chết, và vì thế đã chuốc lấy sự đau buồn cho chính ông ta và dân sự của ông ta.

Tại đây, có hai câu hỏi cần được nêu ra (1) Tại sao Đức Chúa Trời chỉ giết con đầu lòng ?(2) Hành động như thế thì liệu Ngài có công bình chăng khi Pha-ra-ôn mới là thủ phạm thật ? Nếu giải đáp được câu hỏi đầu tiên thì sẽ giúp cho chúng ta trả lời câu hỏi thứ hai.

Trong hầu hết các nền văn hóa, con trai đầu lòng được xem là đặc biệt, và ở Ai Cập họ được xem là thiêng liêng. Chúng ta phải nhớ rằng Đức Chúa Trời gọi Y-sơ-ra-ên là con trưởng nam của Ngài (Xu 4:22 Gie 31:9 Os 11:1). Ngay từ đầu cuộc xung đột

của họ, Môi-se đã cảnh cáo Pha-ra-ôn rằng cách ông ta đối xử với con đầu lòng của Đức Chúa Trời sẽ quyết định cách Đức Chúa Trời đối xử với con đầu lòng của Ai

Khi bạn đọc sách Sáng Thế ký, bạn biết rằng Đức Chúa Trời thường khước từ con trưởng nam và chọn con trai thứ để tiếp nối dòng dõi và nhận lãnh phước hạnh đặc biệt của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời chọn A-bên, và sau đó là Sết, chớ không phải Ca-in; Ngài chọn Sem, không phải Gia-phết; Y-sác chớ không phải Ích-ma-ên; và Gia-cốp chớ không phải là Ê-sau.

Những sự chọn lựa này không chỉ bày tỏ ân điển lớn lao của Đức Chúa Trời, nhưng đây còn là một cách nói tượng trưng rằng sự sinh ra lần đầu tiên của chúng ta không được Đức Chúa Trời chấp nhận. Chúng ta phải kinh nghiệm một sự sinh ra thứ hai, một sự sinh ra về thuộc linh trước khi Đức Chúa Trời có thể chấp nhận chúng ta (Gi 1:12-13 3:1-18). Con trưởng nam tượng trưng cho điều tốt nhất của loài người, nhưng vẫn chưa phải là một điều tốt đẹp đối với một Đức Chúa Trời thánh khiết. Bởi sự sinh ra lần thứ nhất, chúng ta thừa kế bản chất tội lỗi của A-đam và bị hư mất (Thi 51:5-6) nhưng khi chúng ta kinh nghiệm được sự sinh ra lần thứ hai bởi đức tin nơi Đấng Christ, chúng ta sẽ tiếp nhận bản chất thiêng liêng của Đức Chúa Trời và được chấp nhận trong Đấng Christ (IIPhi 1:1-4 Ga 4:6 Ro 8:9).

Pha-ra-ôn và dân Ai Cập đã phạm tội nghịch với sự sáng và sỉ nhục sự thương xót của Đức Chúa Trời – Chúa đã chịu đựng sự chống nghịch và sự thiếu hiểu biết của vua Ai Cập, cũng như cách đối xử độc ác của ông ta đối với dân Do Thái trong một thời gian quá lâu. Đức Chúa Trời đã cảnh cáo Pha-ra-ôn nhiều lần, nhưng ông vẫn không đầu phục Ngài. Đức Giê-hô-va đã công khai làm bẽ mặt các thần của Ai Cập và chứng Cập (Xu 4:22-23). Pha-ra-ôn đã tìm cách giết hại các bé trai Do Thái và quần thần của ông ta đã ngược đãi các nô lệ Do Thái một cách tàn bạo, vì vậy, qua việc giết các con đầu lòng của Ai Cập, Chúa chỉ đang đáp trả lại Pha-ra-ôn những gì mà ông ta đã làm.

Sự vay trả là một luật cơ bản của đời sống (Mat 7:1-2), và Đức Chúa Trời không phải bất công trong việc cho phép luật này hoạt động trong thế gian. Pha-ra-ôn đã nhận chìm những em bé Do Thái, vì vậy Đức Chúa Trời nhận chìm quân đội của Pha-ra-ôn (Xu 14:26-31 15:4-5). Gia-cốp đã nói dối với Y-sác cha mình (Sa 27:15-17), và nhiều năm sau đó, những con trai của Gia-cốp đã nói dối với ông (37:31-35). Đa-vít đã phạm tội tà dâm và sai giết hại chồng của người đàn bà này (IISa 11:27), con gái của Đa-vít bị cưỡng hiếp và hai trong số những con trai ông bị giết (13:1-29 18:1-33). Ha-man đã dựng một giá treo cổ để treo Mạc-đô-chê lên đó, nhưng chính Ha-man đã bị treo lên đó (Exo 7:7-10). “Chớ hề dối mình, Đức Chúa Trời không chịu khinh dễ đâu, vì ai gieo giống chi lại gặt giống ấy” (Ga 6:7).

Đối với sự công bằng của tai vạ thứ 10 này, ai có thể xét đoán những hành động của Chúa khi “sự công bình và sự chính trực là nền của ngôi Chúa” (Thi 89:14) ? Nhưng vì sao sự chống đối Đức Chúa Trời của một người lại gây nên sự chết của nhiều người nam trẻ tuổi vô tội ? Tuy nhiên, những sự kiện tương tự vẫn đang xảy ra trong thế giới của chúng ta ngày nay. Có bao nhiêu nam và nữ quân nhân đã chết có cơ hội bỏ phiếu để ủng hộ hay chống lại một cuộc chiến tranh ? Và về “sự vô tội” của những con trai đầu lòng này, chỉ có Đức Chúa Trời mới biết lòng người và có thể xét đoán một cách công bình trọn vẹn. “Đấng đoán xét toàn thế gian há lại không làm sự công

bình sao ?" (Sa 18:25).minh chính Ngài là Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống duy nhất, nhưng dân Ai Cập vẫn sẽ không tin nhận Ngài.

"Vì án phạt nghịch với việc ác không được thi hành nhanh chóng, nên lòng con loài người chuyên làm điều ác" (Tr 8:11 NKJV). Sự thương xót của Đức Chúa Trời, lẽ ra đã đem Pha-ra-ôn đến chỗ thuận phục; thay vì thế, ông ta lại nhiều lần cứng lòng. Quần thần của Pha-ra-ôn đã hạ mình trước Môi-se (Xu 11:8); tại sao Pha-ra-ôn không thể làm theo gương của họ ? "Sự kiêu ngạo đi trước sự bại hoại, và tánh tự cao đi trước sự sa ngã" (Ch 16:18 NKJV).

2. Lễ Vượt Qua và dân Y-sơ-ra-ên (Xu 12:1-28,43-51)

Lễ Vượt Qua đánh dấu một khởi đầu mới đối với dân Do Thái và kết hợp họ lại thành một dân tộc [36] . Khi Chúa giải phóng bạn khỏi ách nô lệ, đó là bình minh của một ngày mới và khởi đầu của một đời sống mới. Mỗi khi bạn gặp những từ "cứu chuộc" hay "sự cứu chuộc" trong Kinh Thánh Tân Ước thì chúng đang nói về sự tự do khỏi cảnh nô lệ (ước tính có 60 triệu nô lệ ở đế quốc La Mã). Các tín đồ Do Thái lại sẽ nghĩ ngay đến lễ Vượt Qua và sự giải cứu Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập nhờ huyết chiên con.

Trong thời Cựu Ước, dân tộc Do Thái sử dụng hai hệ thống lịch, loại lịch thường bắt đầu vào tháng 9-10 của chúng ta, và loại lịch tôn giáo bắt đầu vào tháng 3-4 của chúng ta. Ngày đầu Năm Mới của một năm thường ("Rosh Hashana" - "bắt đầu của năm") rơi vào tháng thứ bảy của lịch tôn giáo và mở đầu cho các sự kiện đặc biệt trong tháng Tishri: Lễ hội Kèn Trompet, Lễ Chuộc Tội, và Lễ Đền Tạm. Nhưng Lễ Vượt Qua đánh dấu cho sự khởi đầu của một năm tôn giáo, và tại Lễ Vượt Qua, sự tập trung chủ yếu là về chiên con.

Câu hỏi của Y-sác "Chiên con ở đâu ?" (Sa 22:7) đã giới thiệu một trong những chủ đề chính của sách Tân Ước vì dân sự của Đức Chúa Trời vào lúc ấy đang mong chờ Đấng Mê-si-a. Câu hỏi này cuối cùng đã được Giăng Báp-tít trả lời khi ông chỉ Chúa Giê-xu và nói: "Kìa, Chiên Con của Đức Chúa Trời, là Đấng cất tội lỗi thế gian đi !" (Gi 1:29). Việc chiên con của Lễ Vượt Qua là một hình ảnh về Chúa Giê-xu Christ đã được khẳng định trong Tân Ước bởi nhà truyền giáo Phi-líp (Cong 8:32-35 Es 53:7-8), cũng như bởi sứ đồ Phao-lô (ICo 5:7), Phi-e-rơ (IPhi 1:18-20), và Giăng (Kh 5:5-6 13:8) [37]

Chiên Con được chọn và xem xét (Xu 12:1-6a) vào ngày mùng 10 trong tháng và được kiểm tra kỹ lưỡng trong 4 ngày để bảo đảm đáp ứng được những điều kiện của Đức Chúa Trời. Không có nghi vấn gì khi Chúa Giê-xu đáp ứng mọi yêu cầu của một Chiên Con cho chúng ta, vì Đức Chúa Cha đã phán: "Này là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đàng" (Mat 3:17). Suốt những ngày trước lễ Vượt Qua, những kẻ thù của Chúa chúng ta đã chất vấn Ngài nhiều lần, chờ đợi Ngài sẽ nói điều gì đó khiến họ có thể công kích Ngài. Suốt những cuộc xét xử và thẩm tra, Chúa Giê-xu đã bị xét hỏi nhiều lần, và Ngài đã vượt qua mọi cuộc thử nghiệm. Chúa Giê-xu không biết đến tội lỗi (IICo 5:21), không phạm tội (IPhi 2:22) và trong Ngài không có tội lỗi (IGi 3:5). Ngài là Chiên Con toàn vẹn của Đức Chúa Trời.

Ngày 14 trong tháng, vào lúc chiều tối [38] *chiên con đã bị giết* (Xu 12:6b-7,12-13,21-24) và huyết nó được bôi vào cột dọc và cột ngang cửa nhà của những gia đình Do Thái. Không phải *sự sống*, nhưng là *sự chết* của chiên con đã cứu dân sự ra khỏi sự đoán phạt của Đức Chúa Trời . "Không đổ huyết thì không có sự tha thứ" (He

9:22 Le 17:11). Một số người tuyên bố rằng họ thán phục đời sống và sự dạy dỗ của Chúa Giê-xu lại chính là những người không cần đến thập tự giá của Chúa Giê-xu; nhưng chính sự chết của Ngài trên thập tự giá đã trả giá cho sự cứu chuộc chúng ta (Mat 20:28 26:28 Gi 3:14-17 10:11 Eph 1:7 ITi 2:5,6 He 9:28 Kh 5:9). Chúa Giê-xu là người thay thế cho chúng ta; Ngài đã chết thay cho chúng ta và chịu sự xét đoán về tội lỗi chúng ta (Es 53:4-6 IPhi 2:24).

Tuy nhiên, để có hiệu lực, huyết phải được bôi vào các cột cửa, vì Đức Chúa Trời đã hứa "khi ta nhìn thấy huyết, ta sẽ vượt qua các ngươi" (Xu 12:13). Nếu chỉ biết rằng Đấng Christ bị giết vì tội lỗi của thế gian thì chưa đủ, nhưng chúng ta phải áp dụng sự hy sinh đó cho chính mình và có thể đồng thanh với Phao-lô rằng: "Con Đức Chúa Trời đã yêu tôi, và đã phó chính mình Ngài vì tôi" (Ga 2:20), và với Ma-ri: "Tâm thần tôi mừng rỡ trong Đức Chúa Trời, là Cứu Chúa tôi" (Lu 1:46). Kinh nghiệm về sự chuộc tội của chúng ta phải mang tính cá nhân: "Lạy Chúa tôi và Đức Chúa Trời tôi" (Gi 20:28).

Dân Do Thái nhúng chùm kinh giới mỏng manh vào chậu huyết và bôi huyết vào các cột cửa (Xu 42:22). Chùm kinh giới sau đó được sử dụng để rưới huyết làm trọn giao ước (24:1-8) và làm sạch những người bị bệnh phung (Le 14:4,6,49,51-52). Đức tin chúng ta có thể yếu đuối như chùm kinh giới, nhưng không phải đức tin nơi đức tin của chúng ta, nhưng là đức tin nơi huyết của Chúa Cứu Thế đã cứu chúng ta.

Chiên con được quay lên và được ăn (Xu 12:8-11,46), và được thực hiện một cách vội vã, mỗi người trong gia đình phải sẵn sàng để ra đi khi hiệu lệnh được ban. Bữa ăn gồm có chiên con quay, bánh không men và rau đắng, mỗi thứ tượng trưng cho một lẽ thật thuộc linh quan trọng.

Để có thể giữ được cả con chiên, người ta đã quay chiên con trong lửa chớ không luộc trong nước. Dường như dân Do Thái không có chậu lớn đủ để luộc cả một con chiên, nhưng thậm chí nếu họ có thì điều này cũng bị cấm. Xương sẽ bị gãy và thịt khi nấu sẽ rời ra khỏi xương. Không một chiếc xương nào bị làm gãy, và cũng không được đem những miếng thịt ra khỏi nhà (c.46 Gi 19:31-37 Thi 34:20). Chúng ta phải thấy rằng sự toàn vẹn của chiên con là một điều quan trọng.

Chúng ta tin cậy nơi Đấng Christ rằng chúng ta có thể được cứu khỏi tội lỗi mình bởi sự hy sinh của Ngài, nhưng chúng ta cũng phải sống bởi Đấng Christ để có được năng lực cho chuyến hành hương mỗi ngày của chúng ta. Khi chúng ta thờ phượng, suy gẫm Lời Chúa, cầu nguyện và tin tưởng nghĩa là chúng ta đang dùng đồ ăn thuộc linh của Chúa Giê-xu Christ và được tăng trưởng trong ân điển cùng sự hiểu biết [39]

Cùng với thịt chiên, *dân Y-sơ-ra-ên còn ăn rau đắng và bánh không men* (Xu 12:14-20,39 13:3-7). Việc nếm vị rau đắng sẽ nhắc dân Do Thái về những năm tháng nô lệ cay đắng của họ trong xứ Ai Cập. Tuy nhiên, khi hoàn cảnh trở nên khó khăn trong suốt cuộc hành trình ở trong đồng vắng của họ, dân chúng thường nhớ lại "những ngày xưa tươi đẹp" và muốn quay trở lại Ai Cập (16:3 17:1-3 Dan 11:1-9 14:15). Họ đã quên đi sự cay đắng của cảnh nô lệ trong lò lửa sắt kinh khiếp ấy.

Bánh của họ không men vì hai lý do: không có thời gian cho bánh nổi lên (Xu 12:39), và men là một biểu tượng về sự bất khiết của dân Do Thái. Một tuần sau lễ Vượt Qua, họ buộc phải ăn bánh không men và phải cất bỏ hết men ra khỏi chỗ ở của họ.

Men là một hình ảnh về tội lỗi: nó ẩn giấu; nó hoạt động lặng lẽ và bí mật; nó ăn lan và làm ô uế; và nó làm cho bột nhào nổi lên ("dậy lên" - ICo 4:18-5:2). Cả Chúa Giê-xu và Phao-lô đều so sánh sự dạy dỗ sai trật với men (Mat 16:6-12 Mac 8:15 Ga 5:1-9), và men cũng được ví sánh với sự giả hình (Lu 12:1) và đời sống tội lỗi (ICo 5:6-8). Phao-lô khuyên các hội thánh địa phương thanh tẩy mọi tội lỗi ra khỏi giữa vòng họ và dâng chính mình làm bánh không men cho Chúa.

Nếu có phần thịt nào còn lại từ bữa tiệc thì phải bị thiêu đốt đi. Chiên con đặc biệt đến nỗi nó không thể bị xem như một loại thức ăn bình thường. Cũng như vậy, ma-na rất đặc biệt và không thể được tích trữ từ ngày này sang ngày khác trừ ngày trước lễ Sa-bát (Xu 16:14-22).

Họ dự tiệc với tư cách gia đình và với tư cách hội chúng (12:25-28 13:8-10). Bữa ăn được chuẩn bị cho cả gia đình (12:3-4) và tất cả các thành viên trong gia đình phải cùng tham dự. Đức Chúa Trời quan tâm đến cả gia đình chớ không chỉ về cha mẹ. Nếu những đứa con quý báu trong các gia đình Do Thái không được bảo vệ bởi huyết và không được nuôi dưỡng bởi thức ăn thì chúng không thể được giải cứu khỏi xứ Ai Cập và đó sẽ là kết cuộc của dân tộc [40]

Dù có nhiều gia đình Do Thái trong xứ Gô-sen, Đức Chúa Trời nhìn xem họ chỉ như một hội chúng (c.3-6). Khi những hội chúng Cơ Đốc địa phương ngày nay nhóm lại để kỷ niệm Tiệc Thánh, Đức Chúa Trời nhìn xem mỗi hội chúng như một bộ phận trong cùng một thân, là Hội Thánh. Đó là lý do Phao-lô có thể viết về "cả cái nhà... cả gia đình... cả thân thể" (Eph 2:21 3:15 4:16 NKJV). Bởi huyết chiên con Y-sơ-ra-ên đã trở nên một dân tộc, và bởi Chúa Giê-xu Christ Hội Thánh đã trở nên một thể hiệp nhất.

Bữa ăn lễ Vượt Qua không chỉ là một lễ nghi cần phải tuân giữ (Xu 12:14,17,24,43), nhưng nó còn là một "kỷ niệm" được lập ra thành một lễ để nhắc nhớ trong Y-sơ-ra-ên câu chuyện về cuộc hành trình rời khỏi Ai Cập (c.14 13:8-10). Sau khi Y-sơ-ra-ên tiến vào và chinh phục vùng Đất Hứa, dân sự lo ổn định cuộc sống và dễ dàng quên đi những việc làm vĩ đại mà Đức Chúa Trời đã làm cho họ. Việc giữ lễ Vượt Qua hằng năm sẽ cho các bậc cha mẹ người Do Thái có thêm một cơ hội nữa để dạy cho con cái họ biết về ý nghĩa của sự tự do và về những gì mà Đức Chúa Trời đã làm cho họ. Những người lớn tuổi phải là "những mắt xích sống động" liên kết với quá khứ của Y-sơ-ra-ên hầu cho mỗi thế hệ mới sẽ hiểu được ý nghĩa của việc là một thành viên thuộc tuyển dân của Đức Chúa Trời (Phu 6:1-15 11:18-21 Thi 34:11 78:1-7 145:4).

Vào những năm sau đó, cùng với (Phu 6:8-9) và (Phu 11:18), dân Do Thái chính thống đã hiểu (Xu 13:8-9,16) theo nghĩa đen. Môi-se nói rằng lễ Vượt Qua phải "giống như một dấu hiệu" (xem Xu 13:9NIV), nghĩa là, một sự nhắc nhở họ về điều Chúa đã làm. Ngược lại, những người chính thống đã giải nghĩa điều này có nghĩa là những người nam Do Thái phải mang Kinh Thánh lên mình họ. Vì vậy, họ viết những đoạn Kinh Thánh trên giấy da và đặt chúng trong những chiếc hộp nhỏ và mang trên cánh tay trái và ở trán. Trong Tân Ước, chúng được gọi là "thẻ bài da" (Mat 23:5) [41]

Việc dự tiệc *bị cấm đối với những ai ở ngoài giao ước* (Xu 12:43-51). Không chỉ "vô số người ngoại bang" đi chung với Y-sơ-ra-ên khi họ rời Ai Cập (c.38), nhưng dân Do Thái cũng gặp nhiều dân tộc khác trên đường đi và khi họ đến Ca-na-an.

Y-sơ-ra-ên có thể bị cám dỗ để cho những láng giềng người ngoại bang tham dự cùng với họ trong việc dự lễ Vượt Qua - "Lễ Quốc Khánh" của họ, nhưng Chúa đã cấm

việc làm này. Sau đó, Ngài cũng sẽ cấm dân Do Thái tham dự với những láng giềng của họ trong những lễ nghi tôn giáo ngoại bang, vì Y-sơ-ra-ên phải là một dân được biệt riêng cho Ngài (Phu 7:1-11) [42] .

"Những người ngoại bang" này là ai mà Đức Chúa Trời phán dân Y-sơ-ra-ên không thể mời họ dự lễ Vượt Qua ? Họ không phải là dân Y-sơ-ra-ên, họ chưa bao giờ chịu phép cắt bì và do đó không phải là con cái của sự giao ước. Họ có thể là những nô lệ trong trại quân Y-sơ-ra-ên hoặc chỉ là những khách lạ (khách kiều ngụ) sống giữa vòng dân Do Thái. Bất cứ khách lạ hay tôi tớ nào cũng có thể chịu phép cắt bì và trở nên một thành viên của dân tộc này và được dự phần vào những đặc quyền của giao ước, nhưng họ cũng phải chấp nhận những trách nhiệm đi cùng.

3. Lễ Vượt Qua và Đức Giê-hô-va (Xu 12:29-42,51)

Chúng ta thường gọi sự kiện này là "Lễ Vượt Qua của dân Do Thái", nhưng Kinh Thánh gọi đó là "lễ Vượt Qua của Đức Giê-hô-va" (Le 23:5 Dan 28:16). Việc giữ lễ này còn hơn cả lễ kỷ niệm "Ngày Quốc Khánh", vì lễ Vượt Qua được giữ "cho Đức Giê-hô-va" (Xu 12:48 Dan 9:10,14). "Ấy là tế lễ Vượt Qua của Đức Giê-hô-va" (Xu 12:27). Trung tâm của mọi sự chú ý là Đức Giê-hô-va, vì những gì đã xảy ra vào đêm đặc biệt đó là vì cớ Ngài. Có ít nhất 17 lần trong (Xu 12:1-50) "Đức Giê-hô-va" được đề cập đến vì Ngài là Đấng đảm trách mọi sự.

Đức Chúa Trời bày tỏ quyền năng Ngài (12:29-30). Sau khi dân Do Thái đã giữ lễ Vượt Qua "giữa các buổi chiều tối" thì họ chờ hiệu lệnh của Đức Chúa Trời để ra đi. Vào giữa đêm, Chúa đánh các con đầu lòng, sự chết đã đến trên mọi gia đình Ai Cập, có tiếng kêu la inh ỏi nổi lên khắp xứ (11:6 12:30). Sự chết không thiên vị một ai, và vào đêm đó nó đã đến trên gia đình của người tù nhân Ai Cập hèn hạ nhất cũng như của chính Pha-ra-ôn. Tuy nhiên, không có sự chết nào xảy ra giữa vòng dân Do Thái trong xứ Gô-sen. Bài học ở đây thật rõ ràng. Nếu bạn không được bảo vệ bởi huyết của Đấng Christ, thì khi sự chết đến, bạn sẽ hoàn toàn không có sự chuẩn bị, và *bạn không biết khi nào sự chết sẽ đến.*

Đức Chúa Trời đã giữ những lời hứa của Ngài (12:31-36). Đức Chúa Trời cho Môi-se biết điều sắp xảy ra và Môi-se đã thông báo điều đó cho Pha-ra-ôn (11:1-8), nhưng Pha-ra-ôn không tin. Tuy nhiên, lời của Đức Chúa Trời đã không qua đi. Như Ngài đã phán với Môi-se, các con đầu lòng ở Ai Cập đều chết, có một tiếng lạ rất lớn trong xứ, Pha-ra-ôn bảo dân Y-sơ-ra-ên phải ra đi, và dân Ai Cập cho đi của cải của họ cách rời rộng. Những lời hứa được thiết lập với Áp-ra-ham bao thế kỷ trước đây đã được ứng nghiệm trong đêm hôm đó (Sa 15:13-14). "Về các lời tốt lành mà Ngài đã cậy miệng Môi-se kẻ tôi tớ Ngài phán ra, chẳng có một lời nào không ứng nghiệm" (IVua 8:56).

Đức Chúa Trời giải cứu dân Ngài (Xu 12:37-42,51). Dân Y-sơ-ra-ên đã dạn dĩ đi ra khỏi Ai Cập trước sự chứng kiến của dân Ai Cập là những người đang bận rộn chôn người chết của họ (Dan 33:3-4). Nếu có khoảng 600.000 người nam Do Thái tham dự trong cuộc hành trình rời Ai Cập, vậy tổng số dân Do Thái vào khoảng 2 triệu người. Giống như quân đội với những sư đoàn (Xu 12:17,50), họ bước đều nhanh nhẹn trong trật tự cùng những bầy chiên và gia súc của họ. Không một người Do Thái nào quá yếu mệt để không thể bước đi, và dân Ai Cập vui mừng khi thấy dân Do Thái ra khỏi xứ họ (Thi 105:37-38).

Có hai từ khác nhau được dùng để mô tả điều mà bản dịch King James gọi là "đám đông pha tạp" đã rời Ai Cập cùng với dân Do Thái. Trong (Xu 12:38) từ này chỉ đơn giản là "đám người" hoặc "đám đông", nhưng trong (Dan 11:4), từ được dùng là "đám người lộn xộn" (xem NIV). Điều này gợi ý rằng "đám đông pha tạp" là khởi đầu của mọi sự than phiền trong trại quân và từ đó đã gây ra nhiều chuyện rắc rối cho Môi-se. Một số người trong đám đông này có thể là dân Ai Cập đã kết hôn với dân Do Thái, đi ngược lại với luật pháp của Đức Chúa Trời; những người khác có thể là dân Ai Cập đã rất kính sợ và bị thu phục bởi quyền năng của Đức Giê-hô-va (Xu 9:20), và họ muốn cùng hưởng lợi khi ở với tuyển dân của Đức Chúa Trời. Có lẽ họ nghĩ rằng sẽ còn nhiều hình phạt nữa sẽ giáng trên xứ và họ muốn thoát khỏi những sự đoán xét ấy.

Dù họ là ai, "đám đông pha tạp" này cũng là những đại diện cho thế gian - là những người tuy bên ngoài được đồng nhất với dân sự của Đức Chúa Trời, nhưng bên trong họ thực sự không phải là con cái Đức Chúa Trời. Họ có thể là thuộc viên trong Hội Thánh và thậm chí là những người lãnh đạo tôn giáo, nhưng thái độ và lòng ham muốn của họ về căn bản lại khác với những người thật sự thuộc về Chúa. Chúa Giê-xu đã cảnh cáo: "Chẳng phải hễ những kẻ nói cùng ta ra rằng: Lạy Chúa, Lạy Chúa, thì đều được vào nước thiên đàng đâu; nhưng chỉ kẻ làm theo ý muốn của cha ta ở trên trời mà thôi" (Mat 7:21). Những đoàn dân đông đã đi theo Chúa Giê-xu trong suốt thời gian Ngài thi hành chức vụ trên đất, nhưng Ngài không có ấn tượng gì với những đám đông này. Xin xem (Mat 13:1-9,18-23 Lu 14:25-35 Gi 6:60-71).

Những lời hứa của Đức Chúa Trời không bao giờ lầm lẫn và thời điểm mà Ngài đã định không hề sai trật (Xu 12:40-41). Cuộc hành trình rời Ai Cập đã xảy ra 480 năm trước năm trị vì thứ 4 của triều đại vua Sa-lô-môn (IVua 6:1), là vào năm 966 TC. Điều đó có nghĩa là niên đại của cuộc hành trình rời khỏi Ai Cập là 1446 TC, và con cháu của Gia-cốp đã ở Ai Cập từ năm 1876 TC. Cả (Sa 15:13) và (Cong 7:6) đều cho "400 năm" là một con số tròn, nhưng (Ga 3:17) ghi rõ là "430 năm". Hầu hết các học giả Kinh Thánh thận trọng đều chấp nhận 1446 là niên đại của cuộc hành trình ra khỏi xứ Ai Cập.

Rất nhiều chỗ trong Kinh Thánh đề cập đến cuộc hành trình của dân Y-sơ-ra-ên rời khỏi Ai Cập như một sự bày tỏ mạnh mẽ nhất về quyền năng của Đức Giê-hô-va trong lịch sử của Y-sơ-ra-ên. Các đấng tiên tri nói về cuộc hành trình ra khỏi Ai Cập như một chứng cớ về tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho Y-sơ-ra-ên (Gie 2:1-8 Os 11:1). Họ cũng liên hệ đến cuộc hành trình rời Ai Cập khi nói về sự giải phóng dân Do Thái ra khỏi cảnh giam cầm ở Ba-by-lôn (Gie 16:14 23:7-8). Ê-sai đã hứa hẹn về một tương lai sẽ nhóm họp Y-sơ-ra-ên lại trong xứ của họ và ông đã so sánh sự kiện này với cuộc hành trình rời Ai Cập (Es 11:15 43:14-21 51:9-11). Nhiều lần Ê-sai đã đề cập đến một "con đường cái" sẽ làm cho cuộc hành trình trong tương lai của dân Do Thái trở nên dễ dàng từ chính các dân tộc ngoại bang (11:16 19:23 35:8 62:10).

4. Lễ Vượt Qua và các con đầu lòng (Xu 13:1-16)

Phân đoạn này giải thích ý nghĩa của các con đầu lòng trong dân Y-sơ-ra-ên. Không chỉ mỗi năm một lần tại lễ Vượt Qua dân Do Thái mới được nhắc nhở về ân điển và quyền năng của Đức Chúa Trời, nhưng mỗi khi con đầu lòng, của con người hay súc vật, ra đời thì con đầu lòng đó phải được chuộc. Vì Đức Chúa Trời đã có những hành động mạnh mẽ để bảo vệ và cứu con đầu lòng của con người lẫn gia súc ra khỏi sự

chết (12:12-13), nên mọi con đầu lòng đều thuộc về Đức Chúa Trời. Những con đầu lòng này được thánh hóa, nghĩa là được biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời.

Nghi lễ về sự cứu chuộc sẽ có hiệu lực khi dân Do Thái đã vào vùng Đất Hứa, và sau đó Môi-se sẽ giải thích cách thực hiện nghi lễ này (Le 12:1-8 Dan 18:14-19). Lừa là một con vật không thanh sạch nên con đầu lòng của nó không thể dâng làm của lễ cho Đức Chúa Trời, vì vậy nó phải được chuộc bởi chiên con. Là một con vật có sức lao động đáng kể, lừa chỉ được để lại bởi cách này, nhưng nếu con vật này không được chuộc thì nó phải bị giết đi. Các bậc cha mẹ sẽ đem con trai đầu lòng của họ đến với Chúa và dâng lên những của lễ thích hợp (Le 12:6-8). Khi Ma-ri và Giô-sép đến đền thờ để làm lễ chuộc tội cho Đấng Cứu Chuộc, họ đã đem đến của lễ khiêm nhường của những người nghèo (Lu 2:21-24).

Khi một con trai hay một con vật đầu lòng được làm lễ chuộc tội thì vào dịp này những người lớn có cơ hội để giải thích thể nào Đức Chúa Trời đã cứu những con đầu lòng trong xứ Gô-sen vào đêm lễ Vượt Qua, và thể nào Ngài đã giết tất cả các con đầu lòng của Ai Cập, cả người lẫn gia súc. Ngay cả khi không phải thực hiện nghĩa vụ gì có liên quan đến thứ tự ra đời trong gia đình, mỗi con trai đầu lòng trong gia đình Do Thái cũng rất đặc biệt đối với cha mẹ của họ và với Chúa.

5. Lễ Vượt Qua và Môi-se (Xu 13:1-16) (He 11:27-29)

Chúng ta không được quên rằng chính Môi-se, từng là một người nhút nhát và hay viện dẫn lý do, đã cùng A-rôn anh mình chạm trán với Pha-ra-ôn hết lần này đến lần khác và cuối cùng đã chiến thắng được Pha-ra-ôn cùng mọi thế lực của Ai Cập. (He 11:1-42) nhắc nhở chúng ta rằng Môi-se đã thực hiện mọi điều này bởi đức tin nơi Đức Chúa Trời hằng sống. Lễ Vượt Qua và cuộc hành trình rời khỏi Ai Cập là những mốc kỷ niệm cho quyền năng của đức tin.

(He 11:27) đề cập đến (Xu 10:28-29) lúc Pha-ra-ôn đe dọa sẽ giết Môi-se nếu người đến gặp ông ta một lần nữa. Môi-se tin những lời hứa của Đức Chúa Trời và chẳng hề sợ hãi về những điều vua có thể làm. Đức tin đơn giản chỉ là việc chúng ta nhờ cậy Đức Chúa Trời và vâng theo Lời Ngài, bất kể những cảm xúc, hoàn cảnh hay hậu quả. Bởi đức tin, Môi-se đã giữ lễ Vượt Qua cho dù việc giết chiên con và bôi huyết trên cửa có vẻ buồn cười đối với dân Ai Cập và chắc chắn đã gây xúc phạm đến họ. Bất cứ lúc nào, Pha-ra-ôn cũng có thể sai quần thần của ông ta đến cùng Môi-se và giết người, nhưng Đức Chúa Trời đã giữ người luôn được an toàn.

Chính đức tin nơi Lời Đức Chúa Trời đã đem Môi-se trở lại Ai Cập để dẫn dắt dân sự ông; chính đức tin đã đem ông ra khỏi Ai Cập; và chính đức tin đã phân cách ông cùng dân sự khỏi Ai Cập khi họ vượt qua Biển Đỏ. Dù hoàn cảnh có thế nào đi chăng nữa thì chúng ta cũng có thể tin cậy Đức Chúa Trời sẽ giải cứu và giúp chúng ta vượt qua.

Chúa Giê-xu đã thiết lập Tiệc Thánh sau khi Ngài hướng dẫn các môn đồ trong việc giữ lễ Vượt Qua, vì Ngài là Chiên Con của Đức Chúa Trời, Đấng chết thay tội lỗi của thế gian, và vì thế Ngài chính là sự ứng nghiệm của lễ Vượt Qua. Mỗi khi chúng ta dự Tiệc Thánh, chúng ta có dịp nhìn lại và nhớ lại sự chết của Ngài, nhưng chúng ta cũng phải nhìn lên phía trước và trông đợi sự tái lâm của Ngài. Khi Chúa Giê-xu tái lâm, một cuộc hành trình kỳ diệu sẽ diễn ra ! Những người chết trong Đấng Christ sẽ được sống lại và những tín đồ đang sống sẽ được cất lên cùng với họ và được vào thiên đàng để ở vớiChúa (ITe 4:13-18).

Ha-lê-lu-gia ! Ngài thật là một Cứu Chúa siêu việt !

5. ĐƯỢC CỨU CHUỘC VÀ VUI MỪNG (Xu 13:17-15:21)

"Lịch sử không giao phó mãi sự tự do cho những kẻ yếu đuối hoặc những người nhút nhát lo liệu."

Tổng thống Dwight D.Eisenhower đã nói những lời này trong bài diễn văn khai mạc đầu tiên của ông, ngày 20/1/1953. Với tư cách là người lãnh đạo các nước Đồng minh đi đến chiến thắng trong cuộc Thế Chiến thứ 2, tướng Eisenhower hiểu rất rõ về cái giá phải trả của sự chiến thắng cũng như về gánh nặng tự do luôn đeo theo đó. Nhà viết tiểu thuyết người Anh Charles Kingsley đã phát biểu rất hợp lý rằng: "Có hai sự tự do: sự tự do sai trật - con người tùy ý làm theo những điều ưa thích; và sự tự do thật - con người được tự do để làm những điều cần phải làm". Suốt lịch sử của họ, dân Y-sơ-ra-ên đã phải vật lộn với cả hai sự tự do này, và dân sự Đức Chúa Trời ngày nay vẫn như thế.

Sẽ là một dấu hiệu về sự trưởng thành khi chúng ta học biết rằng sự tự do là một công cụ để xây dựng, không phải là một món đồ để chơi, và sự tự do đó còn đòi hỏi việc phải nhận lấy những trách nhiệm. Những kinh nghiệm về cuộc hành trình rời khỏi Ai Cập của Y-sơ-ra-ên đã dạy họ rằng sự thành công trong tương lai của họ tùy thuộc vào việc thực hiện ba trách nhiệm quan trọng: bước theo Chúa (13:17-27), tin cậy Chúa (14:1-31), và ngợi khen Chúa (15:12-21).

1. Bước theo Chúa (Xu 13:17-22)

Cuộc hành trình rời Ai Cập của Y-sơ-ra-ên không phải đã kết thúc những kinh nghiệm của họ với Đức Chúa Trời, nhưng đây lại là một sự khởi đầu mới. George Morrison đã nói: "Chỉ mất một đêm để đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, nhưng phải mất 40 năm để đem Ai Cập ra khỏi Y-sơ-ra-ên" [43] . Nếu Y-sơ-ra-ên vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời, Ngài **sẽ** đem họ vào Đất Hứa và ban cho họ sản nghiệp của họ. Bốn mươi năm sau đó, Môi-se sẽ nhắc nhở thế hệ mới rằng "Ngài đã đem các ngươi ra khỏi Ai Cập... để đem các ngươi vào Đất Hứa, ban cho các ngươi xứ làm sản nghiệp" (Phu 4:37-38 NKJV).

Chúng ta cũng có thể nói về sự cứu chuộc mà chúng ta có trong Đấng Christ rằng: Đức Chúa Trời đã đem chúng ta *ra khỏi* ách nô lệ để Ngài có thể đem chúng ta *đến với* sự phước hạnh. A.W.Tozer thường nhắc nhở chúng ta rằng "chúng ta được cứu để *đến với* cũng như chúng ta đã được cứu *ra khỏi* [44] . Người tin nhận Chúa Giê-xu Christ được tái sinh trong gia đình Đức Chúa Trời, nhưng đó chỉ là sự khởi đầu của một cuộc mạo hiểm mới đầy thú vị sẽ dẫn đến sự tăng trưởng và đầu phục. Đức Chúa Trời giải phóng chúng ta và dẫn dắt chúng ta qua nhiều kinh nghiệm của cuộc sống, từng ngày từng giờ, hầu cho chúng ta có thể học biết Ngài rõ hơn và bởi đức tin cầu xin cho mình tất cả những gì Ngài muốn chúng ta có. Đồng thời, chúng ta sẽ ngày càng được biết về chính mình rõ hơn; chúng ta khám phá ra những điểm mạnh cùng những điểm yếu của mình và được tấn tới trong sự thông biết ý muốn Đức Chúa Trời và trong sự tin cậy nơi những lời hứa của Ngài.

Đức Chúa Trời vạch ra đường đi cho dân sự Ngài (Xu 13:17-18). Không điều gì ngoài ý chỉ của Đức Chúa Trời, vì trong sự định liệu của Ngài, Ngài vạch ra đường lối tốt nhất cho dân sự Ngài. Chúng ta không phải lúc nào cũng có thể hiểu được đường lối Ngài đã chọn, hay thậm chí không đồng ý với điều đó, nhưng đường lối của Ngài

luôn là đường lối đúng đắn. Chúng ta có thể nói cách quả quyết rằng: "Ngài dẫn tôi vào các lối công bình vì cớ danh Ngài" (Thi 23:3 NKJV), và chúng ta phải khiêm cung cầu nguyện: "Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy chỉ cho tôi các đường lối Ngài; xin dạy dỗ tôi các nẻo của Ngài. Xin hãy dẫn tôi trong lẽ thật của Ngài và dạy dỗ tôi" (25:4-5 NKJV).

Nếu có một nhà chiến lược quân sự nào ở Y-sơ-ra-ên vào đêm đó, có thể họ sẽ không đồng ý với con đường tản cư mà Đức Chúa Trời đã chọn vì nó quá dài [45] . Nơi đến gần nhất của Y-sơ-ra-ên là núi Si-nai, nhưng tại sao phải đưa hằng triệu con người đi qua một đoạn đường dài thay vì nên chọn một con đường ngắn hơn và dễ đi hơn ? Câu trả lời là: vì có những trạm quân sự của người Ai Cập nằm dọc theo các con đường ngắn, và quân lính đóng ở đó sẽ chặn đường tiến của dân Do Thái. Hơn nữa, việc vượt qua biên giới Phi-li-tin sẽ rước lấy sự tấn công từ phía quân đội của nước này, và điều cuối cùng Y-sơ-ra-ên cần là tránh một cuộc chiến với các nước láng giềng. Đức Chúa Trời biết việc Ngài đang làm khi Ngài chọn cho Y-sơ-ra-ên con đường dài hơn.

Nếu bạn để Chúa hướng dẫn những bước đi của bạn (Ch 3:5-6), hãy chuẩn bị để có lúc bạn sẽ được dẫn dắt để bước đi trên những con đường dường như loanh quanh và xa xôi một cách không cần thiết. Hãy tự nhắc nhở mình rằng Đức Chúa Trời biết rõ việc Ngài đang làm, Ngài không vội vàng, và cho đến khi bạn còn bước đi theo Ngài thì bạn vẫn được an ninh và ở trong nơi phước hạnh của Ngài. Ngài có thể đóng một vài cánh cửa rồi bất ngờ mở ra những cánh cửa khác, và chúng ta cần phải tỉnh thức (Cong 16:6-10 IICo 2:12-13).

Đức Chúa Trời khích lệ đức tin của dân sự Ngài (Xu 13:19). Trước khi chết, Giô-sép đã bắt các anh em của ông hứa rằng khi Đức Chúa Trời giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi Ai Cập, con cháu họ sẽ đem hài cốt của ông đến Đất Hứa (Sa 50:24-25 He 11:22). Giô-sép biết rằng Đức Chúa Trời sẽ giữ lời hứa của Ngài và cứu con cái của Y-sơ-ra-ên (Sa 15:13-16). Giô-sép cũng biết rằng ông thuộc về xứ Ca-na-an cùng với dân sự ông (49:29-33).

Hài cốt này có ý nghĩa gì đối với các thế hệ dân Do Thái là những người đã sống qua những năm tháng dưới ách nô lệ khủng khiếp ở Ai Cập ? Chắc chắn là dân Do Thái có thể nhìn xem hài cốt của Giô-sép và được khích lệ. Xét cho cùng, Chúa đã gìn giữ Giô-sép qua suốt những hoạn nạn thử thách của ông, và sau cùng Ngài đã giải cứu ông, và rồi Ngài cũng sẽ gìn giữ dân tộc Y-sơ-ra-ên và cuối cùng giải phóng họ. Suốt những tháng năm trong đồng vắng, Y-sơ-ra-ên đã nhìn xem hài cốt của Giô-sép như một điều nhắc nhở với họ rằng Đức Chúa Trời có những thời điểm của Ngài và sẽ giữ những lời hứa của Ngài. Giô-sép đã chết, nhưng ông vẫn đang làm chứng cho sự thành tín của Đức Chúa Trời. Khi đã đến trong xứ mình, dân Do Thái giữ lời hứa của họ và chôn Giô-sép cùng với Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp (Gios 24:32).

Phải chăng những vật được dùng để nhắc nhở chúng ta về sự thành tín của Đức Chúa Trời là những thần tượng ? Sẽ không nhất thiết là như vậy, vì bạn sẽ thấy có nhiều tượng đài kỷ niệm quan trọng trong sách Giô-suê. Khi dân Y-sơ-ra-ên vượt qua sông Giô-đanh, họ đã dựng lên một đài kỷ niệm bằng đá trên bờ biển bên kia để kỷ niệm những điều mà Đức Chúa Trời đã làm cho Y-sơ-ra-ên (Gio 4:1-24). Họ cũng đặt những hòn đá trên núi Ê-banh và núi Ga-ri-xim để nhắc nhở họ về luật pháp Đức Chúa Trời (Xu 8:30-35). "Một đống đá" đã làm chứng cho sự giả dối của A-can (Gios

7:25-26), và "hòn đá làm chứng" là vật nhắc nhở về sự tái dâng hiến của Y-sơ-ra-ên sau khi chinh phạt xứ (Gio 24:24-28). Sa-mu-ên dựng lên một hòn đá để kỷ niệm chiến thắng của Y-sơ-ra-ên đối cùng dân Phi-li-tin và gọi nó là "Ê-bên Ê-xe, hòn đá giúp đỡ" (ISa 7:12).

Khi chúng ta còn tiếp tục vâng lời Chúa thì những vật nhắc nhở như thế vẫn có thể khích lệ đức tin của chúng ta. Điều quan trọng là những vật đó phải hướng về Chúa chớ không phải về một quá khứ chết, và ngày hôm nay chúng ta vẫn phải tiếp tục bước đi bởi đức tin và vâng giữ Lời Chúa.

Đức Chúa Trời đi trước dân sự Ngài để dẫn đường (Xu 13:20-22). Y-sơ-ra-ên được dẫn dắt bởi một trụ (cột) mây vào ban ngày và trở thành một trụ lửa vào ban đêm. Trụ này được xem là Thiên Sứ của Chúa đã dẫn đường cho dân sự (14:19 23:20-23 Ne 9:12). Đôi khi Đức Chúa Trời phán từ trụ mây (Dan 12:5-6 Phu 31:15-16 Thi 99:7), và trụ mây cũng che chở cho dân sự khỏi ánh nắng gay gắt khi họ ra đi vào ban ngày (Thi 105:39). Khi áng mây di chuyển thì trại quân di chuyển; khi áng mây dừng lại thì trại quân dừng lại (Xu 40:34-38).

Ngày nay tuy không có sự hướng dẫn có thể trông thấy giống như vậy nhưng chúng ta thật sự có Lời Đức Chúa Trời là ánh sáng (Thi 119:105), và là lửa (Gie 23:29). Thật đáng chú ý rằng trụ lửa ban ánh sáng cho dân Do Thái nhưng là lại sự tối tăm cho dân Ai Cập (Xu 14:20). Dân sự Đức Chúa Trời được soi sáng bởi Lời Chúa (Eph 1:15-23), nhưng những người chưa được cứu không thể hiểu được lẽ thật của Đức Chúa Trời (Mat 11:25 ICo 2:11-16).

Thánh Linh của Đức Chúa Trời, là Thần Lẽ thật, sẽ dẫn dắt chúng ta qua việc dạy dỗ Lời Chúa cho chúng ta (Gi 16:12-13). Như Đức Chúa Trời đã phán với Môi-se từ trụ mây, Chúa cũng giao thông với chúng ta qua Lời Kinh Thánh bằng cách khiến Lời ấy trở nên rõ ràng với chúng ta. Có những khi chúng ta không chắc chắn về con đường mà Đức Chúa Trời muốn chúng ta phải đi, nhưng nếu chúng ta biết chờ đợi Ngài thì cuối cùng Ngài cũng sẽ dẫn dắt chúng ta.

Sẽ thật là dại dột nếu dân Do Thái dừng lại giữa chuyến đi của họ và bốc thăm để biết được con đường đi đến núi Si-nai ! Chắc chắn là sẽ có một nơi để mọi người cùng bàn luận và trưng cầu dân ý (Cong 6:1-7), nhưng khi Đức Chúa Trời đã phán bảo thì không cần đến sự tham vấn nữa. Hơn một lần trong Kinh Thánh cho thấy số đông đã sai lầm.

2. Tin cậy Chúa (Xu 14:1-31)

"Ngài cho Môi-se biết những đường lối của Ngài, cho con cái Y-sơ-ra-ên biết những hành động của Ngài" (Thi 103:7 NKJV). Dân Do Thái được cho biết điều Đức Chúa Trời muốn họ làm, nhưng Môi-se được cho biết lý do Đức Chúa Trời làm điều ấy. "Bí mật của Chúa ở cùng những người kính sợ Ngài" (25:14). Chức lãnh đạo của Môi-se là một yếu tố chính trong sự thành công của Y-sơ-ra-ên.

Sự đuổi bắt của đội quân Ai Cập (Xu 14:1-9). Pha-ra-ôn và quần thần của ông ta nhận ra rằng khi để cho các nô lệ Do Thái trốn thoát thì sự đe dọa sẽ đến, nếu không muốn nói là phá hoại, toàn bộ nền kinh tế của Ai Cập, vì thế điều hợp lý cần phải làm là đuổi theo dân Do Thái và đem họ trở về. Giờ đây chúng ta được cho thấy một lý do khác vì sao Chúa đã chọn con đường này: những lời thuật lại sẽ thuyết phục Pha-ra-ôn tin rằng dân Do Thái đang lang thang như những chiên đi lạc trong đồng vắng

và do đó là mồi ngon cho quân đội ông ta đuổi theo và bắt lại. Chúa đang đưa người Ai Cập vào bẫy của Ngài.

Điều dường như là một chiến thắng dễ dàng đối với Ai Cập sẽ trở thành một sự thất bại nhục nhã, và mọi vinh hiển sẽ thuộc về Chúa. Một lần nữa, Ngài sẽ chiến thắng Pha-ra-ôn cùng các thần của Ai Cập. Pha-ra-ôn đã trưng dụng mọi xe ngựa của Ai Cập, cưỡi trên cỗ xe ngựa hoàng gia của ông ta và đuổi theo dân Y-sơ-ra-ên.

Sự hoảng sợ của Y- sơ-ra-ên (Xu 14:10-12). Khi dân Y-sơ-ra-ên vẫn còn hướng mắt về phía trụ lửa và bước đi theo Chúa thì họ vẫn đang bước đi bởi đức tin và không kẻ thù nào có thể gây hại cho họ. Nhưng khi họ rời mắt khỏi Chúa và nhìn lại, và rồi nhìn thấy dân Ai Cập đang đến đuổi gần, họ trở nên hoảng sợ và bắt đầu than vãn.

Những câu này cho chúng ta biết về thái độ cư xử đáng buồn của dân Y-sơ-ra-ên trong suốt hành trình của họ từ Ai Cập đến xứ Ca-na-an. Khi mọi việc vẫn còn tiến triển theo chiều hướng tốt đẹp thì họ thường vâng theo Chúa và Môi-se, và được tấn tới. Nhưng nếu gặp phải hoàn cảnh khó khăn hay thiếu thốn thì họ lập tức phàn nàn với Môi-se và với Chúa và đòi được trở lại xứ Ai Cập. Tuy nhiên, trước khi chỉ trích dân Do Thái, có lẽ chúng ta nên xem xét chính lòng mình. Sự thất vọng và nản lòng nào đã khiến chúng ta không vui mừng với ý muốn của Chúa đến nỗi chúng ta không còn tin tưởng nơi Ngài và bắt đầu phàn nàn ? “Vì chúng ta bước đi bởi đức tin, chớ chẳng phải bởi mắt thấy” (IICo 5:7).

Khi bạn quên đi những lời hứa của Đức Chúa Trời, bạn sẽ bắt đầu tưởng tượng ra câu chuyện tồi tệ nhất có thể xảy ra. Dân Do Thái tin chắc rằng họ và con cái họ sẽ chết trong đồng vắng ngay khi đội quân Pha-ra-ôn bắt kịp họ. Những con người sợ hãi nhắc nhở Môi-se rằng họ đã bảo ông hãy để mặc họ (Xu 5:20-23), nhưng ông cứ nhất quyết thách thức Pha-ra-ôn. Y-sơ-ra-ên giờ đây ở trong một tình thế thật đáng kinh khiếp, và Môi-se thật đáng bị khiển trách. Sự vô tín có thể xóa bỏ khỏi ký ức chúng ta mọi sự bày tỏ chúng ta đã được xem thấy về quyền năng vĩ đại của Đức Chúa Trời và mọi điều chúng ta đã được biết về sự thành tín của Đức Chúa Trời đối với Lời Ngài.

Quyền năng của Đức Chúa Trời (Xu 14:13-31). Môi-se là một người có đức tin, ông biết rằng quân đội của Pha-ra-ôn chẳng phải là một sự đe dọa đối với Đức Giê-hô-va. Ông đưa ra nhiều mệnh lệnh cho dân sự và mệnh lệnh đầu tiên là “chớ sợ chi” (c.13) [46] Đôi khi sự sợ hãi tiếp thêm nghị lực cho chúng ta và chúng ta nhanh chóng tìm cách tránh khỏi sự nguy hiểm, nhưng đôi khi sự sợ hãi lại làm chúng ta tê liệt và chúng ta không biết phải làm gì. Y-sơ-ra-ên đã rất bối rối và muốn chạy trốn vì vậy Môi-se đã ra mệnh lệnh thứ hai của ông: “Hãy đứng yên và xem sự giải cứu của Đức Giê-hô-va” (c.13). Bởi đức tin, dân Do Thái đã ra khỏi Ai Cập, và giờ đây bởi đức tin, họ sẽ đứng yên và quan sát Đức Chúa Trời tiêu diệt những kẻ đánh xe ngựa của Ai Cập.

Môi-se không chỉ bảo họ đứng yên, mà còn bảo “hãy yên lặng” (c.14). Sẽ rất dễ để chỉ khóc lóc, phàn nàn và tiếp tục chỉ trích Môi-se, nhưng không một việc làm nào trong những điều đó giúp họ thoát khỏi tình thế khó khăn. Sự vô tín gây điều phàn nàn, nhưng đức tin luôn vâng lời và đem sự vinh hiển đến cho Chúa. “Hãy yên lặng và biết rằng ta là Đức Chúa Trời” (Thi 46:10). Có gì để phàn nàn khi chúng ta đã có lời hứa kỳ diệu: “Đức Giê-hô-va sẽ chiến cự cho các ngươi” ? (Xu 14:14). Sau này trong cuộc hành trình của họ, Chúa sẽ giúp Giô-suê và đội quân Do Thái đánh trận

(17:8). Nhưng lúc này, Đức Chúa Trời sẽ đánh bại dân Ai Cập mà không cần đến sự hỗ trợ của dân Y-sơ-ra-ên.

Mệnh lệnh tiếp theo dành cho Môi-se đến từ Đức Chúa Trời: "Hãy đi tới !" (c.15). Việc Y-sơ-ra-ên đối diện với biển cả chẳng là vấn đề gì đối với Đức Chúa Trời, và Ngài đã cho Môi-se biết chính xác việc cần phải làm. Khi Môi-se giơ cây gậy của ông lên, dòng nước sẽ chia ra và dân Y-sơ-ra-ên có thể băng qua trên khoảng đất khô và thoát khỏi đội quân Ai Cập. Theo hiệu lệnh của Môi-se, khi ấy nước sẽ dồn lại, nhận chìm các tên lính của Ai Cập, và ngăn không cho dân Y-sơ-ra-ên trở lại Ai Cập. Trong những năm sau đó, mỗi khi dân Do Thái bày tỏ ước muốn được trở lại Ai Cập, lẽ ra họ phải nhớ lại rằng Đức Chúa Trời đã ngăn lại những con nước và khóa chặt những cánh cửa.

Vì sao Đức Chúa Trời thực hiện các phép lạ này cho dân Do Thái ? Chắc chắn là họ không xứng đáng để nhận lãnh điều này khi họ đang đứng đó khúm núm trong sự sợ hãi và phàn nàn rằng Đức Chúa Trời dường như không biết điều Ngài đang làm. Trước hết, Ngài đang giữ lời hứa của Ngài rằng Ngài sẽ giải cứu dân Y-sơ-ra-ên và nhận họ làm dân sự của Ngài (3:7-8). Trong những năm sau đó, những người Do Thái mộ đạo sẽ đo lường mọi sự bằng sự bày tỏ về quyền năng vĩ đại của Đức Chúa Trời qua cuộc hành trình rời Ai Cập. Nhưng Đức Chúa Trời nghĩ đến một mục đích khác, đó là: bày tỏ một lần nữa quyền năng và sự vinh hiển của Ngài qua sự thất bại của đội quân Ai Cập. "Và dân Ai Cập sẽ biết rằng ta là Đức Giê-hô-va" (14:18).

Cột lửa di chuyển giữa dân Y-sơ-ra-ên và Ai Cập cho thấy rằng Đức Chúa Trời đã trở nên một bức tường che chắn giữa dân sự Ngài và kẻ thù của họ. Cột lửa này ban ánh sáng cho dân Y-sơ-ra-ên nhưng đem lại sự tối tăm cho kẻ thù vì dân Ai Cập vô tín không thể hiểu được đường lối của Đức Chúa Trời. Khi Môi-se giơ tay ra, Chúa giáng một luồng gió mạnh dồn nước biển lại và mở ra một con đường cho dân Do Thái vượt qua. (Thi 77:16-20) cho thấy có một cơn mưa bão dữ dội đi kèm với những cơn gió cấp cao, và sau khi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua, cơn mưa bão này biến con đường khô ráo của Y-sơ-ra-ên thành một con đường bùn lầy. Khi quân lính Ai Cập cố sức đuổi theo, bùn lầy đã vô hiệu hóa những cỗ xe ngựa và ngăn trở bước tiến của họ, rồi khi nước biển đổ ập xuống trở lại, quân lính của Ai Cập đều bị nhận chìm vào trong biển cả. Đó thật sự là một đêm đáng nhớ.

Biết kẻ thù đang đuổi theo mình, và nghe gió thổi cả đêm, dân Y-sơ-ra-ên chắc đang tự hỏi điều gì sắp xảy ra và vì sao Đức Chúa Trời lại hành động quá lâu. Nhưng khi chúng ta có đức tin nơi lời hứa của Đức Chúa Trời thì chúng ta sẽ có sự bình an trong lòng. Chúa Giê-xu đã hỏi các môn đồ sau khi Ngài làm yên một cơn bão: "Vì sao các ngươi quá sợ hãi ? Các ngươi không có đức tin sao?" (Mac 4:40NKJV). Đức tin và sự sợ hãi không thể ngự trị trong cùng một tấm lòng, vì điều này sẽ hủy hoại điều kia. Đức tin thật tùy thuộc vào lời Đức Chúa Trời phán bảo, không phải dựa trên điều chúng ta thấy hay cách chúng ta cảm nhận. Thật là một điều hợp lý khi cho rằng đức tin không phải là sự tin tưởng bất chấp chứng cớ - đây là một sự mê tín; nhưng đức tin là sự vâng lời bất chấp hậu quả. dân sự. Các tác giả Thi Thiên sau này sẽ ca tụng Chúa về những công việc lớn lao của Ngài tại Biển Đỏ (Thi 66:78,80-81,105-106,136), và các tiên tri sẽ dùng cuộc hành trình rời Ai Cập để khích lệ những phu tù người Do Thái khi họ trở về xứ sau khi đã bị giam cầm tại Ba-by-lôn (Es 43:1-7)

Một loạt các phép lạ từ trời chắc chắn là một sự mặc khải về sự vĩ đại và quyền năng của Đức Chúa Trời, về sự thành tín của Ngài đối với những lời hứa, và về mối quan tâm của Ngài dành cho 52:11-12 55:12-13 Gie 16:14-15 23:7-8), cũng như để thúc đẩy dân tộc sa ngã trở lại cùng Chúa (Gie 2:2-3 Exe 20:1-44 Os2:14-23 Am 3:1-15 Mi 6:3-4) [47]

Vị trí của Môi-se (Xu 14:31 ICo 10:1-2). Phao-lô nhìn xem sự vượt biển của Y-sơ-ra-ên như một "sự làm phép báp-tem" vì nước ở hai bên giống như một bức tường và áng mây tượng trưng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời ở phía sau và bên trên họ. Như đã xảy ra, dân Y-sơ-ra-ên được "nhận chìm" khi họ nhanh chóng vượt qua lòng biển khô ráo. Sự giải cứu họ chắc chắn là một hành động của Đức Chúa Trời, nhưng sự giải cứu này chỉ được thực hiện qua sự lãnh đạo biết vâng phục của Môi-se, kết quả là "Dân sự... tin Chúa và tôi tớ Ngài là Môi-se" (14:31). Giờ đây họ được lập thành một dân tộc có Môi-se là lãnh đạo của họ. Qua "phép báp-tem" này, dân Y-sơ-ra-ên đã được hiệp làm một với Môi-se, cũng như qua phép báp-tem bằng nước mà dân sự Đức Chúa Trời ngày nay được hiệp nên một thể với Chúa Giê-xu Christ. Phép lạ về Cuộc Hành Trình rời Ai Cập đã trở nên một phần trong sự xưng nhận đức tin của Y-sơ-ra-ên khi họ đem những của lễ dâng lên cho Chúa (Phu 26:1-11).

3. Ngợi khen Chúa (Xu 15:1-21)

Kẻ thù đã bị nhận chìm và sự tự do được bảo đảm, dân Y-sơ-ra-ên giờ đây cùng cất cao tiếng hát ca ngợi Chúa. Chúng ta không thấy dân Y-sơ-ra-ên ngợi khen Đức Chúa Trời trong lúc họ bị bắt làm nô lệ ở Ai Cập, và khi ra khỏi xứ này, họ vẫn tiếp tục phàn nàn cùng Môi-se và đề nghị ông cho họ quay trở lại. Nhưng cần phải có sự trưởng thành để dân sự Đức Chúa Trời có thể cất lên "bài ca trong đêm" (Giop 35:10 Thi 42:8 Mat 26:30 Cong 16:25) mà dân Do Thái lại có đức tin rất non nớt vào thời điểm đó.

Bài thánh ca tôn vinh này có 4 phổ thơ, bao gồm: sự chiến thắng của Đức Chúa Trời được rao ra (Xu 15:1-5), những vũ khí của Đức Chúa Trời được mô tả (c.6-10), đặc tính của Đức Chúa Trời được ca tụng (c.11-16a), và những lời hứa của Đức Chúa Trời được thực hiện (c.16b-18).

Chiến thắng của Đức Chúa Trời được rao ra (Xu 15:1-5). Chúa đã được đề cập đến 10 lần trong thánh ca này khi Y-sơ-ra-ên hát cho Chúa và hát về Chúa vì sự thờ phượng thật cần có những lời chứng trung thực về bản chất của Đức Chúa Trời và về những gì Đức Chúa Trời đã làm cho dân sự Ngài.

Chiến thắng của Đức Chúa Trời là một chiến thắng đầy vinh hiển vì đây hoàn toàn là công việc của tay Chúa. Đội quân Ai Cập bị nhận chìm dưới biển (c.1-4), quân lính bị chìm như những hòn đá (c.5) và như cục chì (c.10). Họ bị thiêu cháy như rơm rạ bị đốt (c.7). Pha-ra-ôn đã hạ lệnh nhận chìm các bé trai Do Thái, vì vậy Đức Chúa Trời đã đáp trả lại ông ta và nhận chìm các đội quân của ông ta.

Câu nhận định "Đức Giê-hô-va là một chiến sĩ" (c.3) có thể gây khó chịu cho những người có cảm nghĩ rằng bất cứ điều gì có liên quan đến chiến tranh đều là xa lạ đối với Phúc Âm và đời sống Cơ Đốc. Một số giáo phái đã đem những thánh ca mang tính "chiến đấu" ra khỏi những sách thánh ca của họ, kể cả bài "Hãy Tiến Lên Hỡi Những Chiến Sĩ Cơ Đốc" (Onward Christian Soldiers). Nhưng Môi-se đã hứa với dân sự rằng: "Đức Giê-hô-va sẽ chiến cự cho các ngươi" (14:14 Phu 1:30), và một trong những danh của Đức Chúa Trời là "Jehovah-Sabaoth" nghĩa là "Đức Giê-hô-va vạn quân,

Chúa của các đội quân", một danh hiệu đã được sử dụng 285 lần trong Kinh Thánh Cựu Ước. Martin Luther đã viết trong Thánh ca cải cách của ông "A Mighty Fortress is Our God" (Đức Chúa Trời Chúng Ta Là Đồn Lũy Kiên Cố) rằng:

"Nếu chúng ta dựa vào sức riêng của mình,

Nỗ lực của chúng ta sẽ thất bại,

Chẳng phải Con Người công bình ở cạnh chúng ta đó sao,

Là Người do chính Đức Chúa Trời chọn lựa.

Hãy hỏi xem đó có thể là ai ?

Christ Giê-xu, ấy là Ngài;

Danh Ngài là Chúa vạn quân,

Và Ngài phải thắng mọi chiến trận".

Nếu trên thế giới này có một kẻ thù như Sa-tan, và nếu tội lỗi và điều ác thật đáng căm ghét đối với Đức Chúa Trời thì khi đó Ngài phải tiến hành cuộc chiến chống lại chúng. "Đức Giê-hô-va sẽ đi ra như người mạnh dạn, Ngài sẽ giục lòng sốt sắng mình như người lính chiến; Bằng một tiếng reo hò Ngài sẽ tuyên chiến và sẽ đắc thắng trên các kẻ thù mình" (Es 42:12 NIV). Chúa Giê-xu Christ vừa là Chiên Con chết thay tội lỗi chúng ta, vừa là Sư Tử xét đoán tội lỗi (Kh 5:5-6) và một ngày nào đó Ngài sẽ cưỡi ngựa chinh phục những kẻ thù của Ngài (19:11). Nếu chỉ nhấn mạnh đến "Đức Chúa Trời là tình yêu" (IGi 4:8,16) và bỏ qua "Đức Chúa Trời là sự sáng" (IGi 1:5) thì chúng ta đã tước đoạt của Đức Chúa Trời những thuộc tính về sự công nghĩa, sự thánh khiết và công chính của Ngài.

Có ba trường hợp đặc biệt được ghi lại trong Kinh Thánh mà dân Do Thái đã hát "Đức Giê-hô-va là sức mạnh và bài ca của tôi, và Ngài đã trở nên sự cứu rỗi của tôi" (Xu 15:2), đó là: khi Đức Chúa Trời giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi Ai Cập, khi những người Do Thái còn sót lại đặt nền của đền thờ thứ hai (Thi 118:14) [48] , và khi dân Do Thái được nhóm lại và trở về xứ của họ để hưởng những phước hạnh của vương quốc (Es 12:2) [49]. Trong mỗi trường hợp, Chúa đều ban sức mạnh, sự giải cứu và một bài ca cho dân sự [50].

Những vũ khí của Đức Chúa Trời được mô tả (Xu 15:6-10). "Đức Giê-hô-va là một chiến sĩ" không chiến đấu bằng những vũ khí thông thường. Sử dụng các đặc điểm của con người để mô tả về những thuộc tính của Đức Chúa Trời [51] , những người ca hát đã ngợi khen rằng tay hữu Ngài thật vinh hiển trong năng quyền, sự oai nghi của Ngài đánh đổ những kẻ dấy nghịch Ngài, và cơn giận của Ngài phừng phừng như lửa đốt cháy rơm rạ. Hơi thở từ mũi Ngài là gió dồn nước và làm chúng đông lại và dựng đứng lên như một bức tường thành. Khi những tên lính Ai Cập quá tự tin nghĩ rằng sẽ đuổi kịp dân Do Thái, Đức Chúa Trời chỉ thở ra thì nước lại đổ ập xuống và nhận chìm đội quân. Ngài thật là một Đức Chúa Trời mạnh mẽ !

Đặc tính của Đức Chúa Trời được ca tụng (Xu 15:11-16a). Trong 10 tai vạ Chúa giáng trên xứ, Ngài đã chứng minh chính Ngài vĩ đại hơn các thần của Ai Cập. Chẳng có gì ngạc nhiên khi dân sự Ngài hát rằng "Hỡi Đức Giê-hô-va, trong vòng các thần, ai giống như Ngài ?" (c.11 Mi 7:18). Dĩ nhiên câu trả lời là không có ai cả, vì không vị thần nào khác trong vũ trụ "oai nghi trong sự thánh khiết, đáng sợ trong sự vinh hiển, hay làm các phép lạ" (Xu 15:11 NIV). Khổ thơ này tiếp tục ngợi khen Đức Chúa Trời

về quyền năng của Ngài (c.12), về sự thương xót giải cứu cho dân sự Ngài, sự khôn ngoan để dẫn dắt họ (c.13), và sự đáng kinh sợ của chính Ngài trước những kẻ thù của Ngài (c.14).

Dân Y-sơ-ra-ên mong đợi cuộc ra đi đến vùng Đất Hứa, và họ biết rằng tin tức về cuộc hành trình rời Ai Cập sẽ nhanh chóng lan đến các quốc gia khác và khiến những kẻ thù của họ đầy lòng sợ hãi (c.14-16a). Khi các thám tử của Y-sơ-ra-ên đi vào xứ Giê-rê-cô, họ khám phá ra rằng dân trong vùng thật sự đã bị tê liệt bởi sự sợ hãi khi dân Y-sơ-ra-ên vào đến xứ ấy (Gio 2:8-13,24 Dan 22:3 Thi 114:1-8). Những dân tộc ngoại đạo biết rằng Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống đầy quyền năng hơn các thần của họ và sẽ ban chiến thắng cho Y-sơ-ra-ên.

Những lời hứa của Đức Chúa Trời được thực hiện (Xu 15:16b-18). Khổ thơ này diễn tả sự mong đợi của Y-sơ-ra-ên về cuộc chinh phạt xứ Ca-na-an và chỉ ra rằng Đức Chúa Trời đã chuộc Y-sơ-ra-ên, và họ là dân của Ngài. Các dân tộc ở Ca-na-an sẽ yên lặng và bất động như đá khi quân đội Do Thái chinh phạt xứ và các chi phái của Y-sơ-ra-ên sẽ giành lấy sản nghiệp của họ. Đức Chúa Trời đã đem dân sự ra khỏi Ai Cập để Ngài có thể dẫn họ vào xứ Ca-na-an và lập họ trong xứ của họ (Thi 44:2 80:8 Es 5:1-30). Đức Chúa Trời sẽ đặt nơi thánh của Ngài giữa vòng dân sự Ngài và ngự cùng họ trong sự vinh hiển. “Đức Giê-hô-va sẽ cai trị đời đời kiếp kiếp” (Xu 15:18) là đỉnh cao của bài ca, nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời là Đấng tối cao và đời đời.

Khi đọc (15:19) trong Kinh Thánh Authorized Version, bạn sẽ có cảm tưởng rằng chính Pha-ra-ôn đã cùng đi với đội quân của ông ta và dẫn họ xuống biển và tất cả đều bị chết đuối tại đó, nhưng Kinh Thánh NASB đã làm rõ sự hiểu lầm này. Bản này ghi lại rằng “Vì ngựa của Pha-ra-ôn, binh xa, cùng lính kỵ người đã xuống biển”. Rõ ràng là Pha-ra-ôn đã có mặt tại nơi đó (14:6), nhưng chắc chắn là ông ta không dẫn đầu đội quân.

Không chỉ Môi-se hướng dẫn dân sự trong việc hát bài thánh ca ngợi khen này (15:1) mà Mi-ri-am [52] còn lập một đội hợp xướng đặc biệt gồm nhiều phụ nữ Do Thái để cùng phụ họa khi bà hát lặp lại những lời đầu của bài thánh ca. Sự nhiệt thành vui mừng của họ lộ rõ khi họ ca hát, chơi trống và nhảy múa trước mặt Chúa (ISa 18:6 IISa 1:20). Mi-ri-am được gọi là “nữ tiên tri”, điều này giải thích lý do sau đó bà đã dám nói hành Môi-se (Dan 12:1-2) [53]

“Vả nước chụp phủ những kẻ thù của họ, chẳng còn lại một người nào. Bấy giờ họ tin Lời Ngài. Họ hát ngợi khen Ngài” (Thi 106:11-12). Tuy nhiên, đó không phải là kết thúc của câu chuyện, vì sự ca hát của dân Y-sơ-ra-ên chẳng bao lâu đã trở nên sự phàn nàn khi họ đi vào đồng vắng và đi đến núi Si-nai. “Họ đã sớm quên những công việc của Ngài. Họ chờ đợi không phải vì lời khuyên của Ngài, nhưng tham muốn quá mức tại trong đồng vắng, và thử Đức Chúa Trời trong sa mạc” (Thi 106:13-14).

Thật không dễ dàng cho họ để mang lấy gánh nặng về sự tự do, và Đức Chúa Trời đã dạy họ phải sống qua mỗi ngày như thế nào.

6. TRƯỜNG ĐỜI (Xu 15:22-16:36)

“Đừng cầu nguyện để có một đời sống dễ chịu. Hãy cầu nguyện để trở nên người nam và người nữ mạnh mẽ hơn. Đừng cầu xin những nhiệm vụ tương xứng với sức của bạn; Nhưng hãy cầu xin cho được sức lực đáp ứng với nhiệm vụ của bạn”.

Lời khuyên khôn ngoan đó là của Phillips Brooks, nhà truyền giáo kiêm giám mục người Mỹ (1835-1893). Khi ông phát biểu những lời này với hội chúng ở Boston, có lẽ ông đang nghĩ đến dân Y-sơ-ra-ên vì mỗi khi đường đi trở nên càng gay go, dân Y-sơ-ra-ên lại bắt đầu lằm bằm và bàn về việc trở lại Ai Cập. Dân Do Thái đứng cạnh Biển Đỏ và vui mừng hát những bài ca ngợi khen Chúa là một vấn đề, còn việc họ tin cậy Đức Chúa Trời để mỗi ngày bước đi trong đồng vắng hoàn toàn là một vấn đề khác. Họ chẳng khác gì dân sự Đức Chúa Trời ngày nay. Cuộc đời vẫn là một trường học, và những kinh nghiệm đau đớn của đời sống đã dạy chúng ta nhiều bài học vô cùng quan trọng.

Khi theo dõi những hoạt động của dân Y-sơ-ra-ên, chúng ta học được một số lẽ thật quan trọng giúp chúng ta trong cuộc hành trình đức tin của mình.

1. Hãy đón chờ những thử thách sắp đến (Xu 15 :1-21) (Xu 15:22-16:3)

Ông Andrew Bonar thánh thiện đã viết rằng: "Chúng ta phải thận trọng sau cuộc chiến thắng cũng như đã từng cảnh giác trước các chiến trận". Có thể thắng trận nhưng lại đánh mất sự chiến thắng, đó là điều dân Do Thái đã phạm phải khi họ vượt qua Biển Đỏ và khởi hành đi đến núi Si-nai. Họ đã quên rằng cuộc đời là một cuộc hành hương mà trong suốt khoảng thời gian đó chúng ta cần phải học những bài học mới và đánh những trận chiến mới. Một chiến thắng vĩ đại không giải quyết được tất cả; chúng ta cần đối diện với những kinh nghiệm mới để được trưởng thành và làm vinh hiển Đức Chúa Trời. Vâng, đời sống là một trường học và Chúa biết rõ sẽ cho chúng ta một kỳ thi vào thời điểm nào· [54]

"Chúng tôi sẽ uống chi ?" (15:22-27). Trong tâm trí của dân Y-sơ-ra-ên, điều quan trọng hơn hết không phải là làm cách nào để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời nhưng là "chúng tôi sẽ ăn chi ?" và "chúng tôi sẽ uống chi ?". Theo Chúa Giê-xu, những câu hỏi này cho thấy một tâm trạng lo lắng chớ không phải là một tấm lòng tin cậy (Mat 6:21,25-33), và điều này đã đưa dẫn đến nhiều vấn đề khác nhau.

Chỉ một ngày trong đồng vắng mà không có nước thì còn có thể chịu đựng được, hai ngày sẽ trở nên khó khăn, nhưng ba ngày là không thể được, đặc biệt đối với trẻ con hay súc vật. Và khi ấy sự thất vọng bởi việc chỉ tìm thấy nước đắng càng làm cho tình hình trở nên tồi tệ hơn. (Từ "ma-na" nghĩa là "đắng", và có liên quan đến từ "myrrh" nghĩa là nhựa trầm hương có vị đắng.) Nhưng Đức Chúa Trời đang thử nghiệm dân sự Ngài: không phải vì Ngài không biết lòng họ, nhưng vì chính họ không biết lòng mình. Người ta thường nói: "Ồ, tôi hiểu được lòng mình mà", nhưng chúng ta quên rằng "lòng người ta là dối trá hơn mọi vật, và rất là xấu xa, ai có thể biết được ?" (Gie 17:9).

Chúa thử nghiệm để giúp chúng ta tăng trưởng về mặt thuộc linh và chỉ ra điều tốt nhất trong mỗi chúng ta, nhưng ma quỷ lại cám dỗ để chúng ta chỉ nhìn thấy được điều tồi tệ nhất trong chúng ta và nó ủng hộ cho sự non nớt về mặt thuộc linh của chúng ta. Thái độ mà chúng ta chọn để đối phó với những khó khăn sẽ quyết định hướng đi cho cuộc đời của chúng ta vì cuộc sống ảnh hưởng trên chúng ta như thế nào tùy thuộc vào sự đáp ứng của chúng ta đối với cuộc sống ấy. Nếu chúng ta tin cậy Đức Chúa Trời và vâng lời Ngài, chúng ta sẽ vượt qua được cuộc thử nghiệm và tăng trưởng; nhưng nếu trong sự vô tín của mình, chúng ta phàn nàn và không vâng phục Chúa thì chúng ta sẽ thất bại và cứ mãi ở trong tình trạng non nớt về thuộc linh (Gia 1:12-18 He 12:1-11).

Dân Y-sơ-ra-ên là dân luôn luôn lằm bằm và phàn nàn (Xu 16:1-12 Dan 14:2,27-28 16:41 17:1-10 Phu 1:27 Thi 78:17 106:14). Trong lúc Đức Chúa Trời thử nghiệm họ, họ đã thử Ngài lại bằng chính thái độ và lời nói của họ. Thử Đức Chúa Trời nghĩa là cố tình chọn lấy thái độ bất tuân và thách thức Ngài đáp trả lại. Đã hơn một lần khi đang lang thang trong đồng vắng, dân Y-sơ-ra-ên đã chuốc lấy sự xét đoán của Đức Chúa Trời bởi thái độ bướng bỉnh và sự lằm bằm dai dẳng của họ. Cha trên trời của chúng ta nhẫn nại và nhân từ nhưng đôi khi Ngài phải "đánh" con cái Ngài để dạy dỗ chúng ta về cách cư xử.

Sự phàn nàn không giải quyết được vấn đề, và nếu chúng ta tìm cách chạy trốn một hoàn cảnh khó khăn ("Hãy trở lại Ai Cập !") thì chúng ta sẽ gặp những vấn đề tương tự trong môi trường mới và vẫn phải giải quyết chúng. Dĩ nhiên, cốt lõi của mọi nan đề là sự khúc mắc trong tấm lòng, và lòng của nhiều người Do Thái đã sai trật đối với Đức Chúa Trời. Họ nhớ đến thức ăn họ đã ăn ở Ai Cập nhưng quên những phép lạ Đức Chúa Trời đã làm cho họ (Thi 106:7), và vài người trong số họ bắt đầu thờ phượng các thần của Ai Cập mà Đức Giê-hô-va đã sỉ nhục và đưa ra sự đoán xét (Gios 24:14 Exe 20:6-9 23:8). Hãy tưởng tượng việc thờ lạy những hình tượng và sau đó đến phàn nàn với Đức Chúa Trời về những nan đề của bạn !

Môi-se đã chọn giải pháp đúng đắn - giải pháp của đức tin: ông kêu khóc với Chúa và sau đó làm theo những mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời có thể giải quyết những vấn đề của chúng ta bằng cách thay đổi mọi sự (như là khiến nước đắng trở nên ngọt), hay ban cho chúng ta những điều gì khác (như các giếng nước tại Ê-lim), hoặc ban cho chúng ta ơn để chúng ta có thể chịu đựng những khó khăn của mình và không phàn nàn. Giải pháp thứ ba sẽ dẫn đến sự tăng trưởng bền lâu về mặt thuộc linh (IICo 12:7-10).

Việc khiến một "cái cây" trở nên hình ảnh về thập tự giá của Đấng Christ là đã đi xa hơn điều mà đoạn Kinh Thánh này muốn dạy dỗ. Chắc chắn là con cái Đức Chúa Trời sẽ tìm thấy chiến thắng trong những thử thách của họ qua việc đồng chết với Đấng Christ (Ro 6:1-23) và đồng sống lại với Ngài (8:1-39), nhưng đó không phải là bài học của đoạn Kinh Thánh này. Phân đoạn này nhấn mạnh đến sự tin cậy Đức Chúa Trời và vâng lời Ngài, và biết rằng ý muốn của Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ dẫn chúng ta đến nơi mà ân điển Ngài không thể gìn giữ chúng ta. Khi chúng ta trải qua những thử thách thì sự phàn nàn của chúng ta là bằng chứng của sự vô tín, nhưng sự vâng lời của chúng ta sẽ là chứng cớ cho đức tin.

Qua sự thử thách này, dân Do Thái không chỉ biết được vài điều về chính họ và về cuộc sống nhưng họ còn được biết rõ hơn về Đức Chúa Trời và rằng Ngài là "Jehovah Ropha – Giê-hô-va Đấng chữa lành" (Xu 15:26) [55]. Đức Chúa Trời đã hứa ban cho Y-sơ-ra-ên những phước hạnh dư dật về vật chất nếu họ vâng lời Ngài, nhưng sẽ là những hoạn nạn về thuộc thể nếu họ bất tuân Ngài (Phu 7:12-15 28:1-68). Những lời hứa này là một phần trong Giao Ước Cũ của Đức Chúa Trời với Y-sơ-ra-ên và không được nhắc lại trong Giao Ước Mới cho các tín đồ ngày nay. Nếu đó là ý muốn của Ngài, Đức Chúa Trời chắc chắn có thể chữa lành mọi bệnh tật *ngoại trừ căn bệnh cuối cùng,* nhưng thái độ của chúng ta phải luôn là: "Không phải ý muốn của con nhưng ý Ngài sẽ được thực hiện".

Nếu đời sống chỉ là những cuộc thử nghiệm, chúng ta sẽ dễ nản lòng. Nếu đời sống chỉ là sự vui thú, chúng ta sẽ chẳng bao giờ học được sự kỷ luật và để được phát triển

về nhân cách. Chúa biết cách làm cân bằng những sự từng trải trong đời sống của chúng ta, vì Ngài đã đem dân sự Ngài đến Ê-lim nơi họ có thể tìm thấy được nhiều nước và có cơ hội được nghỉ ngơi. Chúng ta hãy biết ơn Chúa đã ban cho chúng ta những phước hạnh có đủ để khích lệ chúng ta và những gánh nặng vừa đủ để khiến chúng ta biết hạ mình, và Ngài biết mức độ mà chúng ta có thể chịu đựng được.

"Chúng tôi sẽ ăn gì ?" (Xu 16:1-3). Đồng vắng Sin nằm trên bờ biển phía đông của Biển Đỏ, chúng ta không nên lẫn lộn với Đồng vắng Sin nằm ở hướng nam của Palestine và hướng đông của Ê-đôm (Dan 13:21 33:11-12). Từ "Sin" không nên được hiểu theo nghĩa tiếng Anh, như thể Y-sơ-ra-ên đang đi qua một nơi "tội lỗi". Từ "Sin" này có liên hệ với "Si-nai" nhưng ý nghĩa thì không được rõ.

Cả hội chúng đã than vãn vì bị đói. Họ mới chỉ ra khỏi Ai Cập một tháng và vẫn còn nhớ đến những "nồi thịt" ở Ai Cập và những thức ăn mà họ đã ăn "no nê". Nhưng vì lý do nào đó, họ đã quên đi ách nô lệ cùng những trận đánh và những sự lao khổ của kiếp nô lệ. Họ lên án Môi-se và A-rôn đã cố tình đưa dẫn họ vào đồng vắng để giết hại họ. Họ nói họ ước mong Chúa giết họ ở Ai Cập khi họ còn được no nê hơn là lại bị chết đói ở trong sa mạc ! Dân Do Thái này chẳng biết rằng một ngày nào đó họ sẽ đạt được nguyện vọng của mình, vì toàn bộ thế hệ đi trước sẽ chết trong đồng vắng và không bao giờ vào được vùng Đất Hứa.

Xu 16 :1-3; xem giải nghĩa Xu 15:1-21

2. Hãy tin cậy Đức Chúa Trời sẽ đáp ứng nhu cầu (Xu 16:4-18)

Đức Chúa Trời nghe những lời lầm bầm của dân sự và đáp ứng những nhu cầu của họ trong ân điển cùng sự thương xót của Ngài. Ngài bảo họ rằng vào buổi chiều họ sẽ có thịt để ăn (c.8) và buổi sáng Ngài sẽ làm mưa bánh từ trời (c.4). Bằng cách chu cấp một cách đặc biệt cho họ, Ngài cũng thử nghiệm để biết họ có tin cậy và vâng lời Ngài hay không.

Lời hứa của Đức Chúa Trời (16:4-5,8,11,12). Trong cuộc hành hương ở đời này, chúng ta sống nhờ vào *những lời hứa* chớ không phải *những lời giải thích.* Khi bị tổn thương, phản ứng bình thường của chúng ta là hỏi "Tại sao?", nhưng đây là một giải pháp sai lầm. Trước hết, khi hỏi Đức Chúa Trời câu hỏi đó, chúng ta đang có thái độ trịch thượng và tạo ra cảm tưởng rằng chúng ta đang nắm quyền và Đức Chúa Trời phải có trách nhiệm với chúng ta. Đức Chúa Trời là tối cao và không cần phải giải thích điều gì với chúng ta trừ khi Ngài muốn. Việc hỏi "Tại sao ?" cũng ngụ ý rằng nếu Đức Chúa Trời giải thích những kế hoạch và mục đích của Ngài cho chúng ta, chúng ta sẽ hiểu hết được mọi sự và sẽ cảm thấy dễ chịu hơn.

Khi bạn đọc sách Gióp, bạn thấy Gióp thất vọng nơi Đức Chúa Trời và liên tục nói "Tôi muốn gặp Đức Chúa Trời để hỏi Ngài một số việc !" Nhưng cuối cùng khi Đức Chúa Trời đến với ông, *Gióp bị trấn áp đến nỗi ông không hỏi Đức Chúa Trời được một điều gì !* (Giop 40:1-5). Chúng ta có thể khởi đầu để hiểu được những đường lối và kế hoạch của Đức Chúa Trời khi những đường lối ấy vượt xa trí hiểu của chúng ta và sự khôn ngoan của Ngài là không thể dò xét được chăng ? (Es 55:8-0 Ro 11:33-36). Những lời giải thích không chữa lành được những tấm lòng tan vỡ, nhưng những lời hứa lại chữa lành được, vì những lời hứa tùy thuộc nơi đức tin, và đức tin sẽ đưa chúng ta vào trong ân điển của Đức Chúa Trời.

Vinh hiển của Đức Chúa Trời (Xu 16:6-7,9-10). Điều quan trọng là dân Y-sơ-ra-ên phải hướng về sự vinh hiển của Đức Chúa Trời chớ không phải nơi những ham muốn riêng của họ. Nếu họ bước đi bởi đức tin, họ sẽ làm vinh hiển Chúa và đem sự tôn trọng đến cho danh của Ngài. Việc chúng ta được thoải mái, tiện nghi trong cuộc sống không quan trọng, nhưng điều quan trọng là Đức Chúa Trời được vinh hiển.

Khi hoàn cảnh trở nên khó khăn, chúng ta có xu hướng cầu nguyện rằng: "Lạy Chúa, *làm sao* con có thể thoát ra khỏi điều này ?", trong khi điều mà chúng ta cần cầu nguyện phải là: "Lạy Chúa, con có thể rút ra được *điều gì* từ đây ?" Việc chúng ta theo ý riêng mình không quan trọng, nhưng điều quan trọng là Đức Chúa Trời sẽ thực hiện mục đích của Ngài và nhận lấy mọi sự vinh hiển về Ngài (Mat 6:33). Đức Chúa Trời cho phép những thử thách xảy ra để có thể tạo nên lòng tin kính trong con cái Ngài và khiến chúng ta được trở nên giống Chúa Giê-xu hơn. Sự tin kính không phải là kết quả tự nhiên của việc đọc sách và tham dự những buổi nhóm; nó cũng đòi hỏi việc mang lấy những gánh nặng, tham gia vào những trận chiến và cảm nhận được những nỗi đau đớn.

Sự thành tín của Đức Chúa Trời (Xu 16:13-15). Chiều hôm đó, chim cút bay bên trên trại quân Y-sơ-ra-ên và dân sự đã bắt chúng làm thịt và nấu lên. Họ đã cầu xin cho được thịt tươi sống, và Đức Chúa Trời đã chu cấp cho họ. Dân Do Thái trước đó đã nhìn thấy thịt chim rừng, nhưng điều xảy ra sáng hôm sau là hoàn toàn mới, vì ma-na xuất hiện dưới lớp sương trải trên mặt đất. Đức Chúa Trời đã dọn bàn ăn cho dân sự Ngài trong đồng vắng và ban cho họ "bánh của các Thiên Sứ" (Thi 78:17-25).

Từ "ma-na" có xuất xứ từ câu hỏi mà dân Do Thái đã hỏi vào buổi sáng đầu tiên ấy. "Vật chi vậy ?" (tiếng Hê-bơ-rơ là *man hu*) Ma-na sẽ là lương thực của họ trong suốt 40 năm sắp tới, cho đến khi thế hệ sau đi vào Đất Hứa thì ma-na mới chấm dứt (Xu 16:35 Gios 5:11-12). Mỗi buổi sáng dân Do Thái được tham dự vào một phép lạ khi từ các căn lều bước ra, họ đã thấy nguồn thực phẩm của họ có sẵn trên lớp sương. Ma-na nhỏ, giống như một hạt giống, nhưng có vị ngọt như mật (Xu 16:31).

Con Đức Chúa Trời (Gi 6:22-59). Ngày hôm sau khi xảy ra sự kiện Chúa Giê-xu cho hơn 5000 người ăn chỉ với 5 ổ bánh lúa mạch và 2 con cá nhỏ, Ngài đã giảng một bài giảng về "bánh của sự sống" cho một đám đông trong nhà hội ở Ca-bê-na-um. Họ muốn Chúa Giê-xu chứng minh Ngài là Đấng Mê-si-a bằng cách làm lại phép lạ về Ma-na (c.30-31), nhưng thay vào đó, Ngài đã tuyên bố rằng Ngài là "bánh thật" đến từ trời. Ma-na thời Cựu Ước là một kiểu mẫu [56] hay là một hình ảnh về Con Đức Chúa Trời, Đấng đã đến để ban chính mình Ngài làm Bánh Sự Sống cho những tội nhân đang khao khát Bánh ấy.

Những người Do Thái trong nhà hội đi theo Chúa Giê-xu chủ yếu là vì Ngài đã ban thức ăn cho thuộc thể của họ, nhưng điều họ còn cần hơn đó là thức ăn cho linh hồn (Es 55:2). Chúa Giê-xu là Bánh của Sự Sống, và cách duy nhất để được cứu là tiếp nhận Ngài vào con người bên trong của chúng ta giống như thân thể tiếp nhận thức ăn. Đức Chúa Trời chỉ ban ma-na cho dân Y-sơ-ra-ên, nhưng Ngài ban Chúa Giê-xu cho cả thế giới. Ma-na chỉ duy trì sự sống thuộc thể của họ trong đồng vắng nhưng Con Đức Chúa Trời ban sự sống đời đời cho cả thế gian. Như dân Do Thái đã phải cúi xuống lượm ma-na và ăn nó, thì tội nhân cũng phải hạ mình và tiếp nhận Chúa Giê-xu Christ vào lòng mình. Dân Do Thái ăn ma-na và cuối cùng cũng đã chết, nhưng những ai tiếp nhận Chúa Giê-xu Christ sẽ sống đời đời.

Có một ứng dụng thứ hai cho phép lạ về ma-na: mỗi ngày bạn và tôi phải "sống nhờ Chúa Giê-xu Christ" bằng cách đọc Lời Chúa, suy gẫm và làm theo lời ấy. Những người Do Thái trong nhà hội nghĩ rằng Chúa Giê-xu đang nói về việc ăn thịt và huyết Ngài theo nghĩa đen (Gi 6:52-56) là điều có vẻ mâu thuẫn với luật pháp Do Thái [57]. Chúa Giê-xu giải thích rằng Ngài đang nói bằng ngôn ngữ thuộc linh và đề cập đến việc tiếp nhận Lời Ngài (c.61-63). Tuy nhiên, Phi-e-rơ đã hiểu được sứ điệp này (c.67-68) và chúng ta cũng phải như vậy. Lời Đức Chúa Trời là lương thực từ trời nuôi dưỡng sự sống thuộc linh của chúng ta, và chúng ta phải sống nhờ vào Lời Chúa mỗi ngày (Giop 23:12 Gie 15:16 Mat 4:4 IPhi 2:2 He 5:12-14).

3. Vâng theo những lời chỉ dẫn của Đức Chúa Trời (Xu 16:16-31)

Vì Đức Chúa Trời chẳng phải là Chúa của sự loạn lạc (ICo 14:33) nên bất cứ khi nào tiến hành một điều gì đó mới mẻ, Ngài luôn đưa ra những chỉ dẫn cần thiết để giúp cuộc mạo hiểm được thành công. Nếu chúng ta vâng theo những chỉ dẫn của Ngài thì Ngài sẽ chúc phước, nhưng nếu chúng ta bất tuân, sẽ có sự thất vọng và kỷ luật. Nguyên tắc vẫn là "mọi sự đều nên làm cho phải phép và theo thứ tự" (ICo 14:40).

Thu lượm ma-na (16:18,21). Trước tiên, dân Do Thái được hướng dẫn phải thu lượm ma-na mỗi ngày, nhưng chỉ vừa đủ ăn cho mỗi người trong gia đình (c.16). Một ô-me là đơn vị đo lường của dân Hê-bơ-rơ tương đương với hai ga-lông. Ma-na rất bổ dưỡng vì khi ăn vào sẽ giúp một người lớn đi được một ngày trong đồng vắng. Dường như những thành viên trong mỗi gia đình góp chung phần lương thực vào mỗi ngày và chưa bao giờ không có đủ thức ăn cho họ [58]. Vì dân Do Thái di chuyển và cắm trại theo chi phái (Dan 1:1-2:34) nên chắc chắn là mỗi thị tộc và mỗi gia đình đều góp chung phần ma-na họ đã thu lượm và bảo đảm cho mọi người đều có đủ ma-na để ăn.

Điều quan trọng là dân Do Thái phải dậy sớm để thu lượm ma-na, vì mặt trời nóng bức của sa mạc sẽ làm tan chảy những hạt ma-na (Xu 16:21). Trong trại quân Y-sơ-ra-ên không có chỗ cho kẻ lười biếng nằm dài trên giường trong lúc những người khác phải thu lượm thức ăn cho anh ta. Có một bài học dành cho tín đồ ngày nay; chúng ta phải bắt đầu một ngày mới với Chúa, thu nhặt thức ăn thuộc linh từ Lời Chúa, vì nếu chúng ta gặp Chúa quá trễ thì ngày sẽ trở nên huyên náo, chúng ta sẽ bị phân tâm, và sẽ bị suy dinh dưỡng thuộc linh. "Những người dậy sớm" trong Kinh Thánh gồm có Áp-ra-ham (Sa 19:27 21:14 22:3), Gia-cốp (28:18), Môi-se (Xu 8:20 9:13 24:4), Giô-suê (Gios 3:1,6), Sa-mu-ên (ISa 15:12), Giốp (Giop 1:5), Đa-vít (Thi 57:8 108:2) và Chúa Giê-xu Christ của chúng ta (Mac 1:35).

Bảo quản ma-na (Xu 16:19-21). Những người Y-sơ-ra-ên lười biếng có thể có ý định để dành phần ma-na lại để họ có thể ngủ vào buổi sáng hôm sau, nhưng Môi-se đã cảnh cáo họ không được làm như vậy. Tuy nhiên, một số người vẫn làm việc ấy, và ma-na của họ đã bị chua, có mùi hôi, sinh giòi bọ và phải bỏ đi. Những người này không những không vâng theo lời chỉ dẫn của Đức Chúa Trời mà họ còn đang sống trái lại với thông lệ của Ngài vì Chúa đã cho phép mặt trời làm tan chảy ma-na nào vẫn còn nằm trên mặt đất. Thật không ích chi khi chống đối lại điều Đức Chúa Trời đã phán bảo trong Lời Ngài và mẫu mực Ngài đã thiết lập trong sự sáng tạo của Ngài.

Một lần nữa, lại có sự cảnh cáo riêng cho dân sự Đức Chúa Trời ngày nay: Chúng ta không thể tích trữ Lời Ngài và tìm cách sống nhờ vào nguồn dinh dưỡng thuộc linh

của ngày hôm qua. Việc nghe chia sẻ Kinh Thánh vào Ngày của Chúa là một việc làm tốt, nhưng chúng ta cần ma-na tươi mới mỗi ngày nếu chúng ta muốn là những Cơ Đốc Nhân khoẻ mạnh. Không có sự thay thế tương xứng nào cho thời gian ở riêng với Chúa mỗi ngày để được hấp thu nguồn dinh dưỡng tươi mới từ Lời Ngài.

Ma-na cho ngày Sa-bát (16:22-31). Trong c.23, đây là lần đầu tiên trong Kinh Thánh ngày Sa-bát được đề cập đến bằng tên gọi. Nó được gọi là "ngày thứ bảy" trong (Sa 2:1-3) và để kỷ niệm sự nghỉ ngơi của Chúa sau 6 ngày sáng tạo. Dường như dân Do Thái đã được dạy phải giữ ngày Sa-bát ngay cả trước khi Đức Chúa Trời ban cho Môi-se 10 Điều Răn.

Mặc dù nhiều người thật thà gọi Chúa nhật là ngày Sa-bát nhưng điều này không đúng với Kinh Thánh vì ngày Sa-bát là ngày thứ bảy còn Chúa nhật lại là ngày đầu tuần. Ngày Sa-bát là một ngày đặc biệt được Chúa ban cho dân Do Thái như một sự nhắc nhở về giao ước của Ngài với họ (Xu 20:8-11 31:12-17 Ne 9:13-15). Từ "sa-bát" trong tiếng Hê-bơ-rơ nghĩa là "ngưng làm việc, nghỉ ngơi" và có liên hệ với từ "số bảy" trong tiếng Hê-bơ-rơ.

Vì vậy dân Do Thái không phải làm việc vào ngày Sa-bát, nhưng họ phải có nhiệm vụ chuẩn bị trước bữa ăn của họ, bao gồm cả việc thu lượm ma-na. Họ được phép lượm ma-na gấp đôi vào ngày thứ 6, và những gì họ dự trữ sẽ không trở nên ôi thối. Việc ban ma-na 6 ngày một tuần không chỉ là một phép lạ, nhưng việc bảo quản ma-na cho ngày thứ bảy cũng là một phép lạ nữa. Luôn có một số người không thật sự hiểu được sứ điệp này. Một số người Do Thái ra ngoài vào ngày Sa-bát để tìm ma-na, và họ đã chẳng tìm thấy gì cả. Họ đã không vâng theo những chỉ dẫn của Môi-se ! Hãy nhớ rằng việc thu lượm ma-na là một thử nghiệm của Đức Chúa Trời để biết dân sự có tuân thủ theo Luật Pháp mà Ngài sắp ban cho họ hay không (Xu 16:4). Nếu họ không vâng theo một việc đơn giản như là việc lượm ma-na 6 ngày một tuần, làm sao họ sẽ vâng theo những quy chế và luật pháp mà Môi-se sẽ đem xuống từ núi Si-nai ! Được ăn "bánh của các thiên sứ" ban xuống từ trời là một đặc quyền, và bất tuân những chỉ dẫn mà Chúa đã ban ra là một sự xúc phạm đối với Ngài.

4. Hãy nhớ những bài học mà Đức Chúa Trời đã dạy bạn (Xu 16:32-36)

Những lời chỉ dẫn trong các c.33-34 báo trước về việc ban Luật Pháp (hoặc"bảng chứng" 31:18 32:18) và việc tạo ra hòm bảng chứng (25:16,22 26:33) cùng việc xây cất đền tạm. Thông tin ở (16:35) được thêm vào những năm sau đó để bổ sung cho câu chuyện được đầy đủ. Vào thời điểm đó, Môi-se vẫn chưa biết Y-sơ-ra-ên sẽ đi trong đồng vắng bao nhiêu năm.

Như chúng ta sẽ thấy sau đó, hòm bảng chứng là ngôi của Đức Chúa Trời trong trại quân. Nó nằm ở nơi chí thánh trong đền tạm là nơi sự vinh hiển của Đức Chúa Trời ngự vào, và trong hòm là hai bảng luật pháp, cây gậy của A-rôn và bình đựng ma-na bằng vàng (He 9:4). Chỉ có thầy tế lễ cả mới có thể vào nơi chí thánh, và chỉ một lần trong năm, nhưng dân Do Thái biết được những gì ở trong hòm và đã dạy lẽ thật này cho con cái họ. Mỗi một vật trong hòm này nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về một lẽ thật quan trọng rằng Đức Chúa Trời là Vua và là Đấng ban Luật Pháp, rằng Ngài đã thiết lập chức tế lễ và đã nuôi nấng dân sự Ngài vì Ngài quan tâm đến họ.

Đức Chúa Trời ban luật pháp cho Y-sơ-ra-ên vì Ngài yêu dân sự Ngài. Họ cần có ánh sáng để soi dẫn họ, và Luật Pháp Đức Chúa Trời là ngọn đèn và là ánh sáng cho họ, và vâng theo Luật Pháp nghĩa là đi theo con đường của sự sống (Ch 6:23). Khi dân

sự bất tuân, họ cần một thầy tế lễ giúp họ được tha thứ và được làm hòa với Đức Chúa Trời. Họ cũng cần được nhắc nhở rằng chính Đức Chúa Trời là Đấng đã chu cấp lương thực cho họ, và họ sống không phải chỉ nhờ bánh nhưng còn bởi Lời Đức Chúa Trời (Phu 8:1-3).

Hầu hết mọi người có xu hướng quên đi cách Đức Chúa Trời đã đối đãi với họ, và họ phải học lại những bài học mà họ đã quên. Một số người ghi nhật ký và thường xuyên mở ra xem lại, trong khi những người khác có "nhật ký thuộc linh" ở lề quyển Kinh Thánh của họ, ghi chú lại những câu Kinh Thánh và những kinh nghiệm đặc biệt có liên quan đến họ. Một bức ảnh có thể chẳng có ý nghĩa gì đối với chúng ta nhưng nó lại chứa đựng châu báu của lẽ thật thuộc linh đối với người sở hữu bức ảnh, là người biết rõ vì sao bức ảnh ở trên giá sách. Dù chúng ta có những cách thức khác nhau thì chúng ta cũng cần phải "giữ lại" những bài học quan trọng của cuộc sống và để chúng có thể giúp chúng ta bước đi với Đức Chúa Trời và vâng giữ Lời Ngài.

Khi chúng ta bước đi với Chúa bởi đức tin, thì cuộc sống là một trường học; và những người hành hương hay những học viên thành công là những người đã cùng cầu nguyện với Môi-se rằng: "Cầu xin Chúa dạy chúng tôi biết đếm các ngày chúng tôi , hầu cho chúng tôi được lòng khôn ngoan" (Thi 90:12).

Bạn có là một trong số họ hay không ?

7. "ĐỨC GIÊ-HÔ-VA VẠN QUÂN Ở CÙNG CHÚNG TA" (Xu 17:1-18:27)

Vào ngày 18/4/1874, thi hài của nhà truyền giáo cũng là nhà thám hiểm David Livingstone được đặt yên nghỉ trong một ngôi mộ ở trung tâm giáo đường tại Westminster Abbey. Trong suốt tang lễ, hội chúng cùng hát thánh ca của Philíp Doddridge và John Logan, lấy ý từ (Sa 28:20-21)

> Lạy Đức Chúa Trời của Bê-tên, Đấng mà bởi tay Ngài
>
> Dân sự Ngài vẫn được nuôi dưỡng;
>
> Đấng mà suốt cuộc hành hương trên đất này
>
> Đã dẫn dắt các tổ phụ của chúng tôi:
>
> Qua mỗi nẻo đường đời đầy gian khó
>
> Đã chỉ lối cho các bước chân lang thang của chúng tôi;
>
> Xin hãy ban cho chúng tôi đồ ăn mỗi ngày
>
> Và chu cấp quần áo thích hợp cho chúng tôi.

Suốt những năm tháng khó khăn và vất vả tại Châu Phi, Livingstone đã đặt đức tin và tương lai của ông nơi những lời nhắn nhủ của Chúa Giê-xu: "Và này, ta thường ở cùng các ngươi luôn cho đến tận thế" (Mat 28:20). Nói về câu Kinh Thánh này, Livingstone đã viết trong nhật ký của ông ngày 14/1/1856: "Đây là lời của một người nghiêm túc và đáng kính trọng nhất, vì thế phải có một mục đích về lời này !" Ông đã biết rằng lời của Chúa mình là đáng tin cậy !

Chính sự hiện diện của Chúa đã ban cho Môi-se sức mạnh và sự tin quyết cần có trong suốt khoảng thời gian ông dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên đi trong đồng vắng. Môi-se có một nhiệm vụ khó khăn là phải lãnh đạo một đội quân vô ơn gồm những người nô lệ trước đây, và ông đang cố gắng kết hợp họ lại thành một dân tộc, nhưng ông vẫn

kiên trì vì Chúa ở cùng ông. Những sự kiện được ghi lại trong 2 chương này cho chúng ta thấy ý nghĩa về sự hiện diện của Chúa đối với dân sự Ngài và những người lãnh đạo khi họ đang trên đường hành hương.

1. Đức Chúa Trời hướng dẫn những bước đi của chúng ta (Xu 17:1-7)

Khi đi đến núi Si-nai, dân Y-sơ-ra-ên vẫn được dẫn dắt bởi trụ mây vào ban ngày và trụ lửa vào ban đêm. Nhưng Chúa vẫn đang dẫn Y-sơ-ra-ên vào trong những hoàn cảnh khó khăn và thử thách để bày tỏ quyền năng của Ngài và để gây dựng đức tin cùng tính cách của dân sự. Xét cho cùng, hành trình của đời sống còn bao gồm nhiều yếu tố khác ngoài việc chỉ tìm cách đạt được mục tiêu. Nếu chúng ta không tăng trưởng trong đức tin, trong sự hiểu biết Đức Chúa Trời và trong sự tin kính thì chúng ta đang lãng phí đi những cơ hội của mình.

Một thử nghiệm cũ được lặp lại (17:1-3) Cần phải mất một thời gian khá lâu để Y-sơ-ra-ên có thể trở nên một dân tộc tin kính. Cho đến thời điểm này mọi thử thách mới mà họ phải trải qua chỉ cho thấy điều tồi tệ nhất nơi họ. Khi dân sự đến Rê-phi-đim, trong đồng vắng Si-nai, họ lại thấy mình không có nước. Họ đã thất bại trong cuộc thử nghiệm này một lần trước đó, vì thế Đức Chúa Trời phải thử nghiệm họ một lần nữa. Ngài đã cho thấy rằng Ngài có thể cung cấp nước và thức ăn cho họ, vậy tại sao họ vẫn tranh cãi cùng Môi-se ? Vì lòng họ vẫn ở Ai Cập. Họ phạm tội vô ơn và vô tín, muốn trở lại với đời sống cũ, và kết quả là họ lại không vượt qua được cuộc thử nghiệm.

Mọi sự khó khăn Đức Chúa Trời cho phép chúng ta đối mặt sẽ trở nên một cuộc thử nghiệm có thể khiến chúng ta trở nên tốt hơn hoặc là một cám dỗ có thể khiến chúng ta trở nên tồi tệ hơn, và *chính thái độ của chúng ta sẽ quyết định cho điều này.* Nếu chúng ta bắt đầu phàn nàn và oán trách Đức Chúa Trời trong sự vô tín thì sự cám dỗ sẽ ngăn chúng ta lại và cướp đi của chúng ta một cơ hội tăng trưởng về thuộc linh. Nhưng nếu chúng ta tin cậy Đức Chúa Trời và làm theo đường lối của Ngài thì thử thách sẽ có lợi chớ không gây hại cho chúng ta (Ro 8:28 Gia 1:12-15) và giúp chúng ta được tấn tới trong ân điển.

Khi con người ở ngoài mối giao thông với Chúa, tức giận và cay đắng, họ thường muốn làm những điều trái lẽ chỉ khiến hoàn cảnh trở nên tồi tệ hơn. Trong trường hợp này, dân sự lại muốn ném đá người lãnh đạo của họ ! (Xu 17:5). Việc đó có làm thay đổi hoàn cảnh của họ hay không thì họ không nhận thức được, nhưng những người bất tuân thường tìm kiếm người để chịu tội thay cho họ [59]

Một nguồn năng lực không bao giờ cạn (17:4-7). Môi-se đã làm điều ông thường phải làm với tư cách là một người lãnh đạo: ông kêu cầu Chúa giúp đỡ (15:25 32:30 Dan 11:1-2 12:13 14:13). “Đức Chúa Trời là nơi nương náu và sức lực của chúng tôi, Ngài sẵn giúp đỡ trong cơn gian truân” (Thi 46:1). Chúa đã hướng dẫn ông đem theo một số trưởng lão cùng với cây gậy tượng trưng cho quyền năng của Đức Chúa Trời (7:20) và đập hòn đá trước mặt dân sự và bầy gia súc. Khi Môi-se làm theo thì nước phun ra từ hòn đá giúp cho dân sự và bầy gia súc qua khỏi cơn khát (Thi 78:15-16 105:41 114:8 Es 48:21). MộtĐức Chúa Trời nhân từ đã đáp ứng cho nhu cầu của một dân hay phàn nàn [60]

Hòn đá là một điển hình về Chúa Giê-xu Christ đã bị “đập” vì chúng ta trên thập tự giá (ICo 10:4) [61] và dòng nước là một điển hình về Đức Thánh Linh mà bởi sự chết, sự phục sinh và thăng thiên của Đấng Christ mà Ngài đã có thể đến với chúng ta

(Gi 7:37-39). Điều này giải thích lý do Môi-se đã sai lầm khi đập vào hòn đá mà lẽ ra ông cần phải nói với hòn đá ấy (Dan 20:1-13) vì "(Đấng Christ) đã chết cho tội lỗi một lần đủ cả" (Ro 6:10 NKJV He 7:27 9:26-28).

"Ma-sa" nghĩa là "thử" và "Mê-ri-ba" nghĩa là "bất hòa, cãi lộn". Dân Do Thái chưa biết rằng Đức Chúa Trời *thử nghiệm dân sự Ngài trong mọi từng trải của đời sống*. Ngài dùng những từng trải gian nan của đời sống để củng cố đức tin chúng ta và hoàn thiện tính cách chúng ta. Nhưng đức tin của Y-sơ-ra-ên nơi Đức Chúa Trời rất yếu đuối, vì họ nghĩ Đức Chúa Trời của họ đã dẫn họ đến một nơi mà Ngài không thể chăm sóc cho họ ! Sự rắc rối với dân Y-sơ-ra-ên là họ có tấm lòng cứng cỏi không muốn đầu phục Chúa, vì vậy họ đã chống nghịch lại ý muốn của Ngài. Thật ra, trong suốt cuộc hành trình từ Ai Cập đến Ca-na-an, thế hệ đi trước cũng đã có những tấm lòng vô tín (Thi 95:6-11 He 3:1-19) [62]. Lúc khởi đầu cuộc hành hương họ đã phàn nàn về nước và 40 năm sau khi gần cuối cuộc hành hương họ cũng tiếp tục phàn nàn như vậy (Dan 20:1-13).

Trên biểu đồ của đời sống chúng ta, có bao nhiêu chỗ phải được đặt tên là "Thử nghiệm và Tranh cãi" vì cách thức mà chúng ta phàn nàn về hoàn cảnh của mình và không tin cậy nơi Đức Chúa Trời ? Ngồi thoải mái trong nhà thờ và hát "Suốt đường Cứu Chúa tôi dẫn dắt tôi, tôi còn cầu xin điều gì hơn ?" là một việc, nhưng phải đối diện với sự khốn cùng và tuyệt vọng và nói cách khiêm cung rằng "không phải ý con nhưng ý Ngài được nên" hoàn toàn là một việc khác. Corrie ten Boom thường nói: "Không cần phải đưa ra những lời chỉ dẫn cho Đức Chúa Trời, chỉ hãy nhận lãnh lấy nhiệm vụ của mình."

2. Đức Chúa Trời đánh bại những kẻ thù của chúng ta (Xu 17:8-16)

Trong cuộc hành trình của đức tin, chúng ta không chỉ trải qua những thử thách có liên quan đến những nhu cầu thiết yếu của đời sống, như là bánh và nước, mà chúng ta còn phải đương đầu với những cuộc chiến khi kẻ thù tấn công chúng ta. Chúng ta là những kẻ hành hương và cũng là những chiến sĩ, và điều này có nghĩa là đôi khi chúng ta phải chịu đựng sự hoạn nạn khi chúng ta bước theo Chúa (IITi 2:3-4).

Kẻ thù (Xu 17:8). Ma quỉ là kẻ thù lớn nhất của chúng ta (IPhi 5:8), nó sử dụng thế gian và xác thịt để chống lại chúng ta (Eph 2:1-3). Như dân Y-sơ-ra-ên đã được giải phóng khỏi Ai Cập bởi quyền năng của Đức Chúa Trời, thì dân sự Đức Chúa Trời ngày nay cũng được giải cứu khỏi "đời ác này" (Ga 1:3-4) nhờ chiến thắng của Đấng Christ. Chúng ta đang ở *trong* thế giới vật chất chớ không *thuộc về* thế giới thuộc linh (Gi 17:14-16), và vì thế chúng ta không được làm theo đời này (Ro 12:2). Chúng ta phải từ bỏ những điều thuộc về xác thịt (Ga 5:16-21) và chống cự lại những sự tấn công của ma quỉ (Gia 4:7 IPhi 5:8-9).

Dân A-ma-léc là con cháu Ê-sau, anh của Gia-cốp (Sa 36:12,16), ông là một "người khinh lờn" (He 12:16). Từ được dịch là "khinh lờn" ("bất kính", NIV) đến từ một từ Hy Lạp có nghĩa là "ngưỡng cửa"; nó liên hệ đến một người nào đó dễ bị ảnh hưởng và có thể được "thay thế" bởi bất cứ ai đó hay bất cứ điều gì đó. Từ tiếng Anh "khinh lờn" có xuất xứ từ tiếng La-tinh có nghĩa là "bên ngoài đền thờ", tức là không được thánh hóa và tầm thường. Ê-sau đã sống cho thế gian và cho xác thịt, xem thường những điều thuộc linh (c.17). Ê-sau đã đối chọi cùng Gia-cốp em mình và dọa giết

Gia-cốp (Sa 27:41), con cháu Ê-sau cũng đối nghịch với con cháu Gia-cốp (Y-sơ-ra-ên) và đe dọa hủy diệt họ.

Không có ghi chép nào cho biết dân Do Thái phải đánh bất kỳ cuộc chiến nào ở Ai Cập, nhưng khi đã được giải phóng khỏi ách nô lệ, họ lại khám phá ra rằng họ có những kẻ thù. Điều này cũng xảy ra trong đời sống Cơ Đốc Nhân. Khi chúng ta hiệp cùng Chúa Giê-xu, thì những kẻ thù của Ngài trở thành những kẻ thù của chúng ta (Lu 12:49-53) và chúng ta phải "đánh trận đức tin tốt lành" (ITi 6:12). Nhưng chúng ta cũng cần có những cuộc chiến để giúp quân bình những phước hạnh của đời sống; nếu không, chúng ta sẽ trở nên quá tự tin và quá hanh thông đến nỗi không còn tin cậy nơi Chúa nữa.

Chiến lược (Phu 25:17-19). Dân A-ma-léc đã tấn công Y-sơ-ra-ên bất ngờ từ phía sau, tại nơi yếu nhất trong trại quân, vì họ nhắm vào những người Do Thái yếu đuối nhu nhược đang ở phía sau đoàn người. Dân A-ma-léc đã tấn công sau khi Y-sơ-ra-ên vừa kinh nghiệm được một phước hạnh lớn lao trong sự chu cấp nước từ hòn đá. Sa-tan và đội quân ma quỉ của nó (Eph 6:10-12) biết rõ đâu là điểm yếu nhất của chúng ta và khi nào chúng ta vẫn còn chưa sẵn sàng cho một cuộc tấn công. Đó là lý do chúng ta phải "tỉnh thức và cầu nguyện để khỏi sa vào chước cám dỗ. Tâm thần thật sự sẵn sàng nhưng xác thịt thì yếu đuối" (Mac 14:38 NKJV).

Kẻ thù thường tấn công dân sự Đức Chúa Trời sau khi họ kinh nghiệm được những phước hạnh đặc biệt, nhưng Chúa có thể dùng những cuộc tấn công đó để khiến chúng ta không được đặt lòng tin nơi những phước hạnh được ban cho thay thế Đấng ban cho. Chính ngay sau chiến thắng trên bốn vua mà Áp-ra-ham đã bị cám dỗ để thu gom chiến lợi phẩm (Sa 14:17-24), và sau chiến thắng Giê-ri-cô, Giô-suê trở nên quá tự tin và đã bị bại trận tại A-hi (Gios 7:1-26). Sau khi Ê-li đánh bại các thầy tế lễ của Ba-anh, ông trở nên nản lòng và bị cám dỗ để rút lui (IVua 18:41-19:18), và chính sau những phước hạnh tại phép báp-têm của Ngài mà Chúa chúng ta được dẫn vào đồng vắng để chịu cám dỗ (Mat 3:13-4:1). "Vậy ai tưởng mình đứng vững hãy giữ kẻo ngã" (ICo 10:12).

Chiến thắng (Xu 17:9-13). Không có bằng chứng nào về việc Y-sơ-ra-ên đã tiến hành bất cứ cuộc chiến nào ở Ai Cập. Thậm chí vào đêm họ được giải phóng khỏi Ai Cập, họ không phải chiến đấu với đội quân đang tấn công của Ai Cập vì Chúa đã chiến cự thay họ. "Chớ sợ chi, và hãy xem sự giải cứu của Đức Giê-hô-va sẽ làm cho các ngươi ngày nay" (Xu 14:13). Nhưng giờ đây Y-sơ-ra-ên đang ở trong cuộc hành hương và họ sẽ phải nhiều lần bước vào cuộc chiến và tin cậy Chúa để chiến thắng. "Và đây là chiến thắng chế ngự cả thế gian, thậm chí với cả đức tin của chúng ta" (IGi 5:4).

Đây là sự đề cập đầu tiên về Giô-suê trong Kinh Thánh, nhưng trước khi kết thúc Kinh Thánh, tên ông sẽ được nhắc đến hơn 200 lần nữa [63] Ông sinh ra tại Ai Cập và được đặt tên là Hô-sơ, nghĩa là "sự cứu rỗi". Sau này, Môi-se sẽ đổi tên lại cho ông là "Giô-suê – Đức Giê-hô-va là sự cứu rỗi" (Dan 13:8,16;), chính là từ Hê-bơ-rơ tương đương với "Giê-xu" (Mat 1:21 He 4:8;). Ông biết được sự khắc nghiệt của kiếp nô lệ ở Ai Cập, và chắc hẳn ông cũng có khả năng về lãnh đạo quân sự để Môi-se lập ông làm tướng lãnh quân đội. Ông đã trở nên tôi tớ hầu việc của Môi-se (Xu 24:13 33:11 Gios 1:1), vì đường lối của Đức Chúa Trời là trước hết chúng ta phải chứng tỏ mình là tôi tớ trung thành trước khi có thể được cất nhắc làm lãnh đạo (Mat

25:21,23). Giô-suê chỉ có một ngày để tập hợp đội quân để sẵn sàng cho cuộc tấn công nhưng ông đã làm được điều ấy.

Chiến thắng huy hoàng của Y-sơ-ra-ên trước dân A-ma-léc đòi hỏi phải có ba yếu tố: quyền năng của Chúa ở trên trời, tài khéo léo của Giô-suê và đội quân trên chiến trường, và sự cầu thay của Môi-se, A-rôn và Hu-rơ [64] trên đầu nổng. Đức Chúa Trời có thể sai các thiên sứ hủy diệt kẻ thù (Es 37:38), nhưng Ngài đã cho con người cơ hội được Ngài sử dụng như những công cụ để thực hiện mục đích của Ngài. Giô-suê và quân đội của ông phải tin cậy Đức Chúa Trời và chiến đấu, Môi-se và các cộng sự của ông phải tin cậy Đức Chúa Trời và cầu thay, còn Đức Chúa Trời sẽ làm phần việc còn lại. Bằng cách này, dân sự Đức Chúa Trời sẽ được lớn lên trong đức tin và danh Đức Chúa Trời sẽ được vinh hiển.

Dân Do Thái giơ tay lên khi họ cầu nguyện là một điều thông thường (Thi 28:2 44:20 63:4 134:2 IVua 8:22,38,54 ITi 2:8), và vì Môi-se cầm gậy của Đức Chúa Trời trong tay tức là ông đang xưng nhận sự phó thác nơi quyền lực và sức mạnh của Đức Giê-hô-va. Không phải Môi-se là người ban quyền phép cho Giô-suê và quân đội ông; nhưng đó là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, là "Đức Giê-hô-va vạn quân". Khi Môi-se vẫn còn giơ cây gậy trong tay của ông lên, Y-sơ-ra-ên vẫn thắng thế, nhưng khi ông hạ tay xuống, quân A-ma-léc sẽ thắng thế.

Chúng ta có thể hiểu được Giô-suê và đội quân Y-sơ-ra-ên sẽ trở nên rất mệt mỏi khi đánh trận, nhưng tại sao Môi-se lại mệt mỏi khi giơ gậy của Đức Chúa Trời lên ? Cho đến tận ngày ông qua đời, Môi-se vẫn không mất đi sức mạnh tự nhiên của mình (Phu 34:7), vì thế nguyên nhân không thuộc về vấn đề thể xác. Sự cầu thay là một hoạt động đòi hỏi nhiều nơi người cầu thay. Việc phải tập trung mọi sự chú ý nơi Đức Chúa Trời và "cầu nguyện không thôi" (ITe 5:17) có thể làm bạn đuối sức cũng như đối với một công việc căng thẳng. Giống như Ê-pháp-ra, chúng ta phải "luôn lao động nhiệt thành" trong sự cầu nguyện của chúng ta (Cong 4:12) [65], chớ không chỉ là việc đề cập qua loa đến những lời thỉnh cầu của chúng ta đối với Chúa. Samuel M.Zwemer là nhà truyền đạo cho thế giới Hồi giáo, ông thường gọi sự cầu nguyện là "sự luyện tập của linh hồn", và John Bunyan đã viết: "Trong sự cầu nguyện thì một tấm lòng không nói nên lời còn đáng giá hơn là những lời nói không có tấm lòng". Bạn phải trả giá khi đặt trọn tấm lòng mình vào sự cầu thay, nhưng điều đó cũng sẽ đem đến sự phước hạnh cho bạn.

Giô-suê không thể thành công nếu không có Môi-se, nhưng Môi-se không thể thắng thế nếu không có sự hỗ trợ của A-rôn và Hu-rơ. Không phải mọi người đều có thể là một Môi-se hay Giô-suê, một D.L.Moody hay Billy Graham, nhưng tất cả các Cơ Đốc Nhân đều có thể như A-rôn và Hu-rơ giúp giữ tay họ khi họ làm theo lời Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đang tìm kiếm những người sẵn lòng dự phần trong cuộc chiến và chiến thắng vì họ vẫn đang bền lòng trong sự cầu nguyện (Ro 12:12 Es 59:16).

Có một lời nhắc nhở cho chúng ta tại đây: Cứu Chúa hằng sống của chúng ta ở trên trời đang cầu thay cho chúng ta khi chúng ta đang chiến trận với cuộc sống mỗi ngày, và sức lực của Ngài thì chẳng bao giờ cạn (He 7:25). Hơn nữa, Đức Thánh Linh trong lòng cũng đang cầu thay cho chúng ta và hướng dẫn chúng ta trong sự cầu nguyện (Ro 8:26-27). Đức Chúa Trời hứa ban chiến thắng cho những ai cầu nguyện và sử dụng gươm Thánh Linh (Eph 6:17-18).

Lời chứng (Xu 17:14-16). Môi-se không xây một đài kỷ niệm cho chính ông hay cho Giô-suê, hoặc thậm chí cho đội quân chiến thắng của Y-sơ-ra-ên. Thay vào đó, ông biết dành mọi vinh hiển về chiến thắng của Y-sơ-ra-ên cho Đức Chúa Trời bằng cách xây một bàn thờ và đặt tên là "Giê-hô-va Cờ xí của tôi". Ở Ai Cập, có lẽ Môi-se đã nhìn thấy nhiều đội quân khác nhau và mỗi đội quân được biết đến như một trong nhiều vị thần của họ, vì vậy ông giương cờ để tôn cao Đức Chúa Trời chân thật duy nhất của mình. Môi-se cũng đưa ra lý do cho đài kỷ niệm này rằng:"Vì tay đã được giơ lên trước ngôi của Chúa" (c.16 NIV), đề cập đến sự cầu thay của Môi-se trên đồi [66] Đức Chúa Trời đã đáp lời cầu nguyện và cứu giúp cho dân sự Ngài, và Môi-se muốn ngợi khen danh Ngài.

Nhưng Môi-se cũng đã ghi vào sử sách (Xu24:4-7 34:27 Dan 33:1-2 Phu 25:17-19 31:9-24). rằng Y-sơ-ra-ên phải chiến đấu với A-ma-léc cho đến khi dân tộc này hoàn toàn bị tiêu diệt. Y-sơ-ra-ên chiến trận với họ một lần nữa tại Ca-đe ba-nê-a nhưng bị thất bại (Dan 14:45), Ghê-đê-ôn đã chiến thắng dân này cùng với dân Ma-đi-an (Cac 6:33). Vua Sau-lơ đã không vâng lời Đức Chúa Trời mà tiêu diệt dân A-ma-léc, nên bị mất ngôi (ISa 15:1-25) và chính ông bị giết hại bởi một người A-ma-léc (IISa 1:1-16). Vua Đa-vít đã đánh bại dân A-ma-léc là những người đã đột kích trại quân của ông (ISa 30:1-31), và khi ông trở thành vua thì cuối cùng ông đã chinh phục được họ (IISa 8:11-12). Trong suốt thời trị vì của vua Ê-xê-chia, các đội quân của ông đã tiêu diệt một số ít dân A-ma-léc còn sót lại. Sự đoán xét của Đức Chúa Trời trên dân A-ma-léc cho chúng ta một bài học rằng bạn không thể phạm đến ngôi Đức Chúa Trời mà thoát khỏi sự trừng phạt.

3. Đức Chúa Trời đáng được ngợi khen (Xu 18:1-12)

Sau khi đọc về những thử thách, những sự phàn nàn và những cuộc chiến của dân Y-sơ-ra-ên, thật là một sự thư giãn để đi vào một chương mô tả trại quân Y-sơ-ra-ên như một nơi yên tĩnh của sự giao thông trong gia đình và của công việc hằng ngày. Cuộc sống không phải luôn luôn là sự đói khát và chiến tranh, dù đó là những điều mà chúng ta thường hay nhớ đến. Charles Spurgeon nói rằng dân sự Đức Chúa Trời có xu hướng khắc những hoạn nạn của họ vào đá hoa cương và viết những phước hạnh của họ trên cát, và có lẽ ông ấy đã nói đúng.

Nhưng điều tuyệt vời nhất về phân đoạn này đó là mọi người đều ngợi khen Chúa về những việc Ngài đã làm cho dân sự Ngài. Ngợi khen Đức Chúa Trời thật tốt hơn là phàn nàn Đức Chúa Trời; thật ra, sự ngợi khen là liều thuốc giải độc hay cho một tinh thần hay than vãn. Nhà truyền giáo D.L.Moody đã nói rằng: "Có rất nhiều điều trong Kinh Thánh nói về sự ngợi khen hơn là sự cầu nguyện, nhưng chúng ta lại có quá ít buổi nhóm họp ngợi khen !"

Sứ điệp của Giê-trô (Xu 18:1-6). Chúng ta đã gặp cha vợ của Môi-se (2:11-22), nhưng sự hiện diện của ông ở đây nêu lên hai câu hỏi quan trọng:

1. Giê-trô đã được nghe về những công việc kỳ diệu của Đức Chúa Trời tại Ai Cập như thế nào?

2. Vợ và hai con trai của Môi-se đã trở về nhà khi nào ?

Có thể Môi-se đã đưa gia đình ông trở về xứ Ma-đi-an trước khi Chúa tuyên chiến trên Ai Cập. Rồi sau cuộc hành trình rời Ai Cập, Môi-se đã sai một sứ giả đến cùng Giê-trô và yêu cầu ông dẫn theo Sê-phô-ra với hai cậu con trai và gặp ông tại núi Si-

nai. Một số học giả bác bỏ tình tiết này vì Môi-se chắc chắn muốn gia đình ông nhìn thấy sự đoán xét của Chúa trên Ai Cập và được tham gia vào sự giải cứu vĩ đại của Y-sơ-ra-ên. Môi-se sẽ là một người lãnh đạo như thế nào nếu chỉ muốn gia đình mình được yên ổn tại Ma-đi-an trong khi dân sự đang chịu cảnh khốn cùng ở Ai Cập ?

Nếu gia đình cùng ở với Môi-se tại Ai Cập thì sau cuộc hành trình rời Ai Cập, có thể đôi lúc Môi-se đã đưa Sê-phô-ra và hai con trai của họ về Ma-đi-an để báo tin mừng cho gia đình bà. Sê-phô-ra và những người cùng đi với bà có thể đi nhanh hơn rất nhiều so với cả đoàn dân cùng với con cái và gia súc của họ, vì vậy gia đình này sẽ đến Ma-đi-an trước khi dân Y-sơ-ra-ên đi đến khu vực núi Si-nai. Sau khi nghe tin mừng, Giê-trô sai một sứ giả đến chỗ Môi-se để cho biết rằng ông sắp đến trại quân cùng với Sê-phô-ra và các con trai của nàng.

Giê-trô đến (Xu 18:7-8). Ở Đông phương, những người trong gia đình và bạn bè dành khá nhiều thời gian để chào hỏi khi họ gặp mặt nhau (Lu 10:4), đặc biệt là khi họ đã không được gặp nhau trong suốt một thời gian dài (Sa 29:9-14 33:1-7 45:1-15). Môi-se bày tỏ sự kính trọng của ông đối với cha vợ bằng cách đi ra đón người, nhưng thật lạ khi Sê-phô-ra và hai người con trai không được đề cập đến tại đây[67].

Sự hiếu khách là một phép tắc trên hết cần phải tuân giữ tại Đông phương, và Môi-se đã mời Giê-trô cùng những vị khách vào trại của ông. Ở đó ông thuật lại cho họ nghe một lần nữa những công việc kỳ diệu Đức Chúa Trời đã làm cho dân sự Ngài. Giê-trô đã biết một số sự việc về sự thất bại của Ai Cập, nhưng Môi-se trình bày lại cho ông những chi tiết và trả lời những câu hỏi của ông. Đó không phải là sự tường thuật về những điều Môi-se đã làm nhưng là điều Đức Chúa Trời đã làm!

Sự thờ phượng của Giê-trô (Xu 18:9-12). Giống như Mên-chi-xê-đéc (Sa 14:17-24), Giê-trô là một thầy tế lễ người ngoại (Xu 2:16) mà những lời chứng của ông cho thấy rằng ông đã biết Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống. Ông cũng biết tầm quan trọng của Y-sơ-ra-ên trong kế hoạch của Đức Chúa Trời, vì ông nói rằng Chúa đã trừng phạt dân Ai Cập bởi họ đã "đối xử với Y-sơ-ra-ên một cách kiêu ngạo" (18:11 NIV).

Chức tế lễ vẫn chưa được thiết lập một cách chính thức trong Y-sơ-ra-ên, nên Môi-se, A-rôn và các trưởng lão Do Thái không phạm tội khi cùng Giê-trô dâng của lễ cho Đức Chúa Trời và sau đó dự một bữa tiệc thông công với nhau. Suốt những năm sống ở Ma-đi-an, chắc chắn Môi-se đã tham dự nhiều bữa ăn về của lễ cùng với cha vợ của ông. Hình thức thông công này báo trước thời điểm Đấng Mê-si-a sẽ chết thay tội lỗi của cả thế gian và thực hiện sự cứu chuộc cho muôn dân muôn nước. "Vì từ nơi mặt trời mọc cho đến nơi mặt trời lặn, danh ta sẽ là lớn giữa các dân ngoại" (Mat 1:11).

4. Đức Chúa Trời phân bổ những gánh nặng của chúng ta (Xu 18:13-27)

Môi-se lẽ ra phải có một tuần vui chơi với gia đình và tiếp đón cha vợ của ông, nhưng là một người chăn bầy trung tín, ngay hôm sau ông đã trở lại để giúp đỡ dân sự giải quyết những vấn đề của họ.

Nhiệm vụ (18:13-16). Dân tộc Y-sơ-ra-ên đã có những trưởng lão (c.13 4:29), nhưng họ không giúp đỡ Môi-se trong những công việc hằng ngày của trại quân, hoặc nếu họ giúp thì cũng có những vấn đề họ không thể tự giải quyết mà phải nhờ đến Môi-se. Trại quân của Y-sơ-ra-ên đã có những quy định cơ bản về sự quản lý (18:16),

vì hai triệu dân không thể sống hòa hợp và đồng hành với nhau mà không tuân theo một số điều lệ nào đó. Nhóm từ "mạng lệnh và luật pháp" trong c.16 có thể chỉ về ý muốn của Đức Chúa Trời nói chung cũng như về những mệnh lệnh cụ thể của Chúa. Từ rất lâu trước khi Luật Pháp được ban ra, Đức Chúa Trời đã chúc phước cho Áp-ra-ham vì ông đã làm theo những mạng lệnh, quy tắc và luật lệ của Ngài (Sa 26:5).

Những điều khoản trong Luật Pháp cần thiết cho tình hình trật tự và an ninh trong xã hội, nhưng các điều khoản này cũng luôn cần phải được giải thích, ngay cả khi những điều này đến từ Chúa. Sau này, các thầy tế lễ sẽ giúp đỡ trong nhiệm vụ này (Mat 2:4-7), nhưng vào lúc đó chức tế lễ vẫn chưa được thiết lập. Từ thời E-xơ-ra (Exo 7:10), các thầy thông giáo đã trở thành những người nghiên cứu và giải thích luật pháp.

Hiểm họa (Xu 18:17-18). Giê-trô biết rằng chức lãnh đạo của Môi-se mang tính quyết định cho sự thành công trong tương lai của Y-sơ-ra-ên và bất cứ hoạt động nào làm cạn kiệt sức lực hay lãng phí thời giờ của ông đều có hại cho dân tộc. Thêm nữa, ông cũng không muốn con rễ của mình bị kiệt sức để Sê-phô-ra phải góa bụa và hai cháu nội của ông không có cha. Không ai có thể tự mình giúp đỡ cho hai triệu dân mà kéo dài được tuổi thọ. Thậm chí sau khi đã có những sự xếp đặt mới thì Môi-se vẫn phải thú nhận rằng việc điều hành cả dân sự là quá sức cho ông (Dan 11:4), vậy dưới hệ thống điều hành cũ thì gánh nặng này còn nặng nề đến mức độ nào ? Từ Hê-bơ-rơ được dịch là "dễ hơn" trong (Xu 18:22) có nghĩa là "lấy hàng hóa ra từ một chiếc tàu." ("Điều đó sẽ khiến gánh của con nhẹ hơn", NIV).

Lời đề nghị (Xu 18:19-27). Lời đề nghị của Giê-trô rất hay. Môi-se phải tổ chức trại quân để cứ 10 người thì phải có người để họ trình bày về những vấn đề của họ. Nếu người phụ trách nhóm 10 người không thể giải quyết được vấn đề thì có thể giao lên cho người chịu trách nhiệm nhóm 50 người, rồi 100 người, rồi 1000 người [68] Sau mọi việc đó, (nếu vấn đề vẫn chưa được giải quyết) thì nó sẽ được giao cho chính Môi-se quyết định. D.L.Moody có thể đã nghĩ đến điều này khi ông nói: "Tôi thà để 10 người làm việc hơn là làm công việc của 10 người".

Một hệ thống điều hành như thế sẽ tách những vấn đề đơn giản khỏi những vấn đề phức tạp hơn để Môi-se không lãng phí thời gian của ông vào những vấn đề không quan trọng. (Nếu dân Y-sơ-ra-ên cũng giống như con người ngày nay thì tức là mọi người đều nghĩ vấn đề của mình là quan trọng nhất !). Sự sắp đặt này cũng sẽ thử nghiệm sự nghiêm túc của dân sự, vì không phải tất cả mọi người đều muốn người trưởng nhóm đem vụ kiện của họ lên tòa án cấp cao hơn để giải quyết".

Nhưng Giê-trô không khuyên Môi-se "đẩy trách nhiệm cho người khác". Không, chính Môi-se sẽ dạy dỗ cho dân sự các luật lệ, và chắc chắn ông cần đến sự hỗ trợ của những trưởng nhóm đã được chọn lựa, vì thế họ có thể thực hiện được những quyết định khôn ngoan. Ông cũng phải là người đại diện cho dân sự trước mặt Đức Chúa Trời, điều này có nghĩa là phải cầu thay cho họ và tìm kiếm sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời trong những trường hợp khó khăn. Môi-se là người lãnh đạo được Đức Chúa Trời chỉ định, và không ai có thể thay thế ông cho đến khi công việc của ông đã được hoàn tất, nhưng ông không phải làm mọi công việc một cách đơn độc.

Có người nói rằng Giê-trô là một người xen vào việc của người khác, và lẽ ra ông nên quan tâm đến công việc riêng của mình vì Đức Chúa Trời đã có thể giúp Môi-se làm xong công việc mỗi ngày. Họ lý luận: "Nếu Chúa muốn Môi-se có sự hỗ trợ, chính

Ngài sẽ cho Môi-se biết." Nhưng Giê-trô không *ra lệnh* Môi-se phải làm theo những mệnh lệnh của ông. Ông đã giục Môi-se thưa với Chúa về vấn đề này và làm theo bất cứ điều gì Đức Chúa Trời phán dạy (c.23). Vì Môi-se đã tiếp thu lời đề nghị của cha vợ ông, ông chắc đã hỏi ý Chúa và nhận được sự chấp thuận của Đức Chúa Trời.

Môi-se không hỏi Giê-trô cách xây đền tạm hay cách dâng của lễ, vì những vấn đề đó đã được Chúa bày tỏ cho ông. Nhưng trong những vấn đề về tổ chức và quản lý, dân sự Đức Chúa Trời có thể học hỏi từ những người bên ngoài, vì "con đời này trong việc thông công với người đồng đời mình thì khôn khéo hơn con sáng láng" (Lu 16:8). Dĩ nhiên chúng ta không được làm theo một thói quen hay một cách giải quyết nào đó cho đến khi chúng ta hiểu được nguyên tắc xử lý của nó và biết chắc rằng nó phù hợp với lời Kinh Thánh (Gia 3:13-18).

Điều quan trọng trong việc giao phó trách nhiệm là bạn phải có những người lãnh đạo có khả năng và nghị lực, "những người có năng lực, kính sợ Đức Chúa Trời, chơn thật, ghét sự tham lợi" (Xu 18:21)[69], những phẩm chất này nhắc nhở chúng ta về kinh nghiệm của Hội Thánh đầu tiên trong việc tìm người giúp đỡ các Sứ Đồ và đỡ đần những công việc nhẹ cho họ (Cong 6:1-7). Những người phụ tá này phải có tiếng tốt, đầy dẫy Đức Thánh Linh cùng sự khôn ngoan, và được dân sự chấp thuận.

Theo (Phu 1:9-18), Môi-se đã nói về lời khuyên của Giê-trô cùng dân sự, ông thừa nhận sự yếu đuối và mệt mỏi của mình, và yêu cầu họ chọn ra những người lãnh đạo để giúp đỡ ông. Họ tán thành kế hoạch này và chọn ra những người sẽ phụ trách công việc, sau đó Môi-se đã giao trách nhiệm cho họ để cùng gánh vác. Khi Y-sơ-ra-ên vào Đất Hứa, họ bổ nhiệm các quan chức trong mỗi tỉnh để giúp trong việc giải quyết những việc kiện tụng (16:18-20). Đức Chúa Trời là Chúa của sự trật tự, và Ngài muốn dân sự của Ngài có được sự an ninh và công bằng trong trại quân và trong xứ.

Bất cứ khi nào chức vụ và cơ cấu mâu thuẫn với nhau, và chức vụ bị ngăn trở thì dân sự của Chúa phải điều chỉnh lại cơ cấu để chức vụ được tấn tới. Khi Hội Thánh Giê-ru-sa-lem dành cho các Sứ đồ sự hỗ trợ mà họ cần đến thì công việc được tiến triển và nhiều người trở lại quy đạo (Cong 6:7). Trong thế giới đang thay đổi nhanh chóng này, những người đứng trong các chức vụ Cơ Đốc phải rất linh động để giải quyết các vấn đề và nắm bắt những cơ hội của mình. Kinh Thánh không nhấn mạnh các vấn đề về mặt tổ chức nhưng chú trọng về loại hình tổ chức bao gồm những người có phẩm chất để hoàn thành công việc. Những tổ chức thất bại cứ giữ nguyên cơ cấu của họ và không chịu thay đổi. Những chức vụ mà Đức Chúa Trời chúc phước luôn sẵn sàng để được thay đổi, miễn là các nguyên tắc của Lời Đức Chúa Trời phải được vâng giữ.

8. HÃY LẮNG NGHE TIẾNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (Xu 19:1-20:21)

Khi Đức Chúa Trời phán với Môi-se ở bụi gai cháy, Ngài ban cho ông một lời hứa đầy khích lệ: "Khi ngươi đem dân sự ra khỏi Ai Cập, các ngươi sẽ hầu việc Đức Chúa Trời trên núi này" (9:12 NKJV). Lời hứa đó giờ đây đã được ứng nghiệm. Dân Do Thái đang ở tại núi Si-nai, "núi của Đức Chúa Trời", (c.1 4:27 18:5 24:13), và sẽ cắm trại ở đó trong 7 tháng tiếp theo [70]. Đức Chúa Trời đã cứu chuộc dân sự Ngài, và giờ đây Ngài sẽ tuyên bố họ thuộc về Ngài và sẽ bắt đầu một mối liên hệ giao ước với họ (19:1-24:17) y như lời Ngài đã hứa (6:6-7).

Có ít nhất 8 lần [71] Môi-se đã xin phép Pha-ra-ôn để dắt dân sự vào đồng vắng nơi họ có thể thờ phượng Đức Giê-hô-va, và mỗi lần như thế Pha-ra-ôn đều từ chối.

Nhưng giờ đây Y-sơ-ra-ên sẽ gặp Đức Chúa Trời của họ tại núi thánh và thờ phượng Ngài. Nhiều việc kỳ diệu đã xảy ra tại Si-nai ngày ấy, nhưng việc vĩ đại nhất đó là dân sự Đức Chúa Trời đã nghe tiếng của Đức Chúa Trời phán trực tiếp với họ. "Có việc nào lớn như việc này đã xảy ra, hay người ta có nghe việc gì giống như vậy chăng ? Có dân tộc nào khác nghe tiếng Đức Chúa Trời phán ra từ lửa như các ngươi đã nghe mà còn sống chăng ?" (Phu 4:33 5:23-27).

Khi Đức Chúa Trời phán với dân sự Ngài, thì bởi ân điển, Ngài đã kêu gọi họ đến một đời sống rất đặc biệt.

1. Một đời sống trưởng thành (Xu 19:1-4)

Nếu tự do không dẫn đến sự trưởng thành, vậy chúng ta sẽ đi đến chỗ bị giam cầm trong một ách nô lệ còn tồi tệ hơn điều chúng ta đã có trước đó, một ách nô lệ từ bên trong chớ không phải từ bên ngoài. Bị một đốc công Ai Cập bắt làm nô lệ cũng đủ tồi tệ, nhưng sẽ tồi tệ hơn khi một người tự nô lệ hóa mình và trở nên đốc công của chính mình.

Môi-se đã đi lên núi để gặp Đức Chúa Trời, và ông đã đi xuống để chia sẻ với dân sự điều Đức Chúa Trời đã dạy bảo ông [72] Hình ảnh của sự trưởng thành mà Đức Chúa Trời sử dụng là hình ảnh của chim ưng, mang con nó trên đôi cánh và dạy cho chúng sự tự do tuyệt vời của việc bay lượn. Môi-se đã sử dụng hình ảnh tương tự trong bài ca ông dạy cho dân Y-sơ-ra-ên vào lúc cuối đời của ông. Hãy đọc kỹ (Phu 32:10-12). Loài chim ưng đã dạy chúng ta điều gì về một đời sống trưởng thành? [73]

Vào giai đoạn nào đó trong sự phát triển của chim ưng con, những chim ưng cha mẹ đã phá vỡ chiếc tổ ấm cúng và buộc những chim ưng con phải bay lên. Những chú chim con có thể chẳng lo lắng khi rời bỏ chiếc tổ an toàn, nhưng chúng phải học cách bay nếu chúng muốn thực hiện những mục đích của mình trong cuộc đời. Những chim lớn ở gần các chim non, và nếu chim non rơi xuống thì chim mẹ sẽ mang chúng trên đôi cánh mạnh mẽ của mình cho đến khi chim non biết cách sử dụng đôi cánh của chúng, lướt trên những luồng khí, và tận hưởng những khả năng mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng.

Chim ưng con là ví dụ minh họa cho ba khía cạnh của sự tự do: sự tự do được *ra khỏi* (chúng được ra khỏi tổ, điều mà đối với chúng ta là sự cứu chuộc); sự tự do ở *bên trong* (chúng ở nhà trên không, đối với chúng ta đó là sự trưởng thành), và sự tự do được *đến* (chúng có thể được thực hiện những mục đích trong đời sống, điều mà đối với chúng ta là chức vụ). Sự tự do thật có nghĩa là chúng ta được giải cứu khỏi việc làm những điều xấu xa, chúng ta có thể làm được những điều tốt đẹp, và chúng ta đang thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời trên đất.

Theo cái nhìn của Đức Chúa Trời thì Ai Cập là một lò lửa hoạn nạn đối với Y-sơ-ra-ên (Phu 4:20 IVua 8:51 Gie 11:4), nhưng dân Do Thái thường xem Ai Cập như một "cái tổ" nơi mà ít nhất họ cũng có được lương thực, có chỗ nương thân và sự an ninh (Xu 16:1-3 Dan 11:1-9). Đức Chúa Trời đã giải cứu họ khỏi Ai Cập vì Ngài có điều khác tốt đẹp hơn để họ vui hưởng và thực hiện, nhưng điều này có nghĩa là họ phải "thử nghiệm đôi cánh của mình" và phải trải qua những cơn đau đớn trước khi họ thực sự trưởng thành.

Khi chúng ta trưởng thành trong Chúa, cuộc sống là những cánh cửa mở tiếp nối nhau, đưa đến ngày càng nhiều cơ hội cho sự tự do có trách nhiệm. Nhưng nếu chúng

ta không để Đức Chúa Trời hoàn thiện con người chúng ta thì cuộc sống sẽ trở thành một hàng rào sắt giam hãm chúng ta. Một đứa bé sẽ được an toàn và dễ chịu trong tử cung của người mẹ, nhưng đến thời điểm nào đó đứa bé đó phải được sinh ra để bước vào một thế giới mới mẻ và khắc nghiệt của sự tăng trưởng và chín chắn. Từ lúc sinh ra cho đến lúc chết, "những bước ngoặt" của cuộc sống đã đưa đến những sự tự do mới; sự tự do này làm nảy sinh những đặc quyền và những trách nhiệm mới: có thể tự bước đi thay vì được bồng ẵm; chạy xe đạp, rồi lái xe hơi, làm việc và kiếm tiền; học cách để sử dụng tiền cách khôn ngoan; kết bạn; lập gia đình; nuôi dạy con cái; nghỉ hưu. Ở mỗi "bước ngoặt", chúng ta phải mất đi điều gì đó khi chúng ta đạt được điều gì đó, và đây chính là cách thức hoạt động của quá trình trưởng thành.

Mỗi khi dân Do Thái phàn nàn về cách Đức Chúa Trời đã đối xử với họ và mong mỏi được trở lại Ai Cập là họ đang hành động như con trẻ, vì vậy Đức Chúa Trời phải kỷ luật họ. Câu nói mà tôi đã trích dẫn trước đó của George Morrison cần được trích dẫn lại lần nữa: "Chỉ cần một đêm để đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, nhưng phải mất 40 năm để đem Ai Cập ra khỏi Y-sơ-ra-ên". Chúa phải mất bao lâu để khiến chúng ta có thể bay, hay phải chăng chúng ta là những chim non không muốn bị làm cho kinh sợ ?

2. Một đời sống có phẩm cách (Xu 19:5-8)

Ở Ai Cập, dân Do Thái chỉ là những con người kiệt quệ, là những nô lệ chỉ biết thực hiện theo mệnh lệnh của chủ mình, nhưng Chúa đã hoạch định những điều tốt đẹp hơn cho họ. Họ phải là một dân đặc biệt của Ngài và Ngài sẽ dùng họ để làm một nguồn phước cho cả thế giới (Sa 12:3).

Dân thuộc riêng về Đức Chúa Trời (Xu 19:5 NIV). Tất cả các dân tộc trên đất đều thuộc về Chúa vì Ngài là Đấng tạo dựng và gìn giữ họ (9:29 Thi 24:1 50:12 Cong 14:15 17:24-28), nhưng Ngài đã chọn Y-sơ-ra-ên làm dân tộc thuộc riêng về Ngài (Phu 7:6 14:2 26:18 Thi 135:4 Mat 3:17). Sự chọn lựa này không phải vì Y-sơ-ra-ên xứng đáng hay bởi họ không có gì cả (Phu 26:5-11), nhưng chỉ bởi tình yêu và ân điển lớn lao của Đức Chúa Trời (7:6-8).

Việc dân Do Thái là tuyển dân của Đức Chúa Trời không có nghĩa là họ tốt lành hơn bất cứ dân tộc nào khác, chỉ vì họ rất khác biệt, được Chúa biệt riêng ra cho công tác đặc biệt của Ngài. (Ro 9:4-5) nhắc nhở chúng ta về một số của báu thuộc linh Đức Chúa Trời đã ban cho Y-sơ-ra-ên để họ có thể làm một nguồn phước cho cả thế giới, vì "sự cứu rỗi thuộc về dân Do Thái" (Gi 4:22). Y-sơ-ra-ên có những của báu và những đặc quyền này nên họ cũng có nhiều trách nhiệm hơn để yêu mến và vâng lời Đức Chúa Trời, vì "ai đã được giao cho nhiều, sẽ bị đòi lại nhiều hơn" (Lu 12:48 NIV) [74]

Nước của các thầy tế lễ (Xu 19:6). Sau này A-rôn và các con trai ông sẽ được phong chức để hầu việc với tư cách là những thầy tế lễ của dân tộc (28:1-29:46), nhưng ý định của Đức Chúa Trời là *cả dân tộc Y-sơ-ra-ên* đều phải sống như những thầy tế lễ, bày tỏ lẽ thật của Ngài và chia sẻ những ơn phước của Ngài cho thế gian. Y-sơ-ra-ên phải là "người giới thiệu" về Đức Chúa Trời cho dân ngoại, cho họ thấy rằng chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, và rằng hầu việc Ngài là con đường dẫn đến phước hạnh tràn đầy (Es 42:6 49:6). Tiếc thay, lẽ ra Y-sơ-ra-ên phải gây ảnh hưởng trên các dân tộc khác để họ thờ phượng Đức Giê-hô-va thì các dân tộc đó lại tác động đến Y-sơ-ra-ên khiến thờ lạy các hình tượng của họ ! Dân Do Thái đã tiếp nhận các tôn giáo cùng lối sống của dân ngoại và vì thế đã báng bổ chính bản thân họ,

xứ sở và đền thờ của họ đến nỗi Đức Chúa Trời phải trừng phạt họ thật nghiêm khắc và đưa họ vào cảnh lưu đày tại Ba-by-lôn. Tuy nhiên, sẽ đến ngày mà Y-sơ-ra-ên được nhìn thấy Đấng Mê-si-a của họ, được tẩy sạch những tội lỗi (Xa 12:10-13:1), và trở nên một dân tộc có những thầy tế lễ thánh để hầu việc Chúa (Es 61:6).

Một dân tộc thánh (Xu 19:6). "Các ngươi phải là dân thánh của ta" (22:31) nghĩa là một dân được biệt riêng cho Đức Chúa Trời, một dân thật khác biệt. "Hãy nên thánh, vì ta là thánh" được tìm thấy ít nhất 6 lần trong Lê-vi ký (Le 11:44-45 19:2 20:7,26 21:8) và được lặp lại 2 lần trong (IPhi 1:15-16). Trong mọi lãnh vực của đời sống, những hoạt động của Y-sơ-ra-ên được điều khiển bởi sự kiện họ là dân thuộc về Đức Chúa Trời, và điều đó bao gồm cả việc họ ăn gì, mặc gì, kết hôn với ai, chôn người chết như thế nào, và đặc biệt là họ thờ phượng như thế nào.

Qua những tai vạ ở Ai Cập, Đức Chúa Trời đã đặt ra một sự khác biệt giữa dân Do Thái và dân Ai Cập (Xu 11:7), vì dân Do Thái không được sống như những dân tộc ngoại bang. Các thầy tế lễ Do Thái phải nêu gương và cũng dạy cho dân sự "phân biệt điều thánh và điều chẳng thánh, sự khiết và sự chẳng khiết" (Le 10:10 11:47). Các thầy tế lễ đã không thể làm được điều này (Exe 22:26 42:20 44:23 48:14-15) và tội lỗi của họ đã dẫn dân tộc vào tình trạng ô uế và hủy diệt (Ca 4:13).

Khi Môi-se chia sẻ với dân sự tin mừng này, họ nhiệt tâm hứa vâng theo mọi điều Đức Chúa Trời bảo họ làm (Xu 19:7-8). Có thể họ thành tâm, nhưng Đức Chúa Trời biết rằng lòng họ có xu hướng làm ác (Phu 5:27-29). Sự kiện họ đã lập lại lời thề nguyện này hai lần nữa cũng không làm thay đổi tấm lòng hay củng cố được ý chí của họ (Xu 24:3,7). Chẳng bao lâu Y-sơ-ra-ên sẽ khuất phục trước sự thờ lạy hình tượng ngấm ngầm trong lòng họ và đã làm một con bò vàng rồi thờ lạy nó (32:1-35).

Dân sự Đức Chúa Trời ngày nay (IPhi 2:5,9). Phi-e-rơ đã mượn hình ảnh (Xu 19:6) và gọi Hội Thánh ngày nay là "chức tế lễ thánh ... là dân thuộc riêng về Ngài, hầu cho anh em có thể rao ra những sự ngợi khen về Đấng đã gọi anh em ra khỏi nơi tối tăm đến nơi sáng láng lạ lùng của Ngài" (IPhi 2:5,9 NKJV). Giống như dân Y-sơ-ra-ên ngày xưa, dân sự Đức Chúa Trời ngày nay phải hướng mọi người về Chúa và bày tỏ ra sự kỳ diệu của Ngài qua lời nói và việc làm của mình. Chúng ta phải là "những quảng cáo sống động" về ân điển và quyền năng của Đức Chúa Trời. Phải không thưa các bạn ?

3. Một đời sống thánh khiết (Xu 19:9-25)

Môi-se trở lại với Chúa trên núi và thuật lại lời hứa của dân sự sẽ vâng theo những điều răn của Ngài. Việc Đức Chúa Trời trực tiếp phán với Môi-sẽ lẽ ra phải cho dân sự lòng tin nơi người lãnh đạo của họ, nhưng các sự kiện xảy ra sau đó lại khác hẳn. Quả là một đặc quyền cho Y-sơ-ra-ên để có một người lãnh đạo như Môi-se, và thật là bi kịch khi họ đã nhiều lần làm cho ông phải khổ sở !

Chương này chú trọng đến sự thánh khiết của dân tộc Y-sơ-ra-ên với tư cách là dân thánh của Đức Chúa Trời, và có ba hình ảnh nổi bật ở đây: việc thay đổi quần áo của dân sự, khoảng cách được thiết lập giữa dân sự với Đức Chúa Trời, và cơn bão trên núi Si-nai.

Việc thay quần áo và tắm rửa (19:10-11,14-15). Ngày nay chúng ta đã quen với việc có sẵn xà bông và nước, cùng những bộ quần áo khác treo trong tủ, nhưng dân sự trong thời Kinh Thánh không có được những thứ xa xỉ đó. Họ không thể tắm mỗi

ngày, và chỉ người giàu mới có nhiều quần áo để thay đổi. Đó là lý do mà việc tắm rửa và thay quần áo thường đánh dấu một sự khởi đầu mới, chẳng hạn như khi Đức Chúa Trời phục hồi lại cho A-đam và Ê-va (Sa 3:21) hay khi Gia-cốp và gia đình ông trở về Bê-tên (35:2). Những ví dụ khác đó là khi Giô-sép được ra khỏi ngục (41:14), những người phung được chữa lành và trở lại với xã hội (Le 14:8-9), Đa-vít trở lại với Đức Chúa Trời (IISa 12:20), và vua Giê-hô-gia-kin được những người bắt giữ bày tỏ lòng thương xót (Gie 52:31-34). Việc tắm rửa và thay quần áo là một vấn đề trong Cựu Ước tương đương với (IGi 1:9) và (IICo 7:1) trong Tân Ước [75]

Khoảng cách giữa Đức Chúa Trời và dân sự (Xu 19:12-13,20-25). Việc phải tránh xa núi Si-nai là một vấn đề có liên quan đến sự sống còn của cả dân sự vì sự hiện diện của Đức Chúa Trời đã thánh hóa ngọn núi. Vì vậy Môi-se đã dựng lên những vật cản để giữ cho dân sự không được lại gần. Ông cũng đặt những lính canh có quyền giết bất cứ người nào vượt qua rào cản từ xa, và không ai được đụng đến xác chết. Khi tiếng kèn vang lên, Môi-se tiến lên núi để gặp Đức Chúa Trời, nhưng ngay cả vào thay điểm đó, Đức Chúa Trời đã sai ông trở về để cảnh cáo dân sự đừng đến quá gần núi Si-nai.

Một cách nghiêm khắc, Đức Chúa Trời đã dạy cho dân sự biết khoảng cách giữa một Đức Chúa Trời thánh khiết và những người nam và người nữ tội lỗi, cũng như hiểm họa của việc xông lên núi một cách đường đột khi đang có sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Sau này Na-đáp và A-bi-hu đã quên nguyên tắc này, và Đức Chúa Trời đã giết họ (Le 10:1-20). Sự thờ phượng trong thời Cựu Ước nhấn mạnh đến sự phạm tội của con người và "sự khác biệt" của Đức Chúa Trời về: hàng rào bao quanh đền tạm; bức màn trước nơi chí thánh; sự kiện chỉ những thầy tế lễ mới có thể hầu việc trong đền tạm, chỉ thầy tế lễ cả mới có thể vào nơi chí thánh, và chỉ có thể được vào một lần trong năm. Sự nhấn mạnh luôn là "Hãy giữ khoảng cách của các ngươi !"

Nhưng Tân Ước nhấn mạnh việc đến gần Đức Chúa Trời, vì Con Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt và đến ở trên đất (Gi 1:14), và danh Ngài là "Em-ma-nu-ên – Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta" (Mat 1:23). Bởi sự chết và sống lại của Ngài, Chúa Giê-xu đã mở một con đường mới và sống động vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời (He 10:1-25), và câu tiêu đề trong Tân Ước ghi lại rằng: "Chúng ta hãy đến gần !" Điều này không có nghĩa là chúng ta trở nên "thân mật" với Đức Chúa Trời hơn và hành động giống như chúng ta ngang hàng với Ngài, nhưng Ngài là Cha của chúng ta và Ngài muốn đón nhận tình yêu của chúng ta dành cho Ngài. Xin hãy xem (He 12:18-29).

Sấm chớp (Xu 19:16-19 20:18-20). Trong Kinh Thánh, sấm chớp thường là biểu tượng về sự hiện diện kinh khiếp và đầy quyền năng của Đức Chúa Trời (Thi 18:1-15 29:1-11 Ha 3:1-16). Mây và sự tối tăm, sấm và ánh chớp, cơn động đất và lửa, tất cả đều bày tỏ sự vĩ đại của Đức Chúa Trời (Phu 5:22-23,27) và tạo nên một sự kính sợ thánh khiết trong lòng dân sự. Cả Môi-se cũng run rẩy sợ hãi và ông đã thừa nhận điều đó ! (He 12:21 Phu 9:19). Đức Chúa Trời sẽ dạy cho dân sự Luật Pháp của Ngài, và "sự kính sợ Đức Giê-hô-va là khởi đầu sự tri thức" (Ch 1:7). Dân Do Thái cũng đã nhìn thấy những tai vạ ở Ai Cập, và sự bày tỏ mạnh mẽ về quyền năng lần này của Đức Chúa Trời lẽ ra cũng đã sửa soạn tấm lòng của họ để vâng lời Ngài (Thi 105:26-45).

Sự kết hợp của việc tắm rửa và thay quần áo, việc chứng kiến cơn sấm chớp, và việc họ phải tránh xa núi Si-nai, không thể không gây ấn tượng cho dân sự về tội lỗi của chính họ và sự thánh khiết uy nghi của Đức Chúa Trời. Họ được kêu gọi làm một dân thánh, không sống giống như những dân tộc quanh họ. Chỉ khi họ vâng lời Đức Chúa Trời, họ mới có thể thật sự hưởng được những đặc ân của việc làm một nước của các thầy tế lễ, là dân thuộc riêng về Đức Chúa Trời và là một dân thánh của Ngài.

4. Một đời sống có trách nhiệm (Xu 20:1-17)

[76] Đặc quyền về sự tự do dẫn đến trách nhiệm phải sử dụng sự tự do đó một cách khôn ngoan vì vinh hiển của Đức Chúa Trời và vì ích lợi của những người khác. Tuy nhiên, Mười Điều Răn không chỉ là những luật lệ điều phối đời sống của dân tộc Y-sơ-ra-ên. Chúng còn là một phần trong giao ước mà Đức Chúa Trời đã lập với Y-sơ-ra-ên khi chính Ngài nhận họ làm một dân thuộc riêng về Ngài (6:1-8 19:5-8). Trong Giao Ước lập cùng Áp-ra-ham Đức Chúa Trời đã ban cho dân Do Thái quyền sở hữu vùng Đất Hứa (Sa 12:3 13:14-18), nhưng việc Y-sơ-ra-ên được sở hữu và được hưởng vùng đất đó tuỳ thuộc vào sự vâng lời của họ đối với giao ước lập cùng Môi-se. Bi kịch ở đây là dân tộc đã bất tuân Luật Pháp, làm ô uế xứ, và làm buồn lòng Chúa, vì vậy họ phải bị sửa phạt.

Luật Pháp chưa bao giờ được ban ra như là một phương cách của sự cứu rỗi dành cho dân Do Thái hay dân ngoại, vì "không xác thịt nào bởi việc làm của luật pháp mà được xưng công bình" (Ga 2:16). Sự cứu rỗi không phải là một phần thưởng cho việc làm thiện nhưng là sự ban cho của Đức Chúa Trời bởi đức tin nơi Đức Chúa Giê-xu Christ (Ro 4:5 Eph 2:8-9). Luật Pháp bày tỏ sự công bình của Đức Chúa Trời và đòi hỏi sự công bình, nhưng Luật Pháp không thể ban sự công bình (Ga 2:21), chỉ Chúa Giê-xu Christ mới có thể làm điều đó (IICo 5:21). Luật Pháp là một chiếc gương cho thấy bạn bị dơ bẩn ở đâu, nhưng bạn không thể rửa mặt mình trong gương (Gia 1:22-25). Chỉ huyết Chúa Giê-xu mới có thể tẩy sạch chúng ta khỏi tội lỗi (IGi 1:7,9 He 10:22).

Đức Chúa Trời ban Thánh Linh Ngài cho chúng ta không phải vì cớ chúng ta vâng phục Luật Pháp (Ga 3:2), nhưng vì chúng ta tin Đấng Christ (4:1-7), và Ngài cũng không ban cơ nghiệp cho chúng ta qua Luật Pháp (3:18). Điều duy nhất một tội nhân hư mất cần đến là sự sống (Eph 2:1-3), nhưng Luật Pháp không thể ban sự sống (Ga 3:21). Vậy mục đích của Luật pháp là gì ? Đó là cách Đức Chúa Trời chỉ cho chúng ta thấy tội lỗi của chúng ta và cởi bỏ sự công bình riêng của chúng ta để chúng ta kêu cầu sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời [77] Đức Chúa Trời ban Thánh Linh Ngài cho tất cả những ai tin nơi Con Ngài, và Đức Thánh Linh giúp chúng ta có thể vâng phục ý muốn Đức Chúa Trời và bởi đó làm trọn vẹn sự công bình của Luật Pháp (Ro 8:1-3) [78]

Một trong những nhiệm vụ chính của Luật Pháp là chuẩn bị cho sự Giáng sinh của Đấng Christ (Ga 4:1-7). Dân tộc Y-sơ-ra-ên giống như một đứa trẻ non nớt cần đến một người "bảo hộ" để chăm sóc, chỉ dạy và bảo hộ cho nó, và đây là cách mà người nô lệ trong thời của Phao-lô phải chăm sóc cho con cái của người chủ. Nhưng khi đứa trẻ trưởng thành, người bảo hộ này không còn cần thiết nữa. Hệ thống lễ nghi Do Thái được trình bày trong sách Xuất Ê Díp Tô ký và Lê-vi ký đã được Đấng Christ thực hiện, nhưng nội dung đạo đức của Luật Pháp Đức Chúa Trời vẫn còn tồn tại, và 9 trong số 10 Điều Răn đã được nhắc đến trong các thư tín thời Tân Ước để Hội Thánh

tôn trọng và làm theo. Điều răn về ngày Sa-bát không được lặp lại, và sau này chúng ta sẽ bàn đến nhiều hơn về vấn đề đó.

Mặc dù Mười Điều Răn đề cập đến những trách nhiệm của chúng ta đối với Đức Chúa Trời nhưng bốn điều răn đầu tiên đặc biệt hướng về Đức Chúa Trời và sáu điều răn cuối nói đến con người. Cách chúng ta liên hệ với những người khác tùy thuộc vào cách mà chúng ta tương giao với Đức Chúa Trời, vì nếu chúng ta yêu mến Đức Chúa Trời và vâng giữ lời Ngài thì chúng ta cũng yêu mến những người lân cận của chúng ta và phục vụ họ (Mat 22:34-40 Ro 13:1-14).

Nhận biết một Đức Chúa Trời chân thật (Xu 20:1-3). Nhóm từ "Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi" được lặp lại 5 lần trong phân đoạn này (c.2,5,7,10,12) để nhắc nhở dân sự về thẩm quyền phía sau những điều răn này. Môi-se không phải đang thuật lại "mười ý kiến" ông đã nghe từ một người cố vấn thân cận, nhưng là Mười Điều Răn do Đức Chúa Trời toàn năng phán ra. Dân Do Thái đang sống trong một thế giới mù lòa và giữa những dân tộc mê tín thờ lạy nhiều thần khác nhau, là điều mà Y-sơ-ra-ên vẫn thường thấy hàng bao thế kỷ tại Ai Cập [79]. Y-sơ-ra-ên phải làm chứng về Đức Chúa Trời chân thật và hằngsống (Thi 115:10-18) và mời gọi những người lân cận của họ đặt niềm tin nơi Ngài.

Nhóm từ "trước mặt Ta" có thể có nghĩa là "trong sự đối lập với ta". Đối với dân Do Thái, việc thờ lạy thần khác có nghĩa là tuyên chiến cùng Đức Giê-hô-va và phải gánh lấy cơn thạnh nộ của Ngài. Mỗi buổi sáng, một người Do Thái trung tín sẽ rao lên rằng:"Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy nghe: Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta là Giê-hô-va có một không hai" (Phu 6:4).

Thờ phượng chỉ một mình Chúa (Xu 20:4-6) [80]. Một hình tượng sẽ là một sự thay thế cho Đức Chúa Trời và do đó không phải là một thần, vì chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống. Thuyết đa nguyên trong tôn giáo thời nay ("bạn thờ thần của bạn và tôi sẽ thờ thần của tôi, vì cả hai đều đúng") vừa không đúng với Kinh Thánh và vừa mang tính phi lý, vì làm sao có hơn được một thần ? Nếu Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời thì Ngài là Đấng vô hạn, đời đời, tối cao và không thể chia sẻ ngôi vị với một thần nào khác cũng vô hạn, đời đời và tối cao.

"Ta là Đức Giê-hô-va, ấy là danh Ta. Ta chẳng nhường sự vinh hiển Ta cho một đấng nào khác, cũng không nhường sự tôn trọng Ta cho những tượng chạm !" (Es 42:8). Sự thờ hình tượng của các dân tộc ngoại bang không những phi lý và không đúng với Kinh Thánh, mà còn hết sức đồi bại (về những kỹ nữ trong đền thờ và những nghi lễ liên quan đến khả năng sinh sản), vô nhân đạo (giết con cái), và thuộc về ma quỉ (ICo 10:10-22). Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi Chúa ra lệnh Y-sơ-ra-ên phải phá hủy những đền thơ, bàn thờ và hình tượng của dân ngoại bang khi họ vào chiếm xứ Ca-na-an (Phu 7:1-11).

"Hỡi các con cái bé mọn, hãy giữ mình khỏi những hình tượng" (IGi 5:21) là lời khuyên sau cùng của sứ đồ Giăng đối với Cơ Đốc Nhân trong thời của ông, và lời khuyên này vẫn cần được lưu ý trong thời đại ngày nay. Nếu một hình tượng là điều gì đó chiếm vị trí của Đức Chúa Trời, là điều gì đó mà chúng ta dành sức lực và thời gian cho nó, hoặc dành những của lễ cho nó vì chúng ta yêu mến và hầu việc cho nó, do vậy lời cảnh cáo của Sứ đồ Giăng vẫn cần thiết vào ngày nay. Những hình tượng đã cám dỗ dân sự Đức Chúa Trời ngày nay là những thứ như: tiền bạc, danh vọng, sự

thành công, tài sản vật chất (xe cộ, nhà cửa, thuyền bè, những thứ có thể tích góp được), tri thức, hoặc thậm chí đó là những người khác.

Đức Chúa Trời là một "Đức Chúa Trời ghen tương" không phải trong ý nghĩa Ngài ghen về các thần khác, vì Ngài biết rằng tất cả các "thần" khác đều là những điều tưởng tượng và không thật sự tồn tại. Từ "ghen" bày tỏ tình yêu của Ngài đối với dân sự Ngài vì Ngài muốn điều tốt đẹp nhất cho họ. Giống như cha mẹ ghen về con cái của họ và vợ chồng ghen về nhau, Đức Chúa Trời cũng ghen về những con cái yêu dấu của Ngài và sẽ không tha thứ cho sự bất trung (Xa 1:14 8:2). Trong Kinh Thánh, sự thờ hình tượng đồng nghĩa với sự mãi dâm và sự tà dâm (Os 1:1-3:5 Gie 2:1-3:25 Exe 16:1-63 23:1-49 Gia 4:4-5). Đức Chúa trời muốn có và đáng nhận được tình yêu duy nhất của dân sự dành cho Ngài (Xu 34:14 Phu 4:24 5:9 6:15).

Đức Chúa Trời cũng rất nghiêm túc về việc chỉ chấp nhận sự thờ phượng và sự yêu mến duy Ngài đến nỗi Ngài sẽ trừng phạt những ai khước từ vâng theo lời Ngài. Đức Chúa Trời không trừng phạt con cháu vì có tội lỗi của ai đó (24:16 Exe 18:4), nhưng những hậu quả đáng buồn do tội lỗi của tổ tiên có thể truyền từ đời này sang đời khác và con cháu vô tội phải gánh chịu hậu quả vì những gì cha mẹ hay ông bà họ đã gây nên. Trong thời Kinh Thánh, không có gì khác thường khi bốn thế hệ chung sống trong một gia đình đông đúc và vì thế rất dễ để gây tác động và làm ảnh hưởng đến nhau.

Đồng thời, sự tin kính của tổ tiên có thể đem lại phước hạnh cho những thế hệ sau. Đức tin của Áp-ra-ham đã đem phước hạnh đến cho con cháu ông, và chức vụ của Đa-vít vẫn giúp ích cho dân sự khi ông qua đời đã lâu. Ông cố tôi đã cầu nguyện để qua mỗi thế hệ trong gia đình sẽ có một người rao giảng Phúc Âm, và Đức Chúa Trời đã đáp lời cầu nguyện đó !

Tôn trọng danh Đức Chúa Trời (Xu 20:7). Tên của bạn thể hiện cho tính cách và thanh danh của bạn, cho bản chất của bạn và điều bạn làm (Gi 17:6,26). Khi bạn nói rằng ai đó có một "tên xấu" thì bạn không chỉ đang phê bình những gì được viết trên khai sinh của người đó. Bạn đang cảnh giác tôi rằng người này không thể tin cậy được. Nếu Đức Chúa Trời là Đấng vĩ đại nhất trong vũ trụ, vậy danh Ngài là danh vĩ đại nhất và phải được tôn trọng. Lời cầu xin đầu tiên trong bài cầu nguyện của Chúa là "Danh Ngài được tôn thánh" (Mat 6:9). Con người đã báng bổ danh Đức Chúa Trời qua việc phát ngôn thô tục. Nhưng việc sử dụng danh Đức Chúa Trời để hứa nguyện hay thề nguyền, mà sau đó không thực hiện lời cam kết là đã xem thường danh Ngài và báng bổ Đức Chúa Trời (Le 19:12).

Tôn trọng ngày Sa-bát (Xu 20:8-11). Từ "sa-bát" nghĩa là "nghỉ ngơi". Việc giữ lễ Sa-bát đã là một phần trong đời sống của Y-sơ-ra-ên (16:23,25), nhưng giờ đây nó trở thành một bộ phận trong Luật Pháp của Y-sơ-ra-ên và trong mối liên hệ giao ước của họ với Đức Chúa Trời. Mặc dù ngày Sa-bát có nguồn gốc từ buổi sáng thế (Sa 2:1-3), nó cũng là một dấu hiệu đặc biệt giữa Y-sơ-ra-ên và Chúa (Xu 31:12-17 Ne 9:13-15 Exe 20:12,20). Và không có chứng cớ nào trong Kinh Thánh cho rằng Đức Chúa Trời đã ra lệnh bất cứ dân tộc nào cũng phải giữ lễ vào ngày thứ bảy (Thi 147:19-20). Sau này, Môi-se đã kết hợp ngày Sa-bát với sự giải cứu Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập (Phu 5:12-15), đây là một sự mường tượng trước về sự nghỉ ngơi họ sẽ được hưởng trong cơ nghiệp đã hứa ban cho họ (3:20 12:10 25:19).

Khi dân Do Thái giữ ngày Sa-bát, đó không chỉ là một dấu hiệu về sự tận tuỵ của họ đối với Chúa, nhưng đó còn là một lời chứng cho những người lân cận ngoại đạo mà đối với họ ngày thứ bảy chỉ như một ngày khác. Qua việc nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy, dân Do Thái đang bồi bổ lại sức lực cho chính họ cũng như cho tôi tớ và gia súc của họ, họ cũng nhận biết được uy quyền của Đức Giê-hô-va trên thời gian và trên tạo vật (Xu 23:12). Từ những ngày đầu tiên, dân sự Đức Chúa Trời đã nhóm lại vào ngày đầu tuần để tôn vinh sự phục sinh của Chúa Giê-xu Christ (Gi 20:19,26 Cong 20:7 ICo 16:2), nhưng nguyên tắc về một ngày trong bảy ngày vẫn không thay đổi (Co 2:16-17 Ga 4:1-11 Ro 14:1-15:7).

Đáng tiếc rằng dân Y-sơ-ra-ên đã không tôn trọng ngày Sa-bát như Đức Chúa Trời đã chỉ dạy và phải bị kỷ luật (IISu 36:14-21 Exe 20:1-44 Es 58:13-14 Gie 17:19-27). Cũng thật đáng tiếc rằng các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đã thêm 39 hành động bị cấm vào điều răn này đến nỗi việc giữ ngày Sa-bát trở thành một gánh nặng thay vì một phước hạnh (Mac 2:23-3:5).

Tôn kính cha mẹ (Xu 20:12). Trong một thế giới đang tôn thờ và làm theo những người trẻ tuổi, sử dụng đến phương pháp "tự sát có sự trợ giúp" (chết không đau đớn) để loại bỏ những người già vô ích thì điều răn này nghe như có một sự sai lệch nào đó về thời gian. Nhưng dân Do Thái được dạy dỗ phải tôn kính người già cả và chăm sóc những người cao niên (21:15,17 Le 19:3,32 Phu 27:16 Ch 1:8 16:31 20:20 23:22 30:17), đây là một gương tốt cho chúng ta noi theo ngày nay (Eph 6:1-3 ITi 5:1-12) [81]. Ai đó đã nói rằng những người già là nhóm người duy nhất bị ruồng bỏ mà mọi người đều muốn gia nhập vì không ai muốn bị chết sớm. Nhưng cách chúng ta đối xử với họ hôm nay sẽ quyết định cách chúng ta được đối xử trong tương lai vì chúng ta gieo giống chi thì sẽ gặt giống ấy.

Quí trọng nhân mạng (Xu 20:13). Sự sống là một món quà từ Đức Chúa Trời, và chỉ có Ngài mới có quyền để cất đi sự sống. Vì chúng ta được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời nên sát nhân tức là chống lại Đức Chúa Trời (Sa 1:26-27 9:6). Bảo vệ sự sống là trách nhiệm của mọi người trong xã hội, không chỉ là trách nhiệm của các quan chức (Ro 13:1-14). Vấn đề ở đây là tội sát nhân có mưu tính trước, là điều mà Chúa Giê-xu đã nói rằng nó có thể phát xuất trong cơn nóng giận (Mat 5:21-26). Dân Do Thái được phép tự bảo vệ mình (Xu 22:2) và Luật Pháp có sự nhân nhượng về cái chết không chủ ý, nhưng tội sát nhân là một tử tội (Xu 21:12-14).

Trân trọng hôn nhân (Xu 20:14). Tà dâm là một tội nghiêm trọng đến nỗi nó bị ghép vào tội tử hình (Le 20:10 Phu 22:22). Gia đình là đơn vị cơ bản của quốc gia, và sự chung thủy đối với giao ước hôn nhân là nền tảng cho gia đình. Tà dâm là trộm cướp (ITe 4:1-8), nhưng cuối cùng, những ai phạm tội tà dâm đều cướp đi chính bản thân mình (Ch 6:20-35). Mặc dù Chúa có thể tha thứ cho tội tà dâm (ICo 6:9-11 Gi 8:1-11) như Đa-vít, nhưng người nam và người nữ phạm tội tà dâm phải sống với những hậu quả đau buồn của tội đã được tha (IISa 12:13-14 Thi 51:1-16). Tội tà dâm khởi đầu bằng sự ham muốn trong lòng phát xuất từ cái nhìn thứ hai (Mat 5:27-30).

Tôn trọng tài sản riêng (Xu 20:15). Đức Chúa Trời đã ban cho Y-sơ-ra-ên một bộ luật tỉ mỉ để chi phối cách họ sử dụng đất vì đất thuộc về Ngài và họ chỉ là những người quản gia (Le 25:2,23,38). Đây là cơ sở cho ngành sinh thái học ôn hòa, (Eph 4:28) cho biết rằng chỉ có ba cách để có được của cải, đó là: làm việc, được ban cho, hoặc trộm cắp nó, và việc trộm cắp là sai trật.

Nói sự thật (Xu 20:16). Nói sự thật và tôn trọng lời hứa là chất kết dính làm vững các mối quan hệ trong xã hội. Việc nói dối trong một phiên tòa chính là phá hoại Luật Pháp, điều này giải thích lý do Môi-se đòi hỏi những người làm chứng phải là những người sẽ hành hình trong các án xử tử (Phu 17:6-13). Nói dối là một việc, nhưng giết người để bảo vệ sự giả dối của bạn hoàn toàn là một việc khác. Điều răn này cũng nghiêm cấm việc vu cáo cho người khác (Xu 23:1 Ch 10:18 12:17 19:9 24:28 Tit 3:1-2 Gia 4:11 IPhi 2:1).

Kiềm chế những tham muốn (Xu 20:17). Điều răn thứ nhất và thứ 10 đề cập đến những điều diễn ra trong lòng, còn 8 điều răn còn lại tập trung vào những hành động bên ngoài phát xuất từ trong lòng. Những người tham lam sẽ vi phạm tất cả các điều răn của Đức Chúa Trời để thỏa mãn cho những tham muốn của họ, vì tâm điểm của tội lỗi chính là tội lỗi ở trong lòng (Mat 15:19). Thèm muốn tức là nuôi dưỡng cho các tham muốn trong lòng về bất cứ điều gì Đức Chúa Trời cho là tội lỗi. Chính điều răn này đã "giết chết" Sau-lơ ở thành Tạt-sơ và khiến người Pha-ri-si thành đạt này thừa nhận rằng ông là một tội nhân (Ro 7:1-14 Lu 12:15 Eph 5:3 Co 3:5).

Mười Điều Răn đã kết thúc với sự nhấn mạnh đến việc làm một người láng giềng tốt, vì điều răn quan trọng thứ nhì đó là yêu kẻ lân cận của bạn như chính bạn (Mat 22:34-40 Le 19:18). Nếu chúng ta yêu những người lân cận của mình, chúng ta sẽ không tham những gì họ có, không ăn cắp của họ, nói dối về họ, hoặc làm bất cứ điều gì khác Đức Chúa Trời răn cấm trong Lời Ngài. Đây là lý do vì sao sự yêu thương là sự làm trọn Luật Pháp (Ro 13:8-10). Nhưng chỉ Đức Chúa Trời mới có thể thay đổi tấm lòng tội lỗi của chúng ta (He 10:14-18) và ban cho chúng ta tình yêu để có thể vâng lời Ngài và quan tâm đến những người khác (Ga 5:22-26 Ro 5:1-5) [82]

9. QUYỂN SÁCH GIAO ƯỚC (Xu 20:22-24:8)

Phân đoạn này bao gồm những luật lệ căn bản có liên hệ đặc biệt đến sự bảo vệ nhân mạng và tài sản. Bằng cách tiếp nhận "Quyển sách giao ước" (24:3-4), dân sự đã bước vào một mối liên hệ đặc biệt với Đức Giê-hô-va và ràng buộc chính họ trong sự vâng giữ Lời Ngài. Các luật lệ này không mang tính độc đoán; chúng dựa trên đặc tính của Đức Chúa Trời và những nguyên tắc đạo đức không thay đổi đã được trình bày trong Mười Điều Răn.

Luật pháp không có quyền năng làm thay đổi bản chất con người; nó chỉ có thể bảo vệ sự sống và tài sản của con người qua việc điều chỉnh hành vi của họ. Một trong những giai đoạn nguy hiểm và thảm khốc nhất trong lịch sử Do Thái là vào thời của các quan xét khi mà "mọi người làm điều đúng theo mắt mình" (Cac 17:6 18:1 19:1 21:25). Việc thi hành các luật lệ tốt lành không bảo đảm cho một xã hội toàn hảo, nhưng nó thật sự thúc đẩy trật tự trong xã hội và ngăn ngừa tình trạng vô chính phủ.

1. Đức Chúa Trời là vô hình: Hãy nghe Lời Ngài (Xu 20:22-26)

Bốn mươi năm sau đó khi Môi-se ôn lại Luật Pháp với thế hệ mới, ông nhắc nhở họ rằng tổ tiên họ đã nhìn thấy những sự bày tỏ về vinh hiển và quyền năng của Đức Chúa Trời tại núi Si-nai và đã được nghe Lời Ngài, *nhưng họ "không thấy có một hình trạng nào"* Phu 4:15 NIV). Đức Chúa Trời đã không tỏ mình ra trong bất cứ hình dạng nào để dân Do Thái không thể biến Đức Chúa Trời hằng sống thành một hình tượng chết. "Vậy các ngươi sẽ ví Đức Chúa Trời với ai ? Hay các ngươi sẽ so sánh Ngài với ảnh tượng nào ?" (Es 40:18 NKJV).

Dân Do Thái được gọi là một dân có Lời Chúa. Sự thành công của dân tộc tùy thuộc vào việc nghe Lời Đức Chúa Trời, tin cậy và vâng lời. Các dân tộc lân cận Y-sơ-ra-ên đã lập ra những tôn giáo của họ dựa trên những điều họ có thể thấy được, là những hình tượng do tay người làm ra, nhưng Y-sơ-ra-ên phải thờ phượng một Đức Chúa Trời không thấy được [83]. và không có liên hệ đến những hình tượng. Nhà triết gia Cơ Đốc Jacques Ellul đã viết: "Những thần giả dối luôn là những thần mà một người có thể thấy (và chạm vào) được và chính đặc điểm này đã phơi bày ra sự giả dối và sự không tồn tại của họ với tư cách là những vị thần." [84]

Học giả Do Thái Abraham Joshua Heschel đã tóm tắt thần học của Y-sơ-ra-ên về Kinh Thánh khi ông viết rằng: "Để tin, chúng ta cần có Đức Chúa Trời, một linh hồn, và Lời Ngài" [85]

Đức Chúa Trời đã cảnh cáo Y-sơ-ra-ên đừng làm ra những hình tượng và đừng xây nên những bàn thờ công phu như những bàn thờ của các dân ngoại xung quanh họ (IIVua 16:10-20). Một bàn thờ đơn giản bằng đất hoặc đá không đẽo vẫn được Chúa chấp nhận. Nếu đá được đục đẽo, chúng sẽ trở nên giống như những hình tượng, và công trình do con người tạo ra sẽ trở nên quan trọng hơn sự thờ phượng Đức Chúa Trời. Đá tự nhiên do Chúa chu cấp là tất cả những gì Ngài sẽ tiếp nhận cho chúng ta.

Sự lõa lồ và sự giao hợp với kỹ nữ đền thờ là một hình thức trong nhiều nghi lễ ngoại giáo, và những điều này rõ ràng bị Chúa nghiêm cấm. Đức Chúa Trời đã ra lệnh các thầy tế lễ Do Thái mặc vào chiếc áo đặc biệt để che phủ sự lõa lồ của họ (Xu 28:42-43 Le 6:10), và nếu họ không vâng lời, họ sẽ có nguy cơ bị giết chết (Xu 28:35,43).

Mặc cho những lời hứa nhiệt tình của họ, Y-sơ-ra-ên đã nhanh chóng bất tuân những điều răn này. Trong lúc Môi-se ở với Đức Chúa Trời trên núi, dân sự đã làm một bò con vàng và dự phần vào cuộc truy hoan mang tính thờ hình tượng đã dẫn đến cái chết của 3.000 người (32:1-6,25-29). Bất cứ điều gì trong nghi thức tế lễ tôn giáo khuyến khích các vấn đề có liên quan đến thuộc thể thay vì thuộc linh thì không thể đến từ Đức Chúa Trời hay sẽ được Đức Chúa Trời chúc phước cho.

2. Đức Chúa Trời là công chính: Hãy vâng theo những luật lệ của Ngài (Xu 20:20-26) (Xu 21:1-23:19)

Công lý là việc làm thực tế thể hiện sự công bình của Đức Chúa Trời trong lịch sử của nhân loại, vì "Chúa yêu chuộng sự công bình và chánh trực" (Thi 33:5 Es 30:18 61:8). Có thể có rất nhiều sự bất công trong thế giới chúng ta ngày nay, nhưng cũng đến thời điểm khi Đức Chúa Trời trong sự công bình Ngài sẽ đoán xét thế gian bởi Chúa Cứu Thế mà thế gian đã chối bỏ, và sự xét đoán của Ngài là công chính (Cong 17:31).

Luật về tôi mọi (Xu 21:1-11 Le 25:39-43 Phu 15:12-18). Mặc dù dân Do Thái được phép có tôi mọi từ các dân khác, thường là tù binh, nhưng họ không được phép bắt người trong dân tộc của họ làm nô lệ. Hai chuỗi sự kiện được trình bày ở đây: một người đàn ông tình nguyện làm tôi tớ (Xu 21:1-7), và một cô gái bị bán để làm một con đòi (c.8-11).

Nếu vì bần cùng, một người Do Thái phải trở nên một tôi tớ bị ràng buộc bằng giao kèo, chủ người ấy phải đối xử nhân đạo với anh ta và sẽ thả ra sau 6 năm phục vụ. Nếu vì cớ tình cảm gia đình, người này muốn ở lại phục vụ cho chủ, và đã được

các quan xét cho phép, vậy người ấy sẽ được đánh dấu ở trái tai và cứ làm một đầy tớ suốt đời. Tuy nhiên, người ấy không bao giờ bị đối xử như một tôi mọi.

Một đầy tớ gái sẽ không được thả tự do sau 6 năm hầu việc. Nếu một người nghèo bán con gái mình làm con đòi hay nàng hầu [86], vậy cha của cô gái này sẽ nhận được tiền bán con, cô gái sẽ có một gia đình tươm tất hơn và chồng cô sẽ không phải tốn kém cho của hồi môn đắc giá. Nếu sau khi trở thành vợ lẽ của người đàn ông mà nàng không vừa lòng người, ai đó trong gia đình cha mẹ nàng có thể chuộc nàng và nàng sẽ được tự do.

Nếu người đàn ông chọn nàng cho con trai ông, và đến một lúc nào đó người con trai trở nên ghét nàng rồi cưới một cô gái khác, vậy cha của người con trai phải bảo đảm cho nàng được đối xử như một con gái đã lập gia đình. Điều này có nghĩa là bảo đảm cho nàng có quần áo, thức ăn và mọi quyền lợi trong cuộc hôn nhân của nàng (ICo 7:1-6). Nếu người cha không làm điều này, người con gái được tự do trở về gia đình nàng và không bị xem là một tôi mọi nữa.

Những tội xử tử (Xu 21:12-17). Những luật lệ này là sự ứng dụng hợp lý cho điều răn thứ sáu, "Ngươi chớ giết người" (20:13 Le 24:17). Chúng ta được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời, do đó việc giết hại một đồng loại nghĩa là công kích hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sa 9:6). Nếu một người bị phát hiện đã phạm tội giết người dựa trên lời chứng của hơn hai nhân chứng (Dan 35:30-31), thì kẻ sát nhân sẽ bị xử tử.

Luật pháp phân biệt giữa tội giết người có mưu tính trước và tội ngộ sát. Nếu bạn vô tình giết chết ai đó, bạn có thể chạy trốn đến bàn thờ Đức Chúa Trời để được sự an toàn (IVua 2:29) cho đến khi các trưởng lão có thời gian để xem xét vấn đề. Một khi dân Y-sơ-ra-ên vẫn còn ở trong xứ họ, họ đã dành ra 6 thành ẩn náu để kẻ giết người có thể chạy trốn và được bảo vệ cho đến khi vấn đề được điều tra (Dan 35:1-34 Phu 19:1-21 Gios 20:1-9). Vào thời ấy, Y-sơ-ra-ên không có lực lượng cảnh sát; gia đình của nạn nhân chắc chắn mong đợi công lý sẽ được thực hiện. Nhưng trong cơn nóng giận, họ có thể mong muốn được trả thù hơn là trông vào công lý, vì vậy luật này can thiệp vào nhằm bảo vệ bị cáo cho đến khi anh ta được chứng minh là có tội.

Con cái và cha mẹ (Xu 21:15-17). Sau khi liên hệ đến tội sát nhân nói chung, luật này đề cập đến những trường hợp cụ thể. Trường hợp đầu tiên nói về việc một người ngược đãi cha mẹ, đánh đập hoặc chửi rủa họ, vi phạm đến điều răn thứ năm (c.15,17 Le 20:9 Phu 27:16). Có thể áp dụng "luật về đứa con bội nghịch"(Phu 21:18-21) ở đây và đứa con này rất cần đến sự kỷ luật. Những đứa con không kính trọng cha mẹ thường không có sự tôn trọng đối với bất cứ quyền hạn nào khác và chỉ muốn làm theo ý riêng ích kỷ của mình. Đặc điểm "không có tình cảm tự nhiên" (IITi 3:3) nói về một số người trong những ngày sau rốt, nhưng trong thời của Môi-se cũng có những loại người đó.

Việc bắt cóc bị nghiêm cấm (Xu 21:16 Phu 24:7). Việc ăn cắp tài sản đã là sai trái (Xu 20:15), thì việc bắt cóc những người được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời và bán họ làm nô lệ là một tội ác còn nghiêm trọng hơn.

Những sự đả thương (21:18-32). Con người không nên tranh cãi đến độ phải xô xát nhau (Ch 15:1 25:15), nhưng điều đó đã xảy ra, và khi nó xảy ra sẽ gây ra nhiều điều tác hại. Nếu nạn nhân chết, kẻ gây hấn sẽ đền mạng, nhưng nếu nạn nhân hồi

phục và cuối cùng có thể bước đi được thì kẻ gây hấn được miễn những trách nhiệm có liên quan. Tuy nhiên, người ấy phải bồi hoàn cho nạn nhân về khoản thời gian bị mất việc và các chi phí thuốc men.

Tôi mọi (Xu 21:20-21). Nguyên tắc này giờ đây được áp dụng cho một người chủ và tôi tớ của người ấy. Chúa không muốn tôi tớ bị xem như những món đồ, nhưng họ phải được đối xử như những con người được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời và đáng được hưởng những quyền con người của họ. Nếu trong việc kỷ luật một tôi tớ (Ch 10:13 13:24), người chủ đã quá tay và giết người tôi tớ ấy thì người chủ này phải bị phạt. Chúng ta không được cho biết hình phạt này là gì. Điều này có thể do các quan án quyết định (Xu 21:22) và tùy thuộc vào việc người chủ có ý định giết người thật sự hay không. (Thật khó tin rằng một người chủ lại muốn hủy hoại tài sản riêng của mình và để phải mất đi một nguồn lợi tức từ người này). Nếu sau một vài ngày người tôi tớ bình phục trở lại, chủ người ấy sẽ không bị phạt, vì ông ta đã mất đi nguồn lợi từ người đầy tớ trong khoản thời gian người này phục hồi sức khoẻ.

Làm bị thương một người đàn bà có thai (Xu 21:22-23). Chúng ta không được biết người đàn bà này có phải là vợ của một trong những người đánh nhau và chồng bà ta có thua trận hay không ? Các học giả không đồng ý về cách dịch của c.22. Phải chăng câu ấy là: “và người phải sanh non” (NIV), hay là: “và người bị sẩy thai”? (ghi chú của Kinh Thánh NIV, NASB). Mệnh đề “nhưng không có sự tổn hại nghiêm trọng nào” (đối với mẹ hoặc con) gợi ý rằng cách dịch thứ nhất hợp lý hơn, vì sẩy thai chắc chắn là một sự kiện nghiêm trọng.

Cho dù không có sự tổn hại nghiêm trọng nào xảy ra cho người mẹ hoặc đứa con, tòa xử án cũng phải phạt người có lỗi về hành động gây hấn của người ấy đối với một ai đó không phải là người tham gia vào cuộc đánh nhau. Nếu không nói đến ý định của người này thì điều mà người ấy đã làm có thể gây nên cái chết của đứa con hay của người mẹ, hoặc cả hai. Nhưng nếu có sự tổn hại nghiêm trọng, tức là người mẹ hoặc đứa con bị thương tật hoặc bị chết thì tòa án sẽ xét xử theo *luật ăn miếng trả miếng* (c.23-25), nghĩa là “hình phạt phải tương ứng với tội ác” [87]

Nguyên tắc này đã bị một số người chỉ trích gay gắt là “dã man”, nhưng sự việc có ý nghĩa trái ngược hẳn. Trong một thời đại mà hệ thống Luật pháp đang được đẩy mạnh thì luật này bảo đảm rằng hình phạt do các quan án định đoạt tương xứng với sự nghiêm trọng và khắc nghiệt của tội ác, không hơn không kém. Nếu kẻ gây hấn có tội đã làm mù mắt kẻ thù mình, thì mắt hắn phải bị làm cho mù. Không điều gì có thể công bằng hơn. Nếu bạn bẻ gãy ngón tay kẻ thù mình và tòa xử bạn phải bị mù thì điều đó sẽ không công bằng gì cả, vì án phạt phải thật thích đáng với tội ác. Nguyên tắc này chỉ duy nhất một lần không được áp dụng đó là khi một người chủ gây thương tích cho một tôi tớ, và sự đền bù cho người đầy tớ này là sự tự do của chính người ấy (c.16-27).

Chúa Giê-xu cấm các môn đồ Ngài trả thù những ai làm tổn thương họ (Mat 5:38-44 IPhi 2:19-21). Ngài đang đề cập đến sự trả thù cá nhân (“Ta sẽ trả thù ngươi !”) và khuyến khích sự tha thứ cá nhân. Ngài không chỉ trích Môi-se, và cũng không can thiệp vào hệ thống Luật pháp, vì Ngài đến để làm trọn Luật pháp chớ không phải để hủy hoại nó (Mat 5:17-20). Là những Cơ Đốc nhân chúng ta có đặc quyền khước từ “những quyền lợi hợp pháp” của chúng ta vì vinh hiển của Đức Chúa Trời mà không

cần đòi hỏi một sự đền bù nào (ICo 6:1-8). Tuy nhiên, một quan án phải bảo đảm rằng công lý được thực hiện và luật pháp phải được tôn trọng.

Bị đả thương bởi một con vật (Xu 21:28-32). Luật pháp cho biết rõ rằng người chủ có trách nhiệm bảo đảm cho con vật của mình không đả thương người khác. Một con bò nguy hiểm trước đây đã tấn công con người thì phải bị nhốt lại. Nếu nó không bị nhốt lại và làm chết ai đó thì người chủ phải chịu trách nhiệm, và cả chủ lẫn con vật đều phải bị xử tử. Người ta không được làm thịt con vật để ăn vì nó đã bị ô uế bởi hành động kinh khiếp của nó. Tuy nhiên, tòa án có thể phạt người chủ và cho phép người này trả một khoản tiền chuộc và được thả ra (Dan 35:31). Hãy chú ý rằng luật pháp không phân biệt giữa cái chết của một người nam hay người nữ (Xu 21:29,31). Tuy nhiên, có một sự khác biệt khi sự việc xảy ra với những người nô lệ vì người sở hữu con vật có thể trả cho người chủ nô lệ 30 miếng bạc để đền bù cho sự mất mát này (Mat 26:14-16).

Thiệt hại về tài sản (Xu 21:33-22:15). Trong vùng Đất Hứa, Y-sơ-ra-ên sẽ là một xã hội nông nghiệp, và súc vật có vai trò rất quan trọng đối với một người nông dân vì nếu không có chúng, anh ta sẽ không thể cày xới đất đai được.

Những con vật bị thương hoặc bị giết chết (Xu 21:33-34). Nếu sự bất cẩn và lơ đễnh của một người (mở miệng hầm hoặc đào hầm) khiến một con vật bị thương hoặc chết, thì người ấy phải bồi thường cho người chủ của con vật, nhưng người chủ hầm có thể giữ lại con vật đó cho mình. Nếu một con vật giết hại con vật khác, hai người chủ sẽ chia nhau xác con vật đã chết và tiền có được từ việc bán con vật còn sống. Luật này không chỉ cho thấy rằng Đức Chúa Trời quan tâm đến công lý nhưng Ngài cũng mong rằng con người cần phải cẩn thận và đừng khiến cho những con vật dễ bị thương và do đó phải bị giết đi.

Ăn cắp súc vật (22:1-4). Luật pháp phân biệt giữa những con vật bị đánh cắp đã bị giết hoặc bị bán, và những con vật bị ăn cắp vẫn còn ở trong tay của kẻ cắp. Khi kẻ cắp bị bắt gặp đang phạm tội, trong trường hợp đầu tiên, hắn phải bồi thường 5 con bò cho một con và 4 con chiên cho một con (bị đánh cắp). Trong trường hợp thứ hai, hắn phải trả hai con vật cho một con. Ăn cắp một con vật cũng đã là xấu xa, nhưng việc giết hoặc bán đi những gì không phải của bạn là nhận lấy những quyền hạn không thuộc về bạn. Nếu kẻ cắp không thể bồi thường, hắn sẽ bị bán làm nô lệ và tiền được giao lại cho người bị mất cắp.

Luật này cũng phân biệt giữa hành động ăn trộm ban đêm và ăn trộm ban ngày. Vào ban ngày, người chủ có thể nhận diện tên trộm đột nhập vào chuồng súc vật của mình và thậm chí có thể kêu gọi sự giúp đỡ của những người láng giềng. Việc giết kẻ trộm vào ban ngày sẽ là một hành động trả thù không cần thiết. Nhưng vào ban đêm, người chủ không thể nhận diện ra kẻ đột nhập, cũng không biết được kẻ này có vũ trang hay không, và do đó mạng sống của người chủ rất nguy hại; thêm nữa, vào ban đêm cũng phải mất thời gian lâu hơn để kêu cầu sự giúp đỡ.

Luật về sự bồi thường súc vật bị mất cắp nhắc chúng ta nhớ đến lời của Đa-vít trong (IISa 12:6) và lời hứa của Xa-chê trong (Lu 19:8). Tiên tri Na-than nhìn thấy vua Đa-vít như một kẻ đánh cắp chiên và Bát-sê-ba như con chiên bị đánh cắp, vì tội tà dâm là tội trộm cắp (ITe 4:1-7). Đa-vít đã phải bồi thường gấp bốn lần: con trẻ bị chết, Am-nôn và Áp-sa-lôm đều bị giết, và Ta-ma bị cưỡng hiếp (IISa 12:15-13:33 18:1-18).

Mùa màng (Xu 22:5-6). Ranh giới đồng ruộng được đánh dấu bởi những hòn đá đặt ở các góc, chớ không phải là những hàng rào quanh khu vực này (Phu 19:14 27:17 Ch 22:28 23:10). Những súc vật ăn cỏ sẽ không phân biệt được đồng ruộng này với đồng ruộng khác và sẽ lang thang bất cứ nơi nào có sẵn cỏ. Người chủ phải luôn ở bên cạnh để trông chừng súc vật. Nếu người chủ lơ là để cho súc vật của mình ăn cỏ trong đồng ruộng của người láng giềng thì phải bồi thường thỏa đáng cho người láng giềng, và hãy chú ý giao cho người này hoa lợi tốt nhất của mình, vì vật bồi hoàn không phải là một thứ có thể xem thường được.

Trong mùa khô, đồng ruộng luôn có nguy cơ bị hỏa hoạn làm hủy hoại mùa màng (Xu 22:6). Những chữ "bồi thường" và "sự hoàn trả" được dùng đến sáu lần trong đoạn 22 (c.1,3-6,12) đã được dịch từ tiếng Hê-bơ-rơ "shalam" nghĩa là "làm cho trọn vẹn, làm cho hoàn toàn", và có liên hệ với từ Hê-bơ-rơ tương tự là "shalom" ("hòa bình, sức khỏe"). Người phạm tội không phải chỉ xưng nhận tội lỗi của mình là có thể giải quyết được mọi sự; bản thân anh ta cũng cần phải nỗ lực rất nhiều để đền bù cho những người bị nạn. Chỉ khi đó những mối liên hệ bị đỗ vỡ mới có thể được hàn gắn và xã hội mới có thể trở nên trọn vẹn.

Vật sở hữu của người khác (Xu 22:7-15). Sự thành thật và liêm chính tạo nên chất kết dính trong một xã hội lành mạnh và thịnh vượng. Nếu những người lân cận không thể tin cậy nhau thì cuộc sống sẽ trở nên rất khó khăn. Nếu bạn nhờ tôi giữ gìn tiền bạc, vật dụng hay súc vật của bạn thì tôi phải trung tín làm phần việc của mình. Mặc cho sự cần mẫn của tôi, một kẻ trộm có thể đột nhập vào nhà và ăn cắp tài sản của bạn, nhưng khi hắn bị bắt, hắn phải bồi thường gấp đôi. Nếu kẻ trộm không bị bắt, vậy tôi phải chứng minh trước tòa rằng tôi đã không bất cẩn và tôi không phải là thủ phạm. Khi điều này xảy ra thì có thể nghĩ đến một trong ba khả năng sau: tôi phải đưa ra những nhân chứng có thể xác nhận cho sự cần mẫn của tôi; cho thấy những mảnh còn lại của súc vật để chứng minh chúng đã bị những con thú giết hại (Sa 31:39 Am 3:12), hoặc nếu không có những bằng chứng này thì tôi phải thề trước Chúa về sự vô tội của mình, đây là một vấn đề nghiêm trọng khi cần phải thực hiện. Các quan tòa, là những người đại diện của Đức Chúa Trời trước cả dân tộc sẽ nhận biết được tôi có nói sự thật hay không. Nếu người ta chứng minh được rằng súc vật của người láng giềng của tôi đã chết, bị lạc hay bị đánh cắp bởi sự cẩu thả của tôi, vậy tôi sẽ phải bồi thường thỏa đáng.

Nếu tôi mượn một con trong bầy gia súc của bạn để làm công việc đồng áng của tôi và con vật lại bị thương tích hoặc chết trong sự bảo dưỡng của tôi, vậy tôi phải bồi thường sự tổn thất cho bạn. Nếu bạn ở cùng tôi lúc đó, điều khiển chính con vật của bạn thì tôi không bị buộc phải bồi thường bất cứ khoản nào. Nếu tôi thuê con vật của bạn và trả tiền, vậy số tiền này bao gồm cả khoản bồi thường thiệt hại.

Những luật khác (Xu 22:16-23:19). Đa số những luật này không cần sự giải thích đặc biệt nào, nhưng chúng ta sẽ chú ý đến một số lẽ thật gắn liền với những luật lệ này.

Sự cưỡng hiếp (c.16-17). Những cô gái chưa kết hôn thuộc về cha của họ, và một cô gái không đồng trinh sẽ không được hỏi để làm vợ, vì vậy sự mất trinh tiết của cô ấy là một sự thiệt hại về tiền sính lễ cho người cha. Kẻ phạm tội buộc phải cưới người con gái này, nhưng nếu cha nàng không muốn nhận anh ta làm con rễ thì kẻ này có thể trả khoản tiền sính lễ và được tự do. Nếu người con gái đã được hứa gả thì sự

cưỡng hiếp bị xem là tội tà dâm và sẽ áp dụng một luật khác để giải quyết (Phu 22:23-29).

Phù phép (Xu 22:18). Điều mà ngày nay chỉ bị xem như một sự giải trí vô hại thì trong thời Môi-se đã được nhận định một cách đúng đắn là việc làm tà ma nguy hại. Dân Do Thái được lệnh phải tránh xa mọi thứ có liên hệ đến những điều huyền bí (Le 20:6 Phu 18:10-14 ISa 28:1-24 Es 47:12-14). (Ga 5:20) đã liên hệ đến ma thuật là thờ hình tượng.

Hành động thú tính (Xu 22:19) cũng là một trong những tập tục tôn giáo của các dân tộc ngoại bang và bị Chúa lên án (Le 18:23 20:15-16 Phu 27:21). Nó cũng là một sự phỉ báng về món quà sinh lý kỳ diệumà Chúa đã ban.

Sự thờ hình tượng (Xu 22:20 23:13). Dân sự không được tế các thần khác, nếu trái nghịch thì sẽ bị diệt, và họ cũng không được nhắc đến danh của các thần này. Sự thờ hình tượng là sự cám dỗ lớn nhất cho Y-sơ-ra-ên trong suốt cuộc hành trình trong đồng vắng và sau khi họ vào Đất Hứa, và Chúa đã cảnh cáo họ phải hủy phá các đền thờ và bàn thờ ngoại giáo (Phu 4:14-24).

Sự ích kỷ (Xu 22:21-27 23:9) Những luật này khuyên bảo dân Do Thái phải cư xử tử tế với khách lạ và khách kiều ngụ, người góa bụa và trẻ mồ côi cùng người nghèo. Dân Do Thái từng là khách lạ ở Ai Cập và trong suốt nhiều năm đã được đối xử tử tế, góa phụ và cô nhi cũng còn là mối quan tâm đặc biệt của Chúa (Le 19:9-10 Phu 14:28-29 16:11,14 24:19-21 26:12-13 Thi 10:14,17-18 68:5 82:3 146:9 Es 1:23 10:2 Gie 7:6 22:3 Xa 7:10 Ma 3:5). Người giàu không nên bóc lột người nghèo nhưng phải sẵn sàng giúp họ (Le 25:35-38 Phu 15:7-11 23:19-20 24:6 10:13 Ch 28:8). Đức Chúa Trời nghe thấu tiếng kêu van của người khốn khổ (Xu 22:23,27).

Rủa sả nhà cầm quyền (22:28). Họ có thể báng bổ Đức Chúa Trời qua môi miệng của họ hay qua việc xem thường những luật lệ Ngài ban cho vì lợi ích của họ, đặc biệt là những luật lệ có liên quan đến sự rời rộng đối với người khác (c.21-27). Báng bổ Đức Chúa Trời là một tội phạm phải bị xử tử (Le 24:10-16). Việc nói xấu một người cai trị là chống lại Luật pháp (Ch 24:21-22 IPhi 2:17). Phao-lô đã phải xin lỗi khi ông không cố ý nói điều xấu về thầy tế lễ cả (Cong 23:4-5 IISa 19:19 IVua 21:10). Đức Chúa Trời đã thiết lập chính thể của loài người (Ro 13:1-14), ngay cả khi chúng ta không tôn trọng các quan chức thì chứng ta cũng phải tôn trọng chức vụ của họ.

Trì hoãn việc vâng lời (Xu 22:29-30). Trái đầu mùa thuộc về Chúa, dù đó là con trai đầu lòng, con đực đầu lòng (13:1-22), hay quả đầu mùa của đồng ruộng và vườn cây ăn quả (Ch 3:9-10). Việc cầm giữ áo xống (22:26-27), hay tiền công (Gia 5:4) của một người là không hợp lẽ. Sẽ tệ hại là dường nào nếu giữ lại của Chúa những món quà Ngài đã ban cho để chúng ta dâng lên cho Ngài ?

Thịt bị ô uế (Xu 22:31). Lý do đằng sau luật này vừa mang tính tôn giáo vừa mang tính vệ sinh. Xác của những con vật bị giết bừa bãi vẫn còn đọng huyết, và việc ăn huyết đã bị cấm (Le 22:8). Hơn nữa, một xác súc vật ở trong đồng ruộng chẳng bao lâu sẽ trở nên hôi thúi và gieo rắc mầm bệnh. “Thịt miễn phí” có thể phải trả giá rất đắt. Một người tinh sạch sẽ không muốn chạm đến thịt ấy, đừng nói gì đến việc ăn nó.

Sự công bình (Xu 23:1-8). Đây là điều răn thứ 9 được mở rộng (20:16), một lời cảnh cáo không được làm chứng dối và hùa theo sự bất công như số đông vẫn đang

làm (Le 19:15-16 Phu 22:13-19). Dân sự Đức Chúa Trời không nên để bị tác động bởi sự giàu có hay nghèo khổ của bị cáo hoặc bởi của hối lộ mà người ta đút lót để xét xử thiên vị (Phu 16:18-20 Es 1:23 Mi 3:11). Kết án một người vô tội để tư lợi là có tội trước mặt Đức Chúa Trời, và Ngài sẽ không tha thứ cho tội lỗi này (Xu 23:7 NIV) [88] . Nhưng Môi-se cũng nhắc nhở họ phải đối xử tử tế với kẻ thù và súc vật của kẻ ấy (c.4-5 Phu 22:13-15). Những việc làm tốt lành của chúng ta phải là kết quả của việc tuân thủ luật lệ nhưng có vận dụng đến tình yêu thương.

Giữ những kỳ lễ (Xu 23:10-17). Đức Chúa Trời quản lý thời giờ và Ngài truyền cho dân Do Thái phải nghỉ làm việc vào mỗi tuần để kỷ niệm ngày Sa-bát. Cứ 7 năm một lần họ phải kỷ niệm một Năm Sa-bát, trong suốt khoảng thời gian đó đất sẽ được nghỉ ngơi và người nghèo có thể dùng lượng lương thực đang cho hoa lợi mà không cần phải gieo trồng nữa (Le 25:1-7). Đã từ lâu, dân Do Thái đã được ban cho những luật lệ có cơ sở về phương diện sinh thái. Nhưng vào năm đặc biệt này, đức tin và sự vâng lời của họ sẽ được thử nghiệm.

Khi dân sự đã định cư trong xứ, các người đàn ông phải nhóm họp lại để thờ phượng ba lần trong một năm, vào lễ Vượt Qua, lễ Ngũ Tuần và lễ Lều Tạm (Le 23:1-44 để biết về lịch tôn giáo của Do Thái). Những người nam này thường đi cùng với gia đình họ (ISa 1:1-28 Lu 2:40).

"Chớ nên nấu dê con trong sữa mẹ nó" (Xu 23:19 NIV 34:26 Phu 14:21). Dê con là một món ăn ưa thích của dân sự, và khi nấu trong sữa sẽ làm cho món ăn ngon hơn. Việc dùng sữa mẹ để nấu con của nó cho thấy được một cách nhìn nhận trong lòng có thể dẫn đến mọi thứ tội lỗi. Hơn nữa, việc nấu dê con cách này là một phần trong nghi lễ ngoại giáo của dân Ca-na-an, và Đức Chúa Trời không muốn dân sự Ngài tranh đua với những kẻ thờ lạy hình tượng. Vì luật này có liên hệ với lễ Lều Tạm, lễ Mùa Gặt, nên có lẽ nghi lễ này có liên quan đến sự thịnh vượng. Sữa khi ấy được rắc trên cây cối và đồng ruộng để làm gia tăng sự màu mỡ, đây là một hành động ma thuật bị ngăn cấm đối với Y-sơ-ra-ên [89]

3. Đức Chúa Trời là khôn ngoan: Hãy theo sự dẫn dắt của Ngài (Xu 20:20-26) (Xu 23:20-24:8).

(Xu 23:20-26). Dân Y-sơ-ra-ên sẽ ở tại núi Si-nai khoảng 11 tháng, sau đó họ sẽ đi đến Ca-đe Ba-nê-a trước khi vào trong xứ (Dan 10:11-14:45). Họ đã không tin cậy Đức Chúa Trời để giành lấy cơ nghiệp cho mình nên họ bị kết án phải lang thang trong đồng vắng cho đến khi thế hệ từ 20 tuổi trở lên đều đã chết, ngoại trừ Ca-lép và Giô-suê. Trong 38 năm, Đức Chúa Trời sẽ dẫn dắt dân sự Ngài và sau đó đem họ trở về biên giới Ca-na-an để tiến vào và giành lấy xứ.

Vị thiên sứ ở đây là Chúa Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời, Thiên Sứ Của Giao Ước (Xu 14:19). Chỉ có Ngài mới có thể tha thứ những vi phạm và chỉ trong Ngài là danh kỳ diệu của Chúa. Đức Chúa Trời đã chuẩn bị một nơi cho dân trên đất của Ngài (23:20) như Chúa Giê-xu đang chuẩn bị một nơi ở trên trời cho dân của Ngài (Gi 14:1-6). Nếu họ vâng theo Chúa, Ngài sẽ đáp ứng tất cả những nhu cầu của họ và đánh bại mọi kẻ thù của họ.

Một lần nữa, Chúa cảnh cáo họ về tội thờ hình tượng, thờ lạy những tà thần của các dân tộc quanh họ là những dân mà họ sẽ đánh bại. Nếu Y-sơ-ra-ên dâng mình hoàn toàn cho Chúa, Ngài sẽ đi trước họ, đánh bại kẻ thù của họ, và giúp họ chinh phạt xứ. Thật vậy, "sự kinh khiếp của Đức Chúa Trời" đã đi trước Y-sơ-ra-ên và làm

suy yếu dân trong xứ (Gios 2:11 Xu 15:16). “Ong lỗ” trong (23:28) rất có thể là loài côn trùng mà chúng ta đã biết vì dân Đông phương rất coi trọng loài ong lỗ (Phu 7:20 Gios 24:12). Từ Hê-bơ-rơ này tương tự với từ có nghĩa là Ai Cập (zirah / mizraim), vì vậy một số nhà nghiên cứu tin rằng đây là hình ảnh có liên hệ đến những đội quân Ai Cập thường xuyên xâm lấn xứ Ca-na-an trước khi dân Do Thái đến. Trong (Es 7:18), Ai Cập đã được ví sánh với con ruồi và A-si-ri được ví sánh với con ong.

Giô-suê và đội quân của ông đã mất gần 7 năm để có thể chinh phục xứ, và theo sau chiến thắng này là một đợt “càn quét”. Đức Chúa Trời hoạch định rằng dân sự sẽ từ từ chiếm lấy xứ để có thể kiểm soát được mọi sự, nhưng một số chi phái không thể chinh phục được trọn vẹn phần lãnh thổ đã được giao cho họ (Cac 1:1-2:23). Đức Chúa Trời đã đặt ra ranh giới của xứ này (Sa 15:18-21), và các ranh giới này được trải dài ra trong suốt thời của Đa-vít và Sa-lô-môn (IISa 8:1-14 IVua 4:20-25), nhưng đến khi dân tộc Y-sơ-ra-ên bị chia cắt, họ bắt đầu để phần lãnh thổ của mình rơi vào tay của kẻ thù.

Xu 21:1-36; xem giải nghĩa Xu 20:20-26

Xu 22:1-31; xem giải nghĩa Xu 20:20-26

Xu 23:1-33; xem giải nghĩa Xu 20:20-26

4. Đức Chúa Trời là thành tín: Hãy tin cậy giao ước của Ngài (Xu 24:1-8)

Hai câu đầu có liên hệ với (Xu 20:21), khi Đức Chúa Trời gọi Môi-se lên núi Si-nai, mang theo 70 trưởng lão, A-rôn và Na-đáp với A-bi-hu, con trai của A-rôn. Môi-se chia sẻ những lời của Đức Chúa Trời với dân sự, và một lần nữa họ đã hứa sẽ vâng theo mọi điều Đức Chúa Trời bảo họ làm (24:3 19:8). Sau đó ông viết xuống tất cả những gì Đức Chúa Trời đã phán dạy, tức là Mười Điều Răn và Quyển Sách Giao Ước.

Nhưng sẽ cần nhiều hơn những lời hứa để Quyển Sách Giao Ước được thông qua, và Môi-se đã thực hiện điều đó vào sáng hôm sau. Ông dựng nên một bàn thờ cho Chúa và dựng 12 hòn đá như các cây trụ để đại diện cho 12 chi phái Y-sơ-ra-ên. Những người trai trẻ đứng qua một bên để phục vụ khi các thầy tế lễ dâng của lễ cho Chúa vì giao ước phải được đóng dấu bởi huyết. Một ít huyết được rảy trên bàn thờ, biểu thị rằng Đức Chúa Trời đã tha thứ cho tội lỗi của dân sự Ngài.

Tiếp đó, Môi-se đọc Quyển Sách Giao Ước cho dân sự và họ xác nhận sự vâng phục tự nguyện của họ. Môi-se lấy phần huyết còn lại trong các chậu và rảy trên Quyển Sách và trên dân sự (24:8 He 9:19-20), đó là nghi lễ chuẩn nhận giao ước. Y-sơ-ra-ên phải nhận biết trách nhiệm của họ để vâng theo những luật lệ của Chúa. Giao ước giờ đây đã được phê chuẩn bằng huyết, và Đức Chúa Trời sẽ giữ lời hứa của Ngài đã lập cùng dân sự ! Xét cho cùng, dân sự cũng chỉ biết trông mong rằng Đức Chúa Trời sẽ giữ lời hứa của Ngài !

Lời hứa của Chúa trong (Xu 6:6-8) giờ đây sắp bước vào giai đoạn thứ ba. Đức Chúa Trời đã chuộc dân sự Ngài (Xu 1:1-18:27) và chính Ngài đã nhận họ làm dân sự của Ngài; giờ đây Ngài sẽ đến và ngự giữa vòng họ và làm Đức Chúa Trời của họ (Xu 25:1-40:38). Phần cuối của sách Ai Cập tập trung vào sự thiết kế, xây dựng và dâng hiến đền tạm, và đây là một phần ghi chép phong phú về lẽ thật thuộc linh và những bài học thực tiễn.

PHẦN CHUYỂN TIẾP

Khi chúng ta bắt đầu phần nghiên cứu về đền tạm và chức tế lễ, chúng ta phải dừng lại để xem xét một số vấn đề sơ bộ.

Trước tiên, vì sách Xuất Ê Díp tô ký không được sắp xếp theo chủ đề nên thông tin về đền tạm và chức tế lễ đã được phân bố qua sách Xuất Ê Díp Tô ký(Xu 25:1-39:43), cũng như qua các sách Lê-vi, Dân số và Phục truyền. Có lẽ Đức Chúa Trời đã hướng dẫn Môi-se viết theo cách ấy để các thầy tế lễ (và các tín hữu ngày nay) sẽ phải đọc tất cả các tài liệu này để biết về điều Đức Chúa Trời muốn nói. Cả Kinh Thánh được Đức Chúa Trời thần cảm và cả Kinh Thánh phải được xem xét khi nghiên cứu bất cứ chủ đề nào. Để việc nghiên cứu những chương này dễ dàng hơn, tôi đã đối chiếu tài liệu trong Xuất Ê Díp Tô ký dưới nhiều đề mục chính, và tôi cũng sẽ đề cập đến ba sách khác của Môi-se.

Hai là, việc xem xét từng chi tiết trong mỗi phần của đền tạm và quần áo tế lễ sẽ dễ làm chệch hướng việc nghiên cứu, vì thế tôi đã tập trung vào những lẽ thật thuộc linh chính yếu mà tôi tin rằng Đức Chúa Trời muốn chúng ta học biết. Một khi đã nắm được những lẽ thật này, bạn có thể nghiên cứu những vấn đề khác bằng sự am hiểu thuộc linh hơn.

Cuối cùng, đền tạm là một chiếc lều di động, nó không phải là một nơi để nhóm họp lại như nhà thờ. Mỗi khi Y-sơ-ra-ên nhổ trại, người Lê-vi tháo dỡ lều một cách cẩn thận, gói ghém đồ đạc trong những vật che phủ, và mang chúng đi cho đến khi Chúa bảo dân sự dừng lại (màn và khung được chở trên xe ngựa). Tại nơi ở mới, đền tạm được lắp ráp và đồ đạc được xếp đặt vào đúng chỗ (Dan 3:1-4:49). Mỗi món đồ có những cái khoen để luồn vào những cây đòn để mang gánh đồ đạc qua suốt cuộc hành trình trong đồng vắng, những cây đòn trên cái hòm không bao giờ được rút ra (Xu 25:15 IVua 8:8).

10. NƠI ĐỨC CHÚA TRỜI NGỰ VÀO - Phần I (Xu 24:9-25:40 27:20-21 30:11-16 31:1-11 35:3-36:38 37:1-24 38:21-31)

(Xu 24:9-18). Thành tín với những lời hứa của Ngài trong (6:6-8), Chúa đã giải cứu dân sự Ngài ra khỏi Ai Cập (1:1-18:26) và tại núi Si-nai "tiếp nhận" họ cho chính Ngài như của báu đặc biệt của Ngài (19:24 Ro 9:4). Giờ đây Ngài sắp thực hiện phần còn lại của lời hứa đó bằng cách đến trại quân của Y-sơ-ra-ên và ngự giữa vòng dân sự Ngài (Xu 25:1-40:38).

Để làm việc này, Chúa cần đến hai điều: một nơi cho sự vinh hiển của Ngài ngự vào, và những người hầu việc Ngài tại nơi đó. Vì vậy, Ngài ra lệnh dân Do Thái dựng đền tạm và biệt riêng chi phái Lê-vi để hầu việc Ngài. Việc dựng đền tạm và việc phong chức tế lễ là hai chủ đề chính của (25:1-40:38).

Trải qua suốt Sáng Thế ký, Chúa đã đồng đi với dân sự Ngài – A-đam và Ê-va (Sa 3:8), Hê-nóc (5:22-24), Nô-ê (6:9), và các trưởng tộc (17:1 24:40 29:44-46), nhưng giờ đây Ngài sẽ *ở cùng* họ. Việc có Chúa ngự trong trại quân là một đặc quyền đối với dân tộc Y-sơ-ra-ên (Ro 9:4-5), vì không một dân tộc nào khác có Đức Chúa Trời hằng sống ở giữa họ. Nhưng đặc quyền mang theo nó một trách nhiệm lớnlao, vì điều đó có nghĩa là trại quân Y-sơ-ra-ên phải là một nơi thánh mà một Đức Chúa Trời thánh khiết có thể ngự vào.

Mười sáu chương này không chỉ ghi lại những sự kiện lịch sử xoay quanh việc xây dựng đền tạm và tấn phong chức tế lễ. Những điều Môi-se ghi chép lại đã bày tỏ một số lẽ thật thuộc linh sâu sắc về một Đức Chúa Trời thánh khiết và cách chúng ta phải đến gần Ngài trong sự thờ phượng và "lấy lòng kính sợ hầu việc Đức Chúa Trời một cách đẹp lòng Ngài" (He 12:28).

1. Đức Chúa Trời kêu gọi chúng ta đến sự thờ phượng Ngài (Xu 24 :9-18)

Thờ phượng Đức Chúa Trời là đặc quyền cao nhất và là trách nhiệm lớn nhất của một đời sống Cơ Đốc, vì Đức Chúa Trời là Đấng Chí Cao trong vũ trụ và là Đấng mà một ngày nào đó chúng ta phải khai trình. Mọi điều chúng ta có và làm đều bắt nguồn từ mối liên hệ của chúng ta với Chúa. Đức Chúa Trời đã tạo nên chúng ta theo hình ảnh của Ngài để chúng ta có thể yêu Ngài và có mối giao thông với Ngài, không vì chúng ta phải làm nhưng vì chúng ta muốn làm. Đức Chúa Trời đang tìm kiếm những người thờ phượng Ngài "bằng tâm thần và lẽ thật" (Gi 4:23-24).

Bước lên càng cao. Tại chân núi, dân Y-sơ-ra-ên thận trọng không tiến đến quá gần và chờ đợi Lời của Chúa. Môi-se, A-rôn, Na-đáp và A-bi-hu cùng 70 trưởng lão đã lên cao hơn và được gặp Chúa (Xu 24:9-11), sau đó Môi-se với Giô-suê còn lên cao hơn nữa (c.13-14). Sau cùng chỉ một mình Môi-se tiến lên cao hơn và tại nơi đó ông đã nhìn thấy sự vinh hiển của Chúa (c.15-17).

Mọi điều này là sự minh hoạ về một lẽ thật quan trọng là chúng ta cần phải lớn lên trong kinh nghiệm về sự thờ phượng Chúa, *và chính chúng ta là những người quyết định chúng ta sẽ lên "cao" đến mức độ nào.* Dân sự đứng dưới chân núi đã rất sợ hãi khi tiếng Chúa phán và họ an tâm khi nghe Môi-se nói với họ (20:18-19), nhưng Môi-se không chỉ nghe tiếng Đức Chúa Trời mà ông còn trông thấy sự vinh hiển của Ngài. Thật đáng buồn khi dân sự Đức Chúa Trời chỉ muốn dừng lại ở mức thấp nhất khi vẫn có những độ cao mới của phước hạnh cho những ai tìm kiếm Đức Chúa Trời bằng cả tấm lòng của họ.

Y-sơ-ra-ên phải thờ phượng từ đàng xa, vì đó là mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, nhưng Đức Chúa Trời kêu gọi những tín hữu ngày nay bước vào trong sự hiện diện của Ngài "một cách mới mẻ và sống động" (He 10:19-25). "Hãy đến gần Đức Chúa Trời, thì Ngài sẽ đến gần anh em" (Gia 4:8). Chúng ta không đến gần một ngọn núi bão táp cách sợ hãi nhưng đang dạn dĩ tiến đến một thành vinh hiển trên trời nơi tên chúng ta được ghi lại như những công dân của nước trời (He 12:18-24).

Giao thông với Đức Chúa Trời (Xu 24:9-11). Khi Kinh Thánh nói rằng 74 người "thấy Đức Chúa Trời" thì điều này không có nghĩa là họ đã nhìn thấy diện mạo của Ngài vì điều này không thể xảy ra (Gi 1:18). Họ chỉ nhìn thấy một phần vinh hiển của Đức Chúa Trời và có thể họ đã được nhìn thấy ngôi của Đức Chúa Trời trên nền bích ngọc (Exe 1:26), nhưng Đức Chúa Trời không thể thấy được đã ẩn khỏi họ. Sau sự hiện thấy này về Đức Chúa Trời, họ đã cùng dự một bữa ăn thông công với nhau mà đỉnh điểm là việc chuẩn nhận giao ước. Ăn với nhau là một dấu hiệu của tình bằng hữu và sự hiệp nhất. Đức Chúa Trời là vinh hiển, cao trọng và được tôn cao, nhưng Ngài cũng hạ mình để dự vào sự thông công với chúng ta ! [90]

Lưu lại với Đức Chúa Trời (Xu 24:12-18). Đức Chúa Trời gọi Môi-se lên cao hơn nữa để Ngài có thể ban cho ông những bảng đá trên đó Ngài đã viết Mười Điều Răn. Đây là sự đề cập lần đầu tiên đến những bảng Luật pháp trong Kinh Thánh. Đám mây

vinh hiển ở lại trên núi Si-nai, và từ Hê-bơ-rơ được dịch "ở lại" là "shekinah", một từ mà những nhà thần học Do Thái và Cơ Đốc đều sử dụng để mô tả sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Trong (Xu 25:8) và (29:45-46), nó được dịch là "ở giữa". Đám lửa hừng trên núi nhắc nhở chúng ta rằng "Đức Chúa Trời chúng ta là đám lửa hay thiêu đốt" (He 12:29). Môi-se ở lại trên núi với Đức Chúa Trời trong 40 ngày và 40 đêm (Mat 4:1-2), và suốt thời gian đó, Đức Chúa Trời cho ông biết những kế hoạch về đền tạm và chức tế lễ.

2. Đức Chúa Trời lập kế hoạch (Xu 24 :9-18) (Xu 25:9,40 26:30)

[91] .Xu 24:9-18. Mỗi khi Đức Chúa Trời làm việc gì, Ngài đều có kế hoạch cho công việc ấy, dù đó là việc xây cất đền tạm hay đền thờ (ISu 28:11-12,18-19), một Hội Thánh địa phương (Phi 2:12-13), hay đời sống và chức vụ của một Cơ Đốc nhân (Eph 2:10). Đức Chúa Trời cho Môi-se biết rằng ông phải làm mọi thứ theo như kiểu mẫu đã được tỏ ra cho ông ở trên núi (Xu 25:40 He 8:5).

Đền tạm trên đất là một bản sao của đền tạm trên trời, nơi Chúa chúng ta giờ đây đang thi hành chức vụ cho dân sự Ngài (He 8:1-5 9:1). Sách Khải Huyền đề cập đến một bàn thờ bằng đồng (Kh 6:9-11), một bàn thờ xông hương (8:3-5), một ngôi (4:2), các trưởng lão/ thầy tế lễ (c.4,5), những ngọn đèn (c.5), "biển" (c.6) và Chê-ru-bin (c.6-7), tất cả đều giống với những đồ đạc chính yếu của đền tạm trên đất. Một nguyên tắc cơ bản về chức vụ là chúng ta phải làm theo kiểu mẫu được ban cho từ trời, không phải kiểu mẫu của thế gian này (Ro 12:2).

3. Đức Chúa Trời cung cấp vật liệu để xây cất (Xu 24 :9-18) (Xu 25:1-9 30:11-16 35:4-29)

Chúng ta chỉ có thể dâng lên Đức Chúa Trời những gì Ngài đã ban cho chúng ta trước, vì mọi thứ đều đến từ Ngài. Đa-vít đã nói trong lời cầu nguyện của ông:"và chúng tôi đã dâng cho Chúa chỉ những gì đến từ tay Ngài" (ISu 29:14 NIV).

Đức Chúa Trời không chỉ tạo ra những vật liệu mà dân sự đã đem đến cho Ngài (Es 66:1-2), nhưng Ngài cũng làm việc trong lòng họ để họ vui lòng dâng cách rời rộng (IICo 8:1-5,12). Trong thực tế thì dân sự đã đem đến quá nhiều đến nỗi Môi-se phải bảo họ ngưng lại ! (Xu 36:6-7).

Nhiều loại vật liệu khác nhau được cần đến: kim loại quý (vàng, bạc), đồng thiếc, vải (chỉ, vải gai mịn, và lông dê), gỗ, da, dầu ô-liu, hương liệu, và đá quý. Người ta ước tính rằng một tấn vàng và trên 3 tấn bạc đã được sử dụng trong đền tạm. Tất cả của cải này đến từ đâu ? Trước hết, dân Do Thái đã "tước đoạt" của dân Ai Cập trước khi họ rời khỏi xứ ấy (12:35-36), và không có gì lạ khi cũng có những chiến lợi phẩm từ cuộc chiến thắng dân A-ma-léc (17:8-16). Đức Chúa Trời bảo đảm rằng họ có mọi thứ họ cần để xây dựng đền tạm như Ngài đã thiết kế sẵn cho họ vậy.

Theo (Xu 30:11-16), Môi-se đã thu nửa siếc-lơ của mỗi người ở tuổi quân ngũ, và theo (38:21-31), tất cả số bạc này đã lên đến 100 ta-lâng cộng với 1.775 siếc-lơ, tổng cộng là 301.775 siếc-lơ (một ta-lâng có 3.000 siếc-lơ). Khoản này do 603.550 người ở độ tuổi 20 trở lên đóng góp. Số bạc này đã được dùng để làm những cái lỗ cột trụ của đền thờ và những cái móc để treo các bức màn.

4. Đức Chúa Trời trang bị cho những người làm việc (Xu 24 :9-18) (Xu 31:1-11 35:30-36:7)

Dù là việc xây dựng đền tạm trong thời Cựu Ước, xây Hội Thánh trong thời Tân Ước, hay việc gây dựng đời sống và chức vụ của chúng ta ngày nay, Thánh Linh Đức Chúa Trời phải trang bị cho chúng ta và giúp chúng ta có thể làm được công việc. Đức Chúa Trời đã ban cho Bết-sa-lê-ên và Ô-hô-li-áp kỹ năng và sự khôn ngoan cần có, nhưng Ngài cũng trang bị cho những người thợ làm việc dưới quyền của họ, được dẫn dắt bởi Thánh Linh, trong sự vâng lời Chúa để xây nên đền tạm và những vật dụng ở trong đó.

Đức Chúa Trời đã chỉ định Bết-sa-lê-ên và Ô-hô-li-áp điều khiển công việc xây cất vì nếu không có những người lãnh đạo thì sẽ có sự lộn xộn, nhưng Ngài cũng kêu gọi những người thợ tình nguyện để giúp đỡ họ (35:10). Chúng ta được sinh ra với những khả năng khác nhau, và khi được biến đổi, chúng ta nhận được những sự ban cho khác nhau của Đức Thánh Linh để được sử dụng vì ích lợi của Hội Thánh và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (ICo 12:1-3 Eph 4:1-16 Ro 12:1-21). "Vì ấy chính Đức Chúa Trời hành động trong anh em để vừa muốn vừa làm theo ý muốn tốt lành của Ngài" (Phi 2:13 NKJV). Dân Do Thái đã xây một lều tạm mà từ lâu đã biến thành bụi đất, nhưng chúng ta đang góp phần xây dựng "nhà ở của Đức Chúa Trời trong Thánh Linh" (Eph 2:2) sẽ đời đời quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời.

5. Đức Chúa Trời phải được đặt ưu tiên trên hết mọi sự (Xu 24 :9-18) (Xu 25:10-22 37:1-9)

Có sáu vật dụng liên quan đặc biệt tới đền tạm, và hòm giao ước đã được đề cập đến trước hết [92] Đây là một hòm gỗ dài 45 inch, rộng 27 inch và cao 27 inch, nó được đặt trong nơi Chí Thánh có sự hiện diện "shekinah" của Đức Chúa Trời ngự ở đó. Phía trên hòm giao ước là nắp thi ân bằng vàng là ngôi của Đức Chúa Trời (Thi 80:1 99:1 Cac 19:15 cả NIV).

Chiếc hòm này có nhiều tên gọi ngoài tên là "hòm giao ước" (Dan 10:33). Nó được gọi là "hòm của Đức Chúa Trời" (ISa 31:3), "hòm của Đức Giê-hô-va" (Gios 3:15), "hòm của Giê-hô-va Đức Chúa Trời" (IVua 3:26), "hòm bảng chứng" (Xu 25:22) vì có những bảng Luật pháp ở trong đó, "hòm thánh" (IISu 35:3) và "hòm sức mạnh của Đức Chúa Trời" (Thi 132:8). Hòm này đại diện cho sức mạnh và uy quyền của Đức Chúa Trời trong trại quân Y-sơ-ra-ên, và đây là lý do nó được kể đến trước tiên. Đây là minh họa Cựu Ước của (Mat 6:33) trong Tân Ước.

Hòm giao ước cũng dạy cho chúng ta biết về Chúa Giê-xu Christ. Nó được làm bằng gỗ, nói về nhân tính Ngài, nhưng lại hoàn toàn được phủ bằng vàng, nói về thần tính của Ngài. Theo (He 9:4), bên trong hòm là những bảng Luật pháp (Xu 25:16), một bình đựng ma-na (16:32-34), và cây gậy trổ hoa của A-rôn (Dan16:1-17:13). Những đồ vật cho chúng ta biết rằng Luật pháp của Đức Chúa Trời ở trong lòng Đấng Christ, và Ngài đã vâng phục trọn vẹn và làm trọn Luật pháp (Thi 40:6-8 He 10:5-9). Ngài là Bánh Sự Sống, là Đấng ban sự sống đời đời cho tất cả những ai tiếp nhận Ngài (Gi 6:32); và Ngài sống bởi năng quyền của sự sống vĩnh cữu để chúng ta có thể kết quả cho Đức Chúa Trời (He 7:16).

Ở mỗi đầu của nắp thi ân bằng vàng đặt trên hòm có một chê-ru-bin và đôi cánh của chúng che phủ chiếc hòm. Một lần trong năm, vào ngày lễ Chuộc tội, thầy tế lễ được phép vào nơi Chí thánh, tại đây ông sẽ rảy huyết của con sinh tế trên nắp Thi ân (Le 16:1-24) để thực hiện sự chuộc tội của Y-sơ-ra-ên cho năm sau (c.29-34). Kiểu

thực hành mẫu này đã được ứng nghiệm khi Chúa Giê-xu Christ chịu chết một lần đủ cả cho tội lỗi thế gian và cất đi mọi tội lỗi bằng sinh tế của chính Ngài (He 9:11-10:14)

Thường trong Kinh Thánh bạn sẽ thấy hình ảnh tìm được sự an toàn "dưới cánh Ngài". Đôi khi điều này liên hệ đến hình ảnh chim mẹ bảo vệ cho con nó (Thi 57:1 63:7 Mat 23:37 Lu 13:34), nhưng cũng có thể chỉ về việc ở dưới cánh chê-ru-bin trong nơi thánh (Ru 2:12 Thi 17:8 36:7-8 61:4 91:1,4).

Môi-se được phép vào nơi Chí thánh, nơi Đức Chúa trời đã phán với ông từ nắp Thi ân và bày tỏ ý muốn của Ngài cho dân Y-sơ-ra-ên (Xu 25:21-22 29:42 30:6,36 Dan 7:89 Thi 91:1). Dân sự Đức Chúa Trời ngày nay có thể bước vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời nhờ huyết của Chúa Giê-xu Christ (He 10:19-25), vì Ngài là "ngôi thương xót" của chúng ta (sự phục hòa, Ro 3:25 IGi 2:2). Bởi huyết Ngài đã đổ ra vì chúng ta nên ngôi Đức Chúa Trời đối với chúng ta là một ngôi ân điển.

Hòm của Đức Giê-hô-va và trụ mây dẫn đường khi dân Do Thái di chuyển từ nơi này sang nơi khác (Dan 10:33-36). Trong hành trình hành hương, dân sự Đức Chúa Trời được ngôi Đức Chúa Trời hướng dẫn và bước đi theo sự vinh hiển của Ngài.

6. Đức Chúa Trời hiện diện để nuôi nấng dân sự Ngài (Xu 24:9-18) (Xu 25:23-29 37:10-16).

Khi thầy tế lễ từ sân ngoài đi vào nơi thánh, ông sẽ thấy bàn để "bánh trần thiết" ở bên phải, chân đèn bằng vàng ở bên trái, và trước mặt ông là bàn thờ dâng hương bằng vàng được đặt trước bức màn xinh xắn phân cách nơi Thánh với nơi Chí thánh.

Chiếc bàn dài ba bộ (foot), rộng một bộ rưỡi và cao 27 inch. Giống như chiếc hòm, nó được làm bằng gỗ keo dát vàng, điều này cũng nhắc nhở chúng ta về nhân tính và thần tính của Cứu Chúa chúng ta. Chúa Giê-xu là Bánh Sự Sống, là Đấng đã mặc lấy thân xác loài người để có thể đến đất này và chết thay cho tội lỗi của chúng ta (Gi 6:26).

Mười hai ổ bánh được làm vào mỗi tuần, theo công thức đã được cho trong (Le 24:5-9). Bản văn không giải thích những ổ bánh này lớn cỡ nào, nhưng từ lượng bột cần có thì có lẽ chúng phải rất lớn [93] .Dường như bột mì là do dân sự cung cấp như một món quà cho Chúa. Mỗi kỳ Sa-bát, các thầy tế lễ lấy đi những ổ bánh cũ và ăn chúng trong nơi Thánh, và thay vào đó là những ổ bánh mới.

Khi bánh được đặt trên bàn, nó luôn được đặt cùng với nhũ hương, và nhũ hương có lẽ sẽ được đốt lên trong một đồ dùng đặc biệt (Xu 25:29). Việc dùng nhũ hương gợi ý rằng bánh thật sự là một "của lễ chay" cho Chúa (Le 2:1-11) để tạ ơn Ngài vì "đồ ăn mỗi ngày". Nếu bột là một món quà của dân sự thì đó là của lễ tạ ơn dâng lên cho Đức Chúa Trời vì sự chu cấp của Ngài đối với những nhu cầu của họ.

Những ổ bánh được gọi là "bánh trần thiết" (Xu 25:30), hoặc "bánh về sự hiện diện", theo nghĩa đen là "bánh bề mặt". Sự có mặt của 12 ổ bánh trong nơi thánh không khỏi nhắc nhở các thầy tế lễ rằng họ đang phục vụ cho 12 chi phái Y-sơ-ra-ên, tuyển dân của Đức Chúa Trời. Qua những ổ bánh này, 12 chi phái được trình lên trước mặt Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời ở với họ trong trại quân, nhìn xem sự thờ phượng và cách ăn ở hằng ngày của họ. Các chi phái này cũng được thể hiện qua những viên bích ngọc gắn trên bảng đeo ngực và vai của thầy tế lễ cả (28:6-21). Khi

bạn kết hợp hình ảnh những viên bích ngọc và những ổ bánh bạn sẽ thấy rằng Chúa nuôi nấng dân sự Ngài, mang họ trên vai Ngài, và đặt để họ nơi lòng Ngài.

Nhưng các ổ bánh cũng nhắc nhở chúng ta rằng Y-sơ-ra-ên đã được kêu gọi để đem bánh thuộc linh mà Chúa đã ban cho họ đến với một thế giới đang đói khát. Họ đã đem đến cho thế giới Lời Đức Chúa Trời, là bánh (Mat 4:4), và Chúa Giê-xu là Bánh Sự Sống [94] Nhưng tiếc thay, họ đã xoay bỏ khỏi Chúa và ăn tại các bàn thờ của người ngoại đạo, và Đức Chúa Trời đã phải trừng phạt họ.

Phao-lô đã so sánh Hội Thánh với một ổ bánh không men (Cong 5:1-8 10:16-17), và nhiệm vụ của chúng ta là phải rao ra Lời Chúa và cho các tội nhân biết về Chúa Giê-xu Christ, là Bánh Sự Sống. Vì 12 ổ bánh được xem như của lễ chay nên trong bột bánh phải không có men (Le 2:1-11), và dân sự của Đức Chúa Trời phải giữ mình khỏi mọi sự bất khiết. Chúng ta không hiện diện trên thế gian này để nuôi dưỡng chính chúng ta, nhưng cho một thế giới đang đói khát.

Những ổ bánh mang ý nghĩa rất đặc biệt và không thể được ăn một cách khinh suất, ngay cả bởi các thầy tế lễ. Thầy tế lễ nào đã bị ô uế lại ăn bánh hoặc bất cứ của tế lễ nào thuộc về các thầy tế lễ đều có thể bị chết (Le 22:3-9).

7. Đức Chúa Trời hướng dẫn sự thờ phượng và hầu việc của chúng ta (Xu 24:9-18) (Xu 25:31-40 27:20-21 37:17-24 Le 22:3-9)

Chân đèn được làm bằng vàng đánh giát nặng khoảng 75 cân vàng, nhưng chúng ta không biết về kích thước của nó. Không nghi ngờ gì đây là một tác phẩm nghệ thuật rất đẹp có sáu nhánh được trang trí bởi những cái đài hình quả hạnh nhân cùng nụ và hoa. Sáu nhánh và thân đèn sẽ có các đèn được thắp dầu và được giữ cho cháy luôn luôn (Xu 27:20-21 Le 24:1-4).

Vì không có cách nào để đưa ánh sáng tự nhiên từ bên ngoài vào nên chân đèn vàng là nguồn ánh sáng duy nhất trong nơi Thánh. Không có nó, các thầy tế lễ không thể thực hiện được phần việc của mình. Đức Chúa Trời muốn chúng ta dành cho Ngài sự thờ phượng khôn ngoan, chớ không phải sự thờ phượng thiếu hiểu biết (Gi 4:19-24 Cong 17:22-31 Ro 1:18-25), và để làm điều đó, chúng ta cần ánh sáng của Lời Đức Chúa Trời hướng dẫn chúng ta (Thi 119:105 130:1-8 Ch 6:23).

A-rôn và các con trai của ông phải thắp đèn mỗi khi họ dâng hương trên bàn thờ bằng vàng (Xu 20:7-8). Chúng ta sẽ thấy rằng mùi thơm của hương xông tượng trưng cho lời cầu nguyện dâng lên Đức Chúa Trời, và Lời Chúa phải đi cùng với sự cầu nguyện (Cong 6:4). Sự cầu nguyện được soi sáng bởi Lời Chúa (Gi 15:7), và Lời Chúa được mở ra cho chúng ta khi chúng ta cầu nguyện (Thi 119:18 Eph 1:15-23). Việc nghiên cứu Lời Chúa và cả sự thực hành cầu nguyện phải được thêm sức bởi Đức Thánh Linh, Đấng được tượng trưng bởi dầu (chơn đèn, Xa 4:1-7) và lửa (bàn thờ, Cong 2:3-4).

Nhưng chân đèn cũng làm chúng ta nhớ đến dân Y-sơ-ra-ên, được Đức Chúa Trời chọn để làm "sự sáng cho dân ngoại" (Es 42:6 49:6). Tuy nhiên, chân đèn không được đặt ở sân ngoài đền tạm nơi mà mọi người có thể thấy nó, nhưng trong nơi Thánh mà chỉ Đức Chúa Trời và các thầy tế lễ mới có thể nhìn thấy. Vậy làm thế nào nó lại tượng trưng cho lời chứng của Y-sơ-ra-ên trước dân ngoại ? *Mối tương giao của Y-sơ-ra-ên với Đức Chúa Trời qua của lễ và sự thờ phượng sẽ quyết định cho sức mạnh và mức độ làm chứng của họ.* Chính khi họ xoay bỏ việc thờ phượng Đức Chúa

Trời chân thật và hằng sống, bắt đầu thờ lạy hình tượng thì họ đã không thể làm chứng trước các dân ngoại.

Chúa Giê-xu Christ cũng đã đến để làm "sự sáng cho dân ngoại" (Lu 1:79 Gi 8:12), và sự sáng đó đã lan tỏa ra qua lời chứng của Hội Thánh (Cong 13:47-48 Phi 2:14-16 Mat 5:14-16). Trong (Kh 1:9-20), Chúa chúng ta đứng giữa 7 chơn đèn tượng trưng cho 7 Hội Thánh của A-si Miệc-nơ (vùng Tiểu Á) trong thời của Giăng. Trong đền tạm, có một chơn đèn được đánh giát bởi một ta lâng vàng, tượng trưng cho một dân tộc Y-sơ-ra-ên và sự làm chứng của họ. Dù Hội Thánh là một dân nhưng nó đã chiếu ra sự sáng qua nhiều buổi nhóm họp đặc biệt tại nhiều nơi trên thế giới.

Ánh sáng ở 7 ngọn đèn trên chân đèn được châm bởi dầu đã được chuẩn bị riêng cho mục đích đó (Xu 27:20-21). Dân sự đã đem đến bột mịn để làm những ổ bánh và họ cũng đã đem đến dầu tinh khiết để dùng cho việc thắp đèn trên chơn đèn (Xu 25:27-28 35:10,14). Trong (Xa 4:1-4) cho chúng ta biết rằng dầu này tượng trưng cho Thánh Linh Đức Chúa Trời, nếu không bởi quyền năng của Ngài, chúng ta không thể làm vinh hiển Đấng Christ (Gi 16:14), hoặc làm chứng về Ngài một cách hiệu quả (Cong 1:8). Chúa Giê-xu đã phán: "ngoài ta, các ngươi không thể làm chi được" (Gi 15:51 NKJV).

Những gì được các thầy tế lễ làm trong nơi Thánh là được thực hiện cho Chúa (Xu 28:1,3,4,41 29:1) và trước mặt Chúa (27:21 40:25 Le 24:4). Việc dân sự ở trong trại quân không được biết về những việc làm của các thầy tế lễ không quan trọng vì Đức Chúa Trời đã nhìn thấy tất cả, và nhiệm vụ của họ là làm đẹp lòng Ngài. *Phần quan trọng nhất trong đời sống của một Cơ Đốc nhân chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể nhìn thấy.* Nếu Đức Chúa Trời đẹp lòng bởi điều Ngài nhìn thấy, và lương tâm chúng ta thanh sạch trước mặt Ngài, vậy chúng ta không cần phải lo lắng về những điều người khác nghĩ hay nói về chúng ta (ICo 4:1-5). Ngài sẽ chấp nhận chức vụ của chúng ta và chúc phước cho chức vụ ấy.

Xu 25:1-40; xem giải nghĩa Xu 24:9-18

11. NƠI ĐỨC CHÚA TRỜI NGỰ VÀO - Phần II

(Xu 26:1-37 27:1-19 30:1-10,17-21 37:25-29 38:1-20)]

Chúng ta có 3 vật dụng nữa trong đền tạm để nghiên cứu: bàn thờ xông hương, chậu rửa và bàn thờ bằng đồng. Sau đó chúng ta cần nhìn qua cấu trúc của đền tạm, khung, những tấm che và những bức màn trong đền. Khi nghiên cứu, chúng ta sẽ tiếp tục nhấn mạnh về Đức Chúa Trời của đền tạm và việc Ngài làm cho dân sự của Ngài.

1. Đức Chúa Trời nghe lời cầu nguyện của dân sự Ngài (Xu 26 :1-37) (Xu 30:1-20,34-38 37:25-29)

Bàn thờ xông hương được làm bằng gỗ si-tim bọc vàng ròng, có diện tích một bộ rưỡi, cao 3 bộ. Đó là vật dụng cao nhất trong nơi Thánh. Nó có một đường viền ("vương miện") trang trí bằng vàng xung quanh bề mặt và "những chiếc sừng" bằng vàng tại mỗi góc. Bàn thờ được đặt trước bức màn phân cách nơi chí thánh với nơi thánh, và thầy tế lễ xông hương trên đó mỗi buổi sáng và chiều tối khi ông thắp đèn.

Trong Kinh Thánh, xông hương thường là hình ảnh về sự cầu nguyện. Đa-vít đã cầu nguyện: "Nguyện lời cầu nguyện tôi thấu đến trước mặt Chúa như hương" (Thi 141:2), và Giăng đã nhìn thấy các trưởng lão trên trời với "những bình vàng đầy

hương, đó là những lời cầu nguyện của các thánh" (Kh 5:8 8:3-4) [95] Mỗi khi thầy tế lễ xông hương thì đó là lúc dân sự được triệu tập lại để dành thời gian cầu nguyện (Lu 1:8-10).

Lửa để xông hương được lấy từ bàn thờ bằng đồng là nơi các của lễ được dâng lên cho Đức Chúa Trời (Le 16:12-13 Dan 16:46). Điều này gợi ý rằng lời cầu nguyện chân thành phải căn cứ vào công tác của Đấng Christ trên thập tự giá và sự dâng hiến trọn vẹn của chúng ta cho Đức Chúa Trời. Sự nhiệt thành chân thật trong lời cầu nguyện không phải là một cảm xúc tôn giáo do chúng ta tự tạo nên; mà đúng hơn, đây là một phước hạnh Đức Chúa Trời ban cho chúng ta khi chúng ta dâng mình cho Ngài. John Bunyan, tác giả của quyển "Hành Trình Của Người Hành Hương" (*The Pilgrim's Progress*) đã phát biểu: "Trong sự cầu nguyện, việc có một tấm lòng không nói thành lời vẫtốt hơn những lời nói không có tấm lòng." Sự cầu nguyện qua loa không phải là một sự cầu nguyện hữu hiệu (Gia 5:16).

Để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và thoát khỏi hiểm họa của sự chết, thầy tế lễ phải sử dụng không chỉ đúng loại lửa trên bàn thờ mà hỗn hợp các hương liệu của hương xông cũng phải như đã được chỉ định (Xu 30:34-38). Na-đáp và A-bi-hu đã tìm cách thờ phượng Đức Chúa Trời bằng "lửa lạ" và đã bị giết chết (Le 10:1-20). Bất cứ người Y-sơ-ra-ên nào tìm cách bắt chước loại hương đặc biệt này để dùng riêng cho mình thì sẽ bị trừ bỏ, nghĩa là bị giết chết.

Sự cầu nguyện không chỉ đơn giản là một mớ lời lẽ lộn xộn của chúng ta với hy vọng Đức Chúa Trời sẽ nghe và đáp lời cho chúng ta. Kinh Thánh kể ra một số "thành phần" của sự cầu nguyện – sự tôn kính, sự xưng nhận, sự tạ ơn, sự nài xin, sự đầu phục (ITi 2:1 Phi 4:6), và thậm chí còn đưa ra cho chúng ta một bài cầu nguyện mẫu để làm theo (Mat 6:5-15) [96] Bạn nên biết rõ rằng thầy tế lễ không thể vội vã bước vào đền tạm, nhanh chóng đốt hương, và sau đó lại vội vã bước ra ngoài. Không, ông cần phải dọn mình và cung kính đến gần bàn thờ, ý thức được rằng ông đang ở trong sự hiện diện của một Đức Chúa Trời thánh khiết.

Vì công tác mà Đấng Christ đã thực hiện trên thập tự giá nên các tín hữu ngày nay có thể bước qua bức màn để bước vào trong sự hiện diện của chính Đức Chúa Trời, và ở nơi đó, bày tỏ sự thờ phượng và nài xin trong danh Chúa Giê-xu (He 10:19-25). Chúa Giê-xu Christ, Thầy Tế Lễ - Nhà Vua Hằng Sống và vẫn đang trị vì của chúng ta đang ngày đêm cầu thay cho chúng ta ở trên trời (Ro 8:33-34 He 4:14-16 7:19-28), và Thánh Linh cũng đang cầu thay trong lòng của chúng ta (Ro 8:26-27). Sẽ rất ích lợi khi chúng ta khởi đầu và kết thúc ngày bằng sự cầu nguyện đặc biệt, như các thầy tế lễ đã làm, và cũng sẽ rất ích lợi để "cầu nguyện không thôi" (ITe 5:17) và ở trong sự giao thông với Chúa suốt cả ngày.

Các thầy tế lễ đã được cảnh báo không được sử dụng bàn thờ bằng vàng cho bất cứ việc nào khác ngoài việc xông hương (Xu 30:9), vì không sự gì có thể thay thế được cho sự cầu nguyện. Không một lượng tế lễ nào có thể thay thế được cho lời cầu nguyện chân thành. Bàn thờ bằng vàng không phải là nơi để thực hiện những sự mặc cả với Đức Chúa Trời hay tìm cách làm thay đổi ý muốn của Ngài (Gia 4:1-4 IGi 5:14-15). Đó là một nơi để tôn thờ Ngài và cầu nguyện để "ý Ngài sẽ được nên".

Cũng cần phải lưu ý rằng hương đặc biệt phải được "ướp muối" (Xu 30:5 NIV), vì muối là một biểu tượng của sự tinh khiết và của mối liên hệ giao ước (Le 2:13). "Nếu lòng tôi có chú về tội ác, ắt Chúa chẳng nghe tôi" (Thi 66:18 NKJV). Chúng ta được

truyền lệnh phải giơ "tay thánh" lên khi cầu nguyện, và phải cất bỏ "sự giận dữ và cãi cọ" ra khỏi lòng mình (ITi 2:8 NIV). Nếu Đức Chúa Trời giết đi mọi tín hữu ngày nay là những người không cầu nguyện như Ngài đã hạ lệnh thì bao nhiêu người trong số chúng ta sẽ sống sót qua một buổi cầu nguyện? [97]

Một lần trong năm, vào ngày lễ chuộc tội, thầy tế lễ phải bôi huyết vào bàn thờ xông hương để làm sạch bàn thờ theo nghi thức trước mặt Đức Chúa Trời (Xu 30:10). Ngay cả trong khi cầu nguyện chúng ta vẫn có thể phạm tội.

2. Đức Chúa Trời nhận của lễ của dân sự Ngài (Xu 26 :1-37) (Xu 27:1-8 38:1-7)

Khi một người thờ phượng đến đền tạm để dâng của lễ, vật đầu tiên người ấy gặp là một hàng rào bằng vải gai trắng, dài 150 bộ và rộng 75 bộ, bao quanh đền tạm và tạo thành một khu vực nơi các thầy tế lễ thi hành chức vụ. Đền tạm nằm ở đầu phía tây của khu vực này, và ở phía đông là một lối vào dài 30 bộ dẫn đến khu vực được rào lại. Tại đây các thầy tế lễ gặp những người đến dâng của lễ và khám xét từng con vật thật kỹ càng để biết chắc là nó được chấp nhận. Người đến thờ phượng sẽ đặt tay trên đầu con vật để nó sẽ được nhậm thế cho người ấy (Le 1:1-9), sau đó thầy tế lễ sẽ giết con vật và dâng nó lên trên bàn thờ bằng đồng theo những luật lệ đã được qui định trong (Le 1:1-7:28) [98]

Chỉ có một lối để vào khu vực sân Đền Tạm và do đó chỉ có một cách để đến bàn thờ của Đức Chúa Trời. Khi Đức Chúa Trời dựng lên một hàng rào và chỉ định con đường để đi vào thì không ai có quyền được thắc mắc hay thay đổi nó. Chúa Giê-xu đã tuyên bố Ngài là cái cửa duy nhất (Gi 10:9) và là con đường duy nhất để đến với Đức Chúa Trời (14:6), điều này giải thích lý do Phi-e-rơ đã nói rằng: "Chẳng có sự cứu rỗi trong Đấng nào khác; vì ở dưới trời, chẳng có danh nào khác ban cho loài người, để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu" (Cong 4:12). Trong xã hội đa nguyên ngày nay, nhiều người thích nghĩ rằng mọi con đường đều được chấp nhận trước mặt Đức Chúa Trời nhưng thái độ đó sẽ dẫn đến sự chết (Ch 14:12 16:25 Mat 7:13-27).

Bàn thờ bằng đồng là một "cái hộp" rỗng, rộng 7 bộ rưỡi và cao 4 bộ rưỡi, làm bằng gỗ si-tim được bao phủ bằng đồng thiếc. Trong Kinh Thánh, đồng thường được xem như là sự đoán xét (Dan 21:4-9 Phu 28:23 Kh 1:15). Từ mặt bàn thờ cao lên 2 bộ rưỡi, bên trong "cái hộp" là một lưới bằng đồng mà trên đó các thầy tế lễ sẽ giữ cho lửa luôn cháy (Le 6:8-13), tro củi và tro của lễ thiêu cũng sẽ rớt xuống qua lưới này. Vì là một phần của những của lễ được dâng lên cho Đức Chúa Trời, tro này được xem là tinh sạch về mặt nghi lễ và được thu dọn ở hướng đông của bàn thờ. Thông thường các thầy tế lễ sẽ mang tro này ra ngoài trại quân đến một nơi sạch sẽ (1:16 4:12 6:10-11).

Không giống như bàn thờ xông hương bằng vàng trong nơi Thánh, bàn thờ bằng đồng là một nơi của sự đổ huyết và sự chết, vì "không đổ huyết thì không có sự tha thứ" (He 9:22). Nếu một tội nhân tìm cách vào được bên trong đền tạm và rửa trong chậu rửa thì việc đó cũng sẽ không cứu được người ấy, anh ta cũng sẽ không được tha thứ nếu đi vào nơi Thánh và ăn bánh hoặc xông hương. *Con đường để vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời khởi đầu tại bàn thờ bằng đồng nơi những con sinh tế vô tội chết thay cho tội nhân*. Nói tóm lại, bàn thờ bằng đồng sẽ đưa chúng ta đến thẳng đồi Gô-gô-tha nơi Con Đức Chúa Trời chết thay cho tội lỗi của thế gian (Mat 26:26-28 Gi 1:29 3:14-16 Ro 5:8 IPhi 2:24).

Mỗi buổi sáng, các thầy tế lễ phải dâng một của lễ thiêu trên bàn thờ bằng đồng (Xu 29:42-43), đây là hình bóng về sự dâng hiến trọn vẹn cho Chúa (Le 1:1-17). Sẽ là một việc làm ích lợi cho mỗi con cái Đức Chúa Trời bắt đầu một ngày bằng cách dâng chính mình lên cho Đức Chúa Trời như những "của lễ sống" (Ro 12:1-2).

Những người dạy đạo và giảng Phúc Âm đôi khi mời người khác vào giáo đoàn của họ để "đến trước bàn thờ", nhưng không có bàn thờ trên đất nào được Đức Chúa Trời chỉ định hay được Ngài chấp nhận. Tại sao ? Vì sự chết của Chúa Giê-xu Christ đã giải quyết vấn đề tội lỗi một lần đủ cả (He 9:25-28), không có của lễ nào khác có thể hay phải được dâng lên nữa. Bữa ăn tối của Chúa (Tiệc Thánh) là một sự nhắc nhở về sự hy sinh của Ngài chớ không phải là một sự lặp lại về sự hy sinh của Ngài.

"Bàn thờ" duy nhất mà tín hữu có được hôm nay chính là Chúa Giê-xu Christ, Đấng đã mang trên thân thể vinh hiển của Ngài những vết thương của thập tự giá (He 13:10 Lu 24:39 Gi 20:20). Với tư cách là một chức tế lễ thánh, các tín hữu phải "dâng của tế lễ thiêng liêng được Đức Chúa Trời chấp nhận nhờ Chúa Giê-xu Christ" (IPhi 2:5 NKJV). Chúng ta dâng lên cho Ngài thân thể (Ro 12:1-2), của cải vật chất (Phi 4:18), sự ngợi khen và những việc lành (He 13:15-16), cùng với tấm lòng tan vỡ của chúng ta (Thi 51:17).

3. Đức Chúa Trời muốn dân sự Ngài phải tinh sạch (Xu 26 :1-37) (Xu 30:17-21 38:8).

Trong sân đền tạm, chậu rửa được đặt giữa bàn thờ bằng đồng và chiếc lều, các thầy tế lễ và người Lê-vi phải dừng lại đó luôn luôn để rửa tay chân. Nếu họ vào trong lều hay hầu việc tại bàn thờ bằng đồng mà không tự tẩy rửa trước thì có thể bị giết chết.

Chúa không định rõ kích thước hay hình dạng của chậu rửa, những lời chỉ dẫn cũng không nói gì về cách nó được mang đi khi dân Y-sơ-ra-ên chuyển đến một nơi ở mới. Kích thước và hình dạng của chậu rửa không quan trọng nhưng chất được chứa đựng bên trong mới thật sự quan trọng. Chậu rửa chứa nước sạch, và nước này được những người Lê-vi làm đầy trong suốt cả ngày.

Trong Kinh Thánh, nước dùng để *uống* là một hình ảnh về Thánh Linh của Đức Chúa Trời (Gi 7:37-39), còn nước để *rửa* liên hệ đến Lời Đức Chúa Trời (Thi 119:9 Gi 15:3 Eph 5:25-27). Do vậy, chậu rửa tiêu biểu cho Lời Đức Chúa Trời làm thanh tẩy tâm trí và tấm lòng của những ai tiếp nhận và làm theo Lời ấy (Gi 17:17). Việc chậu rửa được làm từ những tấm gương bằng đồng của các phụ nữ Do Thái (Xu 38:8) càng cho thấy nó là hình ảnh của Lời Đức Chúa Trời, vì Lời Đức Chúa Trời được ví sánh như một chiếc gương soi (Gia 1:22-26 IICo 3:18).

Dưới cơ cấu tổ chức trong thời Cựu Ước, có 3 cách để đạt đến sự tinh sạch về mặt nghi lễ: bằng nước, bằng lửa, và bằng huyết. Chúng ta đã được thanh tẩy khỏi tội lỗi bởi huyết của Chúa Giê-xu Christ đổ ra vì chúng ta trên thập tự giá, và khi chúng ta xưng nhận tội lỗi mình thì huyết ấy sẽ tẩy sạch chúng ta (IGi 1:5-2:2). Nhưng khi chúng ta bất tuân Đức Chúa Trời, lòng và trí chúng ta bị ô uế bởi tội lỗi (Thi 51:1-19) và chính "sự tẩy rửa của Lời Chúa" (Eph 5:26) đã giúp chúng ta được phục hồi.

Nhưng các thầy tế lễ thời Cựu Ước đã trở nên ô uế, không phải bởi phạm tội với Đức Chúa Trời nhưng bởi *sự hầu việc* Đức Chúa Trời ! Bàn chân của họ trở nên dơ bẩn khi họ bước đi trong sân và trong đền tạm (trong đền tạm không có sàn lát) và

tay họ bị ô uế khi họ cầm những con sinh tế và rảy huyết. Do đó, tay và chân họ cần được tẩy rửa luôn luôn và việc này sẽ được thực hiện tại chậu rửa.

Khi Chúa chúng ta ở với các môn đồ Ngài trong Phòng cao, Ngài đã dạy cho họ bài học tương tự qua việc rửa chân cho họ (Gi 13:1-15) [99] Khi chúng ta tin Đấng Christ cứu chuộc mình, chúng ta "được sạch cả" (c.10 ICo 6:9-11) và không cần phải tắm rửa nữa, nhưng khi chúng ta tiếp tục bước đi trong cuộc sống, bàn chân chúng ta trở nên dơ bẩn và chúng ta cần phải được tẩy sạch. Nếu chúng ta không được thanh tẩy thì chúng ta không thể có được mối thông công với Chúa (Gi 13:8), và nếu chúng ta ở ngoài mối thông công với Chúa, chúng ta không thể hưởng được tình yêu của Ngài hay làm theo ý muốn của Ngài. Khi chúng ta xưng nhận tội lỗi mình, Ngài tẩy sạch chúng ta, và khi chúng ta suy gẫm về Lời Chúa, Thánh Linh Ngài sẽ đổi mới và phục hồi cho chúng ta.

Có hai lần Đa-vít đã cầu nguyện: "Xin hãy rửa sạch tôi" (Thi 51:2,7) và Đức Chúa Trời đã nhậm lời cầu nguyện ấy (IISa 12:13). Nhưng Ê-sai đã bảo những tội nhân trong thời của ông: "Các ngươi hãy rửa và làm cho mình sạch" (Es 1:16 NIV), điều này gợi ý rằng chúng ta cần thanh tẩy chính đời sống mình và cất bỏ những điều đã làm ô uế chúng ta. Phao-lô đã nghĩ đến điều này khi ông viết rằng: "Chúng ta hãy làm cho mình sạch khỏi mọi sự dơ bẩn phần xác thịt và phần thần linh, làm trọn việc nên thánh trong sự kính sợ Đức Chúa Trời" (IICo 7:1).

Đối với các thầy tế lễ, việc rửa trong chậu không phải là một sự xa xỉ, đó là một sự cần thiết. Giữ cho chính họ được tinh sạch là một vấn đề có liên quan đến sự sống và cái chết !

4. Đức Chúa Trời muốn dân sự Ngài cảm kích và vui hưởng những phước hạnh của Ngài (Xu 26 :1-37) (Xu 27:9-19 36:8-38 38:9-20).

Tác giả Thi Thiên đã viết: "Sự tôn vinh và sự oai nghi ở trước mặt Ngài, sự năng lực và sự hoa mỹ ở nơi thánh Ngài" (Thi 96:6). Năng lực trong nơi thánh của Ngài được bày tỏ qua chính *công trình kiến trúc* của nó và sự hoa mỹ được bày qua *sự trang trí* của nó.

Năng lực. Đền tạm đúng nghĩa là một cấu trúc vững chắc và được treo lên đó những bức màn xinh đẹp. Hai mươi tấm ván gỗ si-tim cao 15 bộ và rộng 27 inch được bọc vàng, tạo nên những bức tường ở phía Bắc và phía Nam, và 8 tấm gỗ tương tự tạo nên bức tường ở phía Tây. Mỗi tấm ván được dựng trên chân đế bằng bạc được làm từ những đồng siếc-lơ bạc ("tiền chuộc") thu góp từ những người nam Do Thái ở trong độ tuổi phải gia nhập quân đội. Vì kiến trúc này nằm trên vùng đất gồ ghề nên phải cần đến những chân đế để được vững chắc và an toàn. Nơi Thánh của Đức Chúa Trời không nằm trên mặt cát hay di dời của thế gian này nhưng trên nền móng vững chắc của sự cứu chuộc. 48 tấm ván được làm cho vững thêm bằng 4 cây đòn dài (xà ngang) xuyên qua những khoen vàng trên mỗi tấm ván.

Ở đầu phía Đông của đền tạm sừng sững 5 cột trụ, trên đó có treo một tấm ván bằng vải gai được thêu một cách tinh xảo bằng các loại chỉ xanh, tím và đỏ điều. Đây là cửa đi vào trong Nơi Thánh. Một số nhà nghiên cứu tin rằng có một cây đòn đâm thẳng qua những tấm ván của tường thành ở phía Bắc và phía Nam, nối liền với những cây trụ và gia cố thêm sự bền chắc cho khung đền.

Sự hoa mỹ. Vàng, xanh, tím, đỏ và trắng là những màu sắc chính được sử dụng trên những tấm treo và tấm che của đền tạm [100] Hàng rào vải gai bao quanh khu vực thiêng liêng màu trắng, nhắc nhở chúng ta về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Cửa trại 30 bộ ở phía Đông đền tạm được thêu bằng chỉ xanh, tím và đỏ tương phản với nền trắng. Màu xanh là màu của bầu trời, nên nó nhắc chúng ta nhớ đến từng trời và Chúa của từng trời. Màu tím là màu hoàng gia chỉ về Vua, và màu đỏ điều khiến chúng ta nghĩ đến huyết và sự hy sinh của Chúa Cứu Thế.

Nơi Thánh và nơi Chí Thánh được che bởi 4 tấm phủ khác nhau (các tấm màn) được treo trên tường và thòng xuống đến đất. Nếu nhìn vào đền tạm sẽ thấy tấm che ngoài cũng bằng da làm từ da con lửng ("bò biển", NIV) để bảo vệ những tấm che khác cũng như bảo vệ cho đền tạm và những vật dụng trong đó. Dưới tấm che bảo vệ đó là một bức màn bằng da chiên đực nhuộm đỏ, kế đó là một bức màn được dệt từ lông dê, có thể là màu đen, và sau hết là một tấm màn xinh đẹp bằng vải gai mịn được thêu với hình chê-ru-bin màu xanh, tím và đỏ.

Giữa Nơi Thánh và nơi Chí Thánh, bức màn được treo trên những móc vàng, và được chống đỡ bởi 4 cây trụ. Trên bức màn có thêu hình chê-ru-bin màu trắng, đỏ, xanh và tím. (He 10:20) cho biết rằng bức màn này là hình ảnh tiêu biểu cho thân thể của Chúa Giê-xu Christ, vì khi thân thể Ngài được dâng lên trên thập tự giá thì bức màn trong đền thờ bị xé rách từ trên chí dưới (Mac 15:38). Một số nhà nghiên cứu nhìn thấy một sự tương đồng giữa 4 sách Phúc Âm và 4 cây trụ chống đỡ bức màn có 4 màu. Màu tím nói về địa vị nhà vua. Phúc Âm Ma-thi-ơ, Phúc Âm về Vua. Màu đỏ điều nhắc chúng ta về sự hy sinh, Phúc Âm Mác, Phúc Âm về Người Đầy tớ Chịu khổ. Màu trắng nói về Con Người trọn vẹn, Phúc Âm Lu-ca, và màu xanh chỉ về trời, Phúc Âm Giăng, Phúc Âm về Con Đức Chúa Trời đến từ trời để chết thay cho tội lỗi của chúng ta.

Sự cảm kích. Dù đền tạm có vẻ bình thường đối với người bên ngoài, nhưng mọi thứ bên trong Nơi Thánh đều đắt giá và xinh đẹp, và mọi thứ đều nói về Chúa Cứu Thế là Đấng mà dân Y-sơ-ra-ên sẽ rao ra cho thế giới.

Những tín hữu tin kính trong thời Cựu Ước đã nhận biết những của báu mà họ có được trong nhà của Đức Chúa Trời. Hãy lắng nghe lời chứng của Đa-vít:

"Tôi đã xin Đức Giê-hô-va một điều, và sẽ tìm kiếm điều ấy ! Ấy là tôi muốn trọn đời được ở trong nhà Đức Giê-hô-va, và cầu hỏi trong đền của Ngài" (Thi 27:4)

"Hỡi Đức Giê-hô-va, tôi yêu nơi ở của nhà Ngài

và nơi sự vinh hiển Ngài ngự vào" (26:8 NKJV)

"Chúng tôi sẽ được thoả mãn với sự tốt lành của nhà Chúa,

của đền thánh Ngài" (65:4 NKJV)

Và con cháu của Rô-rê đã viết:

"Hỡi Đức Giê-hô-va vạn quân, đền tạm Ngài đáng yêu thay!

Linh hồn tôi mong ước, vâng, thậm chí mòn mỏi về hành lang của Đức Giê-hô-va

Lòng và thịt tôi kêu la về Đức Chúa Trời hằng sống. Phước cho người nào ở trong nhà Chúa; họ sẽ vẫn ngợi khen Ngài" (Thi 84:1-2,4 NKJV).

Những điều các tín đồ thời Cựu Ước có được trong đền tạm, và sau đó là trong đền thờ, thì dân sự Đức Chúa Trời ngày nay có được trong Chúa Giê-xu Christ. Những vật dụng và lễ nghi chỉ về Đấng Christ và bày tỏ nhiều khía cạnh vinh hiển trong bản tính của Ngài cùng sự cứ rỗi Ngài đã ban cho tất cả những ai tin nhận Ngài. Mọi nhu cầu thuộc linh của dân Do Thái được đáp ứng qua những sự chu cấp về đền tạm, và trong Chúa Giê-xu Christ chúng ta có được mọi sự chúng ta cần cho "sự sống và sự tin kính" (IIPhi 1:3).

Để có được một đời sống Cơ Đốc mà phải bổ sung bất cứ điều gì về con người và công tác của Chúa Giê-xu Christ như đã được bày tỏ trong Kinh Thánh thì không phải là lối tiếp cận đúng. Mọi sự đầy dẫy đều ở trong Đấng Christ (Co 1:19) cũng như mọi sự đầy dẫy của Đức Chúa Trời đều ở trong Ngài (2:9). Trong Đấng Christ "giấu kín mọi của báu về sự khôn ngoan và tri thức" (c.3) và chúng ta phải "tìm các sự ở trên trời, là nơi Đấng Christ ngồi bên hữu Đức Chúa Trời" (3:1). Trong Đấng Christ, dân sự Đức Chúa Trời có mọi ơn phước thuộc linh (Eph 1:3) và Ngài là tất cả những gì họ cần đến.

Đối với những tín đồ yêu mến Đức Chúa Trời và muốn làm đẹp lòng Ngài, Nơi Thánh là nguồn thức ăn và thức uống cho linh hồn họ. "Người cao trọng lẫn người thấp hèn giữa vòng loài người tìm thấy nơi ẩn náu dưới bóng cánh của Chúa (Nơi Chí Thánh). Họ sống nhờ sự dư dật của nhà Chúa" (Thi 36:7-8).

Cũng vậy, tín đồ ngày nay sống nhờ cậy vào Chúa Giê-xu Christ và tìm thấy nơi Ngài mọi sự thỏa lòng.

Xu 27:1-19; xem giải nghĩa 26:1-37

12. CHỨC TẾ LỄ THÁNH (Xu 28:1-29:46 30:22-33 39:1-43)

Ước muốn của Đức Chúa Trời là dân tộc Y-sơ-ra-ên làm một "nước thầy tế lễ" (19:6) trên thế giới, bày tỏ vinh hiển Ngài và chia sẻ những phước hạnh của Ngài cho những dân tộc vô thần quanh họ. Nhưng để bày tỏ một Đức Chúa Trời thánh khiết, Y-sơ-ra-ên phải là một dân thánh, và đó là nơi chức tế lễ dòng A-rôn bước vào. Nhiệm vụ của các thầy tế lễ (gia đình A-rôn), và người Lê-vi (gia đình Kê-hát, Ghẹt-sôn, Mê-ra-ri, Dan 3:1-4:49) là hầu việc trong Đền Tạm và đại diện cho dân sự trước mặt Đức Chúa Trời. Các thầy tế lễ cũng phải đại diện Đức Chúa Trời trước dân sự bằng cách dạy họ Luật pháp và giúp họ vâng lời (Le 10:8-11 Phu 33:10 Ma 2:7).

Nhưng Y-sơ-ra-ên đã không sống như một nước thầy tế lễ. Ngược lại, sự lãnh đạo thuộc linh trong dân tộc dần dần sa sút cho đến khi các thầy tế lễ thật sự cho phép dân sự thờ phượng những hình tượng trong đền thờ của Đức Chúa Trời ! (Exe 8:1-18). Chúa đã phạt dân sự Ngài bằng cách để cho dân Ba-by-lôn hủy phá Giê-ru-sa-lem cùng đền thờ và đem lưu đày hàng ngàn dân Do Thái. Tại sao sự việc này đã xảy ra ? "Nhưng việc ấy đã xảy ra vì cớ tội lỗi của các tiên tri nó, và sự gian ác của các thầy tế lễ nó" (Ca 4:13 NIV).

Ngày nay, Đức Chúa Trời muốn Hội Thánh Ngài thi hành chức vụ giữa thế gian như một "chức tế lễ thánh" và một "chức tế lễ nhà vua" (IPhi 2:5,9) [101] Nếu dân sự Đức Chúa Trời trung tín trong chức vụ tế lễ của mình, họ sẽ "rao những sự ngợi khen về Đấng đã gọi (họ) ra khỏi nơi tối tăm vào nơi ánh sáng kỳ diệu của Ngài" (IPhi 3:9 NKJV) khi nghiên cứu về chức tế lễ thời Cựu Ước, bạn sẽ thấy được những sự

tương đồng đầy ý nghĩa giữa công việc của các thầy tế lễ Do Thái trong quá khứ và chức vụ về "chức tế lễ thánh" trong Hội Thánh ngày nay [102]

1. Các thầy tế lễ được chọn để hầu việc Đức Chúa Trời (Xu 28:1-43) (Xu 28 :1,3,41 29:1,44)

Lời của Chúa: "làm chức tế lễ trước mặt ta" được tìm thấy 5 lần trong hai chương này, và trong (30:30 40:13,15 Le 7:35). Chắc chắn các thầy tế lễ thi hành chức vụ trước dân sự, nhưng bổn phận trước tiên của họ là phải thi hành chức vụ trước mặt Chúa, và làm đẹp lòng Ngài. Nếu họ quên bổn phận của mình trước mặt Chúa, chẳng bao lâu họ sẽ bắt đầu đánh giá thấp những trách nhiệm của mình trước dân sự, và dân tộc sẽ bị sa sút về mặt thuộc linh (Ma 1:6-2:9).

Việc Đức Chúa Trời chọn A-rôn và các con trai người làm chức tế lễ là một hành động của ân điển tối cao, vì họ chắc chắn đã không giành được vị trí này hay xứng đáng được đứng trong vị trí này. Nhưng việc Đức Chúa Trời cứu những tội nhân như chúng ta, khiến chúng ta trở nên con cái Ngài và rèn luyện chúng ta trong một "chức tế lễ thánh" cũng là một hành động của ân điển Ngài, và chúng ta đừng bao giờ đánh mất sự kỳ diệu về đặc quyền thuộc linh này. "Các ngươi đã không chọn Ta, nhưng Ta đã chọn các ngươi" (Gi 15:16 NKJV)

Đáng tiếc rằng Na-đáp và A-bi-hu đã bất tuân Chúa và bị giết chết (Le 10:1-20). Khi A-rôn chết, Ê-lê-a-sa trở thành người kế nghiệp ông (Dan 20:22-29), và con cháu Y-tha-ma đã tiếp nối trong chức vụ tế lễ thậm chí sau thời kỳ giam cầm (Exo 8:1-2).

Dân sự Đức Chúa Trời ngày nay phải nhớ rằng bổn phận đầu tiên của chúng ta là làm đẹp lòng Chúa và hầu việc Ngài. Nếu chúng ta làm điều này thì Ngài sẽ làm việc trong chúng ta và qua chúng ta để thực hiện công việc của Ngài trong thế gian này. Khi Chúa Giê-xu phục hồi chức phận môn đồ của Phi-e-rơ, Ngài đã không hỏi: "Ngươi có yêu chức vụ không ?", hay thậm chí "Ngươi có yêu người khác không ?". Câu hỏi được lặp đi lặp lại của Ngài là "Ngươi yêu ta chăng ?" (Gi 21:17). Giống như bổn phận quan trọng nhất của một người cha là yêu người mẹ của con cái mình, thì bổn phận quan trọng nhất (và đặc quyền) của tôi tớ là yêu Chúa. Mọi chức vụ đều bắt nguồn từ mối liên hệ đó.

Một phần trong việc làm hài lòng Chúa là mặc áo tế lễ. Các thầy tế lễ cả, thầy tế lễ và người Lê-vi không thể ăn mặc theo ý họ khi họ hầu việc tại đền tạm; họ phải mặc quần áo Đức Chúa Trời đã ấn định cho họ. Đức Chúa Trời đã cung cấp những quần áo này vì ít nhất là 3 lý do sau đây: 1. Chúng đem đến cho những thầy tế lễ "phẩm giá và sự tôn trọng" (Xu 28:2 NIV), và biệt riêng họ, giống như một bộ đồng phục sẽ xác định một người lính hay một y tá; 2. Chúng bày tỏ những lẽ thật thuộc linh có liên quan đến chức vụ của họ và chức vụ của chúng ta ngày nay; và 3. Nếu các thầy tế lễ không mặc quần áo đặc biệt, họ có thể chết (c.35,43).

2. Các thầy tế lễ được chọn để phục vụ dân sự (Xu 28:6-30)

Khi hầu việc Đức Chúa Trời và dân sự, thầy tế lễ cả mặc 7 lớp áo xống: đồ lót (c.42-43), áo dài bên trong màu trắng ("áo choàng ngoài", c.39 39:27 Le 8:6-7) một áo dài màu xanh có những cái chuông và trái lựu trên đường viền (Xu 28:31-35 39:22-26); ê-phót, là một áo không tay có màu vàng, xanh, tím và đỏ, được kết lại bởi một cái móc nạm ngọc trên mỗi vai áo (28:6-8 39:1-5 Le 8:7); dây thắt lưng ở chỗ eo (Xu 28:8); bảng che ngực nạm ngọc, được gắn trên ê-phót bởi những sợi dây chuyền bằng

vàng gắn trên đai vai (c.9-30 39:8-21); và một cái mũ vải gai mọi màu trắng (“mũ tế lễ”, 28:39) với một cái thẻ vàngtrên đó ghi “Thánh cho Đức Giê-hô-va” (c.36, NIV).

Ê- phót và thắt lưng (Xu 28:6-14 39:2-7) “Ê-phót” là sự chuyển tự của một từ Hê-bơ-rơ chỉ về một cái áo đơn giản không tay bằng vải gai, dài đến mắt cá, thường liên hệ đến sự hầu việc trong tôn giáo (ISa 2:18 IISa 6:14). Ê-phót và thắt lưng của các thầy tế lễ cả được làm bằng vải gai mịn có thêu cực xảo với chỉ xanh, tím và đỏ, Ê-phót gồm hai phần, trước và sau, được giữ với nhau trên mỗi vai bằng một móc vàng nạm ngọc và được giữ ở eo bởi thắt lưng xinh đẹp.

Điều quan trọng nơi Ê-phót này không phải là tấm phủ hay màu sắc của nó mà là tên của 6 chi phái Y-sơ-ra-ên được khắc trên mỗi viên bích ngọc ở hai đai vai, theo thứ tự ngày sinh của họ. Mỗi khi thầy tế lễ cả mặc những chiếc áo dài đặc biệt, ông mang cả dân sự trên hai vai mình đến trước mặt Chúa. Hơn nữa, hai viên bích ngọc này nhắc nhở thầy tế lễ về hai lẽ thật quan trọng: 1. Các chi phái Y-sơ-ra-ên thật quí báu trước mặt Đức Chúa Trời; 2. Ông ở trong Đền Tạm không phải để phô trương những chiếc áo đẹp của mình hay để tôn cao địa vị đặc biệt của ông, nhưng để đại diện cho dân sự trước mặt Chúa và mang họ trên hai vai ông. Ông đã được kêu gọi không phải để hầu việc chính mình nhưng để hầu việc cho dân sự ông [103].

Nếu Hội Thánh muốn trung tín với chức tế lễ thánh thì các tín hữu phải hầu việc Đấng Christ qua việc phục vụ lẫn nhau và phục vụ cho một thế giới hư mất. Chúa Giê-xu đã phán: “Ta ở giữa các ngươi như kẻ hầu việc vậy” (Lu 22:27), và đó là tấm gương của Ngài cho chúng ta noi theo (Gi 13:12-17). Trong bầu không khí thuộc linh đầy uy quyền của đền tạm, thầy tế lễ sẽ rất dễ quên đi dân chúng đang đứng ở bên ngoài, mà nhiều người trong số họ có những gánh nặng và nan đề cần đến sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời. “Mỗi một người trong anh em chớ chăm về lợi riêng mình, nhưng phải chăm về lợi kẻ khác nữa” (Phi 2:4).

Bảng đeo ngực (Xu 28:15-30 39:8-21). Bảng đeo ngực là một tấm vải được thêu cực xảo, cạnh vuông 9 inch. Nó được treo lên cổ thầy tế lễ cả, được đỡ lấy bởi hai dây chuyền vàng gắn vào hai đai vai. Trên bảng đeo ngực là 12 viên ngọc thật đẹp được xếp theo 4 hàng, mỗi viên đại diện cho một chi phái Y-sơ-ra-ên. Những viên ngọc có thể được sắp xếp theo thứ tự các chi phái khi họ ra đi (28:21 Dan 10:1-26).

Vì vậy thầy tế lễ cả không chỉ mang dân sự trên hai vai mà ông còn mang họ nơi lòng ông. Nếu chúng ta không có tình yêu chân thật trong lòng mình, chúng ta sẽ không quan tâm đến nhu cầu của người khác, và chúng ta sẽ không muốn giúp đỡ họ. “Hỡi các con cái bé mọn, chớ yêu mến bằng lời nói và lưỡi, nhưng bằng việc làm và lẽ thật” (IGi 3:18). Là tôi tớ của Đức Chúa Trời, chúng ta phải có thể nói thành thật với những người chúng ta phục vụ rằng, “Tôi nghĩ đến hết thảy anh em” (Phi 1:7).

Sự khác nhau của những viên ngọc trên bảng đeo ngực gợi ý về sự đa dạng của những con người trong Hội Thánh và trên thế giới, họ đều quý báu trước mặt Đức Chúa Trời. Mỗi chi phái đều có quan điểm và tính cách đặc biệt của riêng họ, và không có hai chi phái nào lại giống nhau. Một số người nhanh chóng ra trận, trong khi một số người ở lại nhà (Cac 5:13-18). Một số người dễ làm việc với họ, trong khi một số khác là những người thích tranh cãi và hay làm ra vẻ quan trọng (Cac 8:1-25). Nhưng Chúa yêu tất cả họ và thầy tế lễ cả phải giúp đỡ cho tất cả mọi người.

Một mục sư còn trẻ đã nói với tôi rằng: “Làm mục sư một Hội Thánh sẽ là một kinh nghiệm kỳ diệu nếu nó không vì con người !” Tôi nhắc nhở anh ấy rằng giúp đỡ

con người và đáp ứng nhu cầu thuộc linh của họ là tất cả những gì chức vụ ấy nói đến, và điều này đòi hỏi nhiều tình yêu nhẫn nại về phía chúng ta. Chúng ta là một "chức tế lễ thánh" và "một chức tế lễ nhà vua", nhưng chúng ta phải luôn là một "chức tế lễ yêu thương".

Bên trong bảng đeo ngực kép có gắn "U-rim và Thu-min" ("ánh sáng và sự hoàn thiện") mà thầy tế lễ cả dùng để xác định ý muốn của Đức Chúa Trời cho dân tộc (Xu 28:30 Dan 27:21 ISa 30:7-8). Chúng ta không biết được thủ tục này là gì, nhưng đây là nhiệm vụ mà các thầy tế lễ phải thực hiện (Phu 33:8 Exo 2:63 Ne 7:65). Một số người nghĩ rằng có hai viên ngọc trong túi, một đen và một trắng, và viên ngọc mà thầy tế lễ rút ra cho biết ý muốn của Đức Chúa Trời. Hoặc có lẽ chúng là những viên ngọc chiếu sáng một cách đặc biệt để cho biết sự hướng dẫn của Chúa. Thật vô ích để suy đoán vì những chi tiết đã không được bày tỏ cho chúng ta.

Tín hữu ngày nay không có những vật dụng như U-rim và Thu-mim để xác định điều Đức Chúa Trời muốn chúng ta làm, nhưng chúng ta có Lời Đức Chúa Trời hướng dẫn những bước đi của chúng ta (Thi 119:105). Lời Đức Chúa Trời bày tỏ Đức Chúa Trời của Lời Ngài, bản tính của Ngài, những ước muốn của Ngài, và những mục đích của Ngài cho dân Ngài, và khi chúng ta càng biết Đức Chúa Trời rõ hơn thì chúng ta có thể khám phá được ý muốn của Ngài tốt hơn. Lời Đức Chúa Trời chứa đựng những mệnh lệnh để chúng ta vâng giữ, những lời cảnh cáo để chúng ta chú ý, những lời hứa để chúng ta cầu xin, và những nguyên tắc để chúng ta làm theo. Nếu chúng ta thành thật muốn vâng lời thì Đức Chúa Trời luôn sẵn sàng để hướng dẫn cho chúng ta (Gi 7:17 Thi 25:8-11).

Nhưng nếu có được một phương pháp để xác định ý muốn Đức Chúa Trời không thể nào sai lầm như U-rim và Thu-mim thì có thể chúng ta sẽ không cầu nguyện, không tra cứu Kinh Thánh nhiều, hoặc không hạ mình như chúng ta vẫn đang làm ngày nay khi tìm kiếm sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời. Chính việc tìm kiếm và làm theo ý muốn Đức Chúa Trời là cách giúp chúng ta tăng trưởng trong Chúa, và dự phần trong tiến trình tìm cầu ý Chúa cũng phước hạnh không kém việc biết được những kết quả.

3. Các thầy tế lễ phải hầu việc trong sự kính sợ Đức Chúa Trời (Xu 28:6-30) (Xu 28:31-43 39:22-31)

Môi-se liệt kê ra một số loại quần áo phụ:

Áo dài màu xanh (28:31-35 39:22-26), được mặc bên trong Ê-phót, có nét đặc biệt trong ít nhất là ba phương diện. Trước hết, nó không có đường nối, làm gợi nhớ về chiếc áo không đường nối của Chúa chúng ta, tượng trưng cho bản tính trọn vẹn và chính trực của Ngài (Gi 19:23). Cổ áo được dệt để không bị tưa rách. Trong suốt thời gian thi hành chức vụ của Chúa chúng ta trên đất, một số người đã tìm cách "xé rách" chiếc áo tính cách không đường nối của Ngài và tố cáo Ngài về những điều sai trật, nhưng họ chưa bao giờ thành công. Sau hết, quanh đường viền của chiếc áo này có treo những quả lựu làm bằng chỉ xanh, tím và đỏ, cùng những chiếc chuông vàng treo ở giữa. Những quả lựu tượng trưng cho sự kết quả, và những chiếc chuông vàng cho biết rằng thầy tế lễ cả đang thi hành chức vụ trong Nơi Thánh[104] Những chiếc chuông và những quả lựu nhắc nhở chúng ta rằng sự bước đi trong chức tế lễ của chúng ta phải kết quả và trung tín, phải luôn chứng tỏ rằng chúng ta đang hầu việc Chúa với sự chính trực.

Cái mũ (Xu 28:36-38 39:27-31) chỉ được đội bởi thầy tế lễ cả, còn những thầy tế lễ khác đội mũ tròn bằng vải gai. Phía trước mũ là thẻ vàng có ghi "Thánh cho Đức Giê-hô-va". Toàn bộ mục đích của hệ thống Lê-vi là khiến cho những người nam và người nữ nên thánh và bởi đó sẽ làm đẹp lòng Chúa.

Một số người rất ngạc nhiên khi biết rằng Chúa Giê-xu chịu chết không phải để chúng ta vui mừng, nhưng Ngài đã chịu chết để khiến cho tội nhân nên thánh. "Hãy nên thánh, vì ta là thánh" là một mệnh lệnh thường xuyên đối với dân Do Thái (Le 11:44-45 19:2 20:7,26 21:8) và nó đã được nhắc lại trong (IPhi 1:15-16) cho các tín hữu ngày nay. *Bước đầu tiên để đi đến hạnh phúc là sự thánh khiết.* Nếu chúng ta ngay thẳng với Đức Chúa Trời thì chúng ta mới có thể bắt đầu ngay thẳng với những người khác và với những hoàn cảnh của đời sống vẫn khiến chúng ta phải lo nghĩ. Nếu bạn theo đuổi hạnh phúc thì bạn sẽ mất nó, nhưng nếu bạn hướng đến sự thánh khiết thì bạn cũng sẽ tìm thấy hạnh phúc trong Chúa.

Khi đội chiếc mũ thánh này và "vương miện" bằng vàng của nó, thầy tế lễ cả đang gánh lấy tội lỗi của dân sự khi họ đem dâng những của lễ lên cho Chúa (Xu 28:38). Cũng như Cơ Đốc nhân đem của lễ thánh của họ đến cho Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-xu Christ, và điều này khiến những của lễ được chấp nhận (IPhi 2:5), thì những của lễ của dân sự cũng được Đức Chúa Trời chấp nhận bởi sự cầu thay của thầy tế lễ cả. Tuy nhiên, Chúa chúng ta và Đấng Cầu Thay của chúng ta trên trời không cần đến bất cứ loại quần áo đặc biệt nào hay "những vương miện thánh" nào để chức vụ Ngài được chấp nhận, vì Ngài là Con Thánh của Đức Chúa Trời, và trong Ngài không có tội lỗi.

Hai lần trong phân đoạn này, các thầy tế lễ được cảnh cáo rằng họ có thể chết nếu họ không vâng phục hoàn toàn theo những lời chỉ dẫn của Chúa và mặc vào những quần áo thích hợp (Xu 28:35,43). Nói cách khác, tôi tớ Đức Chúa Trời phải bước đi trong sự kính sợ Chúa, cẩn thận vâng lời Ngài và quy vinh hiển cho Ngài.

Không ai làm việc hết lòng cho Chúa lại phủ nhận rằng "có niềm vui trong sự hầu việc Chúa Giê-xu", nhưng đồng thời, chúng ta cũng phải trau giồi "lòng kính sợ" của chúng ta (He 12:28). Nếu Chúa giết mọi tín hữu ngày nay là những người không nghiêm túc khi bước vào sự hầu việc của mình thì sẽ có bao nhiêu người còn sót lại ? Kính sợ Đức Chúa Trời không có nghĩa là khúm núm trước một đốc công nghiêm khắc mà là cung kính và khiêm nhường trước một người Cha yêu thương và một Chúa nhân từ. "Khá hầu việc Đức Giê-hô-va cách kính sợ, và mừng rỡ cách run rẩy" (Thi 2:11). "Con trai tôn kính cha mình, đầy tớ tôn kính chủ mình, Vậy nếu ta là cha, nào sự tôn kính thuộc về ta ở đâu ? Và nếu ta là chủ, nào sự kính sợ ta ở đâu ?" (Ma 1:6).

Chúng ta đã thấy rằng các thầy tế lễ sẽ chết nếu họ không rửa tay chân tại chậu rửa (Xu 30:20-21), hoặc nếu họ dùng một hương nào khác với hương đã được Đức Chúa Trời chỉ định (Le 16:13). Nếu các thầy tế lễ không vâng theo những luật lệ về sự tinh sạch và không tinh sạch, họ cũng ở trong hiểm họa của sự chết (22:1-9). Các thầy tế lễ dạy cho dân sự Luật pháp vẫn chưa đủ mà họ phải cẩn thận vâng theo những sự đó vì trách nhiệm của họ nặng nề hơn. Nhưng thái độ cơ bản quyết định cho sự vâng lời của chúng ta là sự kính sợ Chúa được Thánh Linh thần cảm.

Tôi đã tham dự một số lễ "thờ phượng" Cơ Đốc và những buổi nhóm truyền giảng mà sự chú trọng chủ yếu ở những nơi này là "có một thời giờ ích lợi" chớ không phải là làm vinh hiển Đức Chúa Trời. Âm nhạc chỉ mang tính giải trí chớ không có sức cảm

hóa, còn sự rao giảng lại hời hợt và thiếu nghiêm trang. Những người phát ngôn quan tâm nhiều đến việc làm cho đám đông cười hơn là giúp họ nhìn thấy Chúa Giê-xu và ăn năn tội lỗi. Đức Chúa Trời không giết bất cứ ai ở những buổi nhóm này, nhưng chúng ta đã không nhận được sự sống và quyền năng Thánh Linh qua những gì đã diễn ra. Vì những người tham dự đã không được hướng đến việc tôn vinh Đức Chúa Trời nên buổi nhóm đã tự làm hỏng nó.

4. Các thầy tế lễ phải được phong chức trước mặt Đức Chúa Trời (Xu 28:6-30) (Xu 29:1-37 30:22-33)

Đức Chúa Trời phán bảo rằng thầy tế lễ cả và các con trai của ông phải tham dự trong một buổi lễ phong chức công khai, là buổi lễ sẽ biệt riêng họ ra để làm tôi tớ của Đức Chúa Trời. Có ít nhất 7 giai đoạn trong lễ này:

Các thầy tế lễ được tắm rửa (29:4 Le 8:6). Môi-se tập trung những vật liệu cần dùng cho lễ phong chức và đem A-rôn với các con trai ông đến cửa Đền Tạm. Việc dựng Đền Tạm cho đến (Xu 40:1-38) mới được mô tả, nhưng dường như việc dâng hiến Đền Tạm và lễ phong chức các thầy tế lễ đã xảy ra trong cùng một ngày (c.12-15).

Tội lỗi được minh họa bởi nhiều hình ảnh trong Kinh Thánh, chẳng hạn như bệnh tật (Es 1:4-6), sự tối tăm (IGi 2:1,5 Gi 5:24), nhưng thông thường nhất là sự dơ bẩn và sự ô uế (Es 1:16,18 Gie 4:14 IICo 7:1 He 9:14 Gia 1:21 4:8). Việc A-rôn và các con trai ông được tắm rửa kỹ lưỡng tượng trưng cho sự thanh tẩy hoàn toàn từ Chúa. Họ không cần phải tắm như thế vào những lần khác, tất cả những gì họ cần phải làm là rửa tay chân tại chậu rửa. Chúa Giê-xu phán rằng:"một người đã tắm rồi chỉ cần rửa chân thì cả thân thể đều được sạch" (Gi 13:10 NIV), những ai tin Đấng Christ đều kinh nghiệm được sự thanh tẩy bên trong từ Chúa (ICo 6:9-11).

Các thầy tế lễ được mặc vào quần áo (Xu 29:5-6,8-9,29-30 Le 8:7-9,13). Môi-se mặc cho người anh của ông bộ quần áo chúng ta đang nghiên cứu, và ông cũng mặc cho các con trai A-rôn áo và mũ vải gai. Đây là những bộ "đồng phục" chính thức của thầy tế lễ và họ sẽ không dám thi hành chức vụ trong Đền Tạm mà lại mặc những quần áo khác.

Trong Kinh Thánh, việc mặc quần áo là hình ảnh minh họa cho tính cách và đời sống của người tín hữu. Chúng ta phải bỏ đi những quần áo dơ bẩn của đời sống cũ và mặc lấy "quần áo ân điển" đẹp đẽ do Chúa ban cho (Eph 4:17-32 Co 3:1-15). Đấng Christ đã cất đi chiếc áo nhớp của chúng ta và ban cho chúng ta chiếc áo của sự công bình mà Ngài đã mua cho chúng ta trên thập tự giá (Es 61:10 IICo 5:17,21).

Các thầy tế lễ được xức dầu (Xu 29:7,21 Le 8:10-12,30). Loại dầu đặc biệt này (Xu 30:2-33) chỉ được sử dụng để xức cho các thầy tế lễ, cho Đền Tạm cùng những vật dụng của nó. Trong Kinh Thánh Cựu Ước, các tiên tri, các thầy tế lễ và các vua đều được xức dầu. Điều này tượng trưng cho việc Đức Chúa Trời đã ban Đức Thánh Linh cho họ để họ có được năng lực và sự hầu việc (Lu 4:17-19 Es 61:1-3). Môi-se đã đổ dầu trên đầu A-rôn, anh của ông, và vì thế dầu cũng sẽ chảy xuống râu của A-rôn và chảy trên tất cả những viên ngọc trên bảng đeo ngực. Quả là một hình ảnh thật đẹp về sự hiệp nhất trong Chúa ! (Thi 139:2). "Ôi chớ chi cả dân sự của Đức Giê-hô-va đều là tiên tri và chớ chi Đức Giê-hô-va ban Thần của Ngài cho họ !" (Dan 11:29).

Những ai tin nhận Chúa Giê-xu Christ làm Chúa Cứu Thế và Chúa đều được sự xức dầu của Thánh Linh Đức Chúa Trời (IGi 2:20,27 IICo 1:21-22), sự nhấn mạnh của Giăng là về chức vụ dạy dỗ của Thánh Linh trong việc hướng dẫn các tín đồ trong lẽ thật của Lời Đức Chúa Trời. Sự nhấn mạnh của Phao-lô là về sự yên ủi và sự vững vàng trong Chúa: chúng ta đã được xức dầu và được ấn chứng bởi Thánh Linh, và Thánh Linh là "bảo đảm" của sự vinh hiển hầu đến. Nếu Đức Chúa Trời đã xức dầu cho chúng ta, ấn chứng cho chúng ta, và giúp chúng ta có thể hình dung trước về Thiên Đàng, vậy tại sao chúng ta cứ phải thất vọng hay cảm thấy rằng Ngài sẽ lìa bỏ chúng ta ?

Các thầy tế lễ được tha thứ (Xu 29:10-14). Một con bò đực bị giết làm của lễ chuộc tội (Le 4:1-25 8:14-17) để chuộc tội lỗi của các thầy tế lễ. Của lễ này được lặp lại mỗi ngày trong một tuần (Xu 29:36-37), không chỉ để thanh tẩy các thầy tế lễ mà còn để thánh hóa bàn thờ nơi các thầy tế lễ sẽ thi hành chức vụ. Chúa Giê-xu Christ là của lễ chuộc tội của chúng ta và chỉ nhờ Ngài chúng ta mới tìm thấy sự tha thứ (Es 53:4-6,12 Mat 26:28 IICo 5:21 IPhi 2:24 Kh 1:5-6).

Các thầy tế lễ được dâng lên cho Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn (Xu 29:15-18 Le 8:18-21). Trong việc giết của lễ thiêu, cả con vật sẽ được dâng lên cho Chúa, đây là một hình ảnh về sự dâng hiến trọn vẹn (Le 1:1-17). Chúa chúng ta đã dâng mình một cách trọn vẹn, không chỉ qua chức vụ của Ngài trước thập tự giá mà còn qua sự hy sinh tự nguyện của chính Ngài trên thập tự giá. Thầy tế lễ cả và các cộng sự của ông phải dâng mình hoàn toàn cho chức việc và nó phải là mối quan tâm trên hết trong lòng họ. Cơ Đốc nhân ngày nay cần suy gẫm về (Ro 12:1-2 ITi 4:15).

Người ta thường kể câu chuyện về một ủy ban Anh quốc đang xem xét việc mời nhà truyền giáo D.L.Moody đến thành phố của họ cho một chiến dịch truyền giảng. Khi một vị mục sư nói về chức vụ của Moody một cách nhiệt tình thì một thành viên của ủy ban đã hỏi một cách thiếu nghiêm túc rằng: "Tại sao chúng ta phải mời Moody ? Ông ta độc quyền về Thánh Linh à ?"

Vị mục sư trả lời: "Không, nhưng Thánh Linh có độc quyền trên ông."

Các thầy tế lễ được đánh dấu bằng huyết (Xu 29:19-22 Le 8:22-24). Ở thời điểm này trong lễ phong chức, chúng ta mong đợi rằng Môi-se sẽ dâng của lễ chuộc tội (Le 5:1-19), nhưng ngược lại, ông lại dâng lên một chiên đực làm của lễ thù ân, "chiên đực về lễ phong chức" (Xu 29:22 NIV). Từ Hê-bơ-rơ có nghĩa là "làm đầy" vì trên tay của các thầy tế lễ có nhiều bánh và thịt.

Môi-se không chỉ rảy huyết trên bàn thờ, trên A-rôn và các con trai ông, cùng với việc xức dầu, mà mỗi người sẽ được đánh dấu bằng một chút huyết trên trái tai bên phải, ngón tay cái bên phải và ngón chân cái bên phải. Đây là một sự nhắc nhở bằng dấu hiệu rằng họ phải lắng nghe Lời Đức Chúa Trời, làm công việc Đức Chúa Trời, và bước đi trong đường lối Đức Chúa Trời. Huyết nói về của lễ, vì vậy các thầy tế lễ trở nên những "của lễ sống" trong sự hầu việc Chúa (Ro 12:1).

Các thầy tế lễ được chu cấp (Xu 29:22-28,31-34 Le 8:25-29). Một sự việc đáng chú ý khác là việc đổ đầy tay các thầy tế lễ từ "giỏ bánh" (Xu 29:2-3) và từ bàn thờ (c.22-28). Các thầy tế lễ đưa qua đưa lại các tặng phẩm này trước bàn thờ của Đức Chúa Trời (c.24, "của lễ đung đưa") và sau đó cùng dự với nhau trong một bữa ăn thông công (c.31-34). Phần chia của một số của lễ, cũng như những phần mười đặc biệt của mùa gặt đều là phần đền bù cho các thầy tế lễ vì đã hầu việc tại bàn thờ (Le

8:28-36), nhưng họ phải xem những của lễ đó như những của lễ thánh và ăn chúng trong khu vực của Đền Tạm.

Nếu các thầy tế lễ trung tín trong việc dạy Lời Chúa và khích lệ Y-sơ-ra-ên vâng lời Chúa, họ sẽ không bao giờ thiếu phương tiện để sinh sống vì dân sự được thôi thúc bởi Lời Đức Chúa Trời và sẽ đem đến đền tạm những sinh tế và của lễ được yêu cầu, bởi đó sẽ chu cấp cho các tôi tớ của Đức Chúa Trời. Đáng tiếc rằng một số thầy tế lễ trong những năm sau đó đã ích kỷ, đầy lòng ham muốn và đã lấy đi những gì tốt nhất cho bản thân họ (ISa 2:12-17 Ma 1:6-14).

Xu 29:1-37; xem giải nghĩa Xu 28:6-30

5. Các thầy tế lễ phải thi hành chức vụ mỗi ngày (Xu 29:38-46)

Trong suốt tuần lễ phong chức, các thầy tế lễ phải ở trong khu vực Đền Tạm (Le 9:33-36) và khi tuần lễ này chấm dứt, họ bước ngay vào chức vụ của mình. Không có thời gian cho một ngày nghỉ hay một kỳ nghỉ ! Trong công việc của mình, họ phải làm theo thời khóa biểu hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng và hằng năm tất cả những gì đã được khái quát trong Luật Pháp Đức Chúa Trời ban cho Môi-se trên núi Si-nai.

Mỗi ngày sẽ bắt đầu bằng việc các thầy tế lễ giết một chiên con làm của lễ thiêu, biểu thị cho sự dâng mình hoàn toàn của dân sự trước Đức Chúa Trời, và một ngày kết thúc với của lễ là chiên con thứ hai làm của lễ thiêu. Đây là một gương mẫu cho chúng ta noi theo, chúng ta phải bắt đầu và kết thúc một ngày với sự đầu phục Chúa. Cùng với mỗi chiên con, họ cũng dâng một của lễ chay trộn với dầu (Le 2:1-16 6:14-23) và một của lễ quán khoảng một phần tư hin rượu được đổ trên bàn thờ (Dan 15:1-13). Với đa số của lễ chay, các thầy tế lễ chỉ đặt một phần bột để làm chứng cớ trên bàn thờ và dùng phần còn lại trong những bữa ăn của họ, nhưng với những của lễ vào mỗi buổi sáng và chiều tối thì điều này không được áp dụng. Mọi thứ đã được dâng lên cho Chúa.

Bột và rượu tượng trưng cho những kết quả công lao nhọc của dân sự trong đồng ruộng và vườn nho. Theo ý nghĩa tượng trưng, họ đang trình dâng kết quả về công khó nhọc của họ lên cho Đức Chúa Trời và tạ ơn Ngài đã ban cho họ sức lực để làm việc và lương thực để ăn (Phu 8:6-18). Rượu đổ ra là hình ảnh về đời sống của dân sự dâng trọn lên cho Chúa để hầu việc Ngài (Phi 2:17 NIV, IITi 4:6 NIV). Tất cả những điều này sẽ làm đẹp lòng Chúa và Ngài sẽ thấy vui khi ngự trong Đền Tạm và chúc phước cho dân sự Ngài.

Xu 30:1-10,17-21; xem giải nghĩa 26:1-37

Xu 30:11-16; xem giải nghĩa 24:9-18

Xu 30:22-33; xem giải nghĩa 28:1-43

Xu 31:1-11; xem giải nghĩa 24:9-25:40

13. MỘT TẤM LÒNG TAN VỠ VÀ MỘT GƯƠNG MẶT RẠNG NGỜI (Xu 32:1-34:35 40:1-38)

Vào tháng 2/1879 ở Hội Thánh Holy Trinity tại Philadelphia, Mục sư nổi tiếng người Anh Phillips Brooks đã trình bày một loạt những bài giảng mà sau đó được xuất bản thành cuốn "*The Influence of Jesus*" (Anh hưởng của Chúa Giê-xu). Trong bài giảng thứ ba, ông đã đưa ra lời nhận định này về sự hầu việc Đức Chúa Trời:

“Để làm một mục sư đích thực trước loài người thì phải luôn luôn chấp nhận hạnh phúc mới và sự đau khổ mới, nếu cả hai điều này càng trở nên gắn bó chặt chẽ và không thể tách rời nhau thì chức vụ hầu việc sẽ trở nên sâu sắc và thuộc linh hơn. Người phó mình vì người khác không thể là một người hoàn toàn buồn bã, nhưng người ấy cũng không thể là một người vui mừng mà không có phiền muộn”[105]

Qua những chương trước, chúng ta thấy nguyên tắc này đã được minh họa một cách sinh động trong đời sống của Môi-se. Sự vui mừng của ông nơi Đức Chúa Trời trên đỉnh núi đã bị ngăn trở bởi sự thất vọng sâu sắc về dân sự của ông. Đó là một trong những kinh nghiệm đau buồn nhất trong toàn bộ sự nghiệp của ông, nhưng nó đã chỉ ra điều tốt đẹp nhất trong ông, là điều luôn xảy ra khi chúng ta yêu mến Đức Chúa Trời và sống bởi đức tin.

1.Tội lỗi: dân sự Đức Chúa Trời vi phạm luật pháp (Xu 32:1-35) (Xu 32:1-33:11)

Ít nhất ba lần trong những tháng ở tại núi Si-nai, dân Do Thái đã hứa vâng theo bất cứ điều gì Đức Chúa Trời bảo họ làm (19:8 24:3,7 20:19). Chúa biết rằng trong lòng không hề giữ những lời mà họ đã hứa nguyện (Phu 5:28-29), và bi kịch về bò vàng đã chứng minh rằng Ngài đã đúng.

Tội trọng (Xu 32:1-6). Môi-se gọi việc họ đã làm là một “tội trọng” (c.21,30-31), và sự đánh giá của ông là chính xác. Đó là một tội trọng vì dân đã phạm chính là dân Y-sơ-ra-ên, tuyển dân của Đức Chúa Trời, của báu được biệt riêng của Ngài. Tội ấy nghiêm trọng vì cớ thời gian và nơi chốn họ phạm tội là tại núi Si-nai, sau khi họ đã nghe Luật Pháp của Đức Chúa Trời được tuyên bố và nhìn thấy vinh hiển Đức Chúa Trời được bày tỏ. Họ đã hứa vâng theo Luật Pháp Đức Chúa Trời, nhưng khi làm bò con vàng và chìm đắm trong những nghi lễ dâm dục, họ đã phạm đến điều răn thứ nhất, thứ hai, và thứ bảy. Đó là một tội trọng vì cớ những gì họ đã kinh nghiệm về quyền năng và sự thương xót của Đức Chúa Trời: những sự đoán xét chống lại Ai Cập, sự giải cứu tại Biển Đỏ, sự chu cấp thức ăn và nước uống, cùng sự dẫn dắt nhân từ của Đức Chúa Trời bằng trụ mây và lửa. Điều họ đã làm là sự chống nghịch lại sự nhân từ của Chúa. Không có gì ngạc nhiên khi tội lỗi của họ đã khiêu khích Đức Chúa Trời nổi giận (Phu 9:7).

Tại sao Y-sơ-ra-ên phạm vào một tội gian ác đến thế vào một thời điểm vinh quang như thế trong lịch sử của họ ? Trước hết, họ thiếu kiên nhẫn với Môi-se là người đã ở trên núi với Đức Chúa Trời trong 40 ngày đêm (c.11-12), và sự thiếu kiên nhẫn thường là nguyên nhân gây ra những hành động nông nổi tội lỗi. Y-sơ-ra-ên đã không biết cách sống bởi đức tin và tin cậy Đức Chúa Trời khi người lãnh đạo của họ ở đâu đi chăng nữa. Dù Môi-se ở cùng họ hay xa họ, họ đều chỉ trích ông và bỏ qua những gì ông đã dạy cho họ.

Nhưng A-rôn và các trưởng tộc rất đáng trách vì họ đã không tìm cầu Đức Chúa Trời ngay lập tức để nhận được sự giúp đỡ và cảnh cáo dân sự về những điều sẽ xảy ra. A-rôn và Hu-rơ có thẩm quyền từ Môi-se để hướng dẫn dân sự khi ông vắng mặt (Xu 24:14), và dù họ là những người đã nhìn thấy hành động đầy quyền năng của Đức Chúa Trời, họ vẫn quên đi Đức Chúa Trời và Môi-se. Thay vì ngăn cản dân sự, A-rôn lại đồng tình với họ và làm thỏa mãn những ham muốn trong tấm lòng tội lỗi của họ. Sau đó, ông đưa ra một lời bào chữa yếu ớt và tìm cách đổ lỗi cho dân sự (c.22-24),

nhưng Đức Chúa Trời biết rõ mọi sự. Đức Chúa Trời nổi giận đến độ Ngài đã giết A-rôn nếu Môi-se không cầu thay cho ông (Phu 9:20).

Lòng ham muốn hình tượng của Y-sơ-ra-ên xuất phát ở Ai Cập và vẫn tiếp tục âm ỉ trong lòng họ (Gios 24:14 Exo 20:4-9 23:3,8). A-rôn đã nuôi dưỡng sự tham muốn đó bằng cách cho dân sự những gì họ muốn. Ngày nay người ta nói nhiều đến việc "đáp ứng những nhu cầu được cảm nhận của con người", nhưng đây lại là một dân tộc còn không biết được nhu cầu của chính mình thật sự là gì. Họ nghĩ họ cần một hình tượng, nhưng điều họ thật sự cần là đức tin nơi Đức Chúa Trời vĩ đại của họ, Đấng đã bày tỏ Ngài thật quyền năng đối với họ [106] Y-sơ-ra-ên đã đổi vinh hiển của Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống với hình ảnh của một con vật (Thi 106:19-23), nghĩa là họ đã hành động như những dân tộc ngoại đạo quanh họ (Ro 1:22-27) [107] Nhiều người có thể thức dậy sớm để phạm tội chớ không phải để cầu nguyện.

Cuộc thử nghiệm lớn (Xu 32:7-14). Trong chức vụ lãnh đạo, những sự từng trải đầy khó khăn với dân sự hoặc là sẽ gây dựng chúng ta hoặc sẽ làm nản chí chúng ta, và Môi-se sắp được thử nghiệm. Đức Chúa Trời gọi Y-sơ-ra-ên là "dân của ngươi mà ngươi đã đem ra khỏi xứ Ai Cập" như thể Chúa đã bỏ dân tộc này cho Môi-se, nhưng Môi-se sớm nhắc Ngài rằng họ là dân Ngài và Ngài đã giải cứu họ. Hơn nữa, Đức Chúa Trời đã lập một giao ước với tổ phụ họ để chúc phước cho họ, khiến họ thêm nhiều và ban cho họ xứ của họ (Sa 12:1-3). Môi-se muốn giữ Đức Chúa Trời trong Lời Ngài, và đó là điều Đức Chúa Trời muốn ông thực hiện.

Sau đó Chúa chọn một phương cách khác: Ngài đề nghị tiêu diệt Y-sơ-ra-ên và tạo nên một dân mới từ con cháu Môi-se [108] Một người kém cỏi hơn có thể đã chấp nhận lời mời này, nhưng Môi-se thì không, ông yêu dân của ông, họ vốn tội lỗi, và hơn bất cứ điều gì khác ông muốn làm vinh hiển Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên và nhìn xem Ngài thực hiện những lời hứa của Ngài. Môi-se không lo lắng về tương lai của riêng ông; ông quan tâm đến thanh danh của Đức Chúa Trời. Dân Ai Cập sẽ nói gì về Đức Chúa Trời nếu họ nghe rằng cả dân Y-sơ-ra-ên đã bị tiêu diệt tại núi Si-nai ?

Đức Chúa Trời có quyền nổi giận vì cớ tội thờ hình tượng và dâm dục thật trơ trẽn của Y-sơ-ra-ên (Xu 32:10-12), nhưng Môi-se đã thuyết phục Đức Chúa Trời không tiêu diệt Y-sơ-ra-ên. Khi viết câu chuyện này, Môi-se đã sử dụng những thuật ngữ loài người để mô tả những hành động của Đức Chúa Trời, và đây là lý do mà ông đã ghi lại trong c.14 rằng Đức Chúa Trời "ăn năn". Từ Hê-bơ-rơ này nghĩa là "đau buồn, lấy làm tiếc" (Sa 6:6 ISa 15:29) và nó mô tả sự thay đổi phương cách của Đức Chúa Trời trong việc xử lý dân sự Ngài (Gie 18:1-12 19:26). Bản tính Đức Chúa Trời không hề thay đổi, nhưng Đức Chúa Trời đáp lại những lời cầu nguyện và xưng tội của dân Ngài.

Kỷ luật nghiêm khắc (Xu 32:15-33:11). Đức Chúa Trời trong ân điển Ngài tha thứ tội lỗi của chúng ta, nhưng Đức Chúa Trời trong chính thể Ngài cho phép tội lỗi gây nên những hậu quả kinh khiếp trong đời sống của con người. Chúng ta phải gặt lấy những gì mình đã gieo ra (Ga 6:7-8). Ví dụ như, Đức Chúa Trời đã cất bỏ tội lỗi của Đa-vít nhưng cũng cảnh cáo với ông rằng lưỡi gươm sẽ không rời khỏi gia đình ông, và sự việc đã diễn ra như thế (IISa 12:1-14). Quả là một bi kịch khi phải gặt lấy những hậu quả của tội lỗi đã được tha thứ !

Môi-se kỷ luật dân sự (Xu 32:15-29). Khi Môi-se xuống núi, ông yêu cầu Giô-suê đi cùng ông (24:12-13). Một ngày nào đó Giô-suê sẽ thay thế Môi-se, vì vậy Giô-suê cần phải học cách giải quyết những vấn đề khó khăn này. Môi-se đã nổi giận (32:19,22), nhưng đó là cơn giận nổi lên bởi tình yêu, và điều này là một sự đau đớn. Việc đập bể những bảng đá là một hành động mang tính tượng trưng: Y-sơ-ra-ên đã phá vỡ giao ước và ắt hẳn sẽ phải đối diện với sự kỷ luật. Nhưng trước khi xử lý dân sự, Môi-se đã đối chất cùng A-rôn, vì đặc quyền của chức vụ lãnh đạo luôn đi cùng với bổn phận và trách nhiệm. Nhà truyền giáo Billy Sunday nói rằng một lời bào chữa là vỏ bọc của một lý do được nhồi nhét bằng sự giả dối, và những lời bào chữa yếu ớt của A-rôn đã không thuyết phục được Môi-se.

Sau đó Môi-se quay sang dân sự và hỏi: “Ai đứng về phía Đức Giê-hô-va ?” (Gios 24:15 IVua 18:21). Đây là một cơ hội để cả Y-sơ-ra-ên ăn năn và tái xác nhận sự phó thác của họ trước Chúa, nhưng chỉ có người Lê-vi đáp ứng với sự kêu gọi này. Bỏ qua những mối ràng buộc về gia đình và tình bạn (Mat 10:34-39 Lu 14:26-27), họ đã mạnh dạn giết tất cả những người có liên quan trong cuộc truy hoan, là khoảng 3.000 người. Nhiều thế kỷ sau đó, Phao-lô đã sử dụng sự kiện này cùng với những sự kiện khác để cảnh cáo các tín hữu Cơ Đốc về sự chống nghịch với Đức Chúa Trời (ICo 10:1-12).

Môi-se sau đó đã hủy diệt bò vàng đáng hổ thẹn bằng cách đốt nó đi (nó có thể được làm bằng gỗ dát vàng), nghiền vàng thành bột, rải bột xuống một dòng nước gần đó và để dân sự uống nó (Phu 9:21)[109] Bằng cách này ông đã hoàn toàn tiêu diệt hình tượng này và cũng buộc dân sự phải nhận biết những tội lỗi đáng kinh khiếp của họ.

Môi-se đã trở lại với Đức Chúa Trời trên núi Si-nai nơi ông kiêng ăn và cầu nguyện thay cho dân sự trong hơn 40 ngày đêm (Xu 32:30-34 34:28 Phu 9:18-20). Ông cho Đức Chúa Trời biết rằng ông sẵn lòng chịu giết nếu điều đó có nghĩa là dân Do Thái được sống, nhưng Đức Chúa Trời đã từ chối lời đề nghị của ông [110] Chúa bảo đảm với Môi-se rằng thiên sứ Ngài sẽ đi trước họ và Môi-se phải lãnh đạo dân sự như trước. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời sẽ phạt họ theo cách của Ngài và trong thời điểm của Ngài. Nếu dân Do Thái biết được tất cả những gì Môi-se đã phải chịu đựng vì cớ họ, họ có thể đã cảm kích ông hơn nữa, nhưng đó là cái giá phải trả của chức lãnh đạo thuộc linh trung tín.

Đức Chúa Trời kỷ luật dân sự (Xu 32:35-33:11). Kỷ luật đầu tiên của Đức Chúa Trời là giáng một tai vạ giữa vòng dân sự, nhưng chúng ta không được biết có bao nhiêu người đã bị giết. Người Lê-vi đã giết 3.000 người dự phần trong sự thờ lạy hình tượng và những việc làm đồi bại, nhưng Đức Chúa Trời biết được tất cả những người phạm tội là ai. Đôi khi Đức Chúa Trời tuyên án ngay lập tức nhưng sau đó hoãn lại việc thi hành án phạt. Tuy nhiên, trong Cựu Ước hay Tân Ước thì “cũng có tội dẫn đến sự chết” (IGi 5:16-17 NKJV).

Sự xét đoán thứ hai của Đức Chúa Trời là từ chối đi trước Y-sơ-ra-ên khi họ đi đến vùng Đất Hứa (Xu 33:1-6). Đức Chúa Trời sẽ giữ những lời hứa Ngài đã lập với các trưởng tộc, nhưng thay vì đi trước Y-sơ-ra-ên trong thân vị Con Ngài, thiên sứ của Đức Giê-hô-va (23:20-23), Ngài sẽ chỉ định một thiên sứ đi cùng dân Do Thái. Lý do ? “Ngươi là dân cứng cổ” (32:9 33:3,5). Nếu họ là một dân khổ sở và phiền muộn, Chúa sẽ đến cùng họ trong ân điển và sự thương xót (3:7-10), nhưng một dân cứng

cổ chỉ có thể bị kỷ luật. Thà Đức Chúa Trời rời bỏ họ còn hơn là Ngài đến bất ngờ trên họ và tiêu diệt họ !

Khi Môi-se rao cho Y-sơ-ra-ên sứ điệp này, họ đáp ứng bằng cách lột những trang sức của mình và than khóc. Đây có phải là sự ăn năn thật hay không, chỉ có Chúa biết. Rõ ràng, họ đã góp đồ trang sức vàng của mình cho việc làm ra một hình tượng, và đây từng là việc làm đồi bại của họ. Có lẽ họ đang bắt đầu học bài học của mình– theo phương cách khó khăn.

Sự xét đoán thứ ba là dời "hội mạc" của Môi-se đến một địa điểm bên ngoài trại quân, nơi ông sẽ trực tiếp gặp Đức Chúa Trời. Đây không phải là đền tạm của Chúa vì đền tạm chưa được dựng lên và dâng hiến cho Chúa. Đây là một trại đặc biệt Môi-se đã sử dụng khi ông muốn cầu hỏi ý kiến Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đầy lòng nhân từ đã gặp Môi-se và nói chuyện với ông mặt đối mặt, theo cách những người bạn nói chuyện với nhau (Dan 12:1-8 Phu 34:10). Trụ mây dẫn dắt dân tộc trong cuộc hành trình của họ sẽ lơ lửng ở cửa trại, và dân sự sẽ biết rằng Môi-se và Chúa đang bàn bạc cùng nhau.

Tội lỗi luôn phải trả giá đắt, và tội lỗi của Y-sơ-ra-ên không chỉ dẫn đến cái chết của hằng ngàn người, mà nó còn cướp đi của dân tộc sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong trại quân và trong hành trình hành hương của họ đến vùng Đất Hứa. Như Charles Spurgeon đã nói, "Đức Chúa Trời không bao giờ cho phép dân Ngài đạt được ý nguyện trong sự phạm tội".

2. Ân điển: tôi tớ của Đức Chúa Trời cầu thay (Xu 32:1-35) (33:12-34:28)

Trải qua suốt 40 ngày đêm với Đức Chúa Trời lần thứ hai trên núi Si-nai, Môi-se đã cầu thay cho dân sự và nài xin Chúa phục hồi những phước hạnh của Ngài đã hứa ban cho họ.

Sự hiện diện của Đức Chúa Trời với dân tộc (33:12-17). Môi-se nhắc cho Chúa về lời hứa của Ngài là cùng đi với dân sự trong cuộc hành trình của họ. Thật ra, khi dân tộc hát những bài ca ngợi Đức Chúa Trời tại Biển Đỏ, họ đã vui mừng trong lời hứa về sự hiện diện đắc thắng của Đức Chúa Trời (15:13-18). Giờ đây liệu Đức Chúa Trời sẽ trở lại trong Lời Ngài chăng ?

Môi-se đặt lời khẩn cầu của mình trên cơ sở ân điển (đặc ân) của Đức Chúa Trời, vì ông biết rằng Chúa thương xót và nhân từ, còn dân sự thì tội lỗi. Nếu Đức Chúa Trời giáng cho họ điều họ đáng lãnh, chắc chắn họ sẽ bị tiêu diệt ! Dân Do Thái là dân của Đức Chúa Trời và Môi-se là tôi tớ của Đức Chúa Trời. Họ không muốn thiên sứ đi cùng với họ, vì điều này không có gì đặc biệt. Y-sơ-ra-ên có sự khác biệt so với các dân tộc khác là vì Đức Chúa Trời của họ ở cùng họ, và đó là điều Môi-se đã thỉnh cầu. Lòng ông chắc đã rộn lên vì vui mừng khi nghe Đức Chúa Trời hứa đi cùng dân sự và dẫn họ đến nơi yên nghỉ mà Ngài đã hứa.

Con cái Đức Chúa Trời có quyền "thương lượng" với Đức Chúa Trời như Môi-se đã làm không ? Tất cả đều tùy thuộc vào mối liên hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời. Môi-se biết đường lối Đức ChúaTrời (Thi 103:7), và là người bạn thân thiết của Đức Chúa Trời, do đó ông có thể trình bày duyên cớ mình bằng đức tin và sự khéo léo. Mục sư yêu mến Chúa người Ê-cốt Samuel Rutherford, là người đã nếm trải được sự

chịu khổ vì Đấng Christ, đã viết rằng:“chính đức tin sẽ kêu cầu và thách thức sự yêu thương từ Đức Chúa Trời”. Đó là điều Môi-se đang làm cho dân sự.

Vinh hiển của Đức Chúa Trời được bày tỏ (Xu 33:18-23). Tôi tớ thật của Đức Chúa Trời quan tâm đến vinh hiển của Đức Chúa Trời hơn bất cứ điều gì khác. Môi-se và dân Do Thái đã nhìn thấy vinh hiển của Đức Chúa Trời qua trụ mây và lửa, cũng như trong “cơn bão” trên núi Si-nai, nhưng Môi-se muốn nhìn thấy sự vinh hiển của Đức Chúa Trời được bày tỏ trực tiếp với ông. Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se một cái nhìn thoáng qua về vinh hiển của Đức Chúa Trời và ông đã được thoả mãn, khi những tôi tớ của Đức Chúa Trời nản lòng và thất vọng vì cớ tội lỗi của dân sự, phương thuốc tốt nhất cho một tấm lòng tan vỡ là một khải tượng mới về vinh hiển của Đức Chúa Trời.

Sự tha thứ của Đức Chúa Trời được ban phát (Xu 34:1-28). Môi-se đã có được lời hứa của Đức Chúa Trời sẽ đồng đi với dân sự trong cuộc hành trình của họ, nhưng Ngài sẽ tha thứ cho dân sự về tội lỗi của họ chăng ? Ngài sẽ cùng đi với họ như một người cảnh sát trông chừng một phạm nhân hay như một người cha chăm sóc con cái yêu dấu của Ngài ? Câu trả lời đã có được khi Chúa ra lệnh cho Môi-se chuẩn bị 2 bảng đá mới, vì điều này có nghĩa là Ngài sẽ thay thế những bảng đá mà Môi-se đã đập bể ! Đức Chúa Trời sẽ làm mới lại giao ước Ngài ! Sáng sớm hôm sau, Môi-se đã vâng giữ cuộc hẹn với những bảng đá cầm trên tay ông.

Nhưng trước khi làm bất cứ điều gì với những bảng đá, Đức Chúa Trời đều công bố sự vĩ đại của những thuộc tính Ngài (c.5-7), đây là một sự tuyên bố mang tính cơ bản đối với toàn bộ thuyết thần học của Do Thái và Cơ Đốc, Môi-se đã lặp lại những lời này trước mặt Đức Chúa Trời ở Ca-đe Ba-nê-a (Dan 14:17-19), dân Do Thái sử dụng chúng trong thời Nê-hê-mi (Ne 9:17-18), và Giô-na đã trích dẫn khi ông ngồi bĩu môi bên ngoài thành Ni-ni-ve (Gion 4:1-2). Chúng ta không đọc thấy rằng Môi-se đã cúi mặt khi ông nhìn thấy sự thoáng hiện vẻ vinh hiển của Đức Chúa Trời, nhưng ông thật đã cúi lạy và thờ phượng khi ông nghe Đức Chúa Trời phán những lời long trọng này.

Đức tin đến bởi việc nghe và tiếp nhận Lời Đức Chúa Trời (Ro 10:17), vì vậy Môi-se bởi đức tin đã cầu xin Đức Chúa Trời tha thứ cho dân sự. Những đại từ trong lời cầu nguyện này rất có ý nghĩa: “Xin hãy tha sự gian ác cùng tội lỗi *chúng tôi*” (Xu 34:9). Dù không phạm tội bất tuân Đức Chúa Trời, Môi-se đã đồng nhất chính ông với tội lỗi của dân sự, như E-xơ-ra và Đa-ni-ên đã làm trong lời cầu nguyện xưng tội của họ (Exo 9:1-28 Da 9:1-27). Chúa chỉ tuyên bố rằng Ngài đã tha thứ “điều gian ác, sự vi phạm và tội lỗi” (Xu 34:7), và Môi-se đã nắm giữ lẽ thật ấy.

Việc Đức Chúa Trời hồi phục lại giao ước là bằng chứng Ngài đã tha thứ cho dân sự Ngài và ban cho họ một sự khởi đầu mới. Nhưng Đức Chúa Trời cũng lặp lại những yếu tố cần thiết của giao ước, đặc biệt là những luật về sự thờ hình tượng (c.12-17). Khi Y-sơ-ra-ên đi vào Đất Hứa, họ sẽ rất dễ thoả hiệp với kẻ thù, trước hết qua việc thực hiện những hiệp ước với họ, sau đó tham dự những kỳ lễ của họ, và cuối cùng là kết hôn khác chủng tộc và tiếp nhận tình trạng ngoại đạo của họ. Vấn đề quan trọng là ngay từ đầu Y-sơ-ra-ên phải từ chối và tiêu diệt mọi thứ có liên quan đến hình tượng và để nhận ra rằng sự ngoại tình có tác động thế nào đối với cuộc hôn nhân thì sự thờ hình tượng sẽ có tác động thể ấy trong giao ước với Chúa.

Chúng ta là những người sống nhiều ngàn năm sau những sự kiện này nên không thể ý thức được sự thờ hình tượng của dân Ca-na-an gớm ghiếc ra sao khi Y-sơ-ra-ên vào chinh phạt xứ. Nó đồi bại không thể tả, và giống như những khối ung thư trong cơ thể con người, những đền thờ và bàn thờ ngoại đạo phải bị cất bỏ và hủy phá trước khi xứ lành mạnh trở lại. Đức Chúa Trời đã kêu gọi Y-sơ-ra-ên làm nguồn phước cho thế giới, đạt đến đỉnh điểm qua sự giáng sinh của Chúa Cứu Thế.

Bởi ân điển của Đức Chúa Trời, Môi-se đã đạt được những mục đích của ông. Đức Chúa Trời hứa đi cùng dân sự, Đức Chúa Trời cho Môi-se thấy sự thoáng hiện về vinh hiển Ngài, và Đức Chúa Trời đã tha thứ cho tội lỗi của dân tộc. Môi-se có thể trở về trại quân với những bảng luật thứ hai và cho dân sự biết rằng Đức Chúa Trời đã tha thứ tội lỗi cho họ.

3. Vinh hiển: sự hiện diện của Đức Chúa Trời ngự cùng dân sự (Xu 32:1-35) (34:29-35 39:32-40:38).

Sách Xuất Ê Díp Tô kýmở đầu với việc Môi-se nhìn thấy vinh hiển của Đức Chúa Trời trong bụi gai cháy (3:1-5), và kết thúc với vinh hiển của Đức Chúa Trời giáng xuống trại quân và đầy dẫy Đền Tạm. Sự hiện diện của vinh hiển Đức Chúa Trời trong trại quân Y-sơ-ra-ên không phải là một sự xa xỉ: đó là một điều cần thiết. Nó xác nhận Y-sơ-ra-ên như một dân của Đức Chúa Trời và biệt riêng họ với những dân tộc khác, vì đền tạm được hiến dâng bởi sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (29:43-44). Những dân tộc khác có những công trình kiến trúc thiêng liêng, nhưng chúng trống rỗng. Đền tạm của Y-sơ-ra-ên được chúc phước bằng sự hiện diện của vinh hiển Đức Chúa Trời.

Vinh hiển của Đức Chúa Trời được phản chiếu (Xu 34:29-35 IICo 3:1-18). Môi-se kiêng ăn và cầu nguyện trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong 40 ngày đêm, và ông đã được thấy một hình ảnh thoáng qua về vinh hiển của Đức Chúa Trời. Có gì ngạc nhiên chăng khi ông có một gương mặt sáng rực ? Ông không nhận ra rằng ông đã "hấp thu" ít nhiều sự vinh hiển và phản chiếu nó nơi vẻ mặt của ông[111] Bởi sự vinh hiển này, dân sự sợ đến gần ông, nhưng ông gọi họ đến và họ đã nói chuyện với ông như trước đây. Tuy nhiên, sau khi nói chuyện với dân sự xong, Môi-se mang vào một lúp che mặt để che đậy sự vinh hiển.

Vì sao Môi-se mang lúp che mặt ? Không phải vì ông sợ dân sự, nhưng vì sự vinh hiển đang phai dần đi (IICo 3:13). Dân Do Thái nhìn thấy vinh hiển này như điều gì đó kỳ diệu và thú vị, nhưng họ sẽ nói gì nếu họ biết nó đang tan biến dần ? Ai sẽ muốn đi theo một người lãnh đạo đang mất đi vinh quang của mình ? Vì vậy Môi-se sẽ đi vào trong hội mạc để nói chuyện với Đức Chúa Trời, và vinh hiển sẽ trở lại, nhưng sau đó ông sẽ mang lúp để dân sự không thấy vinh hiển biến mất.

Trong (IICo 3:1-18), Phao-lô đã thực hiện nhiều ứng dụng về sự kiện đáng chú ý này. Trước hết, ông chỉ ra rằng vinh hiển của hệ thống Luật pháp Môi-se đang biến đi, nhưng vinh hiển về Phúc Âm của Ân điển Đức Chúa Trời đang trở nên rực rỡ hơn (c.7-11). Đây là câu trả lời của ông cho những người theo chủ nghĩa luật pháp đã dạy rằng sự vâng phục Luật pháp cùng với đức tin nơi Đấng Christ là phương cách cứu rỗi của Đức Chúa Trời (Cong 15:1). Tại sao chúng ta cần phải tin nơi điều gì đó khi vinh hiển của nó đang tan biến ?

Phao-lô cũng ứng dụng sự kiện này cho dân Do Thái hư mất vào thời của ông, họ có tấm lòng bị che đậy bởi mạng che vô tín đến nỗi họ không thể nhìn thấy vinh hiển

của Đấng Christ (IICo 3:14-16). Cách duy nhất để cất bỏ chiếc mạng che đó là tin nơi Lời Chúa và tin nhận Chúa Giê-xu Christ.

Cuối cùng, ông áp dụng kinh nghiệm của Môi-se cho những Cơ Đốc nhân bởi đức tin nhìn thấy vinh hiển Đức Chúa Trời trong Lời Ngài và kinh nghiệm được sự biến đổi về thuộc linh (c.17-18). Đây là lý do Cơ Đốc nhân phải đọc Kinh Thánh và suy gẫm về nó, vì khi con cái Đức Chúa Trời nhìn vào Lời Ngài và thấy Con Ngài, người ấy sẽ được biến đổi bởi Thánh Linh Ngài để trở nên ảnh tượng của Đức Chúa Trời vì vinh hiển của Đức Chúa Trời [112]

Vinh hiển của Đức Chúa Trời ngự vào (Xu 39:32-40:38). Dân Y-sơ-ra-ên không có ý niệm gì về điều Môi-se đã kinh nghiệm trên núi và thể nào họ đã tiến đến gần để bị Đức Chúa Trời khước từ và bị Ngài hủy diệt. Đừng bao giờ đánh giá thấp quyền năng thuộc linh của một người nam hay người nữ tận tuỵ biết cách phải cầu thay với Đức Chúa Trời như thế nào. Một trong bốn nhu cầu lớn nhất của chúng ta hôm nay về những người cầu thay; họ là những người có thể nắm giữ những lời hứa của Đức Chúa Trời và tin cậy Đức Chúa Trời hành động trong quyền năng mạnh mẽ (Es 59:16 62:1 64:1-7).

Công việc về đền tạm và những vật dụng của nó giờ đây đã được hoàn tất, vì vậy những người thợ đem mọi thứ đến cùng Môi-se để ông kiểm tra. Sẽ thật dại dột khi cho xây dựng đền tạm và đặt những vật dụng cùng đồ đạc vào vị trí để rồi khám phá ra rằng những người thợ đã phạm phải những sai lầm nghiêm trọng. Từ "truyền lệnh" được sử dụng 18 lần trong (Xu 39:1-40:38) để nhắc nhở chúng ta rằng những người làm việc đã làm theo những điều Đức Chúa Trời phán bảo họ làm. Môi-se là một tôi tớ trung tín đã làm mọi điều Đức Chúa Trời bảo ông làm (He 3:1-6).

Công việc đã được chấp thuận và đền tạm đã được xây dựng (Xu 40:1-8,17-19,33). Chương này tóm tắt lại sự tận tuỵ của các thầy tế lễ, được mô tả trong (28:1-29:46), cũng như việc dâng hiến đền tạm và những thứ bên trong nó. Chính Môi-se bảo đảm rằng mọi thứ vật dụng và mọi đồ dùng đều được xức dầu và được đặt đúng chỗ. Đức Chúa Trời không thể và sẽ không ngự trong đền tạm nếu mọi sự không được thực hiện theo kiểu mẫu Ngài đã chỉ cho Môi-se ở trên núi (25:8-9,40 He 8:5 9:9) [113]

Có quá nhiều người chân thành đã tìm cách làm công việc Đức Chúa Trời theo ý riêng của họ và sau đó cầu xin Đức Chúa Trời chúc phước cho việc ấy. Nhưng chức vụ không hoạt động theo cách đó. Trước hết chúng ta phải tìm biết điều Đức Chúa Trời muốn chúng ta làm, và chúng ta thực hiện việc ấy để làm vinh hiển Ngài. Nếu chúng ta vâng theo ý muốn Ngài và luôn tìm cầu để được tôn vinh danh Ngài thì Ngài sẽ đến và chúc phước cho công việc của chúng ta bằng sự hiện diện đầy quyền năng của Ngài.

Sau khi mọi thứ và mọi người có liên quan đến đền tạm đã được dâng lên cho Chúa thì vinh hiển của Đức Chúa Trời đầy dẫy đền tạm và ở tại đó. Từ Hê-bơ-rơ được dịch là "ở" trong (Xu 40:35) ("định vị", NIV) được chuyển tự là "*shekinah*" trong tiếng Anh, nghĩa là "sự hiện diện đời đời của Đức Chúa Trời" (24:16 25:8). Sự hiện diện của vinh quang Đức Chúa Trời đầy quyền năng đến nỗi Môi-se không thể bước vào đền tạm !

Khi đọc lịch sử Do Thái, bạn khám phá rằng vinh hiển từng ngự trong đền tạm đã rời khỏi đó khi các thầy tế lễ và dân sự phạm tội nghịch với Chúa (ISa 4:21-22). "Y-ca-bốt" nghĩa là "sự vinh hiển đã lìa khỏi". Khi Sa-lô-môn dâng hiến đền thờ, vinh hiển của Đức Chúa Trời một lần nữa đã đến ngự cùng dân sự Ngài (IVua 8:10-11),

nhưng một lần nữa tội lỗi của họ đã xua đi vinh hiển của Đức Chúa Trời (Exe 8:3 9:3 10:4,18 11:23).

Lần kế tiếp vinh hiển của Đức Chúa Trời đã đến trên đất trong thân vị của Chúa Giê-xu Christ (Gi 1:14). Trong bản dịch Cựu Ước tiếng Hy Lạp (Bản bảy mươi), từ "ở" trong (Xu 40:35) là từ Hy Lạp được sử dụng trong (Lu 1:35) và được dịch là "che phủ". Tử cung trinh trắng của Ma-ri là một nơi chí thánh mà vinh hiển của Đức Chúa Trời đã ngự vào trong thân vị Con Đức Chúa Trời. Thế gian đã làm gì với sự vinh hiển này ? Đóng đinh sự vinh hiển ấy vào thập tự giá !

Ngày nay vinh hiển của Đức Chúa Trời ở đâu ? Thân thể của mọi tín hữu thật, là đền thờ của Đức Chúa Trời (ICo 6:19-20), Hội Thánh địa phương (ICo 3:10-23) và Hội Thánh hữu hình (Eph 2:20-22) cũng là nơi ở của Ngài. Khi Sa-lô-môn hoàn tất đền thờ, vinh hiển của Đức Chúa Trời đã ngự vào, nhưng khi Đức Chúa Trời hoàn tất việc xây cất Hội Thánh của Ngài thì Ngài sẽ cất Hội Thánh đi ! Và rồi chúng ta sẽ dự phần vinh hiển Đức Chúa Trời trên Thiên Đàng suốt cõi vĩnh hằng ! "Thành không cần mặt trời và mặt trăng chiếu sáng, vì vinh hiển của Đức Chúa Trời đã chiếu sáng nó, và Chiên Con là sự sáng của nó" (Kh 21:23 NKJV).

Ngày nay Đức Chúa Trời không sống trong những toà nhà (Cong 7:48-50 IVua 8:7). Những tòa nhà được dâng hiến cho Đức Chúa Trời để dùng làm công cụ cho công tác của Ngài và những người hầu việc Ngài. Nhưng Đức Chúa Trời thật sự ngự giữa vòng dân sự Ngài, và trách nhiệm của chúng ta là làm vinh hiển cho Đức Chúa Trời một cách cá nhân (ICo 6:20) và tập thể (14:23-25). Sẽ là một bi kịch nếu sự vinh hiển lìa khỏi chúng ta và chúng ta phải viết "Y-ca-bốt" trên những tòa nhà của mình. Sẽ tốt đẹp hơn biết bao nếu chúng ta, giống như Môi-se, làm mọi việc theo kiểu mẫu trên trời để vinh hiển của Đức Chúa Trời sẽ ở giữa vòng chúng ta một cách thân thiết.

Xu 33:1-23; xem giải nghĩa Xu 32:1-35

Xu 34:1-35; xem giải nghĩa Xu 32:1-35

Xu 35:1-35; xem giải nghĩa Xu 24:9-25:40

Xu 36:1-38; xem giải nghĩa Xu 24:9-25:40

Xu 37:1-24; xem giải nghĩa Xu 24:9-25:40

Xu 37:25-29; xem giải nghĩa Xu 26:1-37

Xu 38:1-20; xem giải nghĩa Xu 26:1-37

Xu 38:21-31; xem giải nghĩa Xu 24:9-25:40

Xu 39:1-43; xem giải nghĩa Xu 28:1-29:46

Xu 40:1-38; xem giải nghĩa Xu 32:1-34:45

LỜI BẠT

Khi nghiên cứu sách Xuất Ê Díp tô ký, chúng ta đã cùng đi với Môi-se từ vinh hiển của Đức Chúa Trời trong bụi gai cháy đến vinh hiển của Ngài trong đền tạm. Vậy những lẽ thật cơ bản chúng ta học được ở đây là gì ?

1. Mục đích của Đức Chúa Trời dành cho con dân Ngài là sự tự do. Ngài không muốn chúng ta ở trong ách nô lệ của bản ngã, tội lỗi và thế gian.

2. Mục đích của Đức Chúa Trời trong sự tự do là muốn dân sự Ngài phải bày tỏ cách cư xử và tinh thần hầu việc có trách nhiệm. Sự tự do không phải là đặc quyền để làm bất cứ điều gì chúng ta muốn mà đây là cơ hội để thực hiện bất cứ điều gì Đức Chúa Trời muốn chúng ta làm.

3. Sự tự do có trách nhiệm (sự trưởng thành) có được khi chúng ta trải qua những hoạn nạn thử thách và tin cậy Đức Chúa Trời sẽ giúp chúng ta vượt qua. Sự phàn nàn khi cuộc sống trở nên khó khăn là một dấu hiệu của sự non kém thuộc linh.

4. Đức Chúa Trời muốn ngự nơi lòng của mỗi chúng ta (Gi 14:21-24). Tội lỗi của chúng ta khiến Đức Chúa Trời đau buồn và Ngài rút lại mối thông công và sự chúc phước của Ngài khi chúng ta chống nghịch cùng Chúa. Ở trên trời chúng ta có một Đấng Trung Bảo và là Đấng Cầu Thay cho chúng ta, là Đức Chúa Giê-xu Christ, chúng ta có thể xưng tội mình với Ngài và nhận được sự tha thứ (IGi 1:5-2:2).

5. Tín đồ ngày nay là một nước của các thầy tế lễ, trách nhiệm trên hết của chúng ta là thờ phượng và làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Mọi điều chúng ta có được và mọi điều chúng ta làm đều tùy thuộc vào điều này. Với tư cách thầy tế lễ, chúng ta phải phục vụ cho nhau và cho một thế giới hư mất.

6. Mục tiêu quan trọng nhất trong đời sống của một Cơ Đốc nhân là có thể đứng trước mặt Đức Chúa Trời một ngày nào đó và nói một cách chân thành rằng: “Con đã làm vinh hiển Cha trên đất. Con đã làm xong việc Cha giao cho con làm” (Gi 17:4 NKJV).